



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẼM THÁNG 01 CANH DẦN • 28-02-2010

CAO ĐÀI GIÁO LÝ



MỪNG XUÂN CANH DẦN 2010

Mùa xuân
mùa khởi sắc

Đức Háo Sanh ■ Lòng Từ Phụ
Khái quát về cơ bút trong đạo Cao Đài

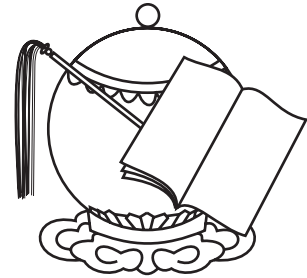
LƯỢT THUẬT

ĐẠI HỘI TÔN GIÁO THẾ GIỚI 2009

CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

Ý nghĩa mùa xuân
Chuyện cạp trong đạo Cao Đài

104



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 104

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP. HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 104

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP. HCM.

mục lục

TAM DƯƠNG KHAI THỜI	4
■ <i>Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, giao thừa Bính Thìn – Đinh Tỵ 1977.</i>	
QUAN ĐIỂM: MÙA XUÂN, MÙA KHỞI SẮC	6
■ <i>Ban biên tập.</i>	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: XUÂN TRƯỜNG TỒN	8
■ <i>Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 14 tháng Giêng Canh Thân.</i>	
ĐỨC HÁO SANH	10
■ <i>Đạt Trí.</i>	
LÒNG TỪ PHỤ	15
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO	22
■ <i>Thiện Chí.</i>	
XUÂN THÁI HÒA VẠN VẬT CHI CƠ	27
■ <i>Hoàng Mai.</i>	
THIÊN CHÚA ĐẾN LÀM NGƯỜI ĐỂ CHO CON NGƯỜI TRỞ THÀNH THIÊN CHÚA	35
■ <i>Thanh Bình.</i>	
CÂU CHUYỆN BÁNH VÊ BÁNH THẬT	42
■ <i>Thiện Chí.</i>	
Ý NGHĨA MÙA XUÂN	43
■ <i>Trần Ngọc Tâm.</i>	
KHÁI QUÁT VỀ CƠ BÚT TRONG ĐẠO CAO ĐÀI	45
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
HÃY MỞ RỘNG TRÁI TIM	55
■ <i>Xuân Mai.</i>	
LÒNG CON NẾU THẬT CHÍ THÀNH	57
■ <i>Quách Hiệp Long.</i>	

ĐỨC KHƯƠNG THÁI CÔNG DẠY VỀ ĐIỀU KIỆN CẦN VÀ ĐỦ ĐỂ QUI NHẤT CAO ĐÀI ■ Huệ Ý.	59
ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO XƯA & NAY ■ Huỳnh Thị Thu Lan.	61
MÙA XUÂN VỚI ĐỨC NGUYÊN CỦA QUÊ KIÊN ■ Trần Ngọc Tâm.	66
TU LÀ NGHỆ THUẬT SỐNG ■ Trọng Minh.	68
TIỂU SỬ VÀ ĐẠO NGHIỆP ĐẠO TRƯỞNG ĐỊNH PHÁP MINH THIÊN	74
ĐỨC HY SINH ■ Võ Đức Nhẫn.	79
LƯỢC THUẬT VÀ CẢM NGHĨ VỀ ĐẠI HỘI TÔN GIÁO THẾ GIỚI 2009 ■ Đại Bác và Đại Cơ Bác.	82
TẢN MẠN NHỮNG NGÀY XUÂN CANH DẦN ■ Thiện Chí.	85
TRANG THƠ: CHÚC XUÂN ■ Hoàng Mai.	86
TÌM HIỂU TƯ TRẤN THẮNG LONG ■ Trang Đào tổng hợp.	87
VỌNG CỔ: XUÂN NÀY THẤY SẴN DÀNH ÂN HUỆ ■ Chí Thật.	88
VỌNG CỔ: ĐƯỜNG VỀ HUYỀN PHỐ ■ Chánh Tâm.	89
NĂM “DẦN” KỂ CHUYỆN “CỌP” TRONG ĐẠO ■ Đạt Tường sưu tầm.	91
HỒ TRONG NGÔN NGỮ VIỆT NAM ■ Ban biên tập sưu tầm.	94
TƯỜNG THUẬT CHUYỂN CỨU TRỢ CỦA CÁC HỘI THÁNH ĐẠO ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ SAU HAI CƠN BÃO SỐ 9 VÀ SỐ 11 ■ Đạt Tường.	97
MỘT LÒNG – HÒA HIỆP ■ Bạch Cúc.	109
DẪN BƯỚC ■ Lam Hà Minh.	109
THEO DÒNG ĐẠO SỰ ■ Bạch Cúc.	110



■ **GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO**
GIAO THỪA BÌNH THÌN — ĐÌNH TÝ 1977

THI

Tam dương khai thới yển phi hồi,
Đại Đạo phùng xuân nhứt tửu bôi,
Thế thượng vô nan xuân bất tận,
Ngô tâm ứng hiện thị thiên thời.



TAM DƯƠNG KHAI THỜI

PHÚ

Hãy giác ngộ với nắng hè còn nóng bỏng,
Hãy tùy thời gió lộng đón thu sang,
Hãy kiên tâm khi giá buốt của đông hàn,
Hãy hòa nhịp bước không thời gian cùng Tạo Vật.
Là một nhơn sanh sống trong vòng trời đất,
Mảnh hình hài vốn vật tối linh linh;
Giữa Trời Đất cùng một khối nhơn sinh
Sao vui lấp dưới vô minh, đành đoạn ly tình, gieo mình trong kiếp nạn.

Hỡi nhân thế hãy nghe lời Ta phán,
Dân ý thị Thiên ý, một bầu xán lạn giữa quần sanh;
Hãy đoạn trái oan thì tánh mạng được an lành,
Nhân dục thị thiên chi sở dục.
Lòng bác ái, đức hạo sanh ấy thuận Thiên thành Đại Đạo.
Nhơn sanh vô giá bảo, xuân nhứt kỷ trùng lai,
Trước điện vàng rực rỡ cánh hoa mai;
Dưới bệ ngọc vui vầy câu đạo lý,
Kết quả đó là tri âm tri kỷ.
Nương tựa nhau khi phong thủy bất hòa,
Hãy thương nhau như con cái một nhà,
Như thủ túc tâm can điều hòa trong một thể,
Rồi đây cây trái chín có xa rời cội rễ.
Thì chồi non tiếp kế sẽ vươn lên,

Dầu cuộc đời có điên đảo đảo điên;
Thì thế đạo pháp quyền làm sự sống,
Xuân Đình Tỵ huy hoàng trước cổng.
Lão chúc chư hiền vui sống đức ân ban,
Nghệp duyên quanh quần rộn ràng;
Thường xuân để trọn lòng vàng thưởng xuân.■

Mùa xuân

MÙA KHỞI SẮC

Trong một năm, mùa nào cũng có ý nghĩa, có cái quý, cái đẹp do sự chuyển hóa của thiên nhiên. Nhưng riêng Xuân, Xuân đến lúc khởi đầu một năm, khiến nhân gian thường hết lời ca tụng, đón chào.

Sự ưu ái đối với Xuân có lẽ không chỉ vì thời điểm tân niên của nó, mà bầu trời bao la xanh ngắt, ánh nắng dịu dàng, hơi sương man mát, cây cỏ xinh tươi đã khoác lên Xuân chiếc áo không gian ấp ủ sức sống đang vươn lên của vạn vật và mầm khởi sắc trong tâm hồn thế nhân.

Không phải trời đất thiên lệch, chỉ nặng tình với Xuân giữa bốn mùa; mà sức phát động của Xuân vốn âm ỉ tiềm tàng suốt Hạ Thu Đông. Bởi Hạ đã phát tiết hết công lực trưởng dưỡng muôn loài, phải dừng lại cho Thu un đúc quang năng, cánh sen thôi kiêu hãnh khoe màu rực rỡ, để cho đài sen kết hạt. Đến Đông, muôn

loài phải chịu đựng giá rét, tàn cây hy sinh lá đổ, chết lóc, bảo toàn nhựa sống vào cội rễ, chờ Xuân đến. Lòng người cũng thôi hướng ngoại, quay về nội tâm định tĩnh, rũ bỏ đua đòi tranh cạnh, lắng lòng chờ tâm ý mới phát sinh.

Đó là lẽ tự nhiên trong trời đất, tức đạo lý. Thế nên, người thật có tâm Xuân cũng đã phải trải qua những giai đoạn tăng trưởng, thâm tàng rồi lại khởi sinh. Mỗi chu trình là một vòng đổi mới, hoàn hảo hơn, khởi sắc hơn. Ai không hòa nhập trong vòng đạo lý ấy mà cưỡng cầu cái thiện, cái mỹ của Xuân thì làm sao có Xuân thật sự. Không có sức sống của Xuân thì hoa chỉ là hoa giấy, cảnh cũng là cảnh giả, lời chúc tụng đầu môi nào có ý Xuân.

Người học đạo tu chứng sẽ cảm nhận được Xuân tâm nẩy nở vào cuối Đông. Từ đó, ý tưởng, lời nói, việc làm đều

khởi sắc, có sức cảm hóa lòng người, có năng lực sáng tạo, chan hòa sinh khí mọi lúc mọi nơi. Ngược lại thì vọng cầu danh sắc, dầu có tiền rừng bạc biển chỉ mua được Xuân nhân tạo, tất cả sẽ tàn rụi qua Hạ Thu Đông, bởi chưa phát động được Đạo bất biến trong nội tâm tự thể.

Bởi vậy có câu: “Tứ quý nhân gian Xuân tại thủ; Bá niên thể thượng Đạo duy tân.”

Giữa nhân gian, Xuân luôn đứng đầu trong bốn quý. Trăm năm, Đạo luôn đem lại cái mới cho đời. Người có sứ mạng đem Đạo vào đời phải theo nguyên lý ấy mới không sa vào bảo thủ, luôn luôn cầu tiến cho cơ đạo được hanh thông. Tất nhiên, phải không ngừng phản tỉnh nội cầu, thanh lọc tư tâm bản ngã, như Thánh huấn của Đức Mẹ năm nào:

“Mùa xuân là một mùa đem lại cho vạn vật những nét thanh tân, những hương vị

ngọt ngào, những khí hậu thái hòa để trường dưỡng vạn vật tiến lên từng giai đoạn.

Các con là vật tối linh trong vạn vật. Các con là những vì tinh tú của cõi trần gian. Các con phải biết thưởng xuân sắc thiên nhiên Tạo Hóa để ngăn đón mọi vọng thức rạt rào, tâm tư bối rối, chế ngự tất cả ngoại cảnh thường tình để cho thời gian không gian được chan hòa cùng thiên nhiên tạo vật.”¹

Bởi vậy, Tân pháp Đại Đạo mới trợ duyên cho hành giả nuôi dưỡng đạo tâm, tăng tiến thần lực trong bốn mùa tu Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí. Đó là thực hiện sức “duy tân” của Đạo.

Mùa Xuân, mùa khởi sắc! Động thái của hành giả sẽ khởi sắc khi nào vận dụng được khí thái hòa của mùa Xuân.■

1. Đức Vô Cực Từ Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Kỷ Dậu (19-02-1969).



■ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, TUẤT THỜI, 14 THÁNG GIÊNG CANH THÂN.

THI

Vượng khí THÁI hòa có đức Nguyên,

Câu kinh BẠCH tự ấy chơn truyền,

Ai hay KIM ngọc năng mài dũa,

Rực rỡ TINH hoa ánh diệu huyền.

Bần Đạo chào mừng chư Thiên ân hiền đệ
hiền muội.

Tiết Mạnh Xuân còn hòa dịu bao la man
mác, vạn vật còn đang chuyển mình trong khí
tam dương. Dù cát bụi hồng trần vẫn còn mịt
mịt quện lấy gió xuân, nhưng mầm sống của
vạn vật vạn linh vẫn vươn lên theo mầm sống
thiên nhiên vô tận.

Mới nhắm mắt bóng câu, hành giả đã vượt
qua hết một chu kỳ ngắn ngủi, để ngấm lại hay
lắng tai nghe sau trước, sau những bước chân của
hành giả có còn âm hưởng vọng lại trên đường
sứ mạng Thiên ân hay như muôn vạn bóng mờ
lại qua qua lại. Xuân nào cũng là một mùa xuân
đem đến sự thay đổi, sự tiến hóa, sự thành công.
Đối với hàng Thiên ân hướng đạo, xuân khác ở
chỗ bình dị thâm trầm nhưng không thiếu bốn
phận vi nhân để lèo lái con thuyền cứu độ.

Xuân Canh Thân chư hiền đệ muội có vẫn thơ
xuân, có chung trà ấm, có ly rượu nồng, có xuân
sứ mạng và cũng có xuân phụng sự thì đâu kém
những lần xuân trước. Tâm tương tửu mà Bần
Đạo đã cùng chư đệ muội đối ẩm là để nhắc nhở
nhau. Bần Đạo miễn lễ, chư hiền đồng an tọa.

Tâm tương tửu dễ nhường tiên tửu,

Biết say men chí bửu Thiên ân,

Giúp cho tánh Đạo sạch lần,

Diệt trừ tư hữu ngã nhân pháp quyền.

Hay là:

Uống đi men đạo hồi trò,

Say men đạo đức để dò lòng nhau.

Tài với đức đổi trao phụng sự,

Tâm với tài bức thứ không hai,

Có tâm mà lại có tài,

Đức tâm tài đủ, đạo Thấy hoàng dương.

Đời thì có hai đường chơn ngay,

Đạo chỉ cần chung thủy nhứt tâm.

Bần Đạo thiết tưởng, xuân hữu hạn đối với
thể nhân xuân bất tái lai nên phải có ly rượu
giao thừa, chung trà khai thái để đón giờ xuân
đến, tiễn giờ xuân đi. Còn hàng chơn tu thọ
Thiên ân sứ mạng chấp trì quyền pháp thì xuân
lại vô cùng vô tận.

Xuân Đạo vẫn còn, xuân tâm vẫn có. Kìa
rượu xuân còn đó, chư hiền đệ muội đã nâng ly
và hãy nâng ly xem như chung rượu tâm tương
tửu mà năm nào Bần Đạo đã cùng chư hiền đệ
muội đối ẩm. Duy chỉ có một điều Bần Đạo
muốn lưu ý chư hiền đệ muội: Khi uống cạn ly
rượu chung trà, cái thực chất có thấm thía được
vào can trường huyết quản của người sứ mạng
Thiên ân hay không.

Tâm chủ sử cơ cầm linh diệu,

Nhấp quỳnh tương cửu khiêu khai thông,

Ở trần là có chủ ông,

Oằn vai sứ mạng kỳ công vận hành.

Năm Canh Thân tác thành cho vững,

Vững lái chèo gió thuận buồm trương,
Tùy cơ tận độ mười phương,
Cho tròn sứ mạng trên đường Thiên ân.
(...) Vì sứ mạng Tam kỳ Phổ độ mà lắm lúc
Bản Đạo phải khẩn cầu Đức Từ Tôn Vô Cực
đến với chư hiền.

Xét về phần công quả điều hành nội bộ, Bản Đạo chấp nhận ở đạo tâm của chư đệ muội chức vụ nhân viên chẳng quản công lao cực nhọc, phương tiện thiếu kém khó khăn, vẫn kiên tâm tu hành. Dầu khảo đảo cũng vượt qua, tuy chưa đạt đến thành công nhưng cũng giữ mức độ bình thường trong các Vụ, các Ban, về phổ truyền phổ thông giáo lý cũng như các phần hành sự Cơ Quan đang xúc tiến đã ghi trong phúc trình.

Về công phu tu luyện, chư hiền đệ muội chưa khắc phục được bản thân nên phải chịu nhiều khảo đảo mới, chưa am hiểu thâm thía được lý của đạo pháp nên chưa phá chấp trừ mê, diệt trừ vọng ngã.

Về công trình, trong công cuộc phổ thông giáo lý hay trên bước Đại thừa Thiên đạo, chư hiền đệ muội chưa phát huy được tiềm lực sâu thẳm của hàng hướng đạo chơn tu thành một thực thể đạo cứu thế bằng cách này hay cách khác. Do đó, chưa thể đúc kết lại thành công trình khả dĩ thành tựu theo Thánh ý Thiên cơ.

Này chư hiền đệ muội! Không phải một năm qua rồi mà phải nói 15 năm đã qua, chư đệ muội đã chí tâm tu học hành đạo theo tiếng gọi thiêng liêng, đã từng buồn vui gian khổ mới có cơ hội ngày nay, một cơ hội để hoàn thành sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ mà chính chư Thiên ân được sự hộ trì của các Đấng trong cuộc vận hành Thiên cơ hầu hết hai phần ba trên đường sứ mạng.

Chư hiền đã đọc nhiều lịch sử ở ngàn xưa, các Đấng Giáo Tổ nếu không vì đời tao loạn, nhen sanh thống khổ mà phế bỏ ngai vàng, trấn mình trên thập tự, lưu vong trần sái để đem đạo cứu đời, nhưng cái chủ thuyết vẫn là chủ thuyết cứu cánh đại đồng.

Rồi hồi tưởng lại các hàng Tiên Khai Đại Đạo của chư đệ muội vừa qua cũng không ngoài mục

đích con người hòa hợp với Thiên cơ để hoàng khai chánh đạo, sửa sang cho thế cuộc khai phóng tâm linh. Phương chi mảnh đất còn con, dân tộc ít oi này được đặc ân trong kỳ ba đại ân xá với sứ mạng quyền pháp để tự cứu sự phân hóa của chính mình thì chư đệ muội nên lưu ý đến điều đó, lòng đừng để bị rối ren ngại ngùng trước mọi biến thiên của ngoại cảnh. Hơn nữa, là hàng Thiên ân hướng đạo thì phải giữ tâm chuyên nhất mà thông suốt mọi lý tình, ung dung hòa hài mà không sai Thánh ý Thiên cơ. Có như vậy, trong công cuộc đối nội, đối ngoại mới thành công.

Đối nội, đạo lý tình thương làm căn bản. Chấp nhận vào một tổ chức, một cơ quan là đã chấp nhận điều hay lẫn điều dở. Muốn tận dụng tài năng với nhau phải có đủ phương pháp để chế hóa cải tật cho nhau. Tình thương có trang trải thấm nhuần, quyền pháp mới nghiêm minh. Điều hòa nhiệm vụ, nguyên tắc kỷ luật tuy là hình thức nhưng phải tự kiểm tự tu. Thiếu kỷ luật nguyên tắc là đã gây mầm cho sự rẽ chia, sụp đổ.

Đối ngoại cũng thế, cũng lấy đạo lý tình thương làm căn bản. Hơn nữa, có sứ mạng Thiên ân mới thể Thiên hoàng đạo. Muốn thể Thiên hoàng đạo, phương pháp duy nhất là phải vong ngã. Có vong ngã mới có vị tha, có vị tha mới hết lòng tận độ.

Người sứ mạng Thiên ân chiến thắng được khi nào làm cho kẻ thù trở nên thân, người ghét trở nên bạn. Có như thế thì xuân mới vĩnh viễn trường tồn trong lòng người Thiên ân sứ mạng, phạm nhân trở nên thánh nhân trên con đường tự độ.

Do đó, đối với tôn giáo nào cũng có qui điều, giới luật để người hành giả tu luyện thân tâm đến độ ly gia cắt ái để xem mình là mọi người, mọi người là mình mới đạt thành kết quả trên đường hành đạo. Nay chư Thiên ân không đến đối phải chịu trong giới luật, qui điều chặt chẽ nhưng cũng phải tự có một đại chí như Lục Tổ Huệ Năng “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mới đạt thành chánh quả trong giờ phút cuối cùng.

(...) Bản Đạo ban ơn lành cho chư hiền đệ muội. Bản Đạo hồi cung. Thăng.■

ĐỨC HÁO SANH

■ ĐẠT TRI

Ngày mừng 9 tháng giêng âm lịch hằng năm là ngày hầu hết người Việt Nam đều trang nghiêm cúng vía Trời theo truyền thống dân tộc có từ ngàn xưa. Đây cũng là ngày lễ lớn trong đạo Cao Đài, các Tòa Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh tổ chức long trọng lễ Khánh đản Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, Giáo chủ đạo Cao Đài để tưởng niệm công đức vô lượng vô biên của Đấng Tạo Hóa với đức háo sanh đã tạo nên càn khôn vạn vật, trường dưỡng bảo tồn cơ sanh hóa.

Ngày mừng 9 tháng Giêng năm Quý Sửu, Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy: “Chư hiền đệ muội! Hôm nay, ngày này, nơi thế gian cũng là ngày Khánh đản Đức Chí Tôn Thượng Phụ, chư Phật, chư Tiên khắp tam thập lục thiên, tam thiên thế giới đều đến triều phục hỷ chúc thâm ân đức háo sanh Chúa tể muôn loài vạn vật.”¹ Bởi vì Đức Thượng Đế đã xác nhận:

*Phật Trời, Trời Phật, cũng là Ta,
Nhánh nhóc chia ba cũng một Già,
Thích, Đạo, Gia Tô, tay chưởng quản,
Thương dân xuống thế độ lần Ba.*²

Hay là:

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên,
Đạo mẫu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*³

Hoặc:

*Thuở chưa dựng nên ngôi trời đất,
Khoảng không gian mịt mịt mờ mờ,
Hồn nhiên một khối ban sơ,
Vần vần luân chuyển gồm cơ nhiệm mầu.
Khí khinh khinh rộng sâu tỏa khắp,*

*Ánh huyền huyền bền chặt lưu hành,
Vô hình, vô tình, vô danh,
Cường viết “Đại Đạo” hóa sanh vô cùng.
Tượng một điểm tựu trung duy nhứt,
Là “Lý” – ngôi Thái Cực Thánh Hoàng,
Vận hành phân khí tạo đoan,
Âm dương ngưng tụ thế gian lập thành.”⁴*

Như vậy, thế gian có hồi nào? Không ai có thể trả lời được.

Trong một đàn cơ, Ôn Trên hỏi: Thuở tạo thiên lập địa, Thấy sanh cái gì trước?

Thiên nhứt sanh thủy. Trời sanh nước trước hết. Có nước rồi mới có khoáng sản. Có khoáng sản rồi mới có thảo mộc. Có thảo mộc rồi mới có các loài bò, bay, máy, cựa, rồi mới có loài người, trải qua biết bao nhiêu ngàn năm không ai biết được, nên Đức Háo sanh là một Lý Đạo vô cùng mầu nhiệm của Tạo Hóa. Trời là Đấng vô hình, vô tình, vô danh, tạm gọi là Đại Đạo. Đại Đạo hóa sanh vô cùng. Ngài là Đấng Tạo Hóa, Chúa tể càn khôn muôn loài vạn vật, nay là Đức Cao Đài Giáo Chủ, khai mở nền tôn giáo tại Việt Nam: “Thấy đến nước Việt Nam này mở Đạo dạy dỗ các con. Thấy không đòi hỏi các con phải làm những gì đem lại riêng tư cho Thấy. Thấy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thấy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ, đùm bọc cho nhau, bảo tồn cho nhau để cùng nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chớ không được thù hằn ganh tị, ghen ghét hại nhau rồi tự diệt nhau...”⁵

Và Thấy lại thúc hối các bậc Tiên Khai Đại Đạo mở đạo cho gấp, nếu trễ trễ một ngày là có

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-01 Quý Sửu (11-02-1973).

2. Cao Đài Giáo Sơ Giải, trang 29, soạn giả Huệ Lương.

3. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 24-12-1925.

4. Đức Ngô Minh Chiêu, Ngọc Minh Đài, 01-3 Bính Ngũ (22-3-1966).

5. Đức Chí Tôn, Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

hại cho nhân sanh một ngày. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có ghi lại lời Thầy dạy: “Đạo Khai trẻ một ngày là khổ cho nhân sanh một ngày.”

Vì vậy, trong một thời gian rất ngắn, chư vị Tiền bối khai Đạo đã chia nhau đi khắp nơi mở Đạo:

Tâm thành chỉ một Trời Cha,

Chỉ trong năm một Đạo nhà dựng xây.⁶

Người nhập môn vào Đạo ngày càng đông và dựng xây Thánh thất khắp nơi. Đức Chí Tôn dạy: “Hỡi các con! Qua mấy mươi xuân rồi, Thầy đem sứ mạng quyền pháp Tam Kỳ Phổ Độ trao cho các con, cho dân tộc con trong thời Hạ nguơn chuyển kiếp này là để các con gieo rải một ý thức hòa hiệp, thương yêu với nhau trước cuộc đời loạn ly điên đảo. Đã trải qua biết bao nhiêu lớp người hy sinh hoằng Đạo, cho đến ngày nay, nhìn vào thế giới nhân loại nói chung và các con trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói riêng, vẫn còn trong trạng huống chia ly trầm trọng, đó là quyền pháp Đạo của Thầy các con chưa thực hành trọn vẹn, nên tình thương và lẽ sống không phát động mạnh mẽ đồng đều để kết hợp một nền tảng hòa bình mà các con hằng nguyện cầu mong muốn.”⁷

Người cha phạm trần nào cũng muốn cho các con trong gia đình hòa hợp thương yêu nhau, hướng hỗ chỉ ông Cha thiêng liêng. Thế mà Ngài lại phải chứng kiến cảnh chiến tranh ly loạn đảo điên tang tóc của những đứa con trần gian như hiện tình thế giới ngày nay. Riêng trong nội bộ tôn giáo Cao Đài, vì quyền pháp Đạo chưa được thực hiện đúng mức nên Đạo chưa đi đến chỗ thống nhất

Từ những bước đi của đoàn con áo trắng lúc nước xuôi, khi nước ngược, lúc thuận buồm xuôi gió, có lúc trương buồm lại bị ngược gió, phải biết tùy thời để lái lèo chèo chống vượt qua những cảnh thăng trầm bĩ thối của cơ Đạo.

Cũng như con cá đang sống trong nước, nếu không chịu được sự đổi thay của môi trường nước, thì cá sẽ chết. Ngược lại, nếu cá biết thích nghi tùy theo dòng nước, thì nó vẫn thung dung bơi lội. Thầy dạy:

Hỡi các con! Trong tình Tạo hóa, đức hiếu sinh, Thầy nhìn vạn vật với một sự thương yêu chan rười. Mặc dầu cảnh trần gian có biến đổi muôn hình vạn trạng, có sanh nhiều tội nghiệp đa đoan, có tạo nhiều phong ba bão tố, nhưng lòng Trời vẫn che, đất Trời vẫn chở. Hãy sanh hóa và sanh hóa, sanh hóa trong lượng Từ Phụ thiên nhiên để tạo lập một dinh hoàn Thượng nguơn Thánh đức.

Ngày khai Đạo, Thầy đóng vai trò của một người Cha đối với con trên thường tình thế sự. Phải! Phải! Luôn luôn Thầy vẫn xem các con là thế ấy.

Thầy đã hạ mình rời khỏi Linh Tiêu điện giáng xuống cõi đời ô trược để phát ra những âm thanh mà tự cổ cập kim chưa hề được nghe, được thấy.⁸

Một người Cha thiêng liêng vô hình tạo hóa muôn loài vạn vật, giờ đây rời Linh Tiêu Bửu Điện giáng trần làm một người Cha nơi thế giới nhị nguyên đầy ô trược, để dìu dắt con cái của Ngài từng bước đi, từng giai đoạn của Thiên cơ thế sự. Nơi cõi Thiên đình đâu có từ ngữ Cha – Con; để cứu rỗi toàn nhơn loại Thầy phải dùng từ ngữ trần gian (Cha con) để thực hiện công cuộc cứu thế Kỳ Ba lập đời Thượng nguơn Thánh đức. Ai đã hiểu và thật hiểu lời dạy của Đại Từ Phụ thì hãy kể vai gánh vác công quả phổ thông giáo lý Đại Đạo. Đức Chí Tôn dạy: “Thầy mượn bộ óc thiên lương của các con để ráp thành guồng máy trong giai đoạn này. Sự hy sinh sẽ nói lên cái giá trị của một người thiên chức trong bốn phận vi nhơn. Đó là con đã biết Thầy, thương Thầy và kính trọng Thầy rồi đó.”⁹

6. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Bình Dân (16–11–1986).

7. Nam Thành Thánh thất, 01–01 Tân Hợi (27–01–1971).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–01 Nhâm Tý (29–02–1972).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–01 Nhâm Tý (29–02–1972).

Tổ chức lễ Vía Trời, hiểu được lời dạy của Trời, hành theo lời dạy đó là kính Trời, thương Thầy, thương Đạo thì cuộc lễ mới có ý nghĩa.

VÍA TRỜI MỪNG 9 THÁNG GIÊNG ỨNG VÀO ĐỨC NGUYÊN CỦA QUÊ KIÊN

Quê Kiên có bốn đức: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, trong đó đức Nguyên nghĩa là đầu tiên, lớn hơn hết, trùm cả mọi điều thiện. Chọn ngày mừng 9 tháng giêng Vía Trời vào mùa Xuân ứng với đức Nguyên hàm ngụ ý nghĩa Đức Thượng Đế là đầu mối lớn nhứt sinh ra vạn vật.

Đức Mẹ dạy:

Các con ôi! Như các con đã hiểu – mùa Xuân là một mùa trong bốn mùa. Ứng với lý Đạo, là nó ở vào đạo Kiển, đức của nó là đức Nguyên. Nguyên là khởi đầu, là nơi phát xuất sự sinh tồn cho muôn loài vạn vật. Vậy thì các con hưởng Xuân, vui Xuân, chúc Xuân, không cứ là một mùa Xuân ngắn ngủi hạn định như cánh mai kia, mà để nhắc nhở kêu gọi cho các con một tấm lòng Xuân trường cửu của đạo lý, của đức Nguyên trong bốn đức, của một mùa trong bốn mùa.

Mùa Xuân chỉ cho sự phát sinh sức sống cho vạn loài, không giới hạn, không đóng khung vào một hoàn cảnh, một thời gian nào, vì Đạo theo đức Nguyên là thể hiện được lòng Trời, thương yêu, dưỡng dục, chan hòa mọi kẻ mọi nơi, không riêng tư, không cá biệt, làm cho thiên hạ nên, mọi người được yên ổn mà không thấy mình là kẻ tạo nhân hay ân nhân của trong thiên hạ.¹⁰

SỐ 9 LÀ SỐ DƯƠNG, ỨNG DỤNG XÂY DỰNG TÒA THÁNH, THÁNH THẤT VÀ ĐẠO PHÁP

Theo sử liệu Tòa Thánh Tây Ninh ngày 28-02-1927 (ngày 21 tháng giêng năm Đinh Mão), số 9 được ứng dụng trong việc xây dựng Tòa Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh. Trong một đàn cơ Đức Lý Thái Bạch dạy kích thước xây dựng Tòa Thánh như sau:

“Bát Quái Đài mỗi cạnh 27 thước, cao 9 thước,

Hiệp Thiên Đài xây tiếp theo bề ngang 27 thước, bề dài 81 thước.

Hiệp Thiên Đài xây tiếp Cửu Trùng Đài mỗi cạnh 27 thước, tổng cộng:

Chiều dài của Đền Thánh là: $27+81+27=135$ thước, 135 cũng là số 9.

Bề ngang của Đền Thánh là 27 thước ($2+7=9$).

Các con số có kích thước nêu trên, đều là bội số của số 9. Đó là số dương.”

Hình thức Thánh thể Đức Chí Tôn là phần ngoại giáo công truyền, còn về phần nội giáo tâm truyền đạo pháp, số 9 là số dương, nên người liễu đạo được tụng cửu 9 ngày một lần, 9 lần $9 = 81$ ngày. Còn về đạo pháp cũng ứng dụng cho cấp Sơ thiền cửu cửu, 9 ngày học lên một cấp, một khóa 81 ngày, $8+1 = 9$. Tam niên nhũ bộ, nghĩa là 3 năm, tức là 36 tháng, mà $3+6 = 9$, cửu niên diện bích là 9 năm.

Ngày mừng 9 tháng giêng, trong đạo ngoài đời đều đang hành lễ Vía Trời để tưởng niệm Đức Háo Sanh Thượng Phụ tạo hóa càn khôn vũ trụ vạn vật.

Ngày xưa bên Trung Quốc đời nhà Châu vận nước đảo điên, lòng người ly tán, trong thì hôn quân vô đạo, ngoài thì loạn thần trộm cướp. Quân bất minh, thần bất trung, phụ bất tử, tử bất hiếu khiến lê dân đồ thán, non nước suy vong, xã hội điêu tàn. Do đó, Đức Thượng Đế đã cho các vị Giáo chủ, các bậc Thánh nhân đến mở đạo để đem lại sự thanh bình cho thiên hạ, dạy năm giềng ba mối, cha cho đáng phận cha, con cho đáng phận con, vua nên vua, bầy tôi trung quân ái quốc, biết lo cho dân cho nước, đó là chuyện ngày xưa của một quốc gia.

Còn ngày nay cả nhân loại khắp hoàn cầu đang chịu nạn thiên tai bão lụt dấy dấy khắp chốn, đời sống tình cảm cha con, chồng vợ, bạn hữu, thầy trò sút mẻ. Ngoài ra còn bệnh tật, môi trường ô nhiễm chất độc hại, động đất núi lửa phun trào làm cho đời sống nhân sanh rất đau khổ. Đó là báo hiệu nạn tiêu diệt sắp đến.

Trước thực trạng đó, Đức Chí Tôn vì lòng từ bi

10. Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

không nở ngôi nhìn nhân loại bị tiêu diệt nên thả chiếc thuyền từ phổ độ khắp cả con cái của Ngài với tiêu ngữ công bình – bác ái – từ bi, với tôn chỉ “Quy nguyên Tam giáo, Hiệp nhất Ngũ chi”, mở đạo Kỳ Ba đại ân xá để cứu nhân loại và cũng là cơ hội lọc thánh phân phàm, tuyển chọn nguyên nhân để lập đời Thượng nguồn Thánh đức.

ĐỨC KHIÊM NHƯỜNG HẠ MÌNH CỦA THẦY

Người tín đồ Cao Đài trên đường thi hành sứ mạng thể Thiên hoàng hóa nói chung; người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thực hiện sứ mạng phổ thông phổ truyền giáo lý, nói riêng, phải ghi nhớ bài học đầu tiên là “đức khiêm nhường” của Thầy, đi đến đâu cũng hạ mình khiêm tốn mà hành đạo.

Thầy có dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: “Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi nhơn sanh là thể nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát–hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thể thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhường là thể nào. (...) Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy. Buổi lập Thánh đạo Thầy đến độ kẻ tội lỗi, nếu đời không tội lỗi đâu nhọc đến Thầy, ấy vậy các con ráng độ kẻ tội lỗi là công lớn làm cho Thầy vui lòng hơn hết.”¹¹

SỨ MẠNG CỦA

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là guồng máy sau cùng của Đức Thượng Đế Chí Tôn. Mục đích, lập trường Cơ Quan sáng tỏ, người nhân viên Cơ Quan không chức sắc, không vị ngôi, không bổng lộc, chỉ có tâm đạo và đức tin nơi Đức Chí Tôn và Đại Đạo, một lòng noi gương các bậc Tiên Khai, trên đường tu học hành Đạo cố gắng vượt qua mọi khảo đảo, thử thách từ

nội tâm đến ngoại cảnh, từ gia đình đến xã hội, thực hiện sứ mạng thiêng liêng phổ thông, phổ truyền chánh pháp Đại Đạo, cứu độ nhân sanh theo lời dạy của các Đấng Thiêng Liêng :

*Phổ là rộng khắp ngoài thế giới,
Thông là nguồn suốt tới muôn phương,
Giáo là dạy nẻo chỉ đường,
Lý là lẽ thiệt chủ trương thối bình.*¹²

*Thương yêu, nương náu, dìu dẫn nhau, tha thứ mọi sơ suất nếu có, để chung lưng đấu cật, phô trương giáo lý, tức là nguồn gốc của hạnh phúc cho nhân sanh và nhân loại.*¹³

“ác con bởi có duyên lành, nên mặc dầu trải qua bao cơn bão táp, mấy lúc khảo đảo, các con đã không thối chí ngã lòng, trái lại vẫn thiết tha vì tiền đồ cơ Đạo, nên khẳng khái theo đuổi cho đến ngày giờ này. Đa số các con hiện diện tại điện tiền hữu duyên mà lãnh lấy những lời khuyến dỗ của Thầy vừa qua. Các con chỉ muốn duy nhất là Đạo sớm thành, mà phải thành trên phương diện nào đó, hỡi con?

Đạo là chi? Rồi khi thành phải ra sao? Vậy thì Thầy giải đáp cho con hiểu: Thượng Đế vị nhân sanh mà khai đạo pháp để con cái của Thầy học hỏi và hành theo đúng chánh pháp. Đến ngày công quả viên mãn, sẽ trở về hiệp nhất cùng Thầy. Lúc bấy giờ các con là Thầy, là Phật Tiên, Thánh Thần. Đó là đường lối tuyệt đích của Đạo.

Còn trước cơ Đạo ngày nay, các con muốn thành, trước nhất lòng con phải thành. Thành để hành cho đúng, không cãi tranh, không thêm bớt, không chia rẽ, dụng đức hy sinh để cảm hóa cho nhau. Các con đừng e ngại không người dắt lối đưa đường. Chỉ ngại cho lòng con chưa thành. Khi lòng con đã thành, tri, thuyết, hành như nhất, thì các con sẽ thấy lý siêu việt đến với các con, là ngày mà cây Phổ Thông Giáo lý đơm bông kết quả.¹⁴

11. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn cơ ngày 11–9–1926 (Bính Dần).

12. Đức Lý Giáo Tông, Thiên Lý Đàn, 20–5 Ất Tỵ (19–6–1965).

13. Thiên Lý Đàn, 14–01 Ất Tỵ (15–02–1965).

14. Thiên Lý Đàn, 14–01 Ất Tỵ (15–02–1965).

GẶP THỜI KỲ ĐẠI ÂN XÁ

Tôn giáo thì có nhiều, vào một tôn giáo rất khó, hiểu được Đạo còn khó hơn và hành đạo tu thân để được hưởng luật đại ân xá còn khó hơn bao giờ hết. Thượng Đế vì nhân sanh trong thời kỳ Hạ nguơn mặt kiếp mà khai Đạo, thả chiếc thuyền từ cứu vớt nhân sanh đang lặn hụp chơi vơi nơi biển trần khổ. Đức Thượng Đế vô hình, còn con người hữu hình chúng ta lại mang nhiều nghiệp quả tiền khiến nơi cõi tạm, phải lo toan nào ăn, nào mặc, nào nhà cửa, nào gia đình vợ con, sự nghiệp, v.v. Tất cả đều làm cản trở đường tu không ít và làm chậm trễ đường về hiệp một cùng Thầy. May nhờ thời kỳ đại ân xá, Đức Từ Phụ ban ơn, những ai giác ngộ biết tu hành thì đều có thể tu một kiếp mà được đắc thành nên nhiều vị đã trở về ngôi xưa vị cũ.

TẠM KẾT

Trong bài Kinh Đại La Thiên Đế có câu: “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa”, Trời không nói gì mà vận hành cả càn khôn vũ trụ, nuôi dưỡng bảo tồn cho muôn loài vạn vật mãi mãi trường tồn.

*Thuở chưa dựng nên ngôi Trời Đất,
Khoảng không gian mịt mịt mờ mờ,
Hồn nhiên một khối ban sơ,
Vẫn vẫn luân chuyển gồm cơ nhiệm mầu.*¹⁵

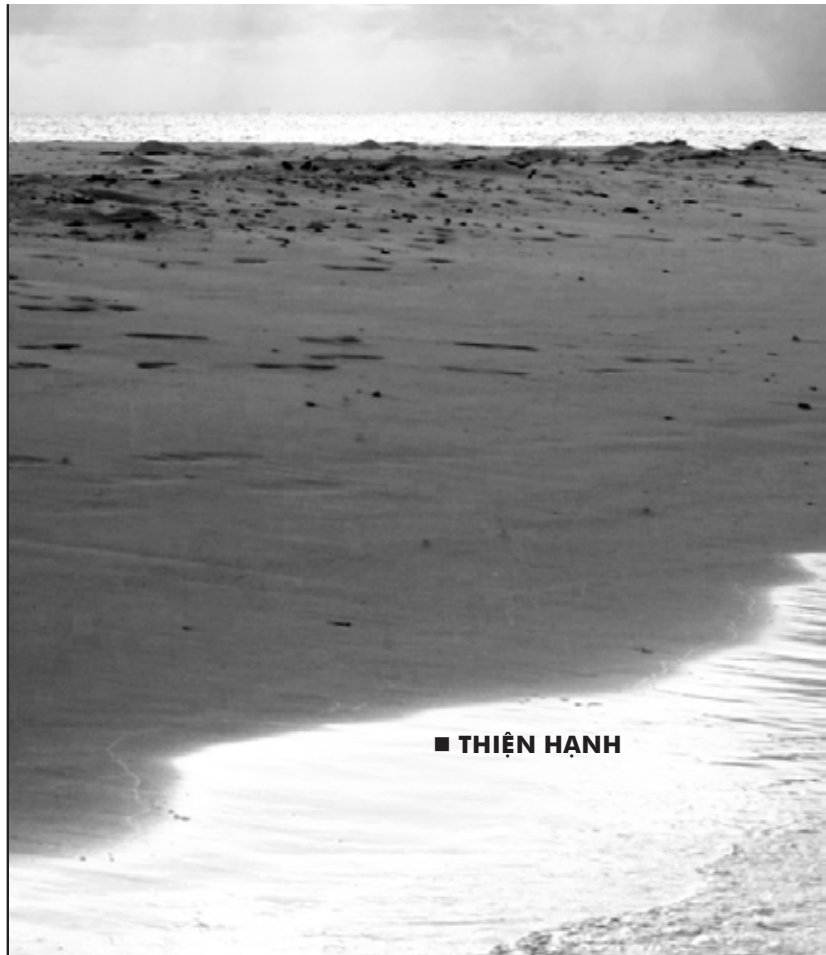
Với Đức Háo Sanh nhiệm mầu tạo hóa càn khôn vũ trụ, Đức Cao Đài Giáo Chủ đang mở cơ tận độ đại ân xá Kỳ Ba, tu trễ một ngày là khổ một ngày, mất cơ thời đại ân xá tu hành khó đặc đạo. Mỗi người hãy dụng Thánh tâm mà hành đạo để đón nhận Đức Háo Sanh:

*Con có Thánh tâm sẽ có Thầy,
Thầy là Cha cả của Đông Tây,
Tây Đông dầu biết hay không biết,
Thì Đức Háo Sanh cũng thế này.*¹⁶

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.■

15. Đức Ngô Minh Chiêu, Ngọc Minh Đài, 01-3 Bính Ngũ (22-3-1966).

16. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Đinh Tỵ (04-3-1977).



■ THIÊN HẠNH

Nhân dịp lễ khánh đản Đức Chí Tôn năm Quý Sửu (1973), Đức Giáo Tông Đại Đạo đã khai thị sự kiện vô cùng trọng đại nơi cõi hư linh để con người có thể phần nào hình dung và ý thức được bốn phận của mình nơi hạ giới.

Hôm nay, ngày này, nơi thế gian và cũng là ngày khánh đản Đức Chí Tôn Thượng Phụ, chư Phật, chư Tiên khắp Tam thập lục thiên, Tam thiên thế giới đều đến triều phục hỷ chúc thâm ân đức háo sanh Chúa tể muôn loài vạn vật. Cũng ngày này khắp thế gian đều nhuần gội ánh Thiên Quan Tú Phước, từ côn trùng thảo mộc đến thú cầm nhân loại đều thụ hưởng đức Nguyên, sinh hóa, trưởng dưỡng, bảo tồn trong mùa xuân thái hòa an lạc.

Vậy chư hiền đệ muội là giới tu hành học đạo lý đã được am hiểu phần nào về cơ vận hành của thiên địa, hãy để hết tâm thành hướng về cõi hư linh để chiêm ngưỡng ân



LÒNG TỪ PHỤ

đức oai linh cao cả và hấp thụ ân điển phản chiếu của Đấng Từ Bi khả dĩ giúp cho sự tu học của chư hiền đệ muội được khai triển tâm linh, mở mang huệ ý, thân thể Khang trang tráng kiện hầu đủ điều kiện để phụng sự Thiên cơ, phổ truyền chơn pháp giáo dân vi thiện.¹

Lòng chí thành chí kính của con người ở thế gian chiêm bái Đấng Đại Từ Phụ trong ngày lễ vô cùng trọng đại này thể hiện bốn phận của mình đối với đại ân sinh thành thiêng liêng. Sự bày tỏ này cũng chính là hiếu đạo. Song, trong ngày lễ

khánh đản này, con người lại tiếp nhận được hồng ân của Đức Từ Phụ chan rưới để được thân thể khỏe mạnh và tâm linh mãn tuệ.

ĐỨC HÁO SANH CỦA THẦY

Theo giáo lý Cao Đài, vũ trụ thuở ban đầu là một khoảng không gian mịt mịt mờ mờ với khí hồng mộng bao phủ, gọi là Vô Cực. Trong Vô Cực có nguyên lý thiên nhiên và nguyên khí tự nhiên, tức là âm và dương trong buổi sơ khai của vũ trụ. Lý và khí hay âm và dương ngưng kết nhiều đời, nhiều kiếp tạo thành khối tinh quang. Đúng ngày giờ, khối tinh quang nổ ra một tiếng rung động cả không gian và

trong đó xuất hiện một điểm linh quang quay quần giữa không trung, hào quang chiếu diệu, trùng trùng điệp điệp. Đó chính là Thái Cực, ngôi Chủ tể càn khôn vũ trụ, trọn tốt trọn lành, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô cùng vô tận. Ngôi Thái Cực thống quản cả càn khôn vũ trụ, dùng máy âm dương để sanh hóa, bảo tồn và dưỡng dục chúng sanh. Ngôi Thái Cực còn được xưng tụng với nhiều danh xưng khác nhau như Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đức Chúa Trời, Đức Chí Tôn, Đức Đại Từ Phụ, v.v. Trong Tam kỳ Phổ độ, Ngài xưng hô là Thầy một cách gần gũi, thân thiết với con cái nơi trần gian.

1. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-01 Quý Sửu (11-02-1973).

Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn khôn thế giới thì khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra càn khôn thế giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh. Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận.²

Chính bởi đức háo sanh vô lượng mà Thầy đã sanh hóa ra vũ trụ càn khôn: thất thập nhị địa (bảy mươi hai quả địa cầu), tam thiên thế giới (ba ngàn thế giới), tứ đại bộ châu (bốn châu lớn), tam thập lục thiên (ba mươi sáu tầng trời). Cũng bởi đức háo sanh vô biên mà Thầy đã sanh hóa ra vạn vật chúng sanh từ khoáng sản, thảo mộc, thú cầm đến loài người. Chính từ con người mới tu tiến lên hàng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

*Khắp trong vũ trụ càn khôn,
Một ngôi chúa cả Chí Tôn nắm quyền.
Trên cai Tam thập lục thiên,
Cả trong chư Phật Thánh Tiên phục tùng.
Thần thông biến hóa vô cùng,
Đặc ân vô tận thi chung nhiệm mầu.
Dưới bảy hai quả địa cầu,
Quản cai thường phạt người hấu tình mê.³*

Con người do đức háo sanh của Thầy tạo ra và an bài trong vũ trụ càn khôn, mà hiện giờ con người được sanh ra tại cõi trần gian này. Thầy đã ban cho con cái của Ngài đầy đủ quyền năng của Tạo hóa để sinh tồn, để phụng sự thiên cơ trong đức háo sanh của Thầy.

Thầy đã tạo hóa vạn vật vũ trụ với đức háo sanh. Thầy không ban riêng cho vật nào, giống nào hay nước nào. Tất cả vạn vật trên thế gian

này đều sanh trong đức háo sanh và diệt trong định luật của Thầy.

Các con, hay nói chung là nhân loại, những hột giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa, để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian, mà các con gọi là đời. Mọi sự vật trên đời, nguyên nhân là Lý, là Đại Đạo, là Thầy, là Cha chung của vạn loại.

Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi Thượng Thiên Vô Cực.⁴

Cuối thời Hạ nguơn mặt kiếp tại quả địa cầu 68 này, Thầy dùng huyền diệu cơ bút đến thế gian, chọn mảnh đất Việt Nam nhỏ bé, hiền hòa, chịu nhiều đau khổ, làm thánh địa để khai minh Đại Đạo cứu độ chúng sanh trên toàn thế giới trước khi quả địa cầu này bị hủy diệt để tái lập đời Thượng nguơn Thánh đức và cũng để các nguyên nhân nương vào Đại Đạo trở về hội hiệp cùng Thầy.

ĐẠI NGUYỆN CỦA THẦY

Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Đại Từ Phụ vì đức háo sanh và lòng từ bi đã cử các sứ giả là các bậc Giáo tổ đến trần gian mở đạo tại các địa phương khác nhau. Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Đức Thái Thượng Đạo Tổ, vua Phục Hy, Thánh Moïse, v.v. giảng sanh trong Nhứt Kỳ Phổ Độ. Đức Phật Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức Giê-su Ki-tô, v.v. giảng trần trong Nhị Kỳ Phổ Độ. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, cuối thời Hạ nguơn mặt kiếp, Thầy đích thân giảng trần bằng huyền diệu cơ bút cứu độ chúng sanh khỏi cơ tận diệt ngõ hầu hạnh hưởng đời Thượng nguơn Thánh đức sau hội Long Hoa, đưa các nguyên nhân trở về hội hiệp cùng Thầy. Đây là một sự kiện vô cùng hi hữu trong lịch sử cứu độ nhân loại từ khai thiên lập địa cho đến nay. Nhằm thể hiện mục tiêu cứu độ chúng sanh, Thầy đã ban một phương pháp tu hành dễ dàng, đơn giản và phù hợp với căn trí con người

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, bài “Bất sát sanh”, Mậu Thìn (1928).

3. Đại Thừa Chơn Giáo, bài Vũ trụ, đàn ngày 23-9 Bính Tý (06-11-1936).

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Mậu Thân (07-02-1968).

trong thời mạt kiếp. Nhằm thể hiện quyết tâm cứu độ chúng sanh, Thầy đã lập đại nguyện vô cùng lớn lao.

Nên Hội Tam giáo Công đồng, Thầy lập tờ doan thệ, đem Đạo mẫu phổ hóa độ tất cả đám quần sanh.

Nếu các con chẳng chịu tu hành, không bỏ dữ làm lành, Đạo không thành, Thầy nguyện không trở về ngôi vị cũ.

Dạy hết tiếng mà cố chi con không lưu tâm ký chú, khước tình thần nghe những lời Từ Phụ như khuyên con?

Dẫu méo kia Thầy nắn, đúc cũng ra tròn, bởi thương trẻ nên chịu đòn mà dịu dặt trẻ. (...)

Sao các con phụ phàng không biết nghĩ, lại đem Thầy nạp cho lũ quỷ mà chịu thịt đồ máu rơi?

Nhưng quá lòng từ bi thương cả mọi nơi, nên phải chịu lẫn lóc với đời mà dựng gậy đạo đức.⁵

Xuất phát từ lòng từ bi vô lượng vô biên, Thầy đã lập đại nguyện để giáng trần mở đạo độ dẫn chúng sanh.

*Muôn kiếp các con chịu lạc đường,
Thấy vậy Thầy luống động lòng thương,
Nên doan thệ với hàng Tiên Phật,
Lập Đạo không thành chịu tội ương.⁶*

Ngoài ra, Thầy còn ban cho chúng sanh một đặc ân chưa từng có từ xưa đến nay là “giảm tội⁷ và tăng công”. Tội lỗi của con người được Thầy đại xá, còn công quả lại được nhân hệ số ba. Đó chính là đại ân xá trong Tam Kỳ Phổ Độ nhằm tạo mọi điều kiện dễ dàng nhứt cho con cái của Ngài trở về quê cũ hoặc vào đời Thánh đức để có điều kiện tiếp tục tu tiến.

Mỗi phen Thầy đến lập Đạo thì là phải cam đoan và lãnh các con, chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệt

bao nhiêu, Thầy đều lãnh hết. Các con đã đăng thông dong rồi, rảnh chẳng lo tu đức mà sửa mình, lại còn cả gan trước mặt Thần, Thánh, Tiên, Phật, gây thêm tội lỗi nữa, thiệt là đáng giận!

Thầy chẳng biết bây giờ đây, Thầy phải bỏ Đạo, liều đoạ với các con, hay là đợi cho Đạo bỏ Thầy đó các con?⁸

LÒNG TỪ PHỤ

Như đã trình bày, Thượng Đế toàn tri toàn năng, sanh hóa càn khôn vũ trụ và vạn vật chúng sanh trong đức hạo sanh vô lượng vô biên. Thượng Đế không vì lẽ vật cứng tế của con người mà ban phước, cũng không vì bất kính vô lễ mà giáng họa. Tình Tạo Hóa vẫn trường dưỡng bảo tồn vạn vật, vẫn mưa thuận gió hòa, vẫn ngày đêm sáng tối, vẫn xuân hạ thu đông.

*Tình Tạo Hóa ban đều vũ trụ,
Đức hạo sanh bao phủ càn khôn,
Chuyển luân nhứt nguyệt vong tồn,
Cỏ cây nhơn vật vô cùng hóa sanh.⁹*

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế không đến thế gian với vai trò là Chúa tể của càn khôn vũ trụ, mà Ngài đến trần gian như một vị Cha nhân từ đến với đàn con thân yêu. Thầy đã sử dụng cách giao tiếp và đối đãi giống như một người cha bình thường nơi cõi thế gian để con người dễ cảm nhận và hình dung sự gần gũi và tình yêu thương.

Ngày khai Đạo, Thầy đóng vai trò của một người Cha đối với con trên thường tình thế sự. Phải! Phải! Luôn luôn Thầy vẫn xem các con là thế ấy.¹⁰

Khai mở một nền đạo từ buổi sơ khai đến khi trở thành một trụ tướng uy nghi trang trọng, Thầy đã độ dẫn, un đúc chọn quý vị môn đệ đầu tiên trở thành các bậc Tiên Khai Đại Đạo. Thầy

5. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài Đại nguyện của Đức Cao Đài, đàn ngày 25-9 Bính Tý (08-11-1936).

6. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài Đại nguyện của Đức Cao Đài, đàn ngày 25-9 Bính Tý (08-11-1936).

7. Con biết tu Thầy thu lại bớt, – Tội đủ mười Thầy sót còn ba. (Đức Chí Tôn)

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 27-4 Đinh Mão (27-5-1927).

9. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tý (02-02-1965).

10. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).

còn trực tiếp thu nhận những người con bình thường để trở thành môn đệ Cao Đài trong thời gian đầu mở đạo. Thầy đã hết lòng hết dạ trong việc giáo hóa chúng sanh, luôn dõi theo từng bước chân đàn con của mình nơi trần thế.

Các con ôi! Thầy lấy đức hạo sanh mà dìu dắt các con chẳng khác nào như kẻ làm cha nung nịu dạy dỗ một trẻ bé, trông nom cho nó mau trưởng thành hầu lưu danh truyền nghiệp cho có tên tuổi với đời.

Sự nên hư của tôn chỉ nền Đạo có một phần ảnh hưởng rất lớn lao với quyền thế của Thầy, danh vọng của Thầy và luôn đến ngôi vị của Thầy nữa. Con nên thì Thầy vui, con buồn thì Thầy buồn, mà con đau đớn tất Thầy đau đớn.¹¹

Phạm theo lệ thường, người cha nào dù nhân từ bao nhiêu đi nữa cũng không chiều chuộng con mình một cách thái quá, mà có khi phải áp dụng biện pháp rắn dạy nghiêm khắc. Cho nên, tục ngữ có câu: “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”. Thầy dạy dỗ con cái nơi phạm trần cũng không ngoại lệ.

*Cậy kẻ dạy con cũng lẽ thường,
Cho roi cho vọt mới là thương.
Nhơn tình ví chẳng mưu thâm phục,
Thế giới mong chi phép độ lường.
Nhỏ dại Thầy nuôi mùi đạo hạnh,
Lớn khôn bày xứng mặt hiền lương.
Vinh hoa phẩm cũ ngôi xưa đó,
Khổ cực các con chớ bỏ trường.¹²*

Thầy đến thế gian khai mở nền Đại Đạo cứu độ chúng sanh, con cái của Đấng Đại Từ Phụ trong thời mạt kiếp. Tuy mệnh danh là Đại Đạo nhưng Cao Đài vẫn mang vào mình một hình tướng tôn giáo: tổ chức hội thánh, hệ thống chức sắc, giáo lý, nghi lễ, giáo luật (luật lệ đạo), tín đồ, v.v. Để phân biệt với cựu luật áp dụng trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Thầy ban hành một bộ luật mới gọi là Tân Luật để làm khuôn viên

mẫu mực, để rèn luyện un đức môn đệ Cao Đài trở thành công dân tốt của đất nước, người tín hữu thuần thành của đạo, người con ngoan của Thầy. Mỗi người có nguyên tắc sống, gia đình có gia quy, trường học có nội qui, xã hội có luật pháp, v.v. Nơi cõi trời cũng không ngoại lệ, luật Thiên điều chi phối toàn cả vũ trụ càn khôn. Nhập môn vào đạo, môn đệ Cao Đài phải khép mình vào Tân Luật, cho nên sẽ cảm thấy mình bị ràng buộc bởi điều răn nầy, điều cấm nọ; tất nhiên sẽ không cảm thấy thoải mái, làm mất tự do. Nhưng chính sự ràng buộc vào quy củ chuẩn thẳng sẽ nâng cao giá trị con người, tôn vinh phẩm hạnh người tu. Điều nầy được Thầy bộc bạch như sau:

Các con ôi! Các con đã chịu lắm khổ não nơi biển trần nầy. Từ mười ngàn năm rồi đã ở dưới quyền tà quái áp chế. Vì vậy mà Thầy phải phế hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giáng trần độ rỗi các con, chớ chi Thầy đến mà làm cho giảm sự khổ não các con chẳng đáng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa. Vì cơ mà Thầy buồn.

Thầy tỏ thật, cái luật lệ Thầy khiến các con hiệp chung trí mà lập thành đây, nó có ảnh hưởng về đạo đức, Thiên phong Phật sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy. Chẳng luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì thế nào vào Bạch Ngọc Kinh choặng.¹³

Tình thương của người cha luôn thể hiện đồng đều đối với tất cả con cái của mình trong gia đình. Song đối với những người con bị tật nguyền hay bị thiệt thòi so với những người con khác thì lẽ tất nhiên người cha sẽ đặc biệt quan tâm chăm sóc nhiều hơn để bù đắp những hụt hẫng khiếm khuyết đó. Lòng Từ Phụ đối với chúng sanh cũng không khác với tình cha mẹ đối với con cái nơi cõi thế gian.

Tình Thương Đế đối với chúng sinh như tình cha mẹ đối với đàn con. Nếu có đem chia bánh

11. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 12-6 Mậu Thìn (28-7-1928).

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 25-02 Mậu Thìn (15-4-1928).

13. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 20-11 Bính Dần (24-12-1926).

trái, tiền tài, sản nghiệp thì cũng lấy lẽ công bằng, nhưng khác hơn một điểm là cha mẹ luôn luôn nâng đỡ đứa con bị trong đàn bức hiếp.¹⁴

Tuy rằng tất cả chúng sanh đều là con cái của Thầy, đều thọ nhận điểm tiểu linh quang của Thượng Đế, nhưng do căn trí mỗi người khác nhau nên Thầy giao trách nhiệm trong hành chánh đạo với mức độ nặng nhẹ khác nhau. Miễn sao, mọi người đoàn kết thương yêu nhau trong một guồng máy hành sự của Thầy.

Thầy đã nói, dãi cả môn đệ Thầy đồng một mực, bất luận bậc phẩm. Kẻ nào căn nhiều quả nặng thì Thầy giao trách nhiệm (nhiệm) lớn lao; kẻ nào căn ít quả thiệt thòi thì lãnh phần trách nhiệm (nhiệm) nhỏ nhen. Cả thầy đều con của Thầy, trừ ra tôn ti thượng hạ nơi việc hành chánh, thì đồng một bậc cả, chẳng ai đặng vì quyền mà lấn lướt, chẳng ai đặng vì mạng lệnh mà đè ép xua đuổi ai.¹⁵

Ca dao, tục ngữ nêu lên nhiều câu rất cảm động về công ơn sâu dày và tình thương bao la của cha mẹ đối với con cái. Trong phạm vi bài viết, xin được nêu lên một vài minh chứng:

“Công cha như núi Thái Sơn.”

“Ơn cha nặng lắm ai ơi!”

“Trông lên thấy đạo cha già,

Lòng con tưởng nhớ xót xa rầu rầu.

Xa cha lòng những quặn đau,

Biết ngày nào mới cùng nhau quây quần.”

Cái tình của đấng sinh thành nơi thế gian đã ban cho chúng ta cái hình hài thể chất còn như thế, hà huống chi là lòng của Đại Từ Phụ nơi cõi vô hình un đúc nên thánh chất thiêng liêng cho con người còn sâu dày đến chừng nào nữa.

Lòng Thầy thương cả chúng sinh,

Trong tình Tạo hóa trong tình thiên nhiên.¹⁶

Và trong Tam Kỳ Phổ Độ này Thầy không lúc

nào rời xa con cái của Người. Sự gắn gũi thiêng liêng này không thể dùng lời mà diễn tả cho hết được, mà chỉ có sự cảm ứng mẫu nhiệm nơi lòng tịnh khiết, nơi sự thanh tịnh của tâm linh mới chứng thực được.

Thầy buộc mình hứa cùng Ngọc Hư Cung rằng: Nếu Đạo còn thì Thầy cũng theo gìn các con. (...) Vì vậy mà Thầy chịu ép lòng để cho các con hằng nhớ rằng: chẳng giờ phút nào Thầy xa các con hết, nghe à!¹⁷

CON THẦY THÌ PHẢI GIỐNG THẦY

Thượng Đế vì đức hạo sanh đã sáng tạo ra vũ trụ vạn vật, trong đó có con người. Ngài đã ban cho bậc thượng đẳng chúng sanh đầy đủ quyền năng pháp nhiệm. Con người là tiểu linh quang phát xuất từ Thượng Đế là khối Đại Linh Quang. Trời có ba vật báu là: nhật, nguyệt, tinh, thì con người cũng có ba vật báu là: tinh, khí, thần. Trời có ngũ hành là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; thì con người cũng có ngũ tạng là: tâm, can, tì, phế, thận. Tuy tên gọi có khác nhau, nhưng vẫn tương ứng, tương liên. Khi con người nhìn vào vũ trụ bao la bên ngoài có những gì thì lúc soi vào nội thể bên trong của chính bản thân mình đều có đủ. Vì thế, con người được gọi là “tiểu vũ trụ” hay “tiểu thiên địa”.

Đức Thượng Đế là Cha linh hồn của vạn vật chúng sanh, là Đấng Từ Phụ của con người nơi thế gian. Ngoài bốn phạm báo hiếu công ơn sanh thành phần “xác thân phàm trần” của cha mẹ, con người còn có bốn phạm báo hiếu công ơn sanh thành phần “xác thân thiêng liêng” của Đấng Cha Trời. Tuy nhiên, sự thể hiện lòng hiếu đạo có ý nghĩa nhất đối với Thầy lại chính là sự thể hiện tình thương giữa con người với nhau. Tình thương thật sự được phát xuất từ nơi sâu thẳm của đáy lòng, chứ không phải từ lời nói ở cửa miệng đầu môi.

Nếu các con thật hiếu được Thầy, thật hiếu với

14. Đức Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 26-02 Mậu Thìn (16-4-1928).

16. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

17. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 25-02 Mậu Thìn (15-4-1928).

Thầy như hơi thở của các con không bao giờ quên, thì chừng ấy mới mong bắt chước theo Thầy mà hành động.

Lâu nay nhiều con đã lầm lời tán tụng Thầy bằng bài thương yêu, rằng Thầy là Cha của sự thương yêu, bởi thương yêu mới dựng nên càn khôn thế giới. Nhưng có mấy con đi đúng lời ấy đâu!¹⁸

Thầy không dạy con người phụng sự cho Thượng Đế, mà chỉ cần con người thương yêu nhau, giúp đỡ nhau, hợp tác nhau, đem đạo lý giác ngộ cho nhau để cùng nhau xây dựng thế giới này trở thành cõi thiên đàng cực lạc. Tuy nhiên, vì một lý do nào đó mà chúng ta không thể thông cảm nhau được, không thương nhau được, Thầy không cho phép chúng ta ghét nhau, nghịch lẫn nhau. Do thất tình lục dục chi phối, bức màn vô minh phủ mờ, nên chúng ta không nhận ra mối liên hệ mật thiết giữa con người, vốn dĩ là anh em với nhau, vì cùng thọ nhận điểm linh quang từ Đấng Đại Từ Phụ.

Thầy không đòi hỏi các con phải làm những gì đem lại riêng tư cho Thầy. Thầy luôn luôn dạy các con phải thực hành đạo lý cho các con cái của Thầy, nghĩa là phải giác ngộ cho nhau, thương yêu dạy dỗ, đùm bọc cho nhau, bảo tồn cho nhau để cùng

nhau được sống trong cảnh thái hòa, cùng hưởng hạnh phúc với nhau mãi mãi, chứ không được thù hằn ganh tị, ghen ghét hại nhau rồi tự diệt nhau, vì các con là một trong vạn vật chúng sinh mà vạn vật chúng sinh là bản thể của Đạo, mà bản thể của Đạo tức là bản thể của Thầy. Các con có thương nhau tức là các con đã thương Thầy. Nếu các con ghét nhau, chính là các con ghét Thầy. Mà Thầy có bao giờ làm gì đến nỗi để các con ghét Thầy, có phải vậy hờn các con?¹⁹

Đến thế gian trong kỳ mật pháp này, Thầy đã nêu hạnh khiêm tốn cho hàng môn đệ noi theo. Khiêm tốn là hạ mình để nhường cho người khác vị trí cao hơn mình. Hạnh khiêm tốn giúp cho con người thăng tiến trong việc tu học. Bởi lẽ, biển học bao la trong khi sự hiểu biết của mình thì hữu hạn, càng học càng thấy mình dốt. Hạnh khiêm tốn giúp cho mọi người sống trong tình hòa mục chan hòa với nhau vì không ai tự nhận mình hơn người khác, luôn đặt mình ở vị trí khiêm hạ. Thánh nhân dạy con người cách xử thế khôn ngoan là cho dù mình khôn ngoan hơn người nhưng lúc nào cũng xem như ngu dốt, dù mình có công cao hơn thiên hạ nhưng lúc nào cũng nhường phần

thường cho người khác, dù mình có sức mạnh hơn người cũng tự xem mình là yếu, dù mình giàu có vô vàn nhưng cũng tự xem mình là nghèo khổ. Trong việc rèn tác phong đạo hạnh, luôn tự nhủ công tu còn siển bạc; trong việc tu học hành đạo, luôn tự nhủ bản thân còn khiếm khuyết; trong việc bồi công lập đức, luôn tự nhủ công quả còn ít ỏi. Chính hạnh khiêm tốn sẽ giúp cho con người không ngừng vươn lên, không ngừng tiến bộ trong trường tiến hóa.

Các con coi bậc Chí Tôn như Thầy mà hạ mình đặng độ rồi như sanh là thế nào, phải xưng là một vị Tiên Ông và Bồ Tát, hai phẩm chót của Tiên, Phật. Đáng lẽ thế thường phải để mình vào phẩm tối cao tối trọng, còn Thầy thì khiêm nhường là thế nào! Vì vậy mà nhiều kẻ môn đệ cho Thầy là nhỏ. Cười!

Hạnh khiêm nhường là hạnh của mỗi đứa con, phải noi theo gương Thầy mới độ rồi thiên hạ đặng. Các con phải khiêm nhường sao cho bằng Thầy.²⁰

TẠM KẾT

Đấng Đại Từ Phụ do đức hạo sanh vô lượng vô biên đã sanh hóa ra càn khôn thế giới, vũ trụ vạn vật, trong đó có con người. Trong Nhứt Kỳ và Nhị

18. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

19. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Hội Thánh Hậu Giang, 14-7 Kỷ Dậu (26-8-1969).

20. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 05-8 Bính Dần (11-9-1926).

Kỳ Phổ Độ, Đức Thượng Đế đã cử các bậc Giáo tổ, là hóa thân của Ngài đến trần gian lập nên các tôn giáo để giác ngộ, thức tỉnh chúng sanh hồi đầu hướng thiện. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, cuối Hạ nguơn mạt kiếp, Đức Thượng Đế đích thân lâm phạm dùng huyền diệu cơ bút để khai minh Đại Đạo cứu độ vạn linh sanh chúng. Đây là một sự kiện vô cùng hi hữu từ khai thiên lập địa cho đến nay nơi quả địa cầu này, nhân loại được hạnh hưởng đại ân cứu độ. Thật vậy, Đức Thượng Đế đã ban Đại ân xá kỳ ba để con người được hưởng “đại ân và đại xá”, đã ban Tân pháp Cao Đài phù hợp với căn trí chúng sanh thời đại khoa học tân tiến làm phương tiện để thực hiện mục tiêu Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát. Đây quả

thật là cơ hội “ngàn năm một thuở”, là cơ hội vàng để con người tìm thấy con đường trở về quê cũ.

Đức Thượng Đế không đến thế gian như là Chúa tể càn khôn thế giới một cách thậm thâm vi diệu, mà Ngài đến nơi đây như người Cha thiêng liêng gần gũi thân thương. Từ Phụ đến thế gian như thế đó, Ngài dùng cách xưng hô là “Thầy” và tất cả chúng sanh là “các con”. Thầy đã từ bỏ ngôi vị nơi Bạch Ngọc Kinh, lập đại nguyện đến cõi trần gian trọng trước này quyết lòng cứu độ toàn linh vốn là con cái của Ngài đang chìm đắm trong dục giới.

Thầy vì tình thương vô lượng đã đưa tay đến với con cái của Ngài, thì các con cái nơi trần thế cũng phải đưa tay đón nhận ơn thiên khảo để tự

giải thoát trầm luân. Phận làm con, lẽ tất nhiên, phải báo đáp đại ân vô cùng to lớn của Cha Trời đã tạo hóa mảnh hình hài thiêng liêng gọi là tiểu linh quang. Thầy không đòi hỏi con cái của mình báo đáp thâm ân sanh hóa, mà chỉ cần mọi người thương yêu nhau trong tình Tạo hóa. Con người thực hành tình thương với nhau và thể hiện tình thương đối với muôn loài vạn vật, tức là đã báo đáp hiếu đạo một cách thiết thực. Tuy nhiên, nếu con người không thương nhau được thì Thầy không cho phép ghét nhau. Thầy đã nói, hễ con cái ghét nhau, tức là ghét Thầy.

Khi nội tâm con người đạt đến thanh tịnh, vô dục, vô niệm, tự khắc sẽ giao cảm cùng Thầy, sẽ thấu hiểu được Lòng Từ Phụ. ■



THÁNH GIÁO

Nhấp chén trà sen vị ngọt ngào,
Hương xuân nồng ấm thú tiêu dao,
Kìa hoa hoa nở vì ai đó,
Theo luật sinh tồn Đấng tối cao.
Cao vọi kiển khôn thi tới chung,
Quyển năng Tạo Hóa đã vô cùng,
Tình thương vạn đại hòa chan khắp,
Lai tảo lai trì vẫn một khung.
Khung cửa rèm che án gió xuân,
Người ơi! Hãy cuốn tấm phong trần,
Cho lòng hứng lấy nguồn sinh lực,
Cho chí vươn lên ngọn đuốc thần.

ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 07-01
NHÂM TÝ (22-02-1972). ■

Nguyên nhân sứ mạng hồi ai ơi!
Phải giữ nguyên sanh của đất trời,
Biết sống Đạo hòa cùng nhân thế,
Gót đại thừa trải khắp nơi nơi.
Nơi người đều có điểm linh quang,
Cũng một tình thương Đấng Ngọc Hoàng,
Tất cả quay về tâm chí thiện,
Thế gian sẽ biến cảnh thiên đàng.
Thiên đàng biết nẻo khá lần lên,
Sứ mạng thiên ân một chí bền,
Xuân đạo, xuân tâm, xuân vĩnh cửu,
Đối thù vượt khỏi mới làm nên.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO
LÝ, 01-01 QUÍ HỢI (13-01-1983). ■

Đêm Rằm tháng 10 Giáp Dần (28-11-1974), nhằm ngày kỷ niệm đại lễ Khai Minh Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã được Đức Chí Tôn ban đặc ân, giáng lâm dạy Đạo:

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG, *Thầy các con. Thấy mừng các con. Hôm nay các con hội hiệp cùng nhau thiết lễ Khai Minh Đại Đạo, Thầy cùng chư Phật Tiên giáng trần ban hồng ân cho các con.*

THI

*Chan rưới hồng ân trẻ gọi nhuần,
Tu thân hành đạo độ sanh dân,
Cho nên chút phận nơi trần thế,
Trở lại Thiên cung hợp điểm Thần.
Thầy ban ơn, miễn lễ các con đồng an tọa nghe
Thầy dạy.*

Hỡi các con!

THI BÀI

*Thầy mừng thấy các con hội hiệp,
Cùng vui ngày giao tiếp Đạo khai,
Nam phương mở rộng Cao Đài,
Trường thi Đại Đạo hồng khai hội nầy.
Cơ phục thi văn xoay diễn biến,
Luật tuần huân luân chuyển không ngừng,
Dặn con từ lúc đầu xuân,
Hè sang, thu mãn, đông quân lại về.
Trải một cuộc giác mê nhân sự,
Đường trăm năm sanh tử luân hồi,
Tiến trình Thầy dặn khúc nôi,
Cao Đài lý Đạo con ôi học hành.*

Thầy mở ra trường thi Đại Đạo: “Nam phương mở rộng Cao Đài, – Trường thi Đại Đạo hồng khai hội nầy.” Thầy còn chỉ rõ tiến trình hành đạo, dặn dò con cái phải cố gắng học hành giáo lý Cao Đài. Lòng Thầy từ bi vô lượng, mở trường thi mà vẫn thường xuyên cung cấp cho bài vở, nhắc nhở sĩ tử học thi. Người học thi là người đạo Cao Đài, thi đậu trường Đại Đạo mới được phát bằng Con Người Đại Đạo.

Trước khi tìm hiểu thế nào là “Con người Đại Đạo”, chúng ta hãy định tâm, xem trong lãnh vực tôn giáo, hiện giờ chúng ta là ai? Câu trả lời đơn giản sẽ là: “Mình là người đạo Cao Đài”. Thật vậy, đơn giản như người tín hữu Công giáo, như người tín đồ Phật giáo... Nhưng nghĩ thật kỹ, có phải chỉ đơn giản như thế không?

Khi nhập môn vào Đạo là tự nguyện bước qua ngưỡng cửa Cao Đài. Sự tự nguyện đó có nhiều nguyên nhân thúc đẩy. Do cha mẹ, ông bà hay quyến thuộc là người đạo Cao Đài. Do đi tìm một chỗ dựa tâm linh. Do có đức tin nơi Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Tất cả đều bình thường, và vẫn bình thường trong mọi sinh hoạt cúng kính, lễ lạc của người giữ đạo. Nhưng có phải tất cả mọi người đều ý thức, đều nhớ rằng mình đã trở thành một phần tử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ? Mà Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc phi thường, kỳ diệu trên tất cả những gì phi thường kỳ diệu trên thế gian, từ thiên thượng đến thiên hạ, từ quá khứ đến vị lai.

Phần tử này không phải là một hạt cát trong bãi cát, một hạt lúa trong đám lúa, hay một con người bình thường sanh ra trong thời hiện đại. Nếu con người này đã tự đặt mình vào Tam Kỳ Phổ Độ bằng giác ngộ thật sự thì sẽ trở thành một con tin của Thượng Đế Cao Đài, hay hơn nữa có thể trở thành “một thiêng liêng” tại thế.

Nên Đức Đông Phương Chương Quân đã xác nhận cái giá trị quý báu hi hữu của người đạo Cao Đài như sau:

Nhớ rằng mỗi một đơn vị nhơn sanh đều có Thượng Đế và phép nhiệm mầu nơi nội tại. Ráng công phu tu dưỡng để sớm thị hiện sự nhiệm mầu đó trước sự tự cứu và cứu tha nhân.

Thứ nữa, Bản Đạo gợi ý sau đây để chư hiền đệ muội hãnh diện và giựt mình vì sự quan trọng đó:

Trong vạn hữu chúng sanh mà được sanh làm người là rất quý.

Làm người sớm giác ngộ là cái quý thứ hai.

Trong hàng Đạo hữu ý thức được Đạo là cơ cứu rồi tự cứu cứu tha đó là cái quý thứ ba.

Trải qua mấy mươi năm tao loạn còn sống sót và giữ Đạo được đến ngày nay là cái quý thứ tư.

Học được Đạo pháp chơn tu để thoát thai thánh hóa là cái quý thứ năm.

Trong biển pháp mênh mông mà gặp Thầy gặp bạn dắt dìu, đó là cái quý thứ sáu.

Trong khi khắp nơi điên đảo dao động chẳng dám nói lời Đạo công khai, những ngày sóc vọng không dám tới Thánh đường, trong bản tự khai lý lịch không dám ghi mình là tín hữu Cao Đài, trong lúc đó chư hiền đệ hiền muội đầy đủ các điều kiện để tu học hành đạo là cái quý thứ bảy.

Giờ đây chỉ còn ý chí tâm tư can trường cố gắng chấp trì Đạo pháp đến ngày viên mãn là cái quý thứ tám mà cũng là cái quý chót vậy.¹

Học lời dạy trên đây, hẳn nhiên ai cũng hãnh diện với những cái quý đã kể, nhưng cần nhấn mạnh những chữ “nhớ rằng” và “ý thức được”. Vì nếu “quên rằng” và “không ý thức được” thì còn có những gì để hãnh diện?

Trở lại ý thức “người con tin của Thượng Đế”, có phải chỉ các bậc hướng đạo hay chức sắc thiên phong mới được xem là người con tin của Thượng Đế? – Nếu đã là người đạo Cao Đài đúng nghĩa, thì ai cũng trở thành con tin của Thượng Đế cả. Thật vậy, làm “con tin” này rất đơn giản:

Người tín hữu Cao Đài phải hiểu,

Bổn phận mình lo liệu trước tiên,

Gia trung thê tử chỉ truyền,

Rồi ra khắp cả xóm giềng giáo dân.²

Như vậy thì người vào đạo tu thân không có nghĩa là trốn lánh việc đời, mà phải hòa mình

trong việc đời để trước hoàn thiện hóa bản thân mình, rồi hoàn thiện hóa những người khác.³

Nếu đã giác ngộ đúng mức, thì người đạo Cao Đài bình thường cũng trở nên người sứ mạng, như lời Đức Mẹ dạy: “Các con tiếp tục siêng tu siêng học giúp đỡ người đời, làm sáng điểm Đạo tự hữu của họ. Đó là sứ mạng Thiên ân chấp trì quyền pháp của con đó vậy.”⁴

Ngược lại: “Nay được gặp thời kỳ ân xá mở rộng pháp môn, Thiêng Liêng chống con thuyền đưa người vượt qua bể ngạn, nếu ai không giác ngộ thì khó sang qua đời thánh đức và khó vào cõi an lạc.”⁵

Nói tóm lại, để làm người đạo Cao Đài đúng nghĩa, thật đơn giản mà cũng rất vinh diệu, hơn nữa, mặc nhiên mang lấy sứ mạng rất đặc biệt trong thời Tam Kỳ Phổ Độ này như Thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo: “Người đạo Cao Đài là gương mẫu, là chiếc đò, là nhịp cầu đưa khách từ bến mê sang bến giác, là điện đài thu phát động năng thúc đẩy sự thống hiệp giáo lý, là tính chất của Tạo Hóa kết hợp sự thương yêu cho toàn diện thế giới Nhơn loài.”⁶

CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

KHÁI NIỆM CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

Trong bộ Thánh giáo Cơ Quan, kể từ khi mới thành lập, lần đầu tiên Ôn Trên sử dụng cụm từ “con người Đại Đạo” vào năm 1972 do Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân dạy tại Chí Thiện Đàn về “Minh đức trong con người Đại Đạo”.⁷

Lần thứ hai, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhắc đến khái niệm con người Đại Đạo vào năm 1980: “Quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10-5 Bính Thìn (07-6-1976).

2. Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-8-1969).

3. Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành Thánh Thất, 15-02 Kỷ Dậu (01-4-1969).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (3-10-1979).

5. Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-5 Đinh Tỵ (17-6-1977).

6. Ngọc Minh Đài, 15-7 Canh Tuất (16-8-1970).

7. Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), 26-8 Nhâm Tý (03-10-1972).

ngõ rồi cũng quy về nơi biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên. Ai chưa ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo.”⁸

Đọc kỹ thánh giáo trong hai lần này, chúng ta thấy Ôn Trên bắt đầu nâng ý thức về người đạo Cao Đài lên nhận thức về con người Đại Đạo.

Lần đầu, không phải ngẫu nhiên Đức Hiệp Thiên Đại Đế nói đến con người Đại Đạo khi dạy về cương lĩnh “Minh đức” trong sách Đại Học của Nho tông. Theo Nho gia, Minh đức là cái đức sáng nơi nội tâm con người. Cái đức sáng ấy không đơn thuần là trí thông minh, mà là lương tâm, lương tri hay hơn nữa là thiên tâm. Nên trước khi dạy về Minh đức, Ngài mở ra một tiền đề như sau: “Trước khi nhìn rõ hơn về Minh Đức, cũng nên có một cái nhìn sơ qua về Đại Đạo, hơn nữa, con người Đại Đạo. Đã biết Đạo là cái gì bất khả ngôn khả thuyết, nhưng nó hiện hữu mọi nơi, mọi thời mà mang cho quần sinh một sức sống miên trường không hư mất từ đời này sang đời nọ, từ nơi này sang nơi khác, để thể hiện cái đức sinh tồn của Tạo Hóa bằng tình thương Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.”

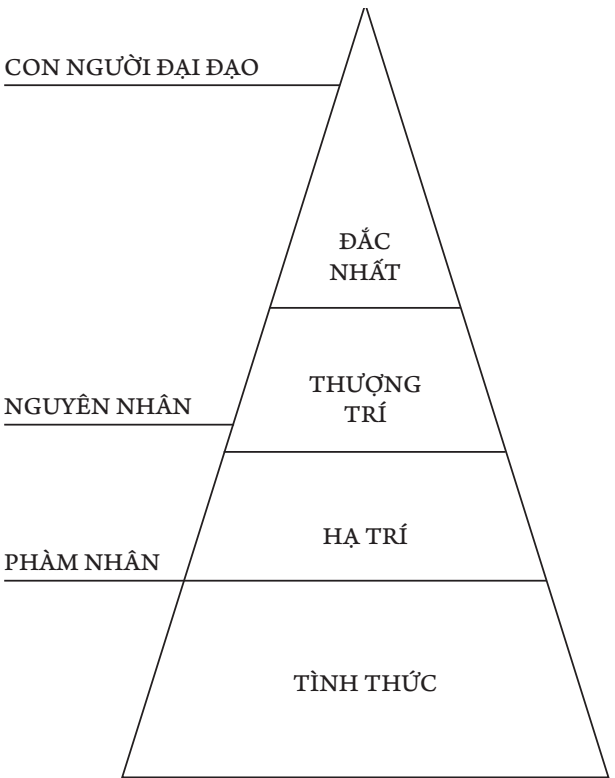
Trong cái nhìn về Đại Đạo trên đây của Đức Quan Thánh Đế Quân, chúng ta thấy đã hàm ý về đức tính con người Đại Đạo là “thể hiện cái đức sinh tồn của Tạo Hóa bằng tình thương Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.” Đây cũng chính là ý nghĩa của nguyên văn câu “Đại học chi đạo tại minh minh đức” trong sách Đại Học. “Minh đức” là “đức sinh tồn” tiềm ẩn nơi mỗi con người; và “minh Minh đức” là thể hiện, phát động cái đức ấy thành tình thương, thành hành động tương thân tương ái giữa mọi người để cùng tiến hóa.

Lần thứ hai, Đức Giáo Tông cho ta khái niệm sứ mạng của con người Đại Đạo là “sứ mạng

Thiên ân”. “Thiên ân” có nghĩa thọ nhận ân Trời, nên sứ mạng Thiên ân còn được gọi là “sứ mạng thể Thiên hành hóa”, tức thay Trời hành đạo, giáo hóa nhân sanh. Nhưng muốn trở nên bậc Thiên ân, phải đứng vào “chủ vị” của con người Đại Đạo. Chủ vị đó là “biển cả”, là “bản thể vô biên”, tức là đứng trên vị trí của tâm vô phân biệt, tâm đại đồng, mang bản chất của bản thể đại đồng dân tộc, hơn nữa, bản thể đại đồng nhân loại. Đó chỉ mới là cái TÂM, còn cái ĐỨC của con người Đại Đạo đứng vào chủ vị ấy chính là “sứ mạng cứu độ Kỳ Ba”. Và hơn nữa, “sứ mạng cứu độ Kỳ Ba trong quyền pháp Đạo”, vì phải ở trong quyền pháp Đạo mới duy trì được Thiên ân.

Phác họa sơ đồ tổng thể các tầng lớp tâm thể con người hoàn chỉnh, chúng ta sẽ thấy rõ hơn chỗ đứng của con người Đại Đạo.

Trước hết, Con Người Đại Đạo phải là một Nguyên nhân; đó là người đạt đến thượng trí tức cái chơn tri làm chủ mọi tri thức (hạ trí) và tình thức. Kế đến, Nguyên nhân ấy thọ bẩm tinh thần đặc nhất của tâm linh (thuộc cõi Bồ



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CỦA CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Canh Thân (28-5-1980).

đề) để sử dụng chơn trí của thượng trí mà thi hành sứ mạng.

Như thế bản chất của người Thiên ân sứ mạng là bản chất Đại Đạo, là tinh bác ái bao dung tất cả khiến người sứ mạng hành động vô tư, hiệp nhất được mọi đối tượng trên từng nấc thang tiến lên lý tưởng chân thiện mỹ của loài người. Chỉ có bản chất Đại Đạo mới hóa giải được mọi đổ vỡ phân ly hận thù trong lòng nhân thể gây ra biết bao sóng gió phũ phàng cho cuộc đời. Nên “hoài bão sau cùng của sự rạn nứt tinh thần nhân loại cũng nhắm vào chất nhựa tình thương phát nguyên từ nguồn sống đạo vô biên.”⁹

SỨ MẠNG CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

Khái niệm về con người Đại Đạo và vị trí của con người Đại Đạo đã phần nào gợi ý cho chúng ta về sứ mạng này. Để hiểu rõ hơn nữa, cần nghiên cứu thêm những Thánh huấn đặt trọng tâm vào “sứ mạng Thiên ân quyền pháp”.

- Sứ mạng con người Đại Đạo là đem lại nguồn an lạc vĩnh cửu cho nhân sanh. Muốn thế, chính người sứ mạng trước nhất phải tìm thấy nguồn an lạc vô tư vô chấp trong nội tâm, như lời dạy của Đức Mẹ:

“Kỳ Hạ nguơn cộng nghiệp, các con phải thấy ân phước mà đừng để kẻ khác nhắc nhở. Tình Vô Cực rất bao la, nhưng Thiên luật công bình không mảy lỗi. Mẹ mong muốn các con nam nữ đã được nhận lấy sứ mạng Thiên ân quyền pháp đem lại nguồn an lạc vĩnh cửu cho nhân sanh. Các con hãy khai nguồn an lạc riêng con cho thông suốt, đừng để vướng bận hoàn cảnh đa diện bên ngoài mới chóng thành công.”¹⁰

Khi đạt được niềm lạc đạo ấy rồi thì người con tin của Thượng Đế sẽ tự ý thức trách nhiệm trước nhân sanh. Vì “đã tin thì chính mình là Đạo, phải thay Trời mà vận hành tự cường bất

túc.”¹¹ Đó là điều kiện mà Đức Mẹ gọi là “phải khai nhập được Đạo ở chính mình rồi mới được sứ mạng Thiên ân.”¹²

- Sứ mạng con người Đại Đạo là “sứ mạng cứu độ Kỳ Ba trong quyền pháp Đạo”.

- Sứ mạng Kỳ Ba: nói một cách khái quát, sứ mạng Kỳ Ba là sứ mạng Qui Nguyên. Tam giáo-Vạn giáo qui nguyên về Đại Đạo. Con người qui nguyên về Nhân bản. Đạo pháp qui Tâm. Nhân loại qui nguyên về Bản thể đại đồng. Tất cả đều hướng về cứu cánh Thượng Đế.

- Quyền pháp Đạo: là Thiên cơ, Thiên luật, Thiên điều để gìn giữ chánh pháp Đại Đạo mà khi khai Đạo, Đức Chí Tôn ban xuống trong Pháp Chánh Truyền và Nhân sanh dâng lên trong Tân Luật. Quyền pháp là khả năng chuyển đưa thiên lý và tình thương đến mọi đối tượng của sứ mạng. Tóm lại, Quyền pháp Đạo là đường lối thực hiện cơ cứu độ đúng theo Thánh ý Thiên cơ trong Tam Kỳ Phổ Độ.

- Sứ mạng con người Đại Đạo là sứ mạng Thiên nhân hiệp nhất.

Như Ông Trên đã dạy trên đây, bản thân người sứ mạng phải đắc Nhất, đắc Đạo rồi mới nhận được quyền pháp.

Có quyền pháp rồi mới vận hành thiên lý vào vạn giáo, vạn pháp, vạn loại để đồng hội nhập vào Cơ cứu độ Kỳ Ba. Vì như Thánh huấn của Đức Đông Phương Chương Quân đã dạy: “Nhớ rằng mỗi một đơn vị nhơn sanh đều có Thượng Đế và phép nhiệm mầu nơi nội tại. Ráng công

9. Đức Phan Thanh Giản, Trúc Lâm Thiển Điện, 08-4 Tân Hợi (02-5-1971); Thánh Giáo Sứ Tập 1970-1971, tr.214.

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn (07-9-1976).

11. Văn Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

12. “Các con phải khai nhập được Đạo ở chính mình rồi mới được sứ mạng Thiên ân, thì do theo đạo tự nhiên đó mà tu tiến. Các con đừng bao giờ để một vọng niệm thường tình làm áp đảo lòng con bởi những bất mãn bất bình lật vật rồi con sanh ra tư tưởng ngược lại Thiên cơ. Các con phải nhận thấy sứ mạng của mình trong giai đoạn này trước nhất. Có như thế thì dòng Thiên ân sứ mạng đối với các con sẽ là một dòng cam lồ len chảy vào khắp tâm thần trí não của các con. Chừng đó Thiên ân sứ mạng mới thật sự hoàn thành, các con mới lèo lái được thuyền từ qua bến giác và chính con cũng đã đứng bên bờ giác hóa rồi vậy”. (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Kỷ Mùi, 10-5-1979)

phu tu dưỡng để sớm thị hiện sự nhiệm mầu đó trước sự tự cứu và cứu tha nhân.”

Tóm lại, công năng của con người Đại Đạo là cầu nối giữa Trời (Thiên thượng) và Người (Thiên hạ), làm cho thiên hạ hiệp nhất được với thiên thượng, vạn linh hiệp với Chí linh mới đủ sức hoàn thành Cơ cứu độ.

CHỨNG ĐẮC CỦA CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

Chúng ta đã thấy con người Đại Đạo là Nguyên nhân đắc Nhất, thường là những trang sứ mạng Thiên ân quyền pháp. Không phải tìm kiếm đâu xa, cứ nhìn lại những tấm gương tiền bối gần gũi chúng ta nhất thuở sanh tiền, rồi đọc lại những dòng khẩu khí và tâm tư của các Ngài gọi lại chúng ta sau khi trở về ngôi vị cũ, chúng ta sẽ nghiệm thấy chỗ chứng đắc của con người Đại Đạo.

Xin đơn cử Ngài Cố Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương, Tiên vị Quảng Đức Chơn Tiên bày tỏ sự đắc Nhất, đắc Đạo của Ngài qua các đoạn thi bài sau:

*Cao Đài là cái đài cao,
Vượt lên tất cả đón rào ngăn che.
Thấy tỏ rõ mà nghe thấu suốt,
Có gì đâu hạn cuộc được ta,
Ngoài trời Thượng Đế bao la,
Trong lòng vạn tượng cũng là Chí Tôn.
(...)
Quyền pháp vốn trung tim vũ trụ,
Vạn sanh đều có đủ pháp quyền,
Tình thương sự sống vô biên,
Cùng chung Thượng Đế không riêng được nào.
Biết sống đạo gìn câu Trung Đạo,
Ở hay về hoài bão như xưa,
Ai ơi! sứ mạng Đại Thừa,
Trọn đời gồng gánh chưa vừa chưa ứng.¹³*

CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO VÀ SỰ KIẾN LỊCH SỬ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

Giữa thời mạt pháp, Đức Chí Tôn Khai Đạo không phải chỉ để mở ra một tôn giáo mới, thật

ra để soi sáng lại nguồn gốc của Chân Thiện Mỹ, nguồn sinh lực hóa sanh dưỡng dục chúng sanh. Nên khai Đạo tức là khai minh Đại Đạo. Đối với vạn giáo, khai minh Đại Đạo có ý nghĩa phục hưng chân truyền của các đấng Giáo tổ để hướng dẫn nhân sanh tín đồ sống lại đời sống tâm linh hướng thượng.

Đối với con người Đại Đạo, khai minh Đại Đạo là làm sáng tỏ cái Đạo tự hữu trong nội tâm để có khả năng đánh thức điểm Đạo huyền nhiệm của mọi người. Nhờ đó, từ một con người Đại Đạo sẽ có thêm trăm ngàn người Đại Đạo, tất cả hợp thành ánh đuốc tâm linh xóa tan màn đêm u tối của dục vọng, chia rẽ, hận thù...

Với những con người Đại Đạo trong các tôn giáo, các tôn giáo sẽ hợp thành “thực thể Đạo cứu thế” có năng lực cứu độ siêu mầu vượt trên mọi dị biệt sắc tướng hay giáo điều kinh điển.

Trong đại lễ Khai Minh Đại Đạo, sau khi Đức Chí Tôn tấn phong các phẩm chức sắc, những người dự lễ đã trải qua một cuộc thử thách đức tin trầm trọng. Tiếp theo là một thử thách nữa về tinh thần hy sinh phụng sự Đạo, cứu độ nhân sanh. Ngay trong buổi lễ Khai Đạo, Đức Chí Tôn giáng lâm hỏi những ai sẽ tự nguyện đi truyền Đạo ra Trung Bắc. Trong hoàn cảnh thời đó, nước nhà chưa độc lập, nhân dân còn nghèo đói, giao thông cách trở, nhất là hai miền Trung, Bắc Kỳ. Quả là Thầy vừa muốn thử thách đức tin và chí hy sinh, vừa muốn dạy cho con cái Ngài bài học của Con người Đại Đạo. Nghĩa là người nào đã được lập vị vào hàng môn đồ hướng đạo của Thầy, đương nhiên đã thọ Thiên ân và mặc nhiên phải lãnh lấy sứ mạng Đại Đạo. Đó là “Qui ước” của con người Đại Đạo.

Thế nên Khai Minh Đại Đạo không chỉ là Khai Đạo bằng một cuộc lễ, tại một địa điểm, trong một thời điểm nhất định. Cái dấu ấn của Rằm tháng 10 năm Bính Dần đã mở ra đại cuộc khai minh Đại Đạo trong Tam Kỳ Phổ Độ cho mỗi con người, mỗi tôn giáo, mỗi dân tộc và toàn cả thế giới nhân loại vô giới hạn không gian thời

(XEM TIẾP TRANG 41)

13. Minh Lý Thánh Hội, 07-6 Tân Dậu (08-7-1981).



XUÂN THÁI HÒA VẠN VẬT CHI CƠ

■ HOÀNG MAI

Đêm giao thừa năm Nhâm Tý Đức Chí Tôn có dạy: “... Xuân thái hòa vạn vật chi cơ...” Tạm dịch: mùa xuân là nguồn khởi phát đạo thái hòa cho muôn loài vạn vật.

XUÂN THÁI HÒA LÀ SỰ CẢM ỨNG GIỮA THIÊN ĐỊA CÙNG VẠN VẬT

Trời đất lấy 2 khí âm dương mà hóa sinh muôn vật. Con người nhờ 2 khí âm dương mà nuôi sống cơ thể và tu hành tấn hóa.

Thầy dạy: “Âm dương là cái pháp nhiệm mầu, sâu kín Thiên cơ. Có câu: “Nhất âm nhất dương chi vi Đạo.” Âm dương ấy hiệp nhất thì phát khởi càn khôn. Khí âm cướp một phần chơn dương của ngôi Kiền. Kiền mới hóa ra Ly. Ly là Thái

Dương (mặt nhật). Khôn đặng chơn dương biến thành Khảm. Khảm là Thái Âm (mặt nguyệt).

Trong âm ấy có lẫn lộn một phần chơn dương mới lũng đưng thăng lên là nhờ huyền khí. Kiền mất một hào dương mà lẫn lộn phần âm vào nên bị khí âm nó trầm xuống thành Càn lìa ngôi mà Khôn thất vị. Tiên Thiên mới biến thành Hậu Thiên. Hà Đồ phải hóa Lạc Thư gọi rằng: “Tứ cá âm dương cộng thành Bát Quái.” Âm dương ấy có khi động, khi tĩnh, lúc giáng hồi thăng mà dưỡng dục muôn loài vạn vật.”¹

Khảm Ly, Thủy Hỏa là đầu mối sự sinh tồn của vạn vật.

Thái Âm (mặt nguyệt), tượng trưng quẻ Khảm nghĩa là nước. Trong thiên nhiên thủy là nước, nước thể hiện ra nhiều dạng khác nhau: nước thể lỏng, hơi, mây, mù, sương, mưa, tuyết. Nước ở sông, ngòi, lạch, ao, suối, thác... và ở nhiều chỗ khác nhau: nước ngầm trong đất, nước ở trong con người, trong động vật và thực vật.

Thái dương (mặt nhật), tượng trưng quẻ Ly, Ly là hỏa, là nóng sáng. Lửa có nhiều dạng khác nhau, ở nhiều chỗ khác nhau: lửa mặt trời, lửa trong lò, trong lòng đất, trong sấm, chớp; lửa trong con người, trong động vật là thân nhiệt sưởi ấm cơ thể.

Nội Kinh viết: “Thanh Dương là trời, trọc Âm là đất,

1. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 03-8 Bính Tý (18-9-1936).

khí đất bốc lên thành mây, khí trời giáng xuống thành mưa, mưa làm ra bởi địa khí, mây làm ra bởi thiên khí.”²

Thế nên, mọi sự sống trên trái đất đều do sự giao nhau của thủy và hỏa. Mặt trời chiếu xuống, hơi nước bốc lên, thì mới có mây mưa, mọi sinh vật mới được nuôi dưỡng và tồn tại.

(...) “Trong một năm, tháng Dần thì Thiên khí thượng thăng, Địa khí hạ giáng, gọi là Thái; nơi tháng Thân, thì Địa khí thượng thăng, Thiên khí hạ giáng là Bĩ.”³

“Trong một tháng, ngày mùng 8 giờ Tỵ, tấn tam dương gọi là Địa Thiên Thái.”⁴

Trong một ngày, giờ Mão Dậu là âm dương hòa hợp.

Âm Dương trong một năm, thì cũng như âm dương trong một ngày. Đồi bên đều là Một khí, của trời đất.

Khí trời, khí đất tương giao tạo nên khí Thái hòa, tạo nên sức sống cho muôn loài vạn vật. Mùa Xuân chứa đựng đức Nguyên của đạo Kiển, là nguồn khởi phát của đạo Thái Hòa, là sự chuyển mình của Tạo Hóa để trường dưỡng vạn vật theo đúng thời tiết nhịp nhàng. Khí trời – dương khí giáng xuống làm ấm áp vạn vật, hòa vào lòng đất cho hoa, cỏ nảy chồi, đơm hoa, kết quả. Khí đất – địa khí bay lên hòa cùng mây gió tạo nên thời tiết dịu hòa, tươi đẹp.

*Cứ mỗi độ trần này xuân đến,
Là chu trình định mệnh diệt sanh,
Hạ, thu, đông ấy Trời dành,
Cho loài nhỏ nhút hóa sanh kịp kỳ.⁵
Mùa xuân ấy Trời dành vạn vật,
Mùa xuân là tánh chất nước non,
Chuỗi đời trăm hạt xây tròn,*

Xuân về đem lại hàn ôn chuỗi đời.⁶

Xuân, Hạ thuộc dương, Thu, Đông thuộc âm. Âm cực dương sanh; dương cực âm sanh, đó là lý vận hành của Tạo Hóa phân chia 4 mùa 8 tiết điều hòa cho vạn vật sanh sôi tồn tại.

Ai đã từng trải qua, từng chịu đựng cảnh rét mướt thấu xương của mùa đông mới cảm nhận được những giây phút mơn mõi chờ cái ấm áp, dịu hòa của mùa Xuân là quý giá. Xuân là hy vọng, là canh tân để xóa đi những nỗi nhọc nhằn trong cơn giá rét.

Ai đã từng ngắm hàng cây xơ rơ, xơ xác đứng bên đường, hoa cỏ, côn trùng đang ẩn mình trong sương tuyết mới thấy rõ sự diệu dụng của mùa Xuân, khí Xuân điều hòa cho vạn vật sum sê cành lá.

*Hoa tươi trở sum sê cành tốt,
Đón xuân về hứng đợt sương rơi,
Hoa xuân hé nở nhụy cười,
Cảnh xuân nhộn nhịp nơi nơi tưng bừng.⁷*

Tuy nhiên nét đẹp nhứt của mùa Xuân là sự giao cảm, có giao cảm mới đạt đến sự thái hòa.

Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt dạy:

Này chư hiền đệ, hiền muội! Thiên địa năng hành, bốn mùa tám tiết không một giây phút nào ngừng nghỉ. Vạn vật nhờ đó mà sanh trưởng phát triển điều hòa, thảo mộc nhờ đó mà trở lá kết hoa, thú cầm nhờ đó mà sanh sôi nảy nở, v.v.

Vạn vật có sinh tồn là nhờ biết giao cảm được với lẽ vận hành của Trời Đất mà hòa mình cùng Thiên Địa.⁸

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã cho chúng ta những ví dụ rất gần gũi: “Con chim hạc là một giống cầm, biết đến giờ Tý mà trở canh. Con chim yến lại biết tìm lấy ngày Mão Kỷ cho hạp thời để sắp ổ mà sinh sản, con rắn

2. Nội Kinh Tố Vấn, Thiên năm: Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận.

3. Nguyễn Văn Thọ, Ngô Chân Trực Chỉ, Quyển 3.

4. Thanh Tịnh Kinh, Phẩm 9, “Khí Chất”, Minh Thiện Việt dịch.

5. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30–12 Quý Sửu (22–01–1974).

6. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01–1 Ất Tỵ (02–02–1965).

7. Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển 1, 1961, trang 11.

8. Ngọc Minh Đài, 01–01 Giáp Dần (23–01–1974).

lại biết ngày Tỵ là ngày sát mạng mà chẳng qua đường.”⁹

Chim én biết mùa Xuân ấm áp bay về từng đàn kết bạn cùng nhau.

Còn con người thì sao? Con người là đầu mối giao hòa, giao cảm giữa trời, đất và vạn vật.

XUÂN THÁI HÒA LÀ SỰ GIAO CẢM GIỮA CON NGƯỜI VÀ VẠN VẬT

Mùa Xuân đem lại sức sống cho vạn vật chuẩn bị cho một chu kỳ mới, một sức sống mới.

*Sắc thiên nhiên điểm màu non nước,
Ánh xuân quang tỏa rực bầu trời,
Ngày xuân vạn vật vui tươi,
Cỏ hoa đua nở dạo đời canh tân.*¹⁰

Mừng Xuân, hoa cỏ đua chen khoe sắc thắm để đáp ơn Tạo Hóa và để phô bày hương sắc cống hiến cho đời.

*Sắc mai trở một trời quang ánh,
Nhụy mai phong lóng lánh hạt châu,
Gió đông phơ phất dạt dào,
Vì đời mai trở để hầu đón xuân.*¹¹

Thảo mộc, cỏ hoa vì đời mà xanh tươi, đơm hoa, trở lá. Còn con người có giao cảm với cỏ, hoa chăng? Chúng ta hãy cùng bước vào vườn hoa của thi sĩ Nguyễn Bính, người được mệnh danh là thi sĩ của “hương đồng, cỏ nội”.

Mùa Xuân thuộc hành Mộc, ứng với màu xanh, màu xanh tượng trưng cho sự hy vọng của con người và trong lòng thi sĩ Nguyễn Bính, niềm hy vọng đó gắn liền màu xanh của đất nước của quê hương qua những vần thơ mộc mạc.

“Mùa xuân là cả một mùa xanh
Giời ở trên cao, lá ở cành
Lúa ở đồng tôi và lúa ở
Đồng nàng và lúa ở đồng anh.”¹²

Ở đây, bầu trời trên cao, vạn vật dưới thấp như hòa quyện vào nhau trong màu xanh tươi thắm, trời xanh, lá xanh, lúa xanh. Lúa xanh không chỉ ở cánh đồng của tôi, mà còn ở cánh đồng của anh và của nàng – một sức sống hy vọng lan tỏa giữa người và người, giữa người và vạn vật.

Thi sĩ đã thổi hồn vào cho mỗi một loài hoa, đâu chỉ là loài hoa vương giả: đào, lan, mai, cúc... mà mỗi loài hoa đều là hoa cau, hoa cải, hoa chanh, hoa bưởi, hoa cam, hoa hướng dương, hoa dâm bụt, hoa súng... cũng đều xinh tươi, khoe hương khoe sắc trong tiết xuân sang, vui đùa cùng bướm bướm.

“Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.”¹³

“Nhà tôi có một vườn dâu
Có giàn đỗ ván có ao cấy cần
Hoa đỗ ván nở mùa xuân
Lúa dâu tháng tháng, lúa cần năm năm.”¹⁴

Còn nhà thơ Đinh Hùng với tâm hồn nhạy cảm và cái nhìn nghệ thuật, đã tả chân những con vật rất dễ thương đang hòa mình với rừng xuân, suối bạc, mây trắng, đá xanh.

“Đầu xuân có rừng xuân đẹp,
Suối bạc ngấn vàng long lanh,
Con hươu sao quý khấp nép,
Uống ngọc bên hòn đá xanh.
Đầu xuân có dòng sông trắng,
Thuyền ai chờ khách nằm đây,
Con chim nhạn biếc theo mây,
Trên bến cát hồng xa vắng...”¹⁵

Con người gần gũi, yêu mến thiên nhiên, hoa, cỏ; Còn hoa cỏ thì có cảm ứng được với con người hay không?

“Giữa thập niên sáu mươi, nhà Bác học Cleve Backster chế ra máy Dò Nói Dối, người Mỹ gọi

9. Đạo Nguyên Chánh Nghĩa, Vinh Nguyên Tự, 2008, trang 59.

10. Đức Lý Giáo Tông, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

11. Đức Ngô Đại Tiên, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

12. Mùa Xuân Xanh

13. Xuân về

14. Nhà tôi

15. Đinh Hùng, Thanh Sắc.

là Lie Detector hay Polygraph, máy này có thể phát hiện những thay đổi về mạch đập, những bất thường của nhịp thở, v.v. mà Backster cho rằng do tinh thần căng thẳng, không giữ được bình tĩnh khi người bị thẩm vấn có những điều uẩn khúc, những chuyện muốn giấu diếm, máy này đem lại kết quả tốt nên năm 1986 để điều tra những nghi can...

Từ đó, tên tuổi Ông được nhiều người biết đến, nhưng Ông chỉ thật sự nổi danh và được các khoa học gia thế giới cảm phục khi ông tình cờ tìm ra thảo mộc có tâm linh hay là cây cỏ có khả năng biết được ý định của con người.

Một buổi sáng được nghỉ, Ông ngồi ngắm những chậu hoa, những chậu cây trong nhà, như một nhân duyên, Ông chú ý đến một cây có lá to và dày như lá đa trong một chậu cảnh, đã một tuần không được tưới nước, đất khô, thân cây cũng khô. Ông bỗng nảy ra ý định:

Thử cắm hai đầu dây của một điện kế (galvanometer) cực nhạy vào cái lá rồi tưới nước vào gốc cây. Nước dần dần lên thân và lá, nhưng cây kim điện kế vẫn đứng im. Rồi một ý nghĩ khác đến với ông:

Hay là thử đốt chiếc lá này xem sao? Ông chỉ mới có ý nghĩ đốt chiếc lá tức thì kim điện kế bỗng nhảy lên như bị điện giật. Ông tự hỏi, chẳng lẽ ông nhìn lầm? Chẳng lẽ lá cây đọc được tư tưởng của ông mà biểu lộ phản ứng sợ hãi hay sao?

Nghĩ như vậy ông làm thử lần thứ hai. Tay cầm hộp quẹt như sắp sửa đốt chiếc lá, nhưng Backster tự nhủ sẽ không đốt; thì điện kế cũng không nhúc nhích.

Lần thứ ba ông nhất định sẽ đốt chiếc lá. Lúc đó trong phòng lặng gió kim điện kế đột nhiên nhảy mạnh. Nhìn chiếc lá bị đốt một phần Backster thấy sung sướng trong lòng vì sự tình cờ mà biết được linh tính lá cây. Sự khám phá này làm ông thích thú hơn là phát minh ra máy Dò Nói Dối hồi ba thập niên trước. Sau đó, ông và các cộng sự viên đã nghiên cứu thận trọng tới 25 loại cây cỏ khác nhau gồm nhiều loại lá, loại

quả và loại củ. Sau đó, ông chính thức công bố rằng: “Cây cỏ có trực giác tâm linh...”

Thực tế, giáo lý Cao Đài cũng đã dạy: khoáng sản, thảo mộc, cầm, thú đều có sanh hồn và giác hồn nên chẳng những “vạn vật có sinh tồn là nhờ biết giao cảm được với lẽ vận hành của Trời Đất mà hòa mình cùng Thiên Địa” lại còn giao cảm với con người.

Mùa xuân dưới bàn tay chăm sóc, phân bón của nghệ nhân, cây cỏ, hoa lá, đá sỏi đã trở thành những tác phẩm nghệ thuật để đem lại lợi lộc cuối năm, đồng thời cũng đáp ứng được nhu cầu sáng tạo cho cuộc sống thế gian được muôn màu muôn vẻ; người người cũng nhờ hoa lá, cây cảnh điểm tô cho không gian nhà cửa, vườn tược thêm thoáng mát, đẹp xinh. Thế nên, mùa xuân là dịp người và hoa cỏ gần gũi nhau hơn lúc nào hết.

Đối với người tín đồ Cao Đài đã hiểu rõ lý “Thiên địa vạn vật đồng nhứt thể”, người và vạn vật cùng đều có điểm Linh Quang của Thượng Đế phát ban; hơn nữa, trong chúng sanh, con người với vị trí là thượng sanh có nhiệm vụ thương yêu, chăm sóc, bảo vệ và giúp cho đàn em nhỏ nhoi của mình được tiến hóa từ cấp thấp lên cao. Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Sứ mạng cao cả đã được đặt định cho loài thượng đẳng chúng sinh ở cõi này là sứ mạng vì nhân, được thay Trời mà quản cai muôn vật trong luật tắc hóa sinh sinh hóa, và có đủ quyền năng tự giải thoát để tiến hóa.”¹⁶

Do đó, mùa xuân về, Đức Lê Đại Tiên đã có lời chúc lành đến đàn em nhỏ bé từ khoáng sản, thảo mộc, thú cầm:

*Chúc khoáng sản an nơi lòng đất,
Đã muôn năm ẩn dật giúp đời,
Quả hoa nhờ đó tốt tươi,
Khởi lòng tham dục của người tóm thâu.
Chúc thảo mộc chầm sâu gốc rễ,
Hút nước phân đất Mẹ nên hình,*

16. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi.

*Sum sê cãnh lá sản sinh,
Đơm hoa kết trái đáp tình non sông.
Chúc thủy tộc côn trùng điều thú,
Khắp biển sông rừng rú đó đây,
Khởi cơn bom đạn bởi cày,
Khai quang hóa học hình hài chết non.*¹⁷

Khi chúng ta gần gũi yêu thương thiên nhiên vạn vật và yêu thương con người là chúng ta đã thể hiện được phần nào tình yêu thương của đấng Tạo Hóa, vì mùa xuân “là biểu tượng cho sự ấm áp, cho tình thương nơi Thầy và cho sự sống vĩnh cửu hằng hữu với vũ trụ không gian.”¹⁸

XUÂN THÁI HÒA LÀ SỰ GIAO CẢM GIỮA CON NGƯỜI VÀ CON NGƯỜI

Đức Mẹ dạy: “Đạo theo đức Nguyên là thể hiện được lòng Trời, thương yêu dưỡng dục chan hòa mọi kẻ, mọi nơi, không riêng tư, không cá biệt, làm cho thiên hạ nên, mọi người được yên ổn mà không thấy mình là kẻ tạo nhân hay ân nhân trong thiên hạ.”¹⁹

Mùa Xuân về, mọi người đều chuẩn bị đón Xuân. Có khác nhau chăng là cung cách đón Xuân. Xuân nồng ấm, Xuân thanh tao, Xuân đạo đức, Xuân đau thương, Xuân hoài niệm... tất cả đều xuất phát từ nội tâm và hoàn cảnh của mỗi con người. Nhưng đâu con người có hơn hờ đón Xuân hay hờ hững với Xuân như lời thơ của thi sĩ Hàn Mặc Tử “Ta có chờ đâu có đợi đâu, ai đem xuân đến gọi thêm sầu...” thì Xuân vẫn đến theo định luật tuần hoàn “Xuân về Xuân lại Xuân đi, thời gian vô tận Xuân thì vô chung.”

Có ai đó đã trải qua cuộc đời hoang phí, hay ngược lại, đang sống trong tâm trạng yêu đời nên cứ theo dõi bước chân Xuân mà nuối tiếc, mà lo sợ Xuân xanh sẽ qua, tuổi trẻ, tình yêu sẽ

trở thành hoài niệm, nên đếm từng mùa Xuân đi mà bản khoăn nuối tiếc, vì tuy mùa Xuân thời gian vẫn trở lại, nhưng tuổi Xuân của con người thì cứ hờ hững trôi đi.

“Xuân đang đến nghĩa là Xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là Xuân sẽ già
Và Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất.”²⁰

Có những con người do nghiệp lực nặng oằn nên đành sống trong hoàn cảnh, tâm lý đau thương như lời Đức Mẹ nhắc nhở chúng ta trong lúc xuân về:

“Các con cứ vui hưởng những ngày xuân còn lại đi, để rồi tiếp tục hướng về chân Mẹ, và nhớ là trong lúc các con hỉ hạ với trời xuân thì ở những nơi nào đó, ở những thế giới nào đó đang có những người, những loài không hưởng được mùa Xuân ngoài sự đau khổ giày vò.”²¹

Đức Chí Tôn còn chỉ rõ cho chúng ta thấy hoàn cảnh cụ thể của thế nhân: “Lại còn có những con bản hàn đới rét lạnh lóc dãi nắng dầm mưa, kiếm đồng tiền bát gạo chốn nước đục, hồ ao và có những con hành khát lang thang đây đó để tìm nguồn sống mà bao lòng từ thiện ban cho.”²²

Thật là:

*Bóng nhật nguyệt khôn soi chậu úp,
Màu tang thương chẳng chút lạt phai,
Triền miên trong kiếp đọa đày,
Hạ thu đông mãn ai hoài với xuân.
Tươi nước mắt để vắng hoa nở,
Bón tâm tình cho rở sắc hương,
Chờ Xuân trong cảnh đoạn trường,
Rước Xuân về để canh tân cho đời.*²³

Những lời dạy tha thiết trên với mục đích là nhắc nhở con cái Thầy Mẹ cần bớt đi những vui chơi hao tổn tinh thần, sức khỏe cho việc thường xuân vật chất và cần thể hiện lòng bác

17. Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 01-01 Ất Mão (11-02-1975).

18. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

19. Đức Vô Cực Từ Tôn, Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

20. Vội vàng – Xuân Diệu

21. Đức Vô Cực Từ Tôn, Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

22. Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển 1, 1961, trang 10.

23. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

ái, vị tha bát ngát tình thương, biết cảm thông, xoa dịu nỗi đau đớn về tinh thần, tình cảm của con người, biết động lòng trắc ẩn đối với kẻ bạc phước gởi đất màn sương mà quan tâm chia sẻ. Điểm quan trọng là phải xuất phát từ tâm thiện từ, chứ không phải vì những mục đích khác; Được như thế là chúng ta đã, đang hành được Đạo Thái Hòa giữa người và người và đó cũng chính là cầu nối để chúng ta dễ dàng cảm ứng với Thiên Địa.

XUÂN THÁI HÒA LÀ SỰ CẢM ỨNG GIỮA CON NGƯỜI CÙNG THIÊN ĐỊA

Trong Nam Hoa Kinh, ngoại thiên, Chương 5-2, Lý tưởng của đế vương (Ứng đế vương), Trang Tử có kể câu chuyện sau: Vua Nam Hải tên là Mau Lẹ; vua Bắc Hải tên là Thành Linh; vua Trung Ương tên là Hỗn Độn [tức không phân biệt]. Một hôm Mau Lẹ và Thành Linh gặp nhau ở xứ của Hỗn Độn, được Hỗn Độn tiếp đãi trọng hậu, muốn đáp lòng tốt đó, bàn với nhau: “Người ta ai cũng có bảy lỗ để nghe, ăn và thở; mà anh Hỗn Độn không có một lỗ nào cả, tội mình thử đục cho anh có đủ lỗ đi.” Thế là mỗi ngày họ đục một lỗ, tới ngày thứ bảy Hỗn Độn chết. Vì sao Hỗn Độn chết? Thật sự, chết đây ý nghĩa là biến sinh một dạng khác thay dạng cũ.

Câu chuyện trên ngụ ý sâu sắc về sự biến dịch từ Tiên thiên sang Hậu thiên, từ vô vi, vô hình, vô tượng đến hữu vi, hữu hình, hữu tượng của vũ trụ, con người.

Về ý nghĩa Tiên Thiên: Hỗn Độn, Hỗn luân, là hiện tượng vũ trụ, thế giới trước khi khai thiên địa. Trước khi Thái Cực phân chia tam tài (Trời, Đất, Người) còn hàm ngụ ở bên trong, nên gọi là Hỗn Độn, Dịch gọi là Vô Cực, Khí Hổng Mông: nghĩa là khí lộn lạo chưa phân biệt âm dương rõ rệt, khi Thái Cực đã phân chia thì Âm Dương cách biệt. Khí khinh thanh bay lên thành Trời, Khí trọng trọc thành Đất. Thanh trọc hỗn tạp pha trộn với nhau thành Người. Khinh thanh là Khí, Trọng trọc là Hình. Hình Khí hợp với nhau là Người.

Tuy nhiên nếu khí dương cứ bay lên, khí âm giáng xuống, đôi đảng phân ly làm sao hóa sanh vạn vật. Nên Âm dương cần giao cảm, giao hoán nhau mới sanh ra vũ trụ vạn vật. Nên khi một niệm sanh hóa vừa khởi là trong âm đã có dương, trong dương đã có âm. Hay nói cách khác, là trong quẻ Càn tượng trưng cho trời đã xuất hiện một hào âm của quẻ Khôn ở giữa, như thế Càn biến thành Ly và ngược lại trong quẻ Khôn tượng trưng cho đất đã xuất hiện hào dương của Càn biến thành quẻ Khảm. Như lời dạy của Đức Chí Tôn mà đạo muội đã trình bày ở đoạn đầu: “Âm dương ấy hiệp nhất thì phát khởi càn khôn. Khí âm cướp một phần chơn dương của ngôi Kiền. Kiền mới hóa ra Ly. Ly là thái dương (mặt nhật). Khôn đang chơn dương biến thành Khảm. Khảm là thái âm (mặt nguyệt).”

Vì sao Trang Tử lại đặt tên cho hai ông Bắc (hướng Bắc) và Nam (hướng Nam) đi thăm và đục lỗ cho ông Trung? Ở Bát quái hậu thiên, hướng Bắc là quẻ Khảm, hướng Nam là quẻ Ly.

Ý nghĩa hậu thiên trong việc hình thành con người: Trở về câu chuyện ông Hỗn Độn, để tìm hiểu việc hình thành con người, hai ông ở bể Nam và bể Bắc muốn cho ông Hỗn Độn giống như con người là có bảy lỗ: hai mắt thấy, hai lỗ tai để nghe, hai lỗ mũi để thở, để ngửi và một cái miệng để ăn, nói.

Tuy nhiên, thực tế con người đầu chỉ có bảy lỗ ở phần trên mặt (tượng trưng thất khiếu). Nếu tổng cộng luôn ở phần hạ tiêu của con người còn có hai lỗ sinh hóa để duy trì nòi giống con người và hậu môn để bài tiết, cộng chung thì có chín lỗ gọi là cửu khiếu. Ở đây nếu chúng ta sắp theo thứ tự từ trên mặt xuống dưới sẽ thấy:

Hai con mắt tượng trưng cho hào âm trên cùng thượng lục. Hai lỗ tai tượng trưng cho hào âm kế tiếp lục ngũ. Hai lỗ mũi tượng trưng cho hào âm kế tiếp lục tứ. Một cái miệng trưng cho 1 hào dương cửu tam. Một lỗ sinh hóa, tượng trưng 1 hào dương cửu nhị. Một lỗ hậu

môn tượng trưng 1 hào dương, sơ cửu. Hình thành quẻ ĐỊA THIÊN THÁI

Thế nên, cấu tạo từ nền tảng ngoại hình ở trên đầu (đầu tròn tượng trưng Thái Cực có Nê Hoàn Cung, còn gọi là Cao Đài, là nơi Thầy ngự, là nơi Thiên Nhân hiệp nhất), trên mặt của mỗi người cũng đã tượng trưng cho Thái, Thái của con người có thể hòa hợp với Thái của đất trời trong cơ sanh hóa.

Điểm huyền diệu sự giao hợp của lý âm dương đã thể hiện cụ thể là khí âm (tượng trưng quẻ Khôn) thì ở phần dương (trên đầu) khí dương lại ở phần âm (ở giữa lỗ sinh hóa và hậu môn là huyết Hội Âm).

Hay nói theo “Thanh Tịnh kinh” là: “Thanh giả trước chi nguyên, động giả tịnh chi cơ.” Thanh: là nhẹ nhàng, trong sạch, trước là nặng nề, dơ dáy. Nguyên là nguồn đầu. Tịnh là vô vi, động là hữu vi. Cơ là căn bốn (nền tảng).

TẠI LÀM SAO MÀ CÁI THANH LÀ NGUỒN ĐẦU CỦA CÁI TRƯỚC?

Trời vốn là thanh khí bay lên, mà thứ thanh khí này lại do nơi đất mà phát sanh. Đất vốn thể âm trước, do âm cực mà sanh dương, trước im lặng mới sanh thanh. Người nam thân thể thanh tịnh, người nữ thân thể ô trước. Tuy là thân thể thanh tịnh, nhưng nguồn đầu ở nơi thân ô trước mà ra.

Đạo luyện đơn cho thần là bốn thể thanh dương, mà nguồn đầu của thần lại do chỗ trước (hậu thiên) mà hoá ra thành dương tinh, do dương tinh mà sanh khí, do khí mà sanh thần. Cho nên nói: luyện tinh hoá khí, luyện khí hoá thần, há không phải cái thanh là nguồn đầu của cái trước sao?”²⁴

Trời có Nhật, Nguyệt, Tinh tượng trưng cho Tinh, Khí, Thần. Đất có Thủy, Hoả, Phong. Người có tam bửu: Tinh, Khí, Thần được biểu hiện ở ngoại hình, trên mặt là hai mắt, là cửa của Thần xuất nhập. Hai lỗ mũi là cửa của khí xuất nhập và một miệng là cửa để nạp ngũ cốc, ngũ khí tạo thành tinh huyết cho con người.

Theo Hải Thượng Lãn Ông, một danh y của Việt Nam cho rằng Thủy Hỏa tiên thiên là nguồn gốc sinh ra con người, hay gọi là chân thủy, chân hỏa. Chân tức là khí chân nhất (chân là thực, nhất là 1, một là số bắt đầu và tạo nên mọi số), Chân thủy, chân hỏa là Thủy Hỏa vô hình. Tuy là vô hình nhưng luôn luôn tồn tại trong cái hữu hình và thể hiện ra cái hữu hình mà chúng ta có thể hiểu được là Tâm và Thận. Tâm là Hỏa, Thận là Thủy. Tâm Thận chính là trục Nam, Bắc của Bát quái Hậu Thiên.

Theo ông: “Tính của Hỏa thì bốc lên, thời phải bắt cho nó đi xuống, tính Thủy thấm xuống nên khiến cho đi lên, Thủy lên Hỏa xuống gọi là giao nhau tức Thủy Hỏa ký tế (quẻ Ký Tế). Thủy Hỏa, tâm thận không giao nhau thì gọi là vị tế. Hoà ấy tức là dương khí, thủy tức là âm tinh” hai bên hỗ căn thời gọi là Âm Dương hòa bình. Ông nói tiếp: “Quẻ Khôn trên, Kiền dưới là Địa Thiên Thái. Kinh Dịch nói “Trời đất giao hòa thì vạn vật được hanh thông. Trong nhân thể, khí Tỳ Thổ đưa lên phế, khí Phế Kim đưa xuống tỳ, thì các nước tinh vi phân bố mọi nơi khắp trong cơ thể là “Thái”. Đó là Âm, Dương giao nhau mà khí huyết được điều hòa. Quẻ Càn ở trên, quẻ Khôn ở dưới, là “Thiên Địa Bĩ”, Kinh Dịch nói trời đất không giao hòa thì vạn vật không được hanh thông, ở trong nhân thể thì Âm khí của tỳ không thăng lên tới phế, dương khí của phế không giáng xuống tới tỳ, âm dương cách trở nhau, trên dưới không thông với nhau là Bĩ. Đó là bịnh quan cách.”²⁵

Những nghiên cứu trên đã chứng minh một phần nhỏ cấu tạo con người quả thật là tiểu thiên địa giống in Đại Thiên Địa như lời Đức Mẹ đã dạy: “Các con là vật tối linh trong

24. Thanh Tịnh Kinh, phẩm 4 Tam Tài, Minh Thiện Việt dịch, tài liệu lưu hành nội bộ.

25. Hải Thượng Lãn Ông, tập 1, Nhà xuất bản Y học, 1998, trang 224.

(TIẾP THEO TRANG 40)



■ THANH BÌNH

Cuộc nhập thể của Chúa Giê-su là một trong những sự kiện trọng đại trong lịch sử nhân loại. Thánh A-Tha-na-xi-ô¹, nhận định: “Thiên Chúa đến làm người để cho con người trở thành Thiên Chúa.”

CÓ MỘT Đấng THƯỢNG ĐẾ DUY NHẤT

Trong buổi bình minh văn minh nhân loại, khi người Trung Hoa cổ đại tin các vị vua đầu tiên của Trung Hoa là các bậc Thánh nhân đến khai hóa, giúp dân tộc Trung Hoa từ cuộc sống sơ khai thành một cuộc sống văn minh hơn: có nơi trú ngụ, biết cày cấy... thì tại vùng Mesopotania, Lưỡng Hà, Iran-Irac ngày nay, Đức Chúa Trời, Thiên Chúa, thị hiện theo phương cách của Ngài, mang chơn lý đến cho nhơn loại, thực hiện kế hoạch cứu độ nhân loại bằng một niềm tin: Có một Thiên Chúa, có một Đức Chúa Trời, có một Đức Thượng Đế Chí Tôn Duy Nhất.

Vào, 11-9-1926, Đức Gia Tô Giáo Chủ giảng đàn dạy:

“Ta mang chơn lý đến, và làm tan biến vô minh... Chơn lý bất di bất dịch ngự trị đời đời, đó là Thượng Đế tốt lành.

... Ta đã biểu lộ, tỏ rõ học thuyết Chí Linh.”²

1. Thánh Athanasius, Giám mục Tiến sĩ Hội Thánh, sanh năm 296 mất năm 373.

2. Đức Gia Tô Giáo Chủ, 11-09-1926, tr.9, 36 Bài Thánh Giáo Của Đức Gia Tô Và Các Thánh, Thánh Thất Bàu Sen, 2005.

Thiên Chúa đến làm người để cho con người trở thành Thiên Chúa

Chơn lý này được mạc khải trong Kinh Thánh.

KINH CỰU ƯỚC

Về hình thức: kinh do nhiều tác giả viết vào nhiều thời kỳ khác nhau, rải rác từ khoảng 1000 năm đến 100 năm trước khi Chúa Giê-su sinh ra.

Về nội dung: Cựu Ước là lịch sử dân tộc Israel (Do Thái). Nhưng lại là lịch sử có tính cách tôn giáo.

GIAO ƯỚC VỚI ÔNG ABRAHAM: HÌNH THÀNH MỘT DÒNG GIỐNG ĐÔNG ĐÚC ĐỂ PHỤNG THỜ THIÊN CHÚA

Vào khoảng thế kỷ 20 trước Thiên Chúa, vùng Lưỡng Hà, Iran, Irac ngày nay, Thượng Đế đã thị hiện cho ông Abraham bắt đầu xây dựng niềm tin vào một Thiên Chúa, vào một Thượng Đế duy nhất.

Thiên chúa giao ước với ông Abraham, Abraham sẽ là tổ phụ của một dòng giống vô cùng đông đúc có nhiệm vụ bảo vệ, duy trì, lưu truyền mãi mãi niềm tin vào một Thiên Chúa duy nhất.

Thiên chúa phán: “Hãy nhìn lên trời và hãy đếm tinh sao, nếu người có tài đếm được chúng”. Đoạn Người phán

bảo ông: “Dòng giống người sẽ như thế!” Và Abram đã tin vào Giavê (Thiên Chúa) và sự ấy, Người đã kể cho ông như sự công chính.”³

Hay là: “Phần Ta, nầy giao ước của Ta với người: người sẽ là Cha của hằng hà sa số dân tộc. Tên người không còn là Abram, tên người phải là Abraham, vì Ta cho người trở thành cha của hằng hà sa số dân tộc. Ta sẽ làm cho người nầy nở sinh sôi đông lắm, đông lắm. Ta sẽ cho phát xuất từ người nhiều dân tộc, và vua Chúa. Ta sẽ lập giao ước giữa Ta và người và dòng giống người sau người qua các thế hệ, làm giao ước vạn đại, ngõ hầu Ta là Thiên Chúa của người và của dòng giống người sau người.”

Qua lời dạy trên, Thiên Chúa giao ước với ông Abraham nhằm chứng tỏ: “Ta là Thiên Chúa của người và của dòng giống người sau người.”

Thánh Mô-sê với phiến đá Mười Điều Răn

GIAO ƯỚC SINAI: HÌNH THÀNH MỘT DÂN TỘC, MỘT TÔN GIÁO

Dòng giống Abraham đến sinh sống trên miền đất hứa Canaan. Sau vì đói kém, dịch

bệnh đã chuyển đến sinh sống tại Ai cập và bị đầy ải như nô lệ.

Thánh Mô-sê có sứ mạng dẫn dắt người Do Thái trở về Canaan, về miền đất hứa.

Khi ra khỏi Ai Cập, có nhiều nhóm nô lệ khác đi theo. Cuộc hành trình trong sa mạc có một nhu cầu đoàn kết tất cả những ai đã rời khỏi Ai cập với nhau để tồn tại. Cùng chấp nhận một nếp sống chung, một mục đích chung, dưới sự chỉ đạo duy nhất của Thánh Mô-sê.

Giao Ước Sinai, tượng trưng bởi 10 điều răn, cụ thể bằng Hòm Giao Ước, là giao ước nối kết tinh thần các chi tộc Israel thời lập quốc, là sự hùng mạnh của các vị vua: David, Salomon... thời độc lập, là niềm tin, luôn được nung nấu bằng các ngôn sứ, có một Thiên Chúa luôn gần gũi, cứu vớt cho dân tộc Do Thái khi lưu vong.

Giao ước Sinai qui định liên kết cộng đồng Do Thái thành một dân tộc thống nhất khi ra khỏi Ai Cập gồm một loạt các sự kiện, kéo dài trong nhiều tháng.

Hòm Giao Ước chủ yếu gìn giữ hai phiến đá ghi mười điều răn, mà Thiên Chúa đã ban trên núi Sinai để hình thành một tôn giáo.

3. STK 15,5-6

Hòm Giao Ước biểu tượng niềm tin vào Thiên Chúa, gọi là Lều Tạm, vì được dân Do Thái mang theo khi di chuyển trong sa mạc; là nơi dân Do Thái đến cầu nguyện với Thiên Chúa nên còn gọi là Lều Hội Ngộ, Trướng Tao Phùng.

Người dân Do Thái đi trong sa mạc, tập trung theo sau Lều Tạm như một đoàn rước, dẫn đầu là Hòm Giao Ước, phía trước luôn có một cột đám mây vào ban ngày, và ban đêm thể vào là cột lửa, tượng trưng cho Thiên Chúa dẫn đường.

Niềm tin Thiên Chúa là thực thể duy nhất trong Cựu Ước. Niềm tin này đòi hỏi dân Chúa kiên định tuân giữ giao ước với Thiên Chúa.

“Hỡi Israel, hãy lắng nghe, Thiên Chúa của chúng ta là Thiên Chúa duy nhất.”⁴

“Trước mặt ta người chớ có các thần khác.”⁵

Và “Thiên Chúa, là Vua và Đấng cứu chuộc của Israel, là Chúa toàn năng phán rằng: Ta là đầu tiên và cuối cùng, ngoài ta không có Thiên Chúa nào khác.”⁶

“Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai Cập, khỏi cảnh nô lệ.

Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.”⁷

Trong Tân Ước niềm tin kiên định này được lập lại “chỉ có một Thiên Chúa, không có thần nào khác”.⁸

TÂN ƯỚC: THIÊN CHÚA ĐẾN LÀM NGƯỜI ĐỂ CHO CON NGƯỜI TRỞ THÀNH THIÊN CHÚA

THIÊN CHÚA ĐẾN LÀM NGƯỜI

Trong Cựu Ước, Thiên Chúa đến cho một dân tộc, thì cuộc nhập thể của Chúa Giê-su để Thiên Chúa đi vào lịch sử nhân loại, Thiên Chúa đến giữa loài người:

“Lời đã thành xác phàm và lưu trú giữa chúng

tôi, và chúng tôi đã được nhìn ngắm vinh quang của Ngài...”⁹

Thiên Chúa đến làm người để con người biết có phần tối thượng đang ngự trị.

Trong tác phẩm “Tinh Ba của Đạo Cơ Đốc”¹⁰, Ludwig Feuerbach¹¹ Triết gia người Đức viết: “Con người có một thực tại tối thượng, Thượng Đế của chính mình, tồn tại trong bản thân. . Sự cảm nhận về Thượng Đế là sự cảm nhận cao quý nhất của con người về tự ngã. Thượng Đế chính là con người, con người chính là Thượng Đế.”¹²

ĐIỂM BẢN THỂ NÀY CÓ NHIỀU HÌNH THÁI, TÙY MỖI TRẠNG THÁI MÀ CÓ NHỮNG DANH GỌI KHÁC NHAU

Sách Đạo Học Chỉ Nam viết:

“Lấy hình thể bao la mà nói, thì gọi là Trời.

Lấy sự chủ thể sai khiến mà nói, thì gọi là Thượng Đế.

Lấy chỗ lưu hành vận dụng mà nói, thì gọi là Mạng.

Lấy chỗ phú bẩm nơi người mà nói, thì gọi là Tánh.

Lấy chỗ chủ sử sai khiến ở thân, thì gọi là Tâm. Đó là tùy theo mỗi trạng thái để phân định cái danh, kỳ thật cũng là một.”¹³

(Vương Dương Minh)

THIÊN ĐỊA VẠN VẬT ĐỒNG NHẤT THỂ

Điểm LINH QUANG là gì ?

“Là một cái yểng sáng mà thôi. Thái Cực là một “Khối Đại Linh Quang” chia ra, ban cho mỗi người một điểm “Tiểu Linh Quang” khi đầu thai làm người. Đến chết điểm linh quang ấy quay về hiệp nhứt với Đại Linh Quang.”¹⁴

Mỗi vật có Linh Quang cư tại,

Hồn thiêng liêng, vận tải sanh tồn;

4. STK 6. 4

5. STK 5. 7

6. Isaia 44. 6

7. Xh 20, 1, 2, 3

8. 1 Cô rin 8. 4

9. Ga 1, 14

10. The essence of Chirstianity

11. 1804-1872

12. <http://www.huongdaoonline.com.au>

13. Đạo Học Chỉ Nam, Chương Thứ Hai, Tiết 2, Mục 2.

14. Cao Đài Tiên Ông, Đại Thờ Chơn Giáo, Đản 20 Sept, 1936 – Ngày 5 tháng 8 Bính Tý

*Lạ gì có đại có khôn,
Bồi chúng thanh trước nên hồn thấp cao.¹⁵*

Bản thể đó có đầy đủ quyền tạo hóa:

“Thầy dạy lại các con những lời đã dạy:

Thầy đã Tạo Hóa vạn vật vũ trụ với đức hạo sanh. Thầy không ban riêng cho vật nào, giống nào hay nước nào. Tất cả vạn vật trên thế gian này đều sanh trong đức hạo sanh và diệt vong trong định luật của Thầy.

Các con, hay nói chung là nhân loại, những hột giống linh căn được chọn gieo vào vũ trụ, được ban phát quyền tạo hóa, để lập thành cuộc ngự trị cõi thế gian, mà các con gọi là đời.”¹⁶

ĐỂ CHO CON NGƯỜI TRỞ THÀNH THIÊN CHÚA: HI SINH ĐỂ PHỤC SINH

BÀI HỌC HI SINH – GƯƠNG HI SINH ĐỂ CÓ NGƯỜI HI SINH

Tin Mừng của Thánh Gio-an ghi:

“Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống.

Vậy, anh em hãy bắt chước Thiên Chúa, vì anh em là con cái được Người yêu thương”,¹⁷

Chúa Giê-su dạy trong Tam kỳ Phổ Độ:

Ta là một trong trường nhân loại,

Cùng thế gian, Ta phải gánh gồng;

Thà cam chịu đổ máu hồng,

Gương hi sinh để nhắc lòng hi sinh.¹⁸

Hi sinh là sức sống để duy trì chân lý. Lịch sử các tôn giáo đã chứng minh điều đó.

Một truyền thuyết nổi tiếng trong Kinh Thánh được một nhà văn Ba Lan viết thành sách, đoạt giải Nobel văn học, thể hiện giai đoạn truyền

đạo Thiên Chúa tại Rome, thủ đô đế quốc La Mã vào những năm 60–70 Dương lịch, khoảng 30 năm sau ngày Chúa tử nạn.

Quyển sách mang tên “Quo Vadis?” (tiếng La tinh) có nghĩa là “Đi đâu đó?”

Nội dung quyển sách mô tả Đế quốc La Mã dưới sự cai trị của Hoàng Đế Néron, nổi tiếng tàn bạo và đàn áp đạo Thiên Chúa. Thế mà Thánh Phê-rô, vị Giáo hoàng đầu tiên của Giáo Hội Thiên Chúa giáo phải thực hiện lời Chúa dạy là biến Rome, thủ đô đế quốc La Mã thành thủ đô Thiên Chúa.

Sau hàng loạt các cuộc đàn áp tín đồ Thiên Chúa diễn ra vô cùng khủng khiếp: đem ra đấu trường cho thú dữ xé thịt, đem đi đóng đinh, đem đi thiêu sống... Những người muốn sống sót phải bỏ đi. Thánh Phê-rô đành phải bỏ Rome mà ra đi.

Sự ra đi của Thánh Phê-rô có nghĩa là những mầm móng Thiên Chúa xây dựng tại Rome từ trước đến lúc bây giờ xem như hủy diệt, và sứ mạng truyền đạo tại Rome theo lời Chúa dạy kể như thất bại.

Trên đường rời khỏi Rome với đứa bé dẫn đường, Thánh Phê-rô thấy Chúa đi ngược chiều trở lại Rome, Thánh ngạc nhiên hỏi:

– Domine, Quo Vadis? Thưa Chúa, Người đi đâu đó?

Chúa u buồn nhìn Thánh Phê-rô và đáp lại:

– Khi người rời bỏ dân ta, ta phải đến Rome cho người ta lại đóng đinh ta lần thứ hai.

Thánh Phê-rô chợt hiểu, Thánh không thể bỏ rơi những người do Thánh mà đặt niềm tin nơi Thiên Chúa, nơi công bằng, nơi tình yêu. Họ đã vì đức tin đó mà hi sinh. Thánh phải ở lại để duy trì đức tin, những gì đã gieo.

Thánh lặng lẽ quay lại Rome. Đến lượt đứa bé dẫn đường ngạc nhiên hỏi thánh:

– Domine, Quo Vadis?

– Về Rome.

Thông suốt sứ mạng, Thánh thanh thản tiếp tục vai trò truyền giáo giữa lòng đàn áp, bạo tàn, máu lửa.

15. Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, 35. – Quả Báo Luân Hồi, Đàn 10 Octobre 1936 – Ngày 25 tháng 8 Bính Tý

16. Ngọc Hoàng Thượng Đế, Minh Lý Thánh Hội, Mừng 09 Tháng Giêng Mậu Thân (07-02-68)

17. 1 Ga 4, 9

18. Jésus-Ky-ris-tô, Hườn Cung Đàn, 03-12 Ất Tỵ, 1965, 36 Bài Thánh Giáo Của Đức Chúa Cha Và Các Thánh, tr.97

Chuyện phải đến đã đến. Thánh bị bắt và đem đi đóng đinh.

Con đường đưa Thánh lên đồi đóng đinh không còn là con đường đưa người tử tội đi hành hình, mà trở thành con đường đăng quang của người chiến thắng.

Thánh Phê-rô ung dung, uy nghi đi giữa binh sĩ và đám đông tin đồ đến đồi đóng đinh. Ngài hiểu rằng mình đã hoàn thành sứ mạng. Hạt mầm mà Thánh gieo sẽ nảy mầm. Rồi đây dân Rome sẽ trở thành dân Chúa, lâu đài ở Rome sẽ thành nhà Chúa. Hôm nay Thánh trở về quê bên chân Chúa đầy hân hoan, vinh quang.

Thật vậy, 300 năm sau, vị vua La Mã Constantine I công nhận Thiên Chúa Giáo như vua A Dục của Phật Giáo,

Và ngày nay, thánh đường Phê-rô là một trong những thánh đường nổi tiếng nhất thế giới. Và cũng tại quảng trường trước thánh đường này các vị giáo hoàng đến để ban phúc lành:

Urbi et Orbi: thành phố và thế giới trong lễ quan trọng nhất của Thiên Chúa Giáo là lễ Giáng Sinh.

Đó là phép lành mà thánh Phê-rô đã ban cho dân Rome và nhân loại trước khi bị đóng đinh.

Đức Lý Giáo Tông dạy năm 1972:

“Thành công không do những cái đã nắm đặt trong tay, thất bại không do những cái đã vượt khỏi tầm tay. Các bậc giáo chủ, Thánh nhân đều thành công trong mọi thất bại, vì họ đã thấu được lẽ quyền pháp cơ lý của chính họ trước thế nhân.

Này chư đệ muội! Dầu xưa dầu nay, những người thiên chúc nguyên nhân đều giữ vững niềm tự tin duy nhất để đạt Đạo, để thành công.”

Thật vậy, nếu Thánh Phê-rô không quay lại Rome, thì chắc gì Rome trở thành thủ đô Thiên Chúa?

HI SINH CÒN CÓ NGHĨA CHIẾN THẮNG TỘI LỖI ĐỂ PHỤC SINH

Giờ phút Chúa Giê-su thọ hình chịu khổ trên thập tự là giờ phút chiến thắng tội lỗi, giờ phút vinh quang. Thánh Gioan đã gọi giờ phút

của Chúa Giê-su trên Núi Sọ là giờ chiến thắng, “giờ Con Người được tôn vinh.”¹⁹

“Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự.”²⁰

“Vậy khi cái thân phải hư nát này mặc lấy sự bất diệt, khi cái thân phải chết này mặc lấy sự bất tử, thì bấy giờ sẽ ứng nghiệm lời Kinh Thánh sau đây: Tử thần đã bị chôn vùi. Đây giờ chiến thắng!”²¹

Theo giáo lý Cao Đài, sự bất diệt, sự bất tử đó là:

Cõi hậu thiên thân sanh vào đó,

Điểm tiên thiên sẵn có nơi thân,

Là mầm sống, là Nguyên Thần,

*Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.*²²

NIỀM TIN VÀO BẢN THỂ ĐẠI ĐỒNG

Tại Tòa Thánh Tây ninh, nơi bức tường Hiệp Thiên Đài, hướng ra ngoài, có hình Tam Thánh Ký Hòa Ước:

– Thanh Sơn Đạo Sĩ, tức là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, là người Việt Nam,

– Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tức là văn hào Victor Hugo của nước Pháp.

– Tôn Trung Sơn Chơn Nhơn, tức là Tôn Văn hay Tôn Dật Tiên, nhà đại cách mạng của nước Trung Hoa.

Các vị cùng hiệp nhau ghi lại hòa ước: Giao ước này chỉ có tám chữ.

DIEU et HUMANITÉ AMOUR et JUSTICE

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ BÁC ÁI CÔNG BÌNH

Trong Giao ước này, Thượng Đế nhằm thông báo cho nhân loại:

THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ

Tân ước, Giao ước mới, Chúa Giê-su giảng sinh, hi sinh tử nạn trên thập tự giá để phục sinh: nhằm đưa con người hiệp thông với Thượng Đế.

19. Ga 7

20. Pl 2 2, 8

21. 1 Cr 15, 54

22. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời 13 tháng 8 Kỷ Mùi, 1979.

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Chúa Giê-su giảng lâm theo đúng tiên tri: Ngài sẽ đến với nhân loại trong thời Hạ ngươn mặt kiếp này.

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, thể hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người, giữa Trời và người, giữa Chí Linh và vạn linh, giữa Thiên thượng và Thiên hạ, hay thể Thiên Nhơn Hiệp Nhất được Đức Thượng Đế Chí Tôn vận dụng thành một phương pháp cứu độ, Ngôi Lời nhập thể hay Cơ bút²³ trở thành một cơ cấu tổ chức trong Tam Kỳ Phổ Độ và tượng trưng cho sự trường tồn của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mối Đạo. Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.”²⁴

Thiên Nhân Hiệp Nhất là con đường và đích điểm tiến trình phản bốn hoàn nguyên.

BÁC ÁI CÔNG BÌNH: XÂY DỰNG XÃ HỘI ĐẠI ĐỒNG

Tam Thánh tượng trưng cho các nền văn minh tiêu biểu Đông Tây cùng hợp nhau xây dựng hòa bình cho nhân loại bằng bác ái công bình.

Muốn cho huynh đệ đại đồng,

*Trường giang vạn phái xuôi dòng về nguyên.*²⁵

Về nguyên là về gốc con người. Bác ái công bình là gốc con người. Còn được hiểu là tình thương, là nhân bản, là Trời, là Đạo, là Nhân của người. Gốc này là giai đoạn cuối cùng của tiến trình trở về nguyên của con người, nhưng lại là điểm đầu tiên để xây dựng xã hội đại đồng.

Đức Đông Phương dạy muốn trở lại gốc này, phải qua ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất: gốc cội của con người là gia đình: tổ tiên ông bà cha mẹ.

Giai đoạn thứ hai: là nguồn gốc xã hội. Xã hội nơi đây được chia thành hai phần: Xã hội dân tộc giống giòng là di sản dân tộc do bao thế

hệ gây dựng, vun đắp; Xã hội tôn giáo là công nghiệp của các giáo tổ khai sáng nền đạo.

Giai đoạn cuối cùng thứ ba, giai đoạn nhơn loại. Không còn là con người của gia đình, không còn là con người của quốc gia, con người tôn giáo, mà là con người đại đồng, con người muôn thuở muôn phương, tức là đại đồng của nhân loại.

Những giai đoạn trở về gốc để con người thực thi bốn phận của mình, tình thương của mình đối với gia đình, với quốc gia xã hội, với tôn giáo mình và nhân loại.

Con người không thể tỏ tình thương với đồng bào chủng tộc mà quên nghĩa sinh thành; cũng như con người không thể vì tình nhân loại mà phản bội lại tổ quốc dòng giống.

Dẫu ở bất cứ giai đoạn nào, con người phải là con người với bản thể đại đồng, con người muôn thuở muôn phương, vì khi còn ranh giới dị biệt là còn đối đầu phân chia.

Điểm đại đồng nhân loại, trở thành chơn lý thật sự ở mỗi cá thể con người. Chỉ khi nào con người nhìn về điểm chung nhất này, áp dụng trong mọi giai đoạn, trong mọi hoàn cảnh thì thế giới mới hòa bình.

Đức Chí Tôn dạy:

“Đại Đạo Khai Minh là để giúp các con, nhân loại trở về với chơn lý thật sự ở nơi mỗi cá thể chúng sanh.

Nếu các con hiểu lời Thầy: “Thầy là các con, các con là Thầy”, thì thế giới này sẽ hòa bình, cần khôn sẽ an định.”



Hơn 2000 năm trước, Chúa Giê-su đã đến với nhân loại theo như kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa, của Đức Thượng Đế Chí Tôn.

Một lần nữa, lịch sử được lặp lại. Dân tộc Việt Nam được hồng ân tiếp nối con đường cứu độ của Thiên Chúa, để làm nhịp cầu, làm bai hồ, làm chiếc đò đưa người về bến an lạc bằng con đường:

Sống lại lòng mình hồi thế nhân,

Trở về Thượng Đế tính đơn thuần,

23. Đức Gia - Tô giáo chủ, 11-09-1926, 39 Bài Thánh Giáo của Đức Gia Tô và Các Thánh, Thánh Thất Bàu Sen, 2005, tr.9.

24. Ngọc Hoàng Thượng Đế, 13 Février 1927 (Đinh Mão), Thánh Ngôn hiệp tuyển.

25. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng Hai Đinh Tỵ, 1977.

Không gây tham vọng không oan trái,
Nước mạnh dân an bởi hợp quần.²⁶

Bản thể đại đồng là điểm then chốt quan trọng cho ý hướng tìm kiếm hòa bình và quan điểm đồng nguyên của Đại Đạo chính là Thượng Đế tính đơn thuần, là điểm Đạo tự hữu nơi nội tâm của mỗi người.

Thượng Đế đã xuống làm người cách nay hơn 2000 ngàn năm, và đến thời đại Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài xuống thế bằng linh điển qua huyền cơ diệu bút để khai mở cái Đạo tự hữu ấy nơi con người hầu thúc đẩy các “con tin yêu” của Ngài: “thị hiện đức sinh tồn của tạo hóa bằng tình thương của Thượng Đế, bằng sự hỗ tương lẫn nhau trong cơ sinh tồn dưỡng dục và tiến hóa.”²⁷

Đó là ý nghĩa của câu: “Thiên Chúa đến làm người để cho con người trở thành Thiên Chúa” của Thánh A-Tha-Na-Xi-ô.■

26. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý Thời 14 rạng Rằm tháng 2 Canh Tuất (21-3-70).

27. Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Chí Thiện Đàn (Minh Đức Nho Giáo), Tuất thời 26 tháng 8 Nhâm Tý (03-10-1972).

XUÂN THÁI HÒA...

(TIẾP THEO TRANG 33)

vạn vật. Các con là những vì tinh tú của cõi trần gian. Các con phải biết thưởng xuân sắc thiên nhiên Tạo Hóa để ngăn đón mọi vọng thức rạt rào, tâm tư bối rối, chế ngự tất cả ngoại cảnh thường tình để cho thời gian không gian được chan hòa cùng thiên nhiên Tạo Vật.”²⁶

Điều kiện để được giao hòa cùng thiên nhiên Tạo Vật mà Mẹ dạy là phải “ngăn đón mọi vọng thức rạt rào, tâm tư bối rối, chế ngự ngự tất cả ngoại cảnh thường tình”, nói nôm na là giữ tâm thanh tịnh là mỗi chúng ta thực hành lời dạy của Thầy “gìn giữ tâm linh được điều hòa thanh tịnh hầu nuôi nấng chơn tánh

26. Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Kỷ Dậu (19-02-1969).

toàn thiện toàn giác của Thầy đã ban cho mỗi con ngày nào.”²⁷

Chơn Tánh Thầy ban cho chúng ta là gì? “Tánh là “nguyên lý” sở dĩ sanh ra nhân loại, thế nên cái bản nguyên về tinh thần của con người là Lý. Lý ấy rất linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mỗi người, nên lý ấy tức là tánh vậy. Của Trời là lý, về người là tánh. Lý tánh như nhau, vì thế nên Trời với người mới có thể ứng tiếp liên lạc nhau rất là mật thiết, bởi vậy người hể muốn tính sự gì, tuy chưa làm ra, mà Trời đã biết trước.”²⁸

Tánh là thần, Mạng là tinh, khí.

Trời sinh hình thể ta, Trời phú bản tính ta, trong ngoài chi chi đều là của Trời... Ta ở trong cảnh Trời, Trời ở trong tâm ta.

Một động, một tịnh, cái Đạo của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương hợp.

Một hô, một hấp, cái khí của người chẳng có giờ nào là không cùng Trời Đất tương thông.

Thường thấy mặt trời lặn xuống đất là cái tượng trưng của tâm hỏa hạ giáng. Còn mặt trăng mọc giữa trời là cái biểu hiệu của thận thủy thượng thăng.”²⁹

Nên ngày xưa các bậc “Thánh nhân biết sống hòa tấu cùng thiên nhiên, mùa xuân mùa hạ thì dưỡng dương, mùa thu mùa đông thì dưỡng âm để cùng với vạn vật chìm nổi theo cánh cửa của việc sống chết.”³⁰

Thế nên ông Bành Tổ có sống 700 năm thì cũng có chi là lạ.

Thầy đã dạy:

Con nhớ chẳng thời xuân thơ ấu,

Một thời xuân hòa tấu thiên nhiên,

Trăm năm chưa hẳn kiếp duyên,

27. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

28. Đức Cao Đài Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 16-9 Bính Tý (30-10-1936), bài Tôn tâm dưỡng tánh.

29. Dưỡng Chơn Tập, Thiên Địa, Minh Thiện Việt dịch, trang 13.

30. Hoàng Đế Nội Kinh Tố Vấn, thiên 2, Tứ Khí điều thân luận.

*Sống như Bành Tổ nào riêng ý Thấy.*³¹

Con người thường cầu mong sự thái hòa cho mình, cho gia đình mình, cho dân tộc mình, nhưng thật sự, thái hòa từ đâu mà có?

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy: “Người đời thường cầu nguyện cầu xin sự thái hòa an lạc từ trên trời ban xuống. Nhưng có mấy ai biết sự an lạc thái hòa phải chính nơi lòng người tạo nên, và chính nơi tập thể loài người vùng lên mà có. Nếu từ cá nhân, từ tập thể loài người bất lương vô đạo đức còn dấy đẩy lòng dục vọng nhỏ nhen, tham lam ích kỷ, tật đố xấu xa trong xã hội mạnh được yếu thua thì đâu có dập đầu cầu nguyện khắp các đền chùa, am tự, thánh đường cho đến muôn kiếp muôn đời, sự an lạc thái hòa không bao giờ đến.”³²

Thế nên đón xuân trong khí tiết điều hòa, trăm hoa đua nở, mỗi người chúng ta hãy dành những giây phút công phu tĩnh lặng tâm hồn để nghe tiếng nói vô thanh của trời đất, cảm thông cùng vạn vật và con người, đó là chúng ta đã đạt được đạo Thái Hòa trong tự thân và hòa cùng đạo Thái Hòa của trời đất, và đã thực hành đúng lời Đức Mẹ dạy: “Các con là những sứ mạng của Mẹ đã phó giao từ những xuân rồi. Hãy thể theo mùa xuân vĩnh cửu của đức Nguyên ủy mà hành đạo độ đời. Các con xem mình là mùa xuân, là Đạo chan hòa khắp cả thế nhân mà không còn thấy có mình nữa. Làm nên trong đạo lý là thiên hạ nhờ đạo lý được đi đúng thời tiết nhịp nhàng Tạo Hóa chớ không phải là con nữa...”³³

*Xuân sắc huy hoàng đẹp thế gian,
Tâm xuân khai phát ánh xuân quang,
Chúc nhau chỉ có tâm và Đạo,
Đạo ấy là tâm hiệp Thánh Hoàng.*³⁴■

31. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

32. Đức Đông Phương Chương Quán, Tuất thời, 30-12 Tân Hợi (14-02-1972)

33. Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

34. Đức Bảo Pháp Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Canh Thân.



Hội hiệp đàn TIỀN đón chúa xuân,
Giao thừa KHAI bút tả thơ thần,
Đề câu ĐẠI nghiệp thiên niên thọ,
Họa nét ĐẠO mầu nhứt nhứt tân.
Ly rượu CHỨC mừng ta kính chúc,
Chung trà XUÂN thăm bạn vui xuân,
Chu trình GIÁP mỗi xuân qua lại,
Sửu khứ, DẪN lai với cõi trần.

TIỀN KHAI ĐẠI ĐẠO LIỆT THÁNH TÔNG ĐỒ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 30-12 QUÝ SỬU (22-01-1974).■

CON NGƯỜI ĐẠI ĐẠO

(TIẾP THEO TRANG 26)

gian. Cho nên con người Đại Đạo còn được gọi là Con Người Muôn Thuở Muôn Phương.

KẾT LUẬN

Để kết luận, có lẽ câu Thánh ngôn của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo là một đúc kết súc tích nhất để mọi người tín hữu Cao Đài ghi nhớ và rèn luyện trở nên Con Người Đại Đạo: “Quá khứ, hiện tại, vị lai, dòng sông muôn ngổ rồi cũng quy về nơi biển cả. Sứ mạng Thiên ân của con người Đại Đạo là biển cả, là bản thể vô biên. Ai chưa ở vào chủ vị đó là chưa đạt đến sứ mạng cứu độ kỳ ba trong quyền pháp Đạo.”

Hơn nữa, Đức Chí Tôn cũng từng ưu ái nhắc nhở con cái của Ngài:

*Nơi bất biến hằng sanh tâm Đạo,
Lòng đảo điên khó bảo kim thân,
Ngoài ra bốn phận vi nhân,
Trong còn sứ mạng Thiên ân Tam Kỳ.*¹⁴
Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.■

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-10 Giáp Dần (28-11-1974).

BÁNH VẼ BÁNH THẬT

Vào dịp khai mạc Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, Rằm tháng Giêng năm Ất Tỵ 1965, Đức Chí Tôn có dạy: “Trước hiện tình đặc biệt ngày nay, nhiệm vụ các con rất cần hơn lúc nào hết. Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn; mà con phải ăn một thức ăn tinh thần và mọi người đều thọ hưởng thức ăn tinh thần ấy, để có đủ năng lực sáng suốt, ngõ hầu đối phó với mọi hoàn cảnh hiện tại và xây đắp lại nền tảng giáo lý vững chắc ở tương lai.”¹

Bánh vẽ, nghĩa đen là những gì thuộc về hình thức, có thể hấp dẫn thị dục, thị hiếu con người. Ví như con buôn muốn thu hút khách hàng, thường dùng các kỹ thuật quảng cáo bằng hình ảnh đẹp mắt, âm thanh êm tai, ánh sáng rực rỡ... Nhưng nếu dễ tin vào những thứ ấy, khách có thể sẽ nhận được món hàng vô giá trị.

Trong cửa đạo, bánh vẽ là những phương tiện hay hình thức sinh hoạt tôn giáo không đem lại sự giác ngộ thật sự cho mọi người. Chính vì thế mà tôn giáo đã mang tiếng là “liều thuốc ngủ”. Ngược lại, chiếc bánh thật

trong đạo phải có sức cảm hóa thể nhân, để phân biệt đường siêu nẻo đạo, tu tình nội tâm, biết sống lành mạnh, đạo đức.

Câu chuyện chàng Tetsugen, một người hâm mộ Thiên ở Nhật Bản, có tâm nguyện nhiệt thành phổ biến đạo thiên, hai lần quyền tiên in kinh đều phải bỏ dở, vì một lần phải cứu trợ nạn lụt, lần thứ hai cứu giúp dịch bệnh tràn lan. Lần thứ ba mới đạt được sở nguyện. Người Nhật Bản kể cho con cái họ nghe rằng Tetsugen đã làm ra được ba bộ kinh, và rằng hai bộ vô hình đầu tiên còn vượt trội hơn cả bộ sau cùng. Chúng ta hãy suy ngẫm lời kể thâm thúy ấy!

Trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từng dạy rằng: “Người tu hành trong thời đại ân xá, rất dễ đắc quả vị, mà than ôi, cũng rất khó. Khó là tự mình chưa, hoặc không thể làm chủ, chưa mạnh dạn quét sạch những bụi trần vừa kể. Khi quét được sạch rồi, tâm đạo hiện ra, dẫn dắt con người đến chỗ tận thiện, tận mỹ.

Khi ở tại trần, giả thử được một người toàn vẹn đường ấy, một lời nói ra cảm hóa muôn người, mười lời nói ra, trăm lời nói ra, ngàn lời nói ra, thì lo gì nước không trị, nhà không yên, đạo không qui về một khối. Lo

gì nhân loại chẳng hưởng cảnh đất Thuần Trời Nghiêu.”²

Vấn đề được Đức Bồ Tát nêu lên cho hai mục tiêu: tự độ và độ tha. “Chiếc bánh thật” mới có thể chuyển hóa tự thân người học đạo, đó là tự độ. Khi đã tự độ được rồi sẽ khả dĩ khả ngộ giác tha.

Trong sứ mạng phổ thông giáo lý Đại Đạo, hơn ai hết chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ những lời Thánh huấn trên đây. Hơn nữa Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo từng dạy: “Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu Đạo là đủ, mà phải làm cho Cơ Đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh.”³ Đây là yêu cầu rất hệ trọng, là thử thách lớn lao, đặt vào Cơ Quan sau cùng của Thượng Đế, đòi hỏi người sứ mạng phải học thật kỹ và hành thật sáng suốt bài học “bánh vẽ–bánh thật” mà Thầy đã nhắc nhở ngay tự buổi đầu.

Điều tiên quyết, cần ý thức rằng, muốn hoàn thành sứ mạng “phổ thông giáo lý Đại Đạo” phải có “con người Đại Đạo”. Mỗi người chúng ta hãy luôn luôn cố gắng tự hoàn thiện để trở nên con người Đại Đạo.■

1. Thiên Lý Đàn, Tuất thời, 14–01 Ất Tỵ (15–02–1965).

2. Hườn Cung Đàn, Tỵ thời, 15–5 Ất Tỵ (14–6–1965).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19–02 Bính Dần.



Ý nghĩa mùa xuân

■ TRẦN NGỌC TÂM

Thu mãn, Đông tàn, Xuân lại đến. Cứ như thế, nhựt nguyệt âm dương xoay vần theo bánh xe luân, vạn vật đồng luân chuyển quanh theo vòng định luật. Cứ mỗi độ Xuân về, cỏ cây đã cởi bỏ lớp lá vàng rơi rụng, mang lên một màu tươi nhuận thắm xanh. Cỏ cây hoa quả tuy rằng là vật vô tri vô giác, nhưng tiềm năng linh ứng Tạo Hóa đã ban cũng chuyển mình trong tiềm thức đón lấy tiết Xuân sang để hòa đồng cùng vạn vật.¹

Bốn mùa thay đổi là sự chuyển mình của vũ trụ trong cuộc tuần hoàn: Sanh, Trưởng, Thâu, Tàng. Có câu: Trời có nói chi đâu, chỉ ẩn ẩn hiện hiện, không ai thấy bóng hình mà chỉ thấy dấu vết, thấy tác động qua vận hành của bốn mùa, thế mà bách vật đều nảy nở sinh sôi.

THI

Tình Tạo Hóa háo sanh muôn vật,

Máy Kiển Khôn chất ngất chở che;

Thu qua, Đông đến Xuân, Hè,

Vận hành thời tiết tư bề dưỡng nuôi.²

Tứ tiết là việc của Tạo Hóa; còn đối với người, quan niệm các thời mùa thì sao? Đó là thời mùa tâm lý được đo bằng những cảm xúc, tâm tình, ấn tượng của mỗi người; tùy mức độ tâm lý sâu đậm mà con người cảm nhận những vui buồn

khác nhau. Thường tuổi trẻ thấy mùa Xuân thì vui, thì thích, vì mình được mặc áo đẹp, được ăn bánh kẹo, chúc tết ông bà cha mẹ thì được lì xì... Nói chung, mùa Xuân đến là thấy vui vẻ hạnh phúc vô cùng. Trái lại đối với người lớn, thì mỗi lần Xuân đến lại chất chồng bao nỗi lo toan nhọc nhằn cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Số tuổi càng tăng, sự háo hức đón chờ năm hết tết đến càng vơi dần; thậm chí với người già, mỗi lần đón Xuân là cảm thấy cuộc đời rút ngắn lại, đúng với tâm trạng: "...hưởng cảnh xuân trần ai thật là vô vị, không ích vào đâu."³

Tuy nhiên, đối với người tu, đã có hẳn một đích nhắm cho cuộc đời, nhận ra được chân lý tiềm ẩn trong mùa Xuân, thì mới thấy được "sinh thú siêu việt" khi đất trời chuyển mình vào Xuân: "Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát, Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên."⁴ Chỉ có người không biết, cứ thường Xuân theo kiểu thường tình thế gian, cố tìm cho nhiều tiền của vật chất để hưởng thụ xác thân, kết quả tiêu hao tinh thần, rượu chè quá đà làm thể xác mệt mỏi, tiền bạc tiêu hao... để Đức Chí Tôn phải lo lắng: "Mỗi độ xuân về là mỗi lần Thấy đau đớn vì sinh lực con mất, tinh thần con hao, tiền của ly tán mà chẳng ích vào

1. Đức Hưng Đạo Đại Vương, Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Canh Tuất (08-02-1970).

2. Đức Chí Tôn, Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

3. Thánh Huấn hiệp tuyển, quyển 1, 1961, tr.13.

4. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

đâu.”⁵ Đón Xuân như thế sẽ làm hao mòn cái chân khí mà Đức Chí Tôn đã ban cho, con đường phản bổn huân nguyên bị bế tắc, phải chịu xoay vần trong vòng luân hồi chuyển kiếp.

Với người tu, mùa Xuân không có khởi đầu và kết thúc, mùa Xuân đó thường hằng, cho dù là mùa Hạ cũng là Xuân, mùa Thu cũng là Xuân, mùa Đông cũng là Xuân. Hướng vào nội tâm thì hưởng Xuân mới trọn vẹn, mới thấu triệt được.

*Ý xuân bình dị thâm trầm,
Muôn loài đều hưởng xuân tâm rạng ngời,
Xuân tâm ấy của Trời ban phát,
Không thời gian truyền đạt mỗi người.*⁶

Con người có được Xuân tâm miên viễn còn có thể giao cảm được với thiên nhiên. Câu chuyện Bá Nha sau đây đã nói lên điều đó.

“Ngày xưa ở thời đại bạch phát, trong sơn hạp tại Long Môn có một cây ngô đồng, đáng mặt một vị Lâm Vương. Nó vươn đầu lên cao đến có thể trò chuyện với các tinh tú, rễ nó đâm sâu xuống đất cuộn thành những chiếc vòng đồng lẫn lộn với vòng của con bạch ngân long ngủ ở bên dưới. Sau có một vị pháp sư cao tay hạ Đồng thụ xuống làm thành một cây đàn kỳ diệu phi thường, con tinh của nó ngang ngạnh, trừ phi gặp tay nhạc sĩ đệ nhất tài danh mới thuận hóa nổi. Từ lâu năm, cây đàn vẫn cất trong bảo tàng của Hoàng đế Trung Quốc, nhưng tất cả những người đã lần lượt tới thử đều không gảy lên được một khúc điệu nào. Đáp lại sự cố gắng tận tụy của họ, cây đàn chỉ nẩy lên những tiếng miệt thị chua chát, không hòa âm với những điệu hát mà họ muốn ca lên. Cây đàn không chịu nhận ai là chủ cả. Mãi sau có Bá Nha, một tay cầm ca vương giả tới thử. Bá Nha lấy tay dịu dàng ve vuốt cây đàn như người ta vỗ về một con ngựa bất kham, và nhẹ nhàng mơn trớn bộ dây. Ông hát lên bài ca khen ngợi thiên nhiên và quý tiết, cao sơn và lưu thủy, thế là bao nhiêu kỷ niệm của đồng thụ

đều bùng tỉnh dậy! Một làn gió xuân mát dịu bỗng đâu lại nổi lên đùa giỡn giữa đám cành lá của đồng thụ. Những ngọn thác thanh tân vừa nhảy xuống khe núi, vừa cười cợt với những bông hoa hàm tiếu. Bỗng đâu lại nghe thấy giọng mơ màng của mùa hạ với muôn ngàn côn trùng của nó, tiếng mưa rơi lất phất nhẹ nhàng, tiếng tu hú kêu bi ai thảm thiết. Nghe kia! Tiếng hổ gầm, và tiếng thung lũng đang vang lại. Đây là mùa thu, trong đêm vắng lặng, trăng nhợt như lưỡi liềm, lấp lánh trên ngọn cỏ lạnh hơi sương. Đến bây giờ thì mùa đông ngự trị: từng đàn thiên nga bay lượn trên không trung như làn mưa tuyết và những hòn mưa đá lộp bộp đập xuống cành cây có vẻ khoái trá một cách man dại.”⁷

Đối với hành giả dùng tứ tiết Xuân phân, Hạ chí, Thu phân, Đông chí làm căn bản cho việc luyện công thiên định, cho thân tâm đặng an lạc, tứ thời công phu liên tục, liên tục trút bỏ cái cặn bụi trần ra khỏi tâm hồn để đón nhận cái tinh túy tế vi của Trời Đất. Một ngày tứ thời công phu, thì thời nào cũng là Xuân.

Mùa Xuân là mùa ấm áp sau một mùa Đông giá lạnh, cây cối đâm chồi nẩy lộc, trăm hoa đua nở, cảnh vật tốt tươi, ai ai cũng muốn mùa Xuân kéo dài. Nhưng muốn hưởng Xuân, phải hiểu ý Xuân thì hưởng Xuân mới có ý nghĩa, nếu không thì Xuân cũng chỉ là một “dịp” để vui hưởng thường tình. Chỉ có người hiểu được Xuân mới thấy vẻ đẹp của Xuân trong ý nghĩa mà Đức Thượng Trung Nhựt đề cập đến qua lời chúc Xuân:

*Mừng nhau cầu chúc tạm đôi vắn,
Hành đạo giúp đời mới gọi xuân,
Xuân đến với đời, đời hạnh phúc,
Xuân lai cội tục, tục vui mừng.
Xuân này gánh Đạo hai chơn bước,
Xuân tới cứu đời đôi mắt rưng,
Xuân nữa, xuân đi, xuân hạnh phúc,
Là ngày thành Đạo mới trùng hưng.*⁸ ■

5. Thánh Huấn hiệp tuyển, quyển 1, 1961, tr.10.

6. Chư Hội Đồng Tiên Bối Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

7. Thuật theo bản dịch của Bảo Sơn trong Trà Đạo, Lá bối x. b, tr.95.

8. Vĩnh Nguyên Tự, 01-01 Bính Ngọ (21-01-1966).

KHÁI QUÁT VỀ CƠ BÚT TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Từ năm 1902 đến năm 1919, Ngài Ngô Văn Chiêu đã vài lần đến hầu đàn Tiên tại Thủ Dầu Một, Tân An, Cần Thơ để cầu Ôn Trên ban thuốc chữa bệnh cho thân mẫu. Trong những dịp này, Ngài Ngô đã được các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình kê toa thuốc và khuyến tu. Có thể nói, Ngài Ngô có nhiều nhân duyên với đàn cơ thỉnh Tiên.

Đầu năm 1920, Ngài Ngô được lệnh Ôn Trên sắp xếp việc cầu cơ và tập dượt đồng tử. Lúc ấy, có một vị Bể Trên giáng cơ xưng danh lần đầu tiên với Ngài là Cao Đài Tiên Ông. Cũng trong năm này, Ngài nghe hồng danh Cao Đài lần thứ hai. Tháng 3-1920, Ngài Ngô ra trấn nhậm tại Hà Tiên, Ngài thường lên núi Thạch Động để cầu Tiên. Sau gần 8 tháng tại đây, Ngài được truyền chuyển làm Chủ quận Phú Quốc. Trong thời gian tòng sự tại Phú Quốc từ tháng 10-1920 đến tháng 7-1924, Ngài Ngô hầu đàn cơ tại Quan Âm Tự được vài tháng, rồi chuyển đến Sùng Hưng Tự. Ngài bắt đầu trường trai và học đạo kể từ mừng một Tết năm Tân Dậu (08-02-1921). Vào năm 1921,

Đức Thượng Đế đã hai lần cho Ngài thấy Thiên nhân để làm biểu tượng thờ phượng và xưng hồng danh đầy đủ là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”. Như vậy, kể từ ngày này, Ngài Ngô Văn Chiêu chính thức trở thành đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài. Cuối tháng 7-1921, Ngài Ngô trở về Sài Gòn ẩn tu cho đến tháng 2-1926 Ngài được lệnh Đức Thượng Đế khởi sự truyền đạo. Trong thời gian ở Sài Gòn, Ngài Ngô vẫn sử dụng cơ bút để học đạo với Đức Cao Đài.

Khác với hình thức cầu cơ mà Đức Ngô đã tham dự và thông công từ những năm đầu của thế kỷ 20, phong trào xây bàn đã phát triển tại Sài Gòn. Xây bàn là cầu chơn linh nơi cõi vô hình, dùng phương tiện một cái bàn có ba chân. Tiếng gõ của chân bàn này được ráp thành mẫu tự, sau đó ráp lại thành một từ, rồi thành câu văn.

Năm 1924, quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang có quen biết với Đại Úy Paul Monet là hội viên Hội Thần Linh Học của Pháp, giúp quý Ngài liên lạc với thế giới vô hình qua phương tiện xây bàn. Đêm mừng 5-6 Ất Sửu

(25-7-1925), quý Ngài khởi sự xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang ở phố Hàng Dừa, gần chợ Thái Bình (Sài Gòn) ngày nay. Quý vị đã đối đáp thơ phú với các chơn linh nơi thế giới vô hình rất tương đắc. Tuy nhiên, việc xây bàn khá bất tiện vì việc ráp thành chữ, thành câu mất khá nhiều thời gian.

Đêm mừng 5-8 Ất Sửu (22-9-1925), một vị Thiêng Liêng xưng danh là Thất Nương hướng dẫn quý Ngài cầu Đức Cửu Thiên Nương Nương (Đức Diêu Trì Kim Mẫu) bằng Ngọc cơ vào dịp trung thu. Thất Nương mô tả Ngọc cơ giống như hình chùm sao Bắc Đẩu. Rất may là sau đó quý Ngài mượn được Ngọc cơ của ông Phán Tỷ. Đây là cái giỏ bằng trúc, xuyên qua miệng giỏ là một cây trúc dài, ở đầu cây trúc có gắn một cái trục như cây viết. Giỏ được bọc vải màu vàng. Ông Phán Tỷ tập cho quý Ngài Cư và Tắc làm đồng tử để sử dụng Ngọc cơ. Đêm Rằm tháng 8 Ất Sửu (02-10-1925), quý Ngài bắt đầu sử dụng Ngọc cơ để cầu Đức Cửu Thiên Nương Nương và Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung. Ngày 30-10 Ất Sửu (15-12-1925),

tam vị được Đức Thượng Đế dạy lập bàn hương án ngoài đường để vọng thiên cầu đạo vào ngày mừng 1-11 Ất Sửu.

Như vậy, Ngài Ngô Văn Chiêu bắt đầu sử dụng Ngọc cơ học đạo với Đức Thượng Đế từ đầu năm 1920 và trở thành môn đệ Cao Đài đầu tiên vào ngày mừng một Tết năm Tân Dậu (08-02-1921). Mãi hơn năm năm sau, vào đêm Trung Thu năm 1925, quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang mới bắt đầu sử dụng Ngọc cơ cầu Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Sau đó, tam vị được dạy vọng thiên cầu đạo để trở thành môn đệ Cao Đài vào ngày mừng 1-11 Ất Sửu (16-12-1925). Trung tuần tháng 12 năm Ất Sửu, nhóm phổ độ công truyền được lệnh hiệp cùng Ngài Ngô để chung lo khai mở đạo Cao Đài. Ngày 13-3 Bính Dần (24-4-1926), Ngài Ngô từ tạ phẩm vị Giáo Tông để chuyên tâm thực hành thiền định và truyền dạy cho các đệ tử lập thành Chiếu Minh đàn (cơ vô vi). Từ tam vị Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ban đầu, Đức Thượng Đế sử dụng cơ bút thâu nhận thêm tín đồ lập thành cơ phổ độ.

CÁC HÌNH THỨC CƠ BÚT

Đạo Cao Đài sử dụng hai hình thức cơ bút là cầu cơ (chấp cơ) và chấp bút để giao tiếp, thông công với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Đối với hình thức cầu cơ, một hoặc hai người đồng tử sử dụng Ngọc cơ viết chữ lên mặt bàn. Đồng tử có thể xuất khẩu trong khi viết chữ hoặc chỉ viết chữ cho độc giả đọc; còn chấp bút thì chỉ có một người đồng tử cầm viết chì viết chữ trên giấy mà thôi.

Ngoài ra, còn có vài hình thức cơ bút khác như: huyền cơ tại Minh Lý Thánh Hội, cầu cơ

đặc biệt tại Tam giáo điện Minh Tân, v.v. Trong phạm vi bài này, chỉ xin nêu lên hình thức huyền cơ được ngài Nguyễn Minh Thiện thuật lại rất chi tiết.¹ Đây là một hình thức cơ bút khá đặc biệt là không có đồng tử. Vị pháp đàn lúc bấy giờ là ngài Âu Minh Chánh đặt một bao thư dán hai lá bùa có tờ giấy trắng bên trong, rồi treo lên xà nhà. Mỗi người hầu đàn nghĩ trong đầu một câu hỏi xin Ôn Trên giải đáp. Khoảng chừng 15 phút, vị pháp đàn lấy bao thư xuống và mở bao thư ra thấy rằng trên tờ giấy đầy chữ viết (màu xám giống như viết bằng than hoặc bút chì) gồm câu hỏi và trả lời của từng vị hầu đàn. Huyền cơ chỉ thực hiện được ba lần, sau đó Ôn Trên không cho sử dụng nữa vì không an toàn cho vị pháp đàn khi lên lấy bao thư trong khi Ôn Trên viết chưa hoàn tất. Khi ấy, điển lực rất mạnh của Ôn Trên gây nguy hiểm cho vị pháp đàn.

CÁCH THỨC LẬP ĐÀN CƠ

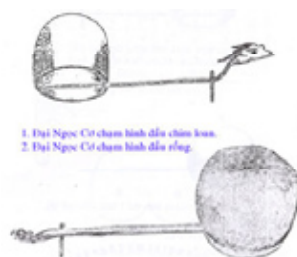
Đàn cơ lập tại Bửu điện thờ Đức Chí Tôn. Lễ phẩm được sắp đặt tinh khiết trên Thiên bàn gồm: hoa tươi, quả tử, trà, rượu, nhang, đèn, lư trầm xông hương để khử trừ. Sau khi nhập đàn, chức sắc Hiệp Thiên Đài thực hiện nghi lễ trước Thiên bàn. Vị chức sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài trấn thần đàn cơ để ngăn ngừa các luồng tà điển xâm nhập, hai đồng tử cầm Ngọc cơ ngồi đối diện nhau trước Thiên bàn (trường hợp có một đồng tử sẽ ngồi đối diện Thiên bàn), độc giả quỳ hoặc đứng cạnh đồng tử để đọc chữ do đồng tử viết trên mặt bàn (trường hợp đồng tử xuất khẩu thì không cần độc giả), điển ký ghi lại nội dung buổi cầu cơ. Buổi đàn cơ phải thanh tịnh, thành kính, nghi lễ đầy đủ. Trước tiên, đồng nhi hoặc quý vị hầu đàn đọc một trong hai bài Kinh Cầu Tiên. Bài cầu Tiên thứ nhất còn gọi tắt là bài “Trời còn”.

BÀI CẦU TIÊN (1)

Trời còn sông biển đều còn,

1. Nguyễn Minh Thiện, bài Huyền cơ (www.nhipcaugiaoly.com).

CÁC HÌNH THỨC CƠ BÚT
(HÌNH ẢNH TRÍCH: HIỆN
TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG,
KHẢO LUYỆN XÂY BÀN
VÀ CƠ BÚT TRONG ĐẠO
CAO ĐÀI, 2005).



Khắp xem cỏi dưới núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn Xuân,
Phụng châu hạc múa gà rừng gáy reo.
Đường đi trên núi dưới đèo,
Lặng tìm cao thấp ải trèo công gai.
Phận làm con thảo há nài,
Biết phương Tiên Phật Bồng Lai mà tìm.
Xem qua xét lại cổ kim,
Một bầu Trời Đất thanh liêm chín mười.
Vàng trau ngọc chuốt càng tươi,
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,
Có lòng chiêm ngưỡng tức thì giáng linh.

BÀI CẦU TIÊN (2)

Kìa là chốn bồng lai thanh tịnh,
Cảnh thiên nhiên ca vịnh phú thi,
Định thần hồn xuất vãn phi,
Vững lòng đừng tưởng lo chi cuộc trần.
Vây mới gọi chơn thần xuất hết,
Vây mới rằng hồn biết nghe lời,
Thành tâm tiếp dẫn cỏi trời,
Vâng theo câu kệ khuyến đời thành tâm.
Hương tốc đốt khói trầm thanh khiết,
Cho hồn linh thăng rớt cung Tiên,
Nghe kêu khá trở về liền,
Cỏi trần chưa mãn dạ thiền lo tu.
Họa Tam Thiên linh phù tiếp dẫn,
Xin Tiên đồng mau chuyển thân cơ,
Đêm thanh rành rạnh như tờ,
Khâm thừa ngọc sắc kịp giờ lai cơ.

Khi có Đấng Thiêng Liêng giáng, cơ chuyển động quay nhịp nhàng trên không trung, quý vị hầu đàn đọc bài Mừng Tiên (còn gọi tắt là bài “Mừng thay”).

BÀI MỪNG TIÊN

Mừng thay chi xiết nỗi mừng,
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng không trung.
Hạc reo bay khắp đạo cùng,
Càn khôn thế giới cũng chung một bầu.
Môn sanh thành kính chúc hầu,
Tữu trà hoa quả mừng cầu Tiên Ông.
Nhang thơm tốc đốt nức nồng,
Đền lòa ngọn lửa tợ rồng phun châu.

Kết thúc buổi đàn cơ, quý vị hầu đàn đánh lễ tạ ơn các Đấng Thiêng Liêng. Trước khi bãi đàn, điển ký đọc lại Thánh giáo cho quý vị hầu đàn cùng nghe lại.

TIÊU CHUẨN ĐỒNG TỬ

Trong các buổi cầu cơ hay lập đàn cơ, người đồng tử giữ vai trò rất quan trọng. Bởi lẽ, đồng tử là trung gian liên lạc giữa cỏi hữu hình và cỏi vô sắc giới hay có thể ví đồng tử như một điện đài thu nhận điển lực từ các Đấng Thiêng Liêng. Vai trò của đồng tử giống như radio hoặc tivi nhận tín hiệu từ đài phát thanh hoặc đài truyền hình. Nếu thiết bị không được bảo dưỡng thường xuyên, không hoạt động tốt, không bắt đúng tần số, thì không thể nhận được tín hiệu tốt được. Đồng tử cũng vậy, phải hội đủ các tiêu chuẩn nhất định như: cái vía đặc biệt, thân thể tinh khiết (ẩm thực, y phục, vệ sinh), đức hạnh thuần hậu, chỗ ở thanh tịnh, không khí trong lành, mục đích thông công, v.v. thì mới có thể tiếp nhận được Thiên điển.

“Đồng tử, một khi tiếp được trọn điển với cỏi chí linh thượng thiên bởi nhờ nhiều yếu tố.

Yếu tố thứ nhất là cái vía của đồng tử, mà người đời thường nói hấp bóng vía, không phải mỗi người đều có được cái vía đặc biệt ấy để Thiêng Liêng mượn đến.

Yếu tố thứ hai là thân thể phải được tinh khiết do sự nuôi dưỡng y phục ẩm thực với những thực chất tinh khiết.

Yếu tố thứ ba: phải được tập tành giáo dục đức hạnh cho được thuần hậu.

Yếu tố thứ tư: chỗ ở phải được thanh tịnh, không khí trong lành, xa cách với mọi nếp sinh hoạt phức tạp của thế nhân.

Yếu tố sau cùng là do một tổ chức hoặc một hội thiện sử dụng người đồng tử ấy trong việc thông công. Nếu mục đích đường lối tôn chỉ cùng lập trường của tổ chức ấy xu hướng về lẽ nào thì phản ảnh của sự thông công ấy sẽ đưa đến cho ý hướng đó.

Ngày nay, đồng tử trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ

Độ nói chung, chưa đủ những yếu tố vừa kể trên, thế nên đã và đang nảy sinh ra dư luận hoặc những lời phê phán rằng đồng tử minh, đồng tử không minh, cơ bút thiệt, cơ bút giả, v.v.

Đừng ai bao giờ có ý nghĩ rằng đồng tử như cái máy khâu thanh, bất cứ bỏ vào cái góc, cái xó nào đó cũng được, hễ đến khi muốn cần dùng đến thì cứ việc xách ra vặn nút là bắt được âm thanh.

Rất đổi cái máy khâu thanh hoặc máy khâu hình, nếu thiếu điện, thiếu pin hoặc bắt không trúng siêu từng số, hoặc trúng dài thì cũng không đem lại sự mong muốn cho người sử dụng.

Đó là bộ máy hữu chất còn tinh vi như vậy, huống chi bộ máy thông công với cõi vô hình còn phải đòi hỏi biết bao điều kiện tinh vi về tinh thần và tâm linh.”²

Đồng tử có vai trò rất quan trọng vì là bộ máy thông công, giao tiếp với các Đấng Thiêng Liêng. Đồng tử cũng là một con người bình thường như mọi người, lẽ tất nhiên sẽ bị chi phối không nhiều thì ít bởi tâm tư tình cảm, bởi thất tình lục dục. Mà muốn khắc phục thất tình lục dục để an định nội tâm, đồng tử cần tịnh dưỡng liên tục hàng ngày.

“Vì khi tiếp diễn, ngươn thần đã được Thiêng Liêng đem ra khỏi xác thân, chỉ còn lại thức thần do sự điều khiển của Thiêng Liêng mà viết ra. Nếu không tịnh dưỡng, để hằng ngày có sự buồn vui lẫn át, thì không đủ năng lực chịu đựng khi hành sự.”³

Ngoài ra, trước khi đồng tử thủ cơ hay chấp bút cũng cần chú ý thực hiện: y phục sạch sẽ, thân thể tinh khiết, tư tưởng thanh cao, xông trầm khử trừ, v.v. bởi lẽ, vai trò của đồng tử rất quan trọng, được xem như là “tướng soái” của Đức Chí Tôn trong việc truyền đạo và giáo đạo.

“Trước khi thủ cơ hay là chấp bút, thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng tắm gội

cho tinh khiết rồi mới đặt đến trước Bửu Điện mà hành sự, chớ nên thiếu sót mà thất lễ. Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch không đặt tường đến việc phạm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc. Phải có một chơn linh tinh tấn mới mẫu nhiệm huyền diệu; phải trường trai mới đặt linh hồn tinh tấn; phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật, mới phò cơ dạy Đạo cả chúng sanh. Kẻ phò cơ chấp bút cũng như Tướng soái của Thầy để truyền Đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường.”⁴

CÁCH THỨC TIẾP DIỄN

Thượng Đế đã phú bẩm cho con người điểm Tiểu linh quang phát xuất từ khối Đại Linh Quang, do đó, con người và Thượng Đế có cùng một bản thể, có thể giao cảm với nhau. Con người cũng có thể giao cảm với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư đã minh giải rất chi tiết phương thức tiếp diễn của đồng tử. Con người ai cũng có điển (dòng điện) âm và dương trong cơ thể. Tuy nhiên, khi hai đồng tử chấp cơ xuất chơn thần hay nhị xác thân, một đồng tử sẽ xuất điển dương hoặc âm, tự khắc sẽ tiếp nhận được dòng điển ngược lại từ đồng tử kia. Khi dòng điển thuần dương của Ông Trên giáng (tạo thành dòng điển ba dây) khiến cho hai dòng điển âm và dương của đồng tử tạo ra lực hút và lực đẩy làm cho cơ bút chuyển động.

“Nói về nhơn điển thì trong mỗi người đều có điển âm và điển dương, tiếng Pháp gọi rằng Courant internatif. Do đó mà người dụng dây đèn cùng một thứ điện ấy thì chỉ bị giật té mà thôi, nhưng tùy theo chơn thần mà điển đó mạnh hay yếu. (...)”

Hai người lúc nhơn điển xuất ra, hễ bên này âm thì bên kia dương, bên này dương thì bên

2. Ni Sư Diệu Lộc, Chơn Lý Đản, 14–11 Canh Tuất (12–12–1970).

3. Đức Trần Hưng Đạo Đại, Thiên Lý Đản, 15–7 Ất Tỵ (11–8–1965).

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 1, đản cơ ngày 19–11 Ất Sửu (03–01–1926).

kia âm, hai luồng điện ấy xô đẩy hút kéo nhau mà cây cơ được vận chuyển.

Lúc điện vô hình chưa giáng thì hai luồng điện ấy không ăn với nhau, vì có mà cây cơ không chuyển động. Chừng lúc nào người tiếp điện đã xuất chơn thần tiếp rước điện thiêng liêng, thì điện vô hình làm cho hai luồng như điện đưng chạm nhau mà xây chuyển cây cơ. Còn cây cơ có chuyển mà viết không được, vì một phần do hai luồng như điện không điều hòa cùng nhau, nó chạm nhau mà không làm một âm hay một dương, vì đó mà cây cơ không chỉ theo chỗ, hay không chuyển động được, hoặc do thần không tịnh, hoặc do thần của người tiếp điện lộn xộn bất định, nên điện thiêng liêng bị đứt, chơn thần của kẻ phò loan làm cho loạn điện. Điện vô hình là thứ điện thuần dương mà thôi, kêu rằng *Courant continu positif*. Do đó mà khi điện thiêng liêng giáng hiệp với hai luồng điện của cặp phò loan mà thành luồng điện ba dây, kêu rằng: *Courant triphasé*. Sự huy động của cây cơ là do luồng điện hợp thành ấy.”⁵

Sau khi chơn thần xuất ra khỏi xác thân của đồng tử, dòng thiên điện và nhưn điện giao tiếp nhau, chơn thần của đồng tử theo sự truyền dạy của Ôn Trên điều khiển xác thân viết thành chữ.

“Như chấp cơ mà mê, thì chơn thần⁶ ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đổ theo; Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra; người đọc trật chữ, nó nghe đặng, không chịu: Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy.”⁷

5. Đức Cao Thượng Phẩm, Thánh giáo sưu tập Q. 3 (bài số 53), Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, đàn cơ ngày 04-11 Canh Dần (12-12-1950).

6. Chơn thần là gì? Là nhị xác thân (*périsprit*) là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu. Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc Đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du thiên ngoại. Cái Chơn thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thầy (Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 1, đàn cơ ngày 19-11 Ất Sửu (03-01-1926).

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 1, đàn cơ ngày 19-11 Ất Sửu (03-01-1926).

Trong trường hợp chấp bút, đồng tử xuất cùng lúc hai dòng điện âm và dương để hiệp với dòng điện thuần dương của Ôn Trên qua cây bút chì (tạo thành dòng điện ba dây) để đồng tử viết chữ ra giấy.

“Còn điện của việc chấp bút cũng do luồng điện ba dây hợp thành mà làm chuyển động bàn tay cầm bút, nhưng cái khó là người chấp bút một lần phải xuất ra hai thứ điện: âm và dương đặng vận chuyển cây bút. Nhưng cây bút phải là cây bút chì, đặng điện thiêng liêng chạy vòng trong cây bút mà không đụng đến tay người chấp bút thì mới viết dễ dàng được.”⁸

Tháng 6 năm Bính Dần, Đức Chí Tôn dạy Ngài Thái Thơ Thanh tập sự chấp bút sao cho thanh tịnh để chơn thần xuất ra khỏi xác thân hầu Thầy có thể dạy viết ra thành chữ.

“Thơ, con răn tập chấp bút, Thầy chỉ vẽ cho. Thơ nghe: Khi con ngồi tập thì thần con cho tịnh, chẳng nhớ chi hết. Khi Thầy giáng thì làm cho con khó chịu một chút, rồi Thầy dạy con viết, dường tượng như con đặt ra vậy, mà không phải con đặt đâu. Thầy đưa thần con theo Thầy lên không đặng Thầy dạy nó viết chữ chi thì nó cứ viết theo, chớ nó không biết gì hết. Khi ấy con có hơi khó chịu, như điện dính tay con vậy. Ấy là Thầy giáng, song con đừng có lòng sợ thì Thầy mới dễ giáng.

Đãi! Con lấy 9 cây nhang đặng Thầy làm phép trấn thần cho nó.”⁹

Cầu cơ hay chấp bút trong đạo Cao Đài có đặc tính thiên nhưn hiệp nhất. Trong việc cầu cơ, dòng thiên điện của Ôn Trên và nhưn điện của đồng tử hòa nhập với nhau dưới sự điều khiển của Ôn Trên khiến xác thân đồng tử viết thành chữ hoặc xuất khẩu. Còn khi chấp bút, chơn thần của đồng tử xuất ra khỏi xác thân

8. Đức Cao Thượng Phẩm, Thánh giáo sưu tập Q. 3 (bài số 53), Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, đàn cơ ngày 04-11 Canh Dần (12-12-1950).

9. Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng, Khảo luận xây bàn & Cơ bút trong đạo Cao Đài, 2005, đàn cơ 26-6 Bính Dần (4-8-1926).

chịu sự điều khiển của Ôn Trên viết thành chữ trên giấy. Chính đặc tính thiên nhân hiệp nhất này của việc cầu cơ hay chấp bút đã tạo ra một sự mâu nhiệm trong cơ cứu độ kỳ Ba.

“Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho thần con bất định một lát, cho thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thấu đáo Càn–Khôn, tinh thông vạn vật đặng.”¹⁰

PHÂN BIỆT CHÁNH TÀ TRONG CƠ BÚT

Cơ bút không có chánh, có tà. Khi mục đích của con người sử dụng cơ bút để phụng sự cho đạo lý với đức tin sáng chói, chí thành, chí kính thì sẽ tiếp nhận được trọn vẹn lý huyền nhiệm từ các Đấng Thiêng Liêng theo luật cảm ứng. Đây chính là chánh tín, chánh đạo. Còn ngược lại, nếu con người sử dụng cơ bút cho tư tâm tư dục, tất yếu sẽ nhận được cảm ứng từ hạ đẳng thiêng liêng để đưa con người vào chỗ mê tín, tà đạo.

“Vì thế nên mới có câu: Hữu thành tắc hữu thần. Có đức tin vững vàng, có thấy cái ta trong Thượng Đế mới đạt được lý diệu mầu của cơ bút cũng như đạo pháp. Ví bằng các hàng tín hữu không trọn vẹn đức tin để thành kính tìm một lối tiến cho mình thì cũng có thể nói: Vị thành tắc vô thần. Và hậu quả đưa đến bằng cái nhờn dục tự trị của cá nhân tín hữu đó là tự mình trói buộc mình vào chỗ không lối thoát. Cuối cùng cũng phải thiên về bàng môn, tả đạo rồi phiền trách chi ai!

Bản Đạo đã từng nói với tất cả toàn đạo rằng cơ bút là để truyền đạo, hoằng đạo, giáo đạo. Đồng tử là tướng soái để thông công. Sự kiện nghiệp to tát bao nhiêu cũng có thể làm cho cơ đạo tiêu trầm tan tác bấy nhiêu. Nên chi tu để mà thức tỉnh, để mà giác ngộ. Thức tỉnh giác ngộ để rồi khỏi lằm lạc trong cái vọng thức riêng

tư. Nếu không còn vọng thức riêng tư tức thị là thánh nhân tại thế.”¹¹

Con người nơi cõi thế gian sử dụng cơ bút để giao tiếp với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Tuy nhiên, ngoài các Đấng thượng đẳng Thiêng Liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ dạy đạo; còn có hạ đẳng thiêng liêng thừa cơ hội mạo danh Tiên Phật giáng cơ bày trò phỉnh gạt chúng sanh theo đường tà đạo.

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam kỳ Phổ độ, Quý Vương đã khởi phá khuấy Chơn đạo. Đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi.

Lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ mầu nhiệm, hiệp Tam thập lục động đổi gọi Tam thập lục thiên. Các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên Tà đạo.”¹²

Đức Giáo Tông Đại Đạo đã từng cảnh giác các hạ đẳng thiêng liêng luôn thừa dịp nhập vào cơ bút.

“Chư đạo hữu biết ngày nay là ngày Đại hội Bạch Ngọc Kinh, chư Thần Thánh Tiên Phật đều về mà còn cầu (...) Nếu chẳng phải Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan thì quỉ đã nhập rồi.”¹³

Vậy nên, các bài Thánh ngôn Thánh giáo cần phải được chúc sắc Hiệp Thiên Đài kiểm duyệt trước khi ban hành. Nội dung bài Thánh ngôn phải phù hợp với đạo lý; mang tính bác ái, vị tha; ý tứ thanh cao; không giúp con người tư danh tư lợi; không nhằm thỏa mãn tính hiếu kỳ, dục vọng của con người, v.v.

“Cũng là cơ bút, mà các em nên thận trọng cho lắm. Bởi vì giữa thời buổi loạn ly, biết bao nhiêu là sự nhiễu nhương, tà thần ma quái cũng có thể mượn danh Chí Tôn và Thánh Thần Tiên Phật để phụng sự riêng cho mục đích tầm tối.

10. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 1, đàn cơ ngày 19–11 Ất Sửu (03–01–1926).

11. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26–2 Nhâm Tý (09–4–1972).

12. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 1, đàn cơ ngày 15–7 Bính Dần (22–8–1926).

13. Hương Hiếu, Đạo sử Xây bàn Q. 2, tr.248, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 23–12 Bính Dần (26–01–1927).

Các em chịu khó suy xét phân biệt thì thấy ngay nẻo chánh đường tà. Những lời do cơ bút ban ra, nếu đi ngược với tôn chỉ Đại Đạo, thiếu tinh thần phục vụ nhân sanh, thì các em hãy thận trọng mà chấp nhận ban hành.”¹⁴

NGƯNG CƠ BÚT PHỔ ĐỘ

Ngày mùng 1-9 Bính Dần (07-10-1926), quý vị Tiền Khai Đại Đạo gửi Tờ khai đạo cho chính quyền Pháp tại Sài Gòn. Ngay sau đó, quý Ngài được lệnh của Đức Chí Tôn chia làm ba nhóm đi phổ độ, lập đàn cơ thu nhận tín đồ tại Lục tỉnh. Nhóm một gồm quý Ngài Lê Văn Trung, Nguyễn Ngọc Thơ, Trần Đạo Quang và phò loan gồm quý Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc. Nhóm hai gồm quý Ngài Lê Văn Lịch, Nguyễn Ngọc Tương, Yết Ma Luật và phò loan gồm quý Ngài Nguyễn Trung Hậu và Trương Hữu Đức. Nhóm ba gồm quý Ngài Lê Bá Trang, Vương Quang Kỳ, Yết Ma Nhung và phò loan gồm quý Ngài Cao Quỳnh Diêu và Cao Hoài Sang. Đến ngày mùng 10-10 Bính Dần, quý Ngài tạm ngưng các đàn cơ phổ độ để trở về lo đại lễ Khai minh Đại Đạo vào ngày rằm tháng 10 Bính Dần. Sau khi Đức Chí Tôn giảng cơ ban Pháp Chánh Truyền vào đêm 16-10 Bính Dần, Thầy bắt đầu dạy đạo, thiên phong chức sắc và thu nhận tín đồ và xây dựng Hội thánh. Trong thời gian này, tín đồ muốn nhập môn phải thượng sớ cầu đạo lên Đức Chí Tôn và từng vị sẽ nhận được một bài thơ và xác nhận sự đồng ý hoặc từ chối của Thầy. Trong thời điểm này, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo cũng thay mặt Thầy thu nhận các sớ cầu đạo. Đây là một đặc ân rất hi hữu đối với quý vị xin nhập môn cầu đạo trong buổi ban đầu. Tuy nhiên, đặc ân này cũng không kéo dài vô hạn định và thời điểm kết thúc cơ bút truyền đạo hay phổ độ kết thúc vào cuối tháng 6 năm Đinh Mão (1927).

“Còn tới cuối kỳ tháng 6 này (1927) thì Thầy

phải ngưng hết cơ bút truyền Đạo, các con sẽ lấy hết chí-thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mỗi Đạo.”¹⁵

Tuy nhiên, việc ngưng cơ bút truyền đạo gây một số ngộ nhận là những cơ bút sau thời điểm cuối tháng 6 năm Đinh Mão (1927) đều không phù hợp với Thánh lệnh của Đức Chí Tôn tại đàn cơ ngày mùng 2 tháng 5 năm Đinh Mão (01-06-1927). Điều này đã được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc minh giải tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tại đàn cơ ngày mùng 1 tháng 10 năm Tân Hợi (18-11-1971).

“Ngày xưa, Đức Chí Tôn dạy bế cơ bút phổ độ, tức là đi truyền giáo từ tư gia, cho đến khi các chi phái đã nảy nở, cơ bút vẫn được lập nhiều nơi. Đó không phải là sai lời Chí Tôn đâu. Bởi từ giai đoạn, từ trường hợp để sắp xếp lại quyền pháp đạo. Tòa Thánh Tây Ninh phải củng cố nội bộ trong Thập Nhị Khai Thiên ngũ hầu nắm giữ quyền pháp không cho sai lạc, và ý Chí Tôn cũng ngừa phòng cái loạn cơ bút do thức thần nhờn tâm khuấy động làm cơ đạo phải chịu mấy lúc chinh nghiêng.”¹⁶

Như vậy là đã rõ, Ông Trên vẫn tiếp tục giảng cơ để sắp xếp, kiện toàn hành chánh đạo; quyết định cầu phong, cầu thăng chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài. Đức Thượng Đế giảng trần khai mở đạo Cao Đài sử dụng phương tiện cơ bút. Tín đồ Cao Đài tiếp nhận kinh điển, lời dạy của Ông Trên qua huyền diệu cơ bút. Vậy nên, cơ bút là một phương tiện thông công gắn liền với người môn đệ Cao Đài. Chính vì thế, Chư Tiên Khai Đại Đạo đưa ra một nhận xét vô cùng sâu sắc về tầm quan trọng của cơ bút: “Nếu thiếu cơ bút, chư hiền đệ hiền muội dường như thiếu tất cả.” Song, nếu con người lệ thuộc quá nhiều về cơ bút, tất yếu sẽ phát sinh tâm lý ỷ lại, cầu an, thiếu sáng tạo và năng động để phát huy sáng kiến trên

14. Đức Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài, Liên Hoa Cửu Cung, 04-01 Bính Ngọ (24-01-1966).

15. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Q. 2, đàn cơ ngày 02-5 Đinh Mão (01-6-1927).

16. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-10 Tân Hợi (18-11-1971).

con đường tu học của bản thân và phụng sự thiên cơ.

“Đức Chí Tôn đã có ý cho tất cả Hiệp Thiên Đài được nghỉ một thời gian rất dài để thanh lọc lại trên việc tín ngưỡng của nhơn sanh, nhưng một nỗi là chư hiền đệ hiền muội từ xưa nay sống trong thế gian bằng thể xác, sống trong điển quang Thiêng Liêng bằng linh hồn, nếu thiếu cơ bút, chư hiền đệ hiền muội thấy dường như thiếu tất cả. Tuy nhiên, chư hiền đệ muội cũng cần phải tự thực dụng thần trí sáng suốt của mình trước các công việc đang diễn tiến trong đời cũng như tiền đồ Đại Đạo. Có lẽ đến một ngày nào đây, cơ bút cũng sẽ thu hẹp lại, để chư hiền đệ hiền muội tập được thói quen tự tín, tự tồn, tự tu, tự lập, mới đủ quyền năng ứng phó với mọi hoàn cảnh bên ngoài. Mặc dù cơ bút rất ít, nhưng quyền năng hộ trợ vẫn luôn luôn đầy đủ và sẽ xuất hiện từ trong tâm linh của chư hiền đệ muội. Đó gọi là Thiên nhân hiệp nhất.”¹⁷

NHIỀU CƠ BÚT KHÁC NHAU

Trong thời Hạ nguơn mặt kiếp, Đức Thượng Đế sử dụng cơ bút khai mở nền Đại Đạo cứu độ nhân loại nơi quả địa cầu 68 này. Các đẳng chơn linh nơi cõi vô hình cũng đồng thời sử dụng cơ bút để lập công quả nơi thế gian. Do đó, không chỉ cơ bút xuất hiện trong đạo Cao Đài mà đã hiện

hữu khắp mọi nơi. Lẽ tất nhiên, nếu cơ bút phụng sự cho chơn lý, tình thương, hòa ái, đại đồng, v.v. thì đây chính là chánh tín, chánh đạo. Còn ngược lại, nếu cơ bút nhắm đến chia rẽ, hận thù, bản ngã, độc tôn, v.v. trường hợp này lại là mê tín, tà đạo.

“Có câu: “Đạo khai ma khởi, Đạo phát ma sanh”. Rồi đây trên khắp cùng thế giới sẽ có rất nhiều cơ bút tùy theo cao thấp của chơn linh mà lập công độ thế. Tuy nhiên, chánh pháp Đại Đạo vẫn có một. Một đó là Thượng Đế, là Đạo, là chánh tín vô sai biệt.”¹⁸

Chính vì có nhiều cơ bút, chơn giả khác nhau, cho nên cơ bút là một vấn đề rất cần trọng do hệ lụy của nó. Cơ bút có thể xem như một con dao hai lưỡi. Nếu biết sử dụng, cơ bút sẽ mang đến lợi ích to lớn trong cơ cứu độ; còn nếu không biết sử dụng, cơ bút sẽ mang tai họa khôn lường cho chúng sanh.

“Nội tình cơ Đạo hiện nay, Đức Chí Tôn đã căn dặn từ lúc mới khai Đạo, Thầy đã nói: “Quỷ Vương nó cũng dám lợi dụng danh Thầy, mạo danh Phật, Tiên, Thánh, Thần để diu dắt nhơn sanh theo tà đạo.” Vì vậy cơ bút là một vấn đề tối ưu hệ trọng.”¹⁹

Chúng sanh căn trí vô lượng, cơ bút có nhiều trình độ cao

thấp khác nhau. Mặt khác, con người thường có tâm lý là không thoả mãn những gì mình đang có, mặc cảm tự ti điều mình đang sở hữu là thấp kém, tầm thường. Cho nên, muốn tìm kiếm cơ bút nơi khác để thỏa tính hiếu kỳ, khám phá. Có điều là cơ bút cũng có chánh và tà tùy theo các Đấng thượng đẳng hoặc hạ đẳng thiêng liêng giáng cơ. Mà việc phân biệt chánh tín và mê tín trong cơ bút lại cần có một trình độ tu học nhất định. Do đó, trong khi chưa có Hội thánh thống nhất Đại Đạo, người tín hữu Cao Đài cần chọn cho mình một pháp môn tu phù hợp tại một tịnh thất nào đó, theo sự hướng dẫn của Thánh ngôn hiện hữu tại địa phương. Đây chính là giải pháp an toàn nhất để bản thân có thể yên tâm tu học hành đạo, không phải bận tâm thắc mắc về sự khác biệt giữa lời dạy các Đấng Thiêng Liêng tại nơi này hoặc nơi khác.

“Các em cũng đừng băn khoăn về việc nhiều cơ bút khác nhau. Điều đó các Đấng Thiêng Liêng đã dạy trước rồi, tùy theo căn cơ của mỗi người. Nếu các em thấy tự tin tự túc thì chớ tìm đến, bằng nếu thấy thiếu chi ngoài đạo lý thì tùy duyên phận của mỗi người, dầu Nam Tào, Bắc Đẩu cũng không ngăn được.”²⁰

17. Tiền Khai Đại Đạo, Vĩnh Nguyên Tự, 22-3 Tân Hợi (17-4-1971).

18. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

19. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 04-3 Quý Mão (28-3-1963).

20. Đức Văn Hương Thánh Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

MỖI NGƯỜI ĐỀU CÓ MỘT ĐÀI HIỆP THIÊN

Con người là tiểu thiên địa hay tạo hóa trong Tạo Hóa, nên có quyền năng vô hạn, có thể quyết định con đường tiến hóa cho chính mình. Mặt khác, con người còn có đài Hiệp Thiên nên có thể thông công trực tiếp với Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng mà không cần qua trung gian của đồng tử. Vấn đề là làm thế nào mở cửa đài Hiệp Thiên để thông công với Ông Trên nơi cõi vô hình? Điều này cũng giống như mỗi người được ví như một radio hay ti-vi có thể nhận tín hiệu từ đài phát thanh hoặc đài truyền hình. Chắc chắn rằng đài phát thanh hay đài truyền hình phát tín hiệu liên tục không bao giờ ngừng nghỉ, nhưng vấn đề là radio hay ti-vi có nhận được tín hiệu đó hay không?

“Trước kia Thầy có dạy: Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài còn. Quả thật vậy! Sáu mươi năm Khai đạo có biết bao nhiêu Thánh giáo, Thánh ngôn, lời Tiên, tiếng Phật. Đến ngày nay các con vẫn còn học hỏi với Thầy qua sự trung gian của đồng tử. Nếu chỉ có bao nhiêu sự việc thì chưa hết ý của Thầy muốn nói gì với các con. Đến một ngày nào Thầy không dùng đồng tử thì Đạo bế sao con! Mà phải hiểu mỗi con đều có một đài Hiệp Thiên. Nếu con mở được cửa thì thông công được với Thầy khỏi qua trung gian của đồng tử, vì trước khi Thầy

đã dạy, đã trao chìa khóa cho các con từ buổi sơ khai Đại Đạo. Nhưng mấy ai giữ được thanh tịnh vô trần trực nhận chân tâm đại ngã. Bởi vì các con làm chưa được nên Thầy phải cần dùng đồng tử dạy dỗ các con.”²¹

Hồng ân của Thượng Đế luôn tràn trề đến cõi thế gian không bao giờ gián đoạn, nhưng con người không phải lúc nào cũng thọ nhận được ơn phước của Đức Chí Tôn. Chỉ khi nào con người điều chỉnh tần số của bộ máy tiểu thiên địa cho phù hợp với tần số của Đại thiên địa, tự khắc sẽ tiếp nhận được hồng ân của Thượng Đế. Tần số mà con người có thể giao cảm được cùng Thượng Đế chính là tâm thanh tịnh, vô dục, vô niệm. Điều này rất khó thực hiện, bởi lẽ con người đang sống trong cõi dục giới với biết bao nhiêu phiền phức chi phối, thất tình lục dục bủa vây, bức màn vô minh che phủ. Tuy nhiên, giữ được tâm thanh tịnh đã khó, duy trì tâm thanh tịnh được lâu bền, thường trụ lại còn khó hơn gấp bội phần.

“Khi tâm linh được miễn tuệ huệ khai thì người và Trời hòa đồng như một, vẫn nghe được tiếng nói không lời, vẫn thấy được hình ảnh không sắc tướng.

Chư hiền nói riêng, trong các tôn giáo dùng cơ bút nói chung,

sở dĩ còn dùng cơ bút để Tiên Phật nương nơi đó viết thành văn, đọc thành lời là bởi vì chư hiền cũng như các giới khác chưa khêu tỏ trọn vẹn ngọn đèn từ huệ (transitor). Khi mỗi người khêu tỏ được ngọn đèn từ huệ rồi thì tự mình nghe được tiếng nói không lời, thấy được những hình ảnh không sắc tướng của các Đấng nơi cảnh giới khác.”²²

Công phu thiên định giúp cho con người điều hòa được thần khí, an định được nội tâm. Khi ấy con người không những giao cảm cộng thông được với Trời, mà còn có thể hòa hợp tương liên với đại chúng. Chính cái lặng lẽ trống không, tịnh khiết như nhiên của tâm mới giúp cho con người hòa đồng cùng đại thể bao la, để có thể tiếp nhận được ơn thiên khải, nghe được tiếng nói vô thính, thấy được hình ảnh vô sắc tướng nơi cõi vô hình. Đó cũng chính là kết quả của việc tự thấp đuốc mà đi vậy.

“Một ngày nào đây, nếu các con nam nữ của Mẹ phải tự thấp đuốc mà đi, không còn ý lại nơi lời Thánh ngôn Thánh giáo trong những đàn cơ sẽ có thì các con cũng nên nhớ rằng Thiêng Liêng tạm mượn thông công giữa Trời và người để các con an lòng hành đạo, tu thân, đó là phương tiện đặc biệt,

21. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-02 nhuận Ất Sửu (07-4-1985).

22. Đức Đồng Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Quý Sửu (18-3-1973).

nhưng dầu đặc biệt cũng chỉ là phương tiện. Giá trị hơn hết là tâm con có minh linh sáng suốt để cảm ứng với Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Đó là giá trị bất biến có thể giúp con đạt đạo chứng quả được.”²³

TẠM KẾT

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài tổ chức tam đài gồm: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Cửu Trùng Đài là nơi chư chức sắc Thiên phong thay mặt Đức Chí Tôn phổ độ chúng sanh, thuộc về hữu hình, là phần xác của Đạo. Hiệp Thiên Đài là trung gian giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài, trung gian giữa Trời và Người, thuộc về bán hữu hình, là chơn thần của Đạo. Bát Quái Đài là nơi triều ngự của Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật, thuộc về vô hình, là linh hồn của Đạo.

Hiệp Thiên Đài giữ vai trò rất quan trọng. Bởi, “Hễ Đạo còn thì Hiệp Thiên Đài vẫn còn.”²⁴ Chức sắc Hiệp Thiên Đài sử dụng cơ bút để thông công với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Thật vậy, bằng huyền diệu cơ bút, Đức Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng đến thế gian khai đạo, độ dẫn tín đồ, thiên phong chức sắc, xây dựng hội thánh, ban hành kinh điển đạo luật nhằm cứu độ chúng

sanh trong thời Hạ nguơn mặt kiếp. Đức Chí Tôn và chư Phật Tiên Thánh Thần đã ban truyền thiên kinh vạn điển, Thánh ngôn Thánh giáo thật đầy đủ từ phẩm hạ thừa, trung thừa, cho đến thượng thừa để con người có đủ phương tiện tu học hành đạo, vừa xây dựng thế đạo đại đồng, vừa thực hành thiên đạo giải thoát.

“Thánh ý đã ban cho con từ lâu trong mười mấy năm qua đủ cả tu nội tâm và bình ngoại cảnh. Các con do đó mà tu, mà hành. Lễ tất yếu hành công tu chứng của các con là phản tỉnh nội cầu, khắc phục cho đến khi nào con thấy được thuần chơn vô ngã thì kết quả sẽ đến với các con.”²⁵

Thật là một duyên phước vô cùng lớn lao khi con người được tham dự vào buổi đàn cơ, được diện kiến với các Đấng Thiêng Liêng ngay tại trần gian này. Cái thâm tình thiêng liêng vô cùng sâu đậm giữa kẻ Tiên người tục không thể nào dùng văn tự mà diễn tả cho cùng tận được. Song, khi người môn đệ Cao Đài đọc lại những Thánh ngôn Thánh giáo, chúng ta có thể tin chắc rằng Ôn Trên đang hiện hữu giống như trong khung cảnh của buổi đàn cơ trước đây trong quá khứ. Vậy nên, Thánh ngôn Thánh giáo là một kho tàng giáo lý thật sự mẫu nhiệm mà Ôn Trên đã ban

cho con người trong cơ tận độ thời mặt kiếp này.

Con người khi nhìn ra vũ trụ thiên không bên ngoài thì thật là nhỏ bé, nhưng khi soi vào nội thể bên trong thì địa vị không hề hèn mọn, thuộc hàng Tam tài đồng đẳng (thiên-địa-nhơn), có thể sánh cùng Trời Đất. Mặt khác, con người có thể cộng thông cùng Thượng Đế, bởi vì mỗi người đều có một đài Hiệp Thiên, nên không cần phải thông qua trung gian của đồng tử. Chính giờ phút công phu thiền định lắng đọng tâm tư, thanh tịnh vô niệm, khai mở trí huệ, con người tiếp nhận được hồng quang thiên điển, nghe được tiếng nói vô thình từ Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng.

“Các con nên nhớ vào giờ công phu thiền định khai mở cõi lòng tịnh khiết để tiếp nhận luồng hồng quang Thiên điển. Nhiếp thu được nhiều hay ít là do ở lòng của con. Hồng quang Thiên điển luôn luôn bủa trùm để cứu độ sanh linh. Các con hãy giác ngộ, hãy ý thức với nhau để cùng tu hành hạnh hưởng.”²⁶

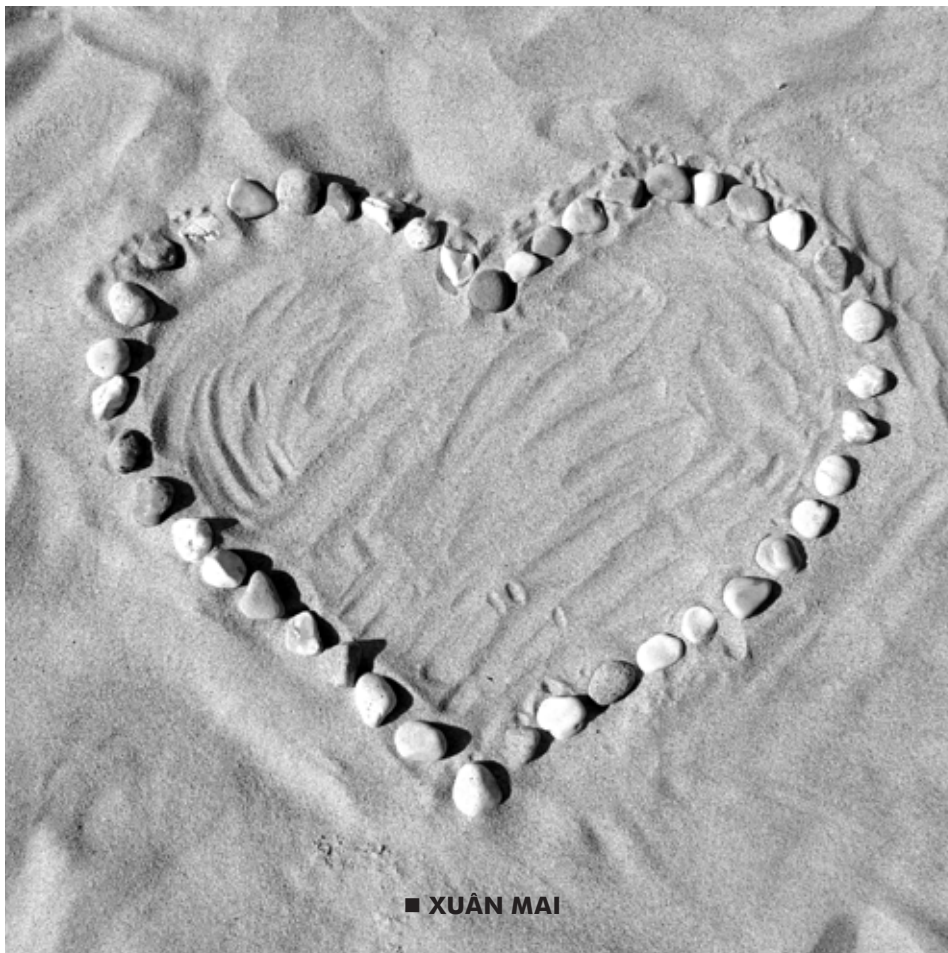
Hễ tâm có định thì trí huệ bát nhã phát sinh. Mỗi người đều có thể là đồng tử trực tiếp thông công cùng Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để thực hiện sứ mạng tự độ và độ tha trong trường tiến hóa này.■

23. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Ất Mão (17-11-1975).

24. Pháp Chánh Truyền về Hiệp Thiên Đài.

25. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Giáp Tý (02-02-1984).

26. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-8 Bính Thìn (07-9-1976).



HÃY MỞ RỘNG TRÁI TIM

Ta không bảo các em chinh phục thiên hạ, mà bảo các em tự thắng các em và phục vụ cho thiên hạ. Hãy lấy niềm vui khi làm cho kẻ khác. Hãy lấy làm hãnh diện khi xả thân cho tha nhân.”¹

Học tập lời dạy trên của Đức Cao Triều Phát chúng ta cũng không quên câu truyện ý nhị ngày xưa: Một hôm, khách qua đường gặp một triết gia nổi tiếng người Hy Lạp. Ông

ta đứng ở góc đường và cười như nắc nẻ một cách đặc chí. Ai cũng tưởng ông ta là người điên nên không thèm để ý. Sau cùng, có một người đánh bạo đến gần và hỏi: “Vì lý do gì ông cười như vậy?” Ông ta trả lời: “Ông có thấy cục đá nằm giữa đường kia không? Từ sáng tới giờ không biết bao nhiêu người đã vấp ngã vì hòn đá ấy, và họ bức mình chửi bới. Thế nhưng, không có một ai cúi xuống nhặt hòn đá vứt khỏi lối đi để người khác khỏi bị vấp ngã.”

Chắc chúng ta hiểu ý nghĩa,

cử chỉ và lời nói của triết gia Hy Lạp trên đây. Thật vậy, tinh thần phục vụ vượt hẳn trên sự lười biếng và tính ích kỷ, để chỉ tìm hạnh phúc và lợi ích cho tha nhân. Tinh thần phục vụ của tín hữu Cao Đài còn phải đi xa hơn nữa, nó thúc đẩy chúng ta cộng tác với tha nhân để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, một xã hội công bình hơn.

Nhưng để cộng tác với tha nhân, hướng đến sự phục vụ một cộng đồng rộng lớn hơn, chứ không chỉ giới hạn ở sự giúp đỡ một cá nhân thì phải có

1. Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

một ý chí phụng sự. Ý nguyện đó chỉ có ở những người có tình thương yêu nhân loại rộng rãi, sẵn sàng hy sinh cái ta và cái của ta. Tình thương này sẽ không phát triển, lớn mạnh được khi nó không khởi phát được từ sự chia sẻ giúp đỡ một tha nhân nhỏ bé... Tình thương này phát triển bằng cấp số nhân. Tình thương thật sự của nhiều cá nhân phát triển trải rộng ra hợp nhất giúp cho sự quân bình của vũ trụ và sự an toàn của nhân loại.

LÀM SAO ĐỂ CÓ NHIỀU CÁ NHÂN PHÁT TRIỂN TÌNH THƯƠNG?

Tình thương phải được truyền đạt. Người truyền đạt phải chịu hy sinh hành đạo. Người hành đạo không phải chỉ nói, chỉ giảng dạy mà phải làm, phải chịu hy sinh, phải xả thân. Nếu có một tình thương yêu thật sự thì có thể thực hiện bất cứ điều gì dù khó khăn hay chông gai cách mấy. Người biết hy sinh cá nhân mình để phục vụ đại đồng nhân loại chúng sinh ngoài một tâm lực mạnh mẽ để thành công còn có vô số tha lực yểm trợ. Tha lực yểm trợ đó là sự chuyển động của cơ trời, là một lực lượng siêu hình đang cộng tác cùng Thượng Đế.

Xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn đó là một thế giới mới, thế giới mới là thế giới của tình thương, của sự đồng tính nhất thể của con người và vũ trụ. Thanh thiếu niên chúng ta hãy

mở rộng trái tim để đứng vào sự đồng tính đó.

Xin cho con thắng được sự lười biếng và tích ích kỷ, để con biết mở rộng đôi tay phục vụ. Xin cho con luôn biết mở rộng con tim để cộng tác với mọi người, xây dựng một thế giới an bình và hạnh phúc.

Không ai có thể bắt kẻ khác làm cho mình hơn hết là mình làm cho kẻ khác. Người thanh thiếu niên hãy tràn ngập hoan lạc trong sự cao thượng. Phương châm duy nhất cho các em là liên kết tự kiểm và nhận phê trong tinh thần hành động duy tiến.²

Phải nhìn lại mình để sửa chữa. Tất cả việc đến với ta là để thử thách, để nhìn rõ về con người, để nhìn rõ chân tướng của con người. Có biết có sửa mới có tiến. Không có trải qua, không biết thì không sửa được mình.

Phải trau dồi và sửa mình luôn luôn. Hãy buông bỏ vui buồn hờn giận ghét quá khứ. Nhìn được lỗi lầm của mình sẽ bỏ qua lỗi lầm của người. Mọi việc đều có nguyên nhân, vì có khi lỗi lầm của người là nguyên nhân của lỗi lầm của mình. Buồn vui hờn giận chỉ là để cho những kẻ chưa biết mình là ai.

Ta phải là kẻ luôn luôn tỉnh thức, là kẻ đã ngộ giác, là kẻ đã biết được nguồn cội của mình.

“Mùa Xuân lại đến đây, các em hãy vui vẻ lên, vui để biết

rằng mình không là thừa trong tập thể nhân loại. Vui để biết rằng tương lai phải do chính mình sắp đặt. Các bậc đàn anh của các em đã đi qua rồi trên con đường phục vụ cho sự miên viễn của lịch sử, thì hiện trong cơ Đạo ngày nay, những cái ước vọng và hùng khí của thời thanh xuân nhường lại cho tất cả các em. Bất cứ trên cương lĩnh nào, các em cũng bắt buộc ý thức cái bốn phận cao cả của người được tiếp nối, của người được giao phó, của người được đặt niềm tin trên viên đồ thái bình cực lạc.”³

Rèn luyện sửa chữa luôn luôn. Đoàn kết hiệp hòa cùng tập thể. Tu học ngày ngày để đủ sức phục vụ tha nhân. Thật hạnh phúc biết bao khi được làm người tỉnh thức, khi biết rằng mình không là thừa trong tập thể. Vui sướng biết bao khi còn được phụng sự tha nhân, xả thân cho người khác. Hãy góp phần nhỏ bé của mình để đem mùa xuân đến với những mảnh đời bất hạnh, hãy chia sẻ với những người còn khốn khổ hơn chúng ta.

Xin cảm ơn tất cả quý huynh tỷ đã chung tay góp sức để Thanh thiếu niên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có được chuyển công quả cuối năm với cả tinh thần, vật chất đến với quý huynh tỷ ở Dưỡng lão đường Quy Thiện, Điện Thờ Phật Mẫu Trường Tây, và các em ở Sóc Bàu Ấch.■

2. Đức Cao Triều Phát, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ (08-02-1967).

3. Ibid.

Lòng con nếu thật chí thành

■ QUÁCH HIỆP LONG

Vào dịp Hội Yến Bàn Đào Trung-thu Quý Sửu 10-9-1973, tại Vạn Quốc Tự, Đức Mẹ giảng cơ ban trao “Một Bí Pháp” cho các con cái của Mẹ như sau:

*Thấy lòng con trẻ hân hoan,
Một câu bí pháp Mẹ ban thu này.
Các hình thức đã gây ý thức,
Ý thức cùng vọng thức không xa,
Tâm con là trái hay hoa,
Tâm con là rượu hay trà ngọt thơm.
Hay bạch lập bằng bằng ánh sáng,
Hay trầm hương nhẹ thoảng hư không,
Hay là do ở tấm lòng,
Lòng con là một hiến dâng nhiệm mầu.
Mẹ Hội Yến ban trao bí pháp,
Gọi Bàn Đào thu nạp vạn sanh,
Lòng con nếu thật chí thành,
Thương đời cứu khổ quên mình con nghe!*

Bí pháp đó là gì? Chúng ta hãy đọc tới, đọc lui nhiều lần đoạn Thánh giáo trên để thử tìm ra bí pháp mà Đức Mẹ muốn ban trao. Trước hết, chúng ta nhận thấy Bí pháp Mẹ ban trao nằm trong Tâm, trong lòng chúng ta. Bởi lẽ các chữ “Tâm con”, “tấm lòng”, “Lòng con” được Đức Mẹ lặp đi, lặp lại nhiều lần trong đoạn bài này. Nhưng chỉ “tâm hay lòng chúng ta” không chưa đủ, mà lòng mình phải thật chí thành! Và chí thành như thế nào? Đức Mẹ dạy phải chí thành đến chỗ quên mình – tức Vô Ngã – thương đời, cứu khổ chúng sinh:

*Lòng con nếu thật chí thành,
Thương đời cứu khổ quên mình con nghe!*

Lời dạy trên của Đức Mẹ có thể tóm tắt vào ba trọng điểm sau:

- Lòng chí thành.
- Thương đời cứu khổ và
- Quên mình hay đức hy sinh.

Về lòng chí thành, Đức Mẹ mong mỗi các con cái của Người: “Tình Vô Cực vô biên, Mẹ ước mong sao lòng các con cũng phải chí thành vô hạn mới có thể thấu được lý nhiệm mầu siêu việt và hoạch định một tương lai đạo đức cứu cánh toàn linh.”¹ Đức Lý Giáo Tông Vô Vi dạy lòng chí thành và tâm Đạo thì vượt cả thời gian và không gian, hay nói cách khác có giá trị muôn đời và ở mọi nơi, tức lưu danh hậu thế, và Đức Ngài chứng chiếu vào đó mà ban quyền pháp đạo:

*Chí thành tâm đạo vượt thời không,
Thành bại gian nguy chẳng ngại lòng,
Chứng chiếu mới ban quyền pháp đạo,
Biết ơn sẽ được sớm thành công.²*

Đức Khổng Tử dạy người quân tử phải biết “Cách vật, Trí tri”, có được “Thành ý, Chánh tâm” để “Tu thân, Tề gia, Trị quốc và Bình thiên hạ.” Như vậy, mục tiêu đầu tiên của con người là tu thân và mục tiêu sau cùng là góp phần tạo cuộc sống thanh bình trong thiên hạ để tiến đến một xã hội đại đồng huynh đệ. Tất cả con người đều là anh em nhau, bình đẳng trước Thượng Đế. Đức Đông Phương Chương Quản dạy: “... Lúc Thượng Đế tạo dựng nên muôn loài vạn vật, trong đó có loài người thì dưới chân của Ngài, trước mặt của Ngài, con người vẫn duy nhất là anh em với nhau bởi đồng tính, đồng chất, nên sự sống trên những phương diện tinh thần, ham muốn, nào tốt xấu, nào thiện ác, phải quấy đều được phân biệt bởi trí não con người. (...) Tuy những dân tộc loài người trên quả đất được phân biệt an định ở mỗi khuôn khổ vị trí

1. Vạn Quốc Tự, 15-8 Ất Tỵ, 10-9-1965.

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-02 Nhâm Tuất, 10-3-1982.

và hoàn cảnh xã hội xa nhau, khác nhau, song sự xa cách, sự khác biệt ấy không phải là vấn đề cho con người quên mất nguồn gốc mình vốn một, quên mất bản chất mình là nhân từ như Thượng Đế, che chở lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa người và người, đồng thời sẵn sàng gìn giữ sự yên ổn cho bao loài hạ tiện khác đang sống dưới tầm mắt trí khôn của nhân loại.”³ Như thế, nếu loài người biết tìm lại nguồn gốc con người từ Thượng Đế, thấy được cái bản vị nhân ái trong mình, còn gọi là nguồn gốc nhân bản, thì xã hội loài người sẽ với bớt những tranh chấp, khổ đau, chiến tranh, tàn sát lẫn nhau... Khi nhìn nhận là anh em vì cùng một nguồn gốc như nhau, con người sẽ đùm bọc, san sẻ, thương yêu nhau. Thương đời cứu khổ là phương pháp mà cũng là đường lối thực hiện một xã hội huynh đệ đại đồng. Kinh Thuyết Pháp có câu:

Muốn cho thiên hạ đại đồng,

Lấy câu cứu khổ độ lòng thương sanh.

Giải nghĩa quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhơn, Đức Chúa Jésus đã dạy: “Đạo Trời lần ba hoàng khai để cứu vãn tình trạng nguy vong của nhơn loại, mà tái lập cuộc thế giới an bình. Thượng Đế chọn đất Việt làm Thánh địa, chọn dân Việt làm tiên phong khai đạo, nói lên những lời thiết tha bằng tình thương, lẽ thật và sự sống đời đời. (...) Đạo lớn lao thì trách nhiệm cũng quá chừng to tát, đầu phải một người làm xong, mà cần hiệp sức nhau, chia sót nhau, để cùng lo cùng tính. Kẻ trong người ngoài, nơi nào cũng có mặt con người hướng đạo, hầu nói lên tôn chỉ dung hòa bình đẳng...”⁴

Đức Thánh Trần Hưng Đạo giải nghĩa hào sơ cửu: “Đồng nhân vu môn” (Tiểu tượng), nghĩa là: “đại đồng với người, không phải ở trong nhà mà nói đại đồng. Cần phải ra ngoài khỏi cửa, để đồng cùng xóm giềng, làng nước, giao du chỗ nọ, chỗ kia mà kết tình bằng hữu, để cùng chung lấy nhiệm vụ đại đồng.”

3. Trúc Lâm Thiền Điện, 17-7 Tân Hợi, 06-9-1971.

4. Hườn Cung Đàn, 14-11 Bính Ngọ, 25-12-1966.

*Đấng quân tử thuần chơn vô ngã,
Lại gặp thời Thiên Hỏa Đồng Nhơn.
Nhiệt thành chung thử keo sơn,
Đưa tài góp sức chuyển nguơn thanh bình.
(...)*

Bỏ lối sống cô đờn riêng rẽ,

Lo chung cùng san sẻ thương yêu.

Cho đời họa khổ liền tiêu,

*Chưa tiêu hết cũng với nhiều lắm than!*⁵

... Ngày nay, muốn tạo được cái thế nhơn hòa đoàn kết ấy, thì người lớn phải tỏ ra đức độ, phải chịu hy sinh. Hy sinh cái ý kiến tư hữu của mình cũng là điều quan trọng không kém sự hy sinh tính mệnh! Hy sinh vì sự sống còn của kẻ dưới, hy sinh vì mọi người, hy sinh vì chính nghĩa cao cả như sự bảo tồn xương mình chơn truyền đạo pháp chẳng hạn. Bậc hướng Đạo phải đạt được cái lý ấy, phải bác kiến quảng văn, phải ôn cố tri tân, phải thường xuyên khắc kỷ phục lễ, phải rèn luyện thân tâm để nêu gương sáng cho mọi người...⁶

Ngay trong thời kỳ mới khai Đạo, khoảng năm 1926, Đức Bát Nương đã dạy chư vị Tiền Bối: “Biết người quên mình, đó là phận sự kẻ tu hành, đến bậc tối thượng thừa cũng như thế, mới tròn nghĩa vụ.”⁷

Đức Mẹ dạy về đức hy sinh: “Mẹ nhìn thấy trong các con, con nào cũng có đức hy sinh. Sự yên vui êm ấm cho gia đình là do bàn tay hiến hậu hy sinh một cách âm thầm, cay đắng mà được. Nay bước chân vào xã hội, vào Đại Đạo, các con cũng nên dùng đức hy sinh đó bằng tất cả tâm thành để xã hội thêm phần hạnh phúc, để Đại Đạo thêm phần mở mang.”⁸

Đức hy sinh còn là hạnh Đại thừa để hành trì đạo pháp: “Các con phải tập hy sinh lần lần

5. Minh Lý Thánh Hội, 03-4 nhuận Giáp Dần, 24-5-1974.

6. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ, 10-5-1965.

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, tr.122, ấn bản 1972.

8. Thánh thất Bình Hòa, 16-8 Canh Tuất, 15-9-1970.

(XEM TIẾP TRANG 78)

Đức Khương Thái Công dạy về điều kiện cần và đủ để qui nhất Cao Đài



■ HUỆ Ý

Trong một lần giảng đàn, ĐỨC KHƯƠNG THÁI CÔNG dạy:

“KHƯƠNG vâng Thánh chỉ chỉnh đàn trung,
THƯỢNG bố Huỳnh Kỳ khá chí ung¹;
THÁI hộ² đã Thần lai BẤT TƯỚNG,
CÔNG tâm thanh tịnh chỉnh nghi dung.
Lão chào chư Thiên ân, chư hiền nam nữ.
Ở chư Thiên mạng, ở chư hiền, ở nam phái,

ở nữ phái!

MỘT LÒNG gắn chặt, MỘT DẠ chí thành,
MỘT TÂM liên ái, MỘT CHỈ chung lo,
MỘT NHÀ, MỘT CHA, cùng nhau MỘT CHỖ,

1. Ung: hòa mục, hòa thuận

2. Hộ: giúp đỡ, che chở.

Thì phải lấy MỘT Ý lo cho LIÊN HÒA khắng khít,
thì mới có MỘT ĐẠO, MỘT THẦY, mới có qui nguyên ĐẠO MỘT.”³

Trong Thánh giáo này, chúng ta có thể phân thành hai đoạn chính: một là bài thơ xưng danh, hai là đoạn dạy về các qui tắc để làm việc chung và nhất là qui nhất nền Đạo của Đức Chí Tôn.

BÀI THƠ XƯNG DANH

“KHƯƠNG vâng Thánh chỉ chỉnh đàn trung,”

Đức Khương Thái Công đến dạy trang nghiêm tịnh đàn để chuẩn bị nghinh tiếp ĐỨC CHÍ TÔN lâm cơ giáo đạo.

“THƯỢNG bố Huỳnh Kỳ khá chí ung;”

Huỳnh Kỳ, tên đầy đủ là Hạnh Huỳnh Kỳ (Cờ vàng: đức hạnh và trí tuệ) hàm ý đạo hạnh tác phong và trí tuệ là ngọn cờ dẫn đường cho người tu. Trong truyện Phong Thần, Đức Khương Thái Công được sư phụ, Đức Ngươn Thi Thiên Tôn trao cho Hạnh Huỳnh Kỳ để trừ ma quỷ.

Nay trong Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Khương Thái Công cảm Hạnh Huỳnh Kỳ bố trận, hỗ trợ con người thực hiện ý chí hòa mục để tu tiến, mà việc trọng tâm đầu tiên là mỗi người phải trau dồi đức hạnh và rèn luyện tâm trí (HẠNH HUYỀNH KỲ) để làm mẫu số chung tiến đến sự hòa thuận

“THÁI hộ đã Thần lai BẤT TƯỚNG,”

Trong truyện Phong Thần, khi đánh trận với binh Trụ, Ngài Khương Tử Nha có lúc đối đầu với bốn tướng:

3. Tòa Thánh Ngọc Kinh, Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý, Mong Thọ, Rạch Giá, 01-5 Bính Tý, Ngọ thời (19-7-1936) [Ngọc Đế Chơn Truyền, Tân Ước tri nguyên, bản vi tính 2003, tr.594.]

– Vương Ma cỡi con bế hân (con thú thần thoại ngày xưa thường được vẽ hình trên cánh cửa nhà tù, nên sau này người ta gọi trại giam là bế hân);

– Cao Hữu Càn cỡi con beo gấm;

– Dương Sâm cỡi con toan nghe (con thú thần thoại, có bộ lông dài, râu dài, có bờm giống như sư tử, nên thường được hiểu là con sư tử, thường múa đôi với lân trong các đám múa lân);

– Lý Hưng Bá cỡi con trạch nanh (nghĩa là dữ tợn);

Ngựa ra trận thấy bốn thú trên đều kinh hoảng, quỵ chân. Khương Thượng phải về cầu cứu với Đức Ngươn Thỉ Thiên Tôn, được Ngài ban cho cây Hạnh Huyền Kỳ và con Tú Bất Tướng (đầu lân, đuôi giải trái, mình rồng, bốn vó đạp chạy phát hào quang) để chiến thắng được 4 con thú lạ.

Tú bất tướng cũng là giáo lý của Phật giáo: nhân tướng (tha nhân), ngã tướng (bản thân), chúng sanh tướng (các chủ thể ngoài thân), thọ giả tướng (các hình ảnh tạm mượn). Còn tướng là còn phân biệt, chưa thoát được luân hồi sanh tử.

Hai luận đề thường đi chung là tam tâm, tứ tướng, hàm nghĩa người tu phải trau dồi tác phong đạo hạnh để trở nên thuần chơn vô ngã mới vượt qua được các khảo thí, khắc phục mọi trở ngại trên đường tu.

“CÔNG tâm thanh tịnh, chính nghi dung.”

Chuẩn bị nghinh tiếp Đức Chí Tôn, bên ngoài y phục phải tinh khiết trang trọng, bên trong tâm phải thanh tịnh thì mới trọn lễ.

PHẦN DẠY VỀ QUI TẮC THỐNG NHẤT CƠ ĐẠO

“Lão chào chư Thiên ân, chư hiền nam nữ.

Có thể nào phân biệt chư Hiền và chư Thiên ân không? Một cách đơn giản về mặt trách nhiệm:

Chư Hiền là huynh đệ chưa nhận một trách nhiệm cụ thể nào

Chư Thiên ân là các vị đã thọ nhận trách nhiệm.

Ở chư Thiên mạng, ở chư hiền, ở nam phái, ở nữ phái!”

Ở là một tán thán từ dùng để gọi sự chú ý của mọi người. Đức Khương Thái Công gọi các thành phần đang hiện diện tại buổi đàn.

MỘT LÒNG gắn chặt, MỘT DẠ chí thành: đã là môn đệ Đức Chí Tôn thì phải một lòng quyết tâm tu học, thực hiện sứ mạng thể Thiên hành hóa, cho dù bao nhiêu khó khăn trở ngại cũng không sờn. MỘT DẠ chí thành: là toàn tâm, toàn ý, thành thực hết lòng để đi trọn con đường tu hành đã chọn.

MỘT TÂM liên ái, MỘT CHÍ chung lo: đã là môn đệ của Đức Chí Tôn, thì một lòng thương yêu đoàn kết tương liên chặt chẽ cùng hướng về một hoài bão, chung cùng thực hiện một chí hướng cao cả, một đích nhắm mà Thầy đã vạch ra trong cơ phổ độ Kỳ Ba là tận độ quần linh đạt cứu cánh “Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát”:

“Tài với đức đối trao phụng sự,

Tâm với tài bức thứ không hai;

Có tâm mà lại có tài,

Đức, tâm, tài, đủ đạo Thầy hoàng dương.”

Đức Quảng Đức Chơn Tiên trong một thời điểm nào, Ngài buồn lòng khi dạy:

“Nhìn cơ Đạo ngổn ngang rời rã,

Mỗi Thiên ân mỗi ngã, mỗi lòng.”

MỘT NHÀ, MỘT CHA, cùng nhau MỘT CHỖ: đã cùng một đạo tức là cùng một nhà, cùng thờ một Đức Cao Đài như là cùng chung một Cha, tức là cùng chung một chỗ thì phải lấy MỘT Ý lo cho LIÊN HÒA khắng khít, thì mới có MỘT ĐẠO, MỘT THẦY, mới có qui nguyên ĐẠO MỘT: thì phải cùng một ý với nhau tức là không có sự khác biệt dẫn đến sự bất đồng, chia rẽ, xa lánh nhau, để cùng nhau liên kết hòa thuận đi đến chỗ thống nhất tinh thần trong một đạo tức trong cùng một tôn giáo, cùng thờ một Thầy. Được như vậy thì mới có cơ hội trở về cùng với ngôi Thái Cực tức là Đạo, là khối Đại Linh Quang hầu hoàn thành sứ mạng tận độ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.■

Trong tủ sách thơ Việt thường, nhà thơ Cửu
Lăng Vân có viết:

“Địa linh Việt phát sinh bao nhân kiệt,
Nhiều anh hùng dân tộc cứu non sông,
Nhưng tôn vinh Trần Hưng Đạo Đại Vương,
Là Đức Thánh vị danh nhân nhân loại.
Ngài là vị tướng tài trên thế giới,
Đã phá tan bước tiến của quân Nguyên,
Làm nhụt đi mộng bá chủ đang lên,
Để cứu thoát triệu sinh linh nhân loại.”

ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO *xưa & nay*

■ HUỲNH THỊ THU LAN

Đó là những lời thơ tôn vinh, ca ngợi vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, một vị danh tướng thời nhà Trần, người đã có công lớn trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên Mông.

Đức Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1228 tại Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nguyên quán ở làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Thân phụ Ngài là An Sinh Vương Trần Liễu, thân mẫu là Thiên Đạo quốc mẫu húy Nguyệt, là cháu gọi vua Trần Thái Tông bằng chú. Vợ của Ngài là công chúa Thiên Thành tức Nguyên Từ Quốc Mẫu. Ngài có 4 người con trai, 1 người con gái là Khâm Từ Hoàng Hậu, vợ vua Trần Nhân Tông. Ngoài ra còn 1 người con gái nuôi là Anh Nguyên Quận chúa, vợ của Phạm Ngũ Lão.

Tương truyền rằng khi mẫu thân Ngài mang thai Ngài thì nằm mơ thấy một ông thần, tinh vàng, tướng ngọc tự xưng là Thanh Tiên đồng tử, phụng mệnh Ngọc Hoàng ban cho kiếm ấn và đủ tam tài, ngũ bảo, xuống xin đầu thai. Và đến khi hạ sinh ra Ngài thì gió thơm ngào ngạt, ánh sáng rực nhà. Cách hôm sau có một người



QUỐC CÔNG TIẾT CHẾ
HƯNG ĐẠO ĐẠI VƯƠNG
TRẦN QUỐC TUẤN

đạo sĩ đến nói rằng: “Đêm qua tôi coi thiên văn, thấy một vị tướng tinh sa xuống ở đây. Vậy tôi xin đến bái kiến.” An Sinh Vương đưa Ngài ra cho đạo sĩ xem. Người ấy xem xong nói rằng: “Quý hóa! Vương tử mai sau tất yên được dân, cứu được đời, làm vẻ vang cho nhà nước.”

Ngài vốn là một người có tư chất hơn người, thông minh tài trí, đọc thông hiểu rộng. Ngài học đến đâu, thông đến đấy, xem rộng các sách mà học thì cốt trọng trung hiếu làm đầu. Lại kiêm tập cả nghề võ, lầu thông cả lục thao, tam lược của Thái Công, Tử Phòng...

Ngài là một người có đủ ba đức: tín, nhân và trí của hào cửu tú trong quẻ Trạch Lôi Tùy như lời nhận định của Sử gia Ngô Sĩ Liên như sau: “Bậc đại thần ở vào hoàn cảnh bị hiểm nghi nguy hiểm, tất phải thành thực tin nhau, sáng suốt khéo xử, như hào cửu tú của quẻ Tùy thì mới có thể giữ tròn danh dự, làm nên sự nghiệp. Nếu không thế thì nhất định sẽ mang tai họa. Quách Tử Nghi nhà Đường, Trần Quốc Tuấn nhà Trần đã làm được như vậy.” (Hào cửu tú của quẻ Tùy là: tùy hữu hoạch, trinh, hung. Hữu phu, tại đạo, dĩ minh hà cửu. Vì hào cửu tú là hào dương, ví như một vị cận thần được vua tin cậy ở vào thời tùy là thiên hạ theo mình, như vậy là được lòng dân, lập được sự nghiệp, nhưng chính vì vậy mà có thể gặp hung chẳng hạn như bị nghi ngờ, nên ở vào địa vị khả cát, khả hung, và chỉ có bậc Thánh nhân hành theo đạo lý sáng suốt, ứng phó mới làm được. Hữu phu: là đức tín, tại đạo là đức nhân, dĩ minh là đức trí. Chỉ có Đức Trần Hưng Đạo mới đạt được điều này.)

Đức Nhân của Ngài được thể hiện trong việc coi trọng quyền lợi của quốc gia dân tộc, lợi ích của muôn dân trăm họ, lên trên mối thù của gia đình nên khi giặc Nguyên sang xâm lăng nước ta, vận nước lung lay, và mặc dù quyền quân quyền nước trong tay mình nhưng Ngài đã dẹp bỏ thù riêng ra sức giúp vua đánh đuổi giặc ngoại xâm. Đồng thời, là người nêu cao sự hòa hiệp, vun trồng cho khối đoàn kết giữa tông tộc họ Trần, tạo cho thế nước ở đỉnh cao muôn trượng, đủ

sức đề bẹp quân thù qua việc chủ động giao hảo hòa hiếu với Trần Quang Khải, tạo nên sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều Trần, đảm bảo đánh thắng quân Nguyên hùng mạnh.

Đức Tín của Ngài được thể hiện qua việc hộ giá vua Nhân Tôn và Thượng Hoàng trong lúc phải rời bỏ kinh đô chạy nạn, thì lúc nào cũng không dám rời ra nửa bước, ngày đêm cận kề bảo vệ, trên tay cầm một cây trượng, trên đầu trượng bịt nhọn nên một số quan lại chưa tin tưởng Ngài, sợ Ngài lợi dụng quyền thế trong tay mà thừa cơ báo thù cho cha. Thấy nhân tình nghi mình, Ngài liền rút đầu sắt nhọn vút đi chỉ chống gậy không mà đi, lúc bấy giờ các quan mới yên tâm

Ngài còn là một người có trí, biết kính cần giữ tiết làm tôi nên mặc dù có công lao lớn trong cả 3 lần chống nhà Nguyên, được vua gia phong là Thượng Quốc Công, cho phép được quyền phong tước cho người khác, nhưng chưa bao giờ Ngài lạm dụng phong tước cho một người nào.

CÔNG NGHIỆP

Cả cuộc đời Ngài đã cống hiến cho đất nước, cho nền nghệ thuật quân sự của nước nhà, đặt cơ sở cho sự hình thành binh pháp Việt Nam qua việc lãnh đạo toàn dân 2 lần đánh thắng quân Nguyên, một thế giặc vô cùng hùng mạnh mà các nước lân cận cũng không thể nào bảo vệ được nền độc lập của mình dưới vó ngựa hùng mạnh của quân Nguyên. Cũng như để lại cho đời sau những tác phẩm quý báu như: Binh Gia Diệu Lý Yếu Lược (quen gọi là Binh Thư Yếu Lược), Vạn Kiếp Tông Bí Truyền Thư để dạy các tỳ tướng và nổi tiếng nhất là Bài Hịch Tướng Sĩ nhằm khích lệ tướng sĩ dưới quyền phải ra sức học tập, rèn luyện võ nghệ, học tập trận pháp theo sách Binh Thư Yếu Lược, dạy cho họ đạo trung qua những truyện dẫn về Kỳ Tín đã chết thay để cứu thoát Hán Cao Tổ, Do Vu giờ lưng chịu giáo để cứu Sở Tử... Hịch Tướng Sĩ là một tác phẩm rất hùng hồn, thống thiết, khẳng định văn chương của một bậc “đại bút”.

Mùa Thu tháng 8, ngày 20 năm Canh Tý, Hưng Long thứ 8, tức ngày 5-9-1300 trái tim người anh hùng dân tộc đã ngừng đập và theo lời dặn, thi hài của Ngài được hỏa táng cho vào bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, tại Vạn Kiếp và được triều đình phong tước hiệu cao nhất là Thái Sư Thượng Phụ Thượng Quốc Công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương.

Cảm phục trước tài năng, đức độ của Quốc Công Tiết Chế, sử thần Ngô Thì Sĩ đã ca ngợi: “Tài văn võ có thể làm phép cho muôn đời, mà riêng không nhận sự tốt đẹp ấy, anh hùng có thể lừng danh hai nước mà cũng không coi mình là người có công nghiệp ấy. Thế lực ấy có thể lật núi lấp sông, xua tan sấm gió mà vẫn nơm sợ oai trời gang tấc... về lòng trung thấu đến mặt trời, mặt trăng, khí tiết động đến quỷ thần... Thật đáng làm gương hàng trăm đời cho những người bề tôi.”

Sau khi mất, Đức Trần Hưng Đạo được thờ phụng ở nhiều nơi, trong đó lễ hội lớn nhất là ở đền Kiếp Bạc, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay, nơi ngày xưa là phủ đệ của Ngài. Ngài được người dân nhiều đời sùng kính phong Thánh tức là Đức Thánh Trần. Đây là điều hiếm hoi trong lịch sử chỉ dành riêng cho vị danh tướng nhà Trần. Hằng năm nhân dân tổ chức lễ tưởng niệm Ngài rất trọng thể vào ngày 20 tháng 8 âm lịch. Nhân dân không gọi trực tiếp tên của Ngài mà gọi là Hưng Đạo Vương, Hưng Đạo Đại Vương, Đức Thánh Trần, hoặc gọi là Cha (tháng tám giỗ Cha, tháng ba giỗ Mẹ).

Các đền thờ Đức Thánh Trần có thể thấy ở khắp nước Việt Nam.

ĐỨC TRẦN HƯNG ĐẠO TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

ĐEM ĐẠO VÀO ĐỜI

Chẳng những được người đời kính trọng xem như một bậc Thánh mà đặc biệt trong Tam Kỳ Phổ Độ Đức Trần Hưng Đạo đã tá trợ Đức Thượng Đế trong vai trò Tổng Lý của Hội Thánh

Truyền Giáo và đặc trách dạy Đạo tại Minh Lý Thánh Hội rất nhiều về đạo lý, Dịch lý cho các chức sắc, chức việc, tín đồ Cao Đài. Trong khuôn khổ bài viết này chỉ xin trình bày một vài lý Đạo mà Ngài đã hoài bão, nhắc nhở người dân Việt cũng như các chức sắc, tín đồ Cao Đài.

Ngày nay, tuy không còn tại thế nhưng tâm linh của Ngài luôn đồng hành cùng dân tộc Việt, luôn nặng mang gánh đạo Trời trên bước đường chông gai, gập ghềnh mưa dông nắng hạ, nặng lòng vì nhơn sanh, nặng tình non nước trên bước thế đồ. Ngài tâm sự:

*Ta cũng người đứng trong thổ võ,
Ta cũng người máu đỏ đầu đen,
Cũng thân cũng mặc cũng ăn,
Cũng gan óc Thánh, cũng căn kiếp Thân.
Mấy nghìn năm, mấy lần dày đọa,
Lửa lợi danh đốt cả tâm hồn,
Không hồn còn có gì khôn?
Không khôn tánh mạng vùi chôn đã đành.
(...)*

*Cứu người đương trong bể khổ,
Gánh đạo Trời đến chỗ tự do,
Ví dù phải lúc cam go,
Sống cho mở mặt, thác cho ngoan hồn.¹*

Dân tộc Việt Nam và toàn thể nhân loại thật hữu phước, hữu duyên được Đức Chí Tôn Thượng Đế khai mở mỗi đạo Tam Kỳ để cứu độ quần linh. Thời Tam Kỳ Phổ Độ khai hội Long Hoa, đây là cơ hội vô cùng quý báu muôn ngàn năm mới được gặp, nếu chẳng lo hướng thiện hồi đầu thì thật uổng phí một kiếp làm người. Mỗi đạo Trời đã khai mở trên mảnh đất Việt Nam này thì hơn ai hết, người dân Việt cần phải lãnh hội đạo lý để thoát khỏi vòng trầm luân đọa lạc trong cõi đời Hạ ngươn mặt kiếp tái tạo dinh hoàn.

Cõi đời hiện nay con người đang sa vào hố sâu vực thẳm, gây nên những cảnh bi đát đau thương, sanh linh khốn khổ, quí giận thần

1. Thánh Truyền Trung Hưng, Thánh thất Trung Thành, 15-11 Kỷ Mão (25-12-1939).

hồn, độc khí đang tràn lan bủa tung trong mọi hướng, khiến cho con người lâm vào cảnh thiên tai chiến họa tiếp diễn, những loài vi trùng độc luôn bám víu thân thể phạm phu làm cho những người vô đạo càng làm lắm việc bất lương, bất chính, còn người thức thời tâm đạo thì lại lắm phen chịu nhiều gay go trên con đường hoằng giáo độ nhơn. Chính vì thế mà các Đấng Thiêng Liêng không quản cõi đời ô trược hằng tìm mọi phương tiện để giúp đỡ cho người lành kẻ thiện được vững vàng trước những cuộc biến thiên. Đức Thánh Trần với trọng trách trong Tam Kỳ Phổ Độ đã kêu gọi nhắc nhở các bậc nguyên căn hướng đạo hãy đem Đạo vào đời để cứu nguy sanh chúng. Dem Đạo vào đời đây tức là lấy Đạo mà dạy dân, làm cho dân ý thức rõ Đạo là mục đích tối thiêng liêng, là linh hồn của vạn sanh vũ trụ. Đạo chính là tánh mạng của con người, là nguồn hạnh phúc vĩnh cửu trường tồn, là nẻo tự do. Đâu đâu cũng có Đạo vì Đạo là đầu muôn sự phát sanh, không vật nào không thứ nào mà không phát sinh bởi Đạo. Dem Đạo vào đời có nghĩa là người tu không phải bỏ đời, buông trôi phận sự làm người, tìm nơi thâm sơn cùng cốc để trầm mặc tìm cầu cái Đạo mà phải sống bằng bốn phận làm người trọn đạo, hết lòng thờ cha kính mẹ, làm gương mẫu cho gia đình, thuận vợ thuận chồng, dạy con theo một đạo nghĩa ở đời, làm sao cho Đạo hóa đời mà đời không hay biết. Ngài dạy:

Hỡi chư hiền ! Đời càng hỗn loạn, Đạo càng phải trị.

Đời toan tách rời Đạo, Đạo phải bắt buộc đi vào đời. Đời đã xa Đạo, Đạo phải tha thiết kêu gọi người đời. Ngọn đuốc Thiêng không bao giờ đốt lên khi trời quang đãng, mà chính phải dùng trong đêm tối âm u.

Chư hiền nên nhớ rằng: Đêm tối sẽ càng thêm tối, khi không có hay quá xa ngọn đèn.

Giờ phút này chư hiền có biết chăng? Bốn phận vi nhơn cũng như người hướng đạo, chư hiền hãy phục vụ cho nhân sinh, Đạo sẽ phục vụ cho chư hiền. Sự thăng trầm bĩ thối đối với người hướng

đạo chẳng có gì quan trọng, mà quan trọng nhất là không nắm được thời gian để ghi vào lịch sử một truyền thống tiền nhân.²

TẠO THỂ NHƠN HÒA

Giở lại trang sử Việt ngày xưa, ta thấy nhà Trần, từ bao ảm đạm thê lương bỗng trở nên hùng tráng mãnh liệt, nhờ biết tạo được cái thể nhơn hòa đoàn kết, qui tụ được nhân tâm, tác động được dân khí để mở màn cho công cuộc phục hưng. Ngày nay xã hội nhân loại đang trong trạng huống tinh thần vô cùng bi đát, đó là sự sụp đổ về đạo đức, tâm hồn. Vì thế, sứ mạng phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc, tạo lập một thiên đàng cực lạc tại thế đó là trách nhiệm của người Thiên ân hướng đạo. Để tạo được điều đó, cần phải tạo cho được sự đoàn kết, qui tụ nhân tâm, tác động dân khí để tạo thể nhơn hòa, mở màn cho công cuộc phục hưng Đại Đạo Ngài dạy:

Khi muốn phục hưng một quốc gia, điều trước hết phải có dân chí, dân khí, dân tâm. Nếu dân chí đã nhụt, dân khí đã suy, dân tâm ly tán, hạng sĩ phu triều đại thì tranh nhau chút lợi danh cho riêng mình, còn quần chúng khắp nơi như đàn chiên không người chăn giữ, trước tình trạng đó làm sao phục hưng Đại Đạo!

(...)

Phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc gắn liền với sự phục hưng văn minh nhân loại để xây dựng một ngươn hội thái bình vĩnh cửu cho muôn người, tạo lập một Thiên đàng cực lạc tại thế. Sứ mạng đó ai đảm trách?

(...)

Ngày nay muốn tạo được cái thể Nhơn hòa đoàn kết ấy, thì người lớn phải tỏ ra đức độ, phải chịu hy sinh: hy sinh cái ý kiến tư hữu của mình cũng là điều quan trọng không kém sự hy sinh tính mệnh. Hy sinh vì sự sống còn của kẻ dưới, hy sinh vì mọi người, hy sinh vì chính nghĩa cao cả như sự bảo tồn xương minh chơn truyền đạo pháp chẳng hạn. Bậc hướng đạo phải đạt được

2. Minh Lý Thánh Hội, 09-1 Mậu Thân (07-02-1968).

cái lý ấy, phải bác kiến quảng văn, phải ôn cố tri tân, phải thường xuyên khắc kỷ phục lễ, phải rèn luyện thân tâm, để nêu gương sáng cho mọi người, phải nung nấu lòng tin là sức mạnh vô biên. Mất lòng tin khác nào một đạo binh mất người tướng sủy vậy.³

Mặc khác, để giữ được thể Nhơn hòa, người tu phải giữ sao cho lòng mình được mãi vẹn toàn, vì sự chiến thắng cao nhất trên đời không phải là chiến thắng được tha nhân, mà phải chiến thắng được bản tâm để un đúc tinh thần mình trên dặm dài thiên lý thì mới mong giải thoát được nghiệp quả trầm luân. Đồng thời, cần giữ cho nhơn tâm hòa hợp, thanh tịnh. Ngài dạy:

Hiện tại, chư Thiên ân nếu có tha thiết tưởng nhớ đến người xưa, thì hãy cố gắng kiên nhẫn tu trì học tập những gì người xưa đã dạy và cái điều cần hơn hết là hoài bão to tát, ý hướng về đạo, về nhân sinh mà người xưa đạt suốt. Có tiến hóa như vậy mới tạo được dinh hoàn, lập được đời Thánh đức an vui.

Tóm lại đều do cái tâm. Nhơn tâm có hòa hợp, có thanh tịnh thì đạo tâm mới chuyên nhất. Đạo tâm có chuyên nhất thì quyền pháp đạo mới nghiêm minh. Bản Thánh đã nói: quyền pháp là tình tương, là sự sống. Có tình thương thì quyền mới có giá trị. Có pháp độ thì sự sống mới an vui và vĩnh cửu.⁴

ĐÀO TẠO THỂ HỆ TIẾP NỐI

Để thực hiện được việc hoằng dương cơ Đạo, cần phải có lớp người kế tiếp, cần có con người. Vì hiện nay, cơ Đạo khắp nơi đều còn đang thiếu người đảm đương sứ mạng, nên vấn đề đào tạo giáo sĩ, rèn luyện người hướng đạo, đó là điều tối ư quan trọng và thanh thiếu niên là lớp người nối tiếp sự nghiệp đạo đức của bậc đàn anh nên cần phải ý thức bổn phận làm cái trọng nhiệm của tín đồ Đại Đạo, nhất là vinh dự của lớp người tuổi trẻ. Ngài dạy thanh thiếu niên cần phải ý thức:

3. Thiên Lý Đàn, 10-4 Ất Tỵ (10-5-1965).

4. Minh Lý Thánh Hội, 06-7 Quý Sửu (04-8-1973).

*Con Rồng có nhớ tổ tiên xưa,
Chống Hán bình Ngô sức vẫn thừa,
Xưa cũng sơn hà nay cũng thế,
Kìa trang thanh sử thấy hay chưa?
Hay chưa đời đạo nặng oằn vai,
Gian khổ dầu chi cố miệt mài,
Dọc đất ngang trời thân bầy thuốc,
Gánh gồng trọng nhiệm há riêng ai?*

Hỡi các bạn thanh niên! Cơ Đạo hiện thời đã bước đến thời kỳ chuẩn bị rồi, với cái trọng nhiệm đem Đạo vào đời, ai là người tai mắt, nở nào điểm nhiên.

Và người hướng đạo có trách nhiệm phải đào tạo thanh thiếu niên làm nòng cốt, làm sao huấn luyện cho mỗi thanh niên rành rẽ bổn phận của người giữ Đạo, truyền Đạo, có một bản chất thuần túy đạo đức tiến thủ, bao giờ cũng phải lo tròn phận sự của mình để xứng đáng người thanh niên Cao Đài và mỗi người cần đủ hạnh đức, hầu đem tư cách cá nhân tiêu biểu cho đại cuộc.

KẾT LUẬN

Người đời và cả các bậc danh nhân đều lấy phẩm chất Nhân, Nghĩa, Dũng, Trí, Tín của bậc võ tướng tài ba 700 năm trước để làm bài học trên bước đường công danh sự nghiệp tiến công vượt khó, xóa bỏ mọi suy nghĩ tự ti bé nhỏ. Còn người Đạo chúng ta học được nơi Ngài biết bao lời dạy quý báu.

Nhân dịp Xuân đến, xin tạm mượn lời nhắn nhủ của Đức Thánh Trần Hưng Đạo trong việc thường Xuân để thay cho lời kết:

Thu mãn, đông tàn, xuân lại đến. Cứ như thế nhứt nguyệt âm dương xoay vần theo bánh xe luân, vạn vật đồng luân chuyển quanh theo vòng định luật. Cứ mỗi độ Xuân về, cỏ cây đã cởi bỏ lớp áo vàng rơi rụng, mang lên một màu tươi nhuận thắm xanh. Cỏ cây hoa lá tuy rằng là vật vô tri vô giác, nhưng tiềm năng linh ứng Tạo Hóa đã ban cũng chuyển mình trong tiềm thức đón lấy tiết Xuân sang để hòa cùng vạn vật.

Mỗi một mùa xuân là mỗi vật đều chuyển
(XEM TIẾP TRANG 73)

MÙA XUÂN VỚI ĐỨC NGUYÊN CỦA QUÊ KIỀN

■ TRẦN NGỌC TÂM

Xuân phúc tải Kiền Nguyên chi đức.

Xuân thái hòa vạn vật chi cơ,

Xuân sang trước đã định giờ,

Xuân về cho trẻ phục sơ tánh lành.

ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

30—12 NHÂM TÝ (02—02—1973).

Mùa Đông đã qua, mùa Xuân đến, mọi cảnh mọi người lại được chúa Xuân thăm viếng nơi trần gian. Người tín đồ Đại Đạo vẫn đang trên đường phổ hóa, hoằng dương cơ Đạo. Biết rằng nhân thế tính thời gian trong một năm là bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông, trong đó mùa Xuân được đề cao và quan trọng qua các lời ca tụng mùa Xuân; nhằm làm vơi bớt đi những nỗi lo toan, buồn rầu...tuy nhiên tự trong Xuân cũng tiềm tàng lẽ Đạo trong lẽ hằng thường. Đối với thế gian, cho dù mùa Xuân là hạnh phúc, sinh động an vui, nhưng rồi luật tuần hoàn cũng đẩy Xuân sang Hạ, mọi lo toan âu sầu rồi cũng sẽ đến, cho nên người tu phải thông đạt được ý đạo trong Xuân vĩnh cửu để không còn lo lắng và phiền não.

“Mùa Xuân là mùa đầu của một năm. Nói theo đạo biến dịch thì nó ứng vào quẻ Kiền

và ôm trọn đức Nguyên.”¹ Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy tiếp: “Đạo của Trời luân lưu bằng bạc khắp mọi nơi và mọi thời, sự vận hành của Đạo không một phút giây nào ngừng nghỉ. Đầu mỗi (tức đức Nguyên) của đạo Trời cũng không phải là đầu mỗi một chiều và có cái cuối cùng nữa đâu. Đức Nguyên vốn là độc nhất. Cái lý này là căn cơ của Trời, là chủ nhân ông của người, không bao giờ hư mất. Nhờ nó mới sinh ra biết bao hiện tượng, hay nói theo nhà Phật thì nó sinh ra vạn pháp thế gian vậy.”

Đức Nguyên của Kiền là năng lượng căn bản phóng phát, hóa sanh vũ trụ vạn vật. Muôn vật được sinh ra là do cái năng lượng “đầu tiên” này phát động. Chương 2 Đại Thừa Tâm Pháp, Tiên Thiên Cơ Ngẫu, Đại Thừa Chơn Giáo, Thấy

dạy: Trước khi chưa phân định Âm Dương, càn khôn thế giới, thì trong thời kỳ ấy, khí hồng mộng đương hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hiệp, thì kêu là: Tiên Thiên hư vô chi khí. Trong khí hư vô ấy lại phát hiện ra một vòng đại quang minh là Thái Cực...” Thái Cực là đầu mối, cho nên “Kiền Nguyên” bao quát hết cả vũ trụ. Đối với Khôn (địa) “Kiền Nguyên” tạo ra các hiện tượng thiên nhiên: mây, mưa, sấm, chớp, gió, tuyết... Từ trong các hiện tượng đó, vạn loài đã hình thành ra vô số hình thể. Và “Kiền Nguyên” luôn “vận hành châu lưu trong càn khôn thế giới mà dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật.”²

Kinh Dịch viết:

Thoán từ

Thoán: Kiền: Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.

1. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 07-01 Nhâm Tý (22-02-1972).

2. Đại Thừa Chơn Giáo Pháp Việt, trang 276.

Nguyên là đức tính đứng đầu bốn đức của Trời, thuộc mùa Xuân (Sinh), tháng 2 âm lịch, ứng quẻ Địa Thiên Thái (Tam dương khai Thái), còn nơi người là đức Nhân. Đức Hanh thuộc mùa Hạ (Trưởng), tháng 5 âm lịch, ứng quẻ Thiên Phong Cấn, còn ở người là đức Nghĩa. Đức Lợi thuộc mùa Thu (Thâu) tháng 8 âm lịch, ứng quẻ Phong Địa Quán, ở người là đức Lễ. Đức Trinh thuộc mùa Đông (Tàng) tháng 11 âm lịch, ứng quẻ Địa Lôi Phục, ở người là đức Trí.

Nguyên: có nghĩa là to lớn, tốt đẹp, lớn mạnh, bắt đầu, đầu tiên, thứ nhất.

Lời Thoán nói rằng: Thuần dương cương kiện: khởi đầu, thông suốt, ích lợi, bền vững.

Đức Nguyên là đức của Trời, dương khí mạnh mẽ chính đại. Có sự mạnh mẽ mới hình thành vũ trụ và triển khai ra muôn vật tốt đẹp, ích lợi và bền bỉ trường tồn. Người và vật đều được đức này nên mạnh khỏe, thể hiện được nhiều tài năng tuyệt vời và trường thọ.

Thoán truyện viết: Đại tai Kiến Nguyên, vạn vật tứ thi, nãi thống thiên (lớn thay đức Nguyên của Kiến, muôn vật nảy nở khởi đầu (từ đây), nên bao quát hết đạo Trời).

“Kiến Nguyên” là Thái Cực, là ngôi Chí Thiện

Trong quẻ Kiến, khởi đầu là đức Nguyên, có Nguyên rồi mới có Hanh, Lợi, Trinh. Đức Nguyên như mùa Xuân, vạn vật bắt đầu được đầy đủ khí thiên địa, cho nên nảy nở sống, muôn hoa đua sắc, để có thể trưởng thành vào Hạ (Hanh), rồi tạo kết trái vào mùa Thu (Lợi), được tích lũy vào mùa Đông (Trinh). Theo tiết tấu biến dịch là Sinh, Trưởng, Thâu, Tàng. Đó là thể hiện 4 đức Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh của đạo Kiến trong một năm.

Nhờ Kiến Nguyên mà vũ trụ tồn tại di chuyển không ngừng, với đầy đủ mặt trời, mặt trăng, cùng vô số các tinh tú, 4 mùa tám tiết tuần tự tiếp nối bất tận... Đại Thừa Chơn Giáo dạy: “Trong trời đất có cái lý nhứt định thanh quang là Thái Cực làm trung tâm điểm cho vũ trụ càn khôn muôn loài vạn vật. Cái Lý độc nhứt ấy toàn tri, toàn năng, biến hóa vô cùng vô tận,

dưỡng dục cả sanh linh, bảo tồn vạn loại. Lý độc nhứt ấy bao quát thần thông, quay chuyển bánh xe vô hình mà làm nấc thang tiến hóa chung cho tinh thần vật chất, mở mang cái trí huệ cho mọi người noi theo thiên lý vận hành mà tăng tiến mãi lên cho đến chỗ kỳ cùng mục đích là nơi nhứt định.”³

Vậy, Kiến Nguyên ban cho con người chân Tánh (Thiên tâm). Sách Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ của tổ sư Lã Đồng Tân viết: “Thiên tâm là tâm chung của “Tam tài” Thiên Địa Nhân, là nhịp vũ trụ phổ quát cho muôn vật trong trời đất. Con người ai cũng có Thiên tâm, chỉ có điều ở những nhà hiền triết, trải qua một quá trình tu luyện nhứt định, thì Thiên tâm khai mở, còn ở những người bình thường thì cả đời không hề hay biết rằng có nó. Thiên tâm khai mở có thể trường sanh, còn đóng kín thì đoản mệnh.” Do vậy, đức Nguyên ứng với đức Nhân còn Hanh, Lợi, Trinh thì ứng với Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Tóm lại, đức Nguyên là đức của Trời, biểu hiện qua mùa Xuân, cứ tuần tự theo chu kỳ ban đầu cho vạn hữu, lồng vào vạn hữu và bao trùm muôn loài, trong đó có con người. Để hưởng được đức Nguyên ấy, người hưởng Xuân phải biết tu tập, tạo cho tâm mình một mùa Xuân hằng thường miên viễn, cho dù cảnh Xuân có qua đi, để đủ năng lực tiến lên thành bậc quân tử linh hoạt tiến thoái như một con rồng (quẻ Kiến), khi ẩn khi hiện thay Trời hoằng Đạo, hoàn thành sứ mạng vi nhân nơi cõi thế và tiến hóa bước lên hàng Thánh, Tiên, Phật, thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Đó chính là:

Một mùa “Xuân thiêng liêng bất diệt”,

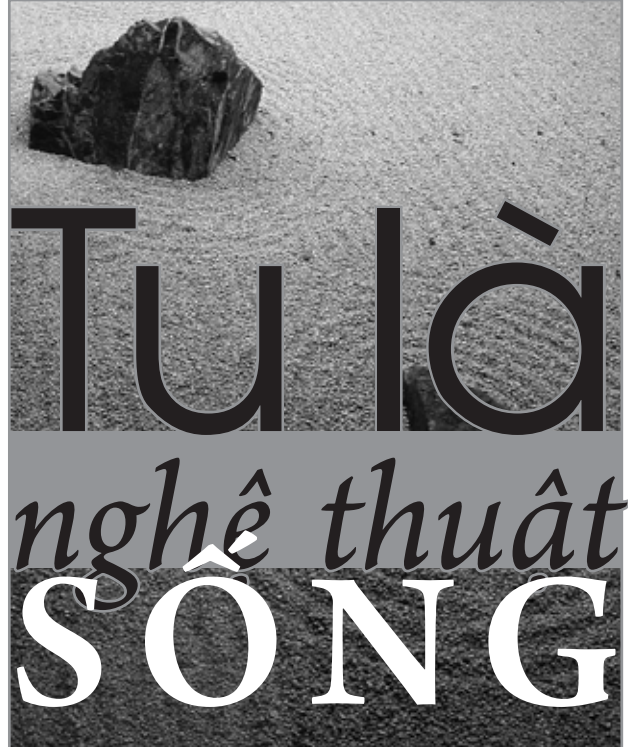
Xuống cõi trần điểm tuyết non sông,

Cỏ hoa chuốc lức khoe hồng,

Người người góp mặt đẹp lòng cùng Xuân.”⁴■

3. Đại Thừa Chơn Giáo Pháp Việt, trang 342.

4. Hội Đồng Tiền Bối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Nam Thành Thánh Thất, Tuất thời, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).



■ TRỌNG MINH

Ngày xưa, có người hỏi Đức Phật: “Hạnh phúc chân thật là gì?” Ngài trả lời: “Sống điềm đạm trong mọi thăng trầm, thắng bại, được thua, vinh nhục vẫn mỉm cười.”

Nhưng hạnh phúc chân thật trên cõi đời này là gì? Làm sao có được? Nó đang ở đâu? Phải chăng mục tiêu đích thực của con người là đi tìm hạnh phúc thật sự vĩnh cửu?

Để thực hiện được mục đích đó, mỗi người phải trải nghiệm qua một quá trình HỌC HỎI VÀ RÈN LUYỆN thân tâm theo một phương pháp nào đó để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ. Nói cách khác, để trở thành “con người thật là con người” phải được bồi dưỡng cả hai mặt: tâm linh và nhân sinh, tức vừa trau dồi đạo hạnh, hoàn hảo hóa thân tâm để trở nên con người thuần chơn đạo đức, biết đối nhân xử thế, vừa tu học để trở nên hàng thánh nhân

Câu trả lời của Đấng Thế Tôn trên đây ám chỉ cả một công trình nghệ thuật sống. Sống là phải tu học để tìm hạnh phúc chân thật vĩnh hằng.

VẬY TU LÀ GÌ?

Xưa nay trong dân gian hễ nghe nói đến TU hay đi tu thì người ta hình dung ra một cuộc sống kham khổ trong các chùa chiền, am tự, xa lánh mọi sinh hoạt thế gian. Ý niệm này làm nhiều người sợ hãi. Hình ảnh này làm ý nghĩa chữ tu thêm nặng nề, nếu không muốn nói là xa rời thực tế.

Theo nghĩa đen, Tu là sửa, sửa cái xấu trở nên tốt, sửa cái sai trở thành đúng, sửa cái hư trở nên đẹp đẽ. Thí dụ: tu bổ là sửa sang cho tốt đẹp và thêm vào cho đầy đủ. Tu tánh: sửa chữa tánh nết từ xấu ra tốt. Tu thân: sửa chữa bản thân mình theo đường đạo đức.

Theo tôn giáo:

Phật dạy: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tình kỳ ý, thị chi Phật giáo.” (Đừng làm các nghiệp ác, hãy làm tất cả nghiệp lành, giữ tâm ý cho thanh tịnh, đó là lời của chư Phật).

Đức Quan Âm Bồ Tát cũng giảng dạy:

Tu là sửa những gì đã trật,

Tu là bồi cái mất thân tâm,

Tu là tránh nẻo sai lầm,

Tu là phục thiện lòng phạm sửa đoan.¹

Và Đức Vô Cực Từ Tôn cũng nhấn mạnh vào chữ tâm của mỗi người:

Tu là sửa tâm lành tánh thiện,

Tu là trau là luyện là rèn

Tâm con phải sáng hơn đèn,

Vị tha vong ngã mới quen đạo Trời.²

Những lời dạy trên đây cho thấy tu là sửa cả thân, khẩu, ý. Bỏ ác làm lành, tâm thanh ý tịnh là gốc của sự tu. Tu để đem lại hạnh phúc, thanh bình cho gia đình, xóm làng, xã hội. Đối với nhân quần quốc gia dân tộc, đều lấy lòng nhân ái, trung cương nghĩa khí mà xử thế tiếp vật, không gây thù chuốc oán, chỉ đem tình thương của con người chính danh ban rải cho con người. Đó là then chốt để xây dựng một cộng

1. Hườn Cung Đàn, 01-6 Ất Tỵ (27-6-1965).

2. Vĩnh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu (11-9-1973).

đồng nhân loại hòa ái, thánh đức tại thế gian này. Đó là chân dung của người chơn tu.

Một bậc tiền khai Cao Đài, Đức Hộ Pháp giảng dạy: “Tu là làm cho mình đặng tận thiện, tận mỹ. Luật thiên nhiên của Tạo hóa buộc các đẳng linh hồn, dù vật loại cũng phải trau mình (Tu) đặng đạt đến nhân phẩm. Khi được địa vị làm người còn phải tự trau giồi để từ từ đi tới cảnh siêu thoát (Phật vị). Sanh ra làm người bất luận là giai cấp nào, chịu nhiều thử thách rồi chết, rồi tái sanh. Cứ xoay vần mãi như thế. Thoát ra vòng lẩn quẩn này hoặc hiểu được ý nhị của nó để tiến hóa thêm phần nào thì không ngoài chữ Tu. Tu là gìn nhân phẩm, hạn chế dục vọng, thực hành theo lý tưởng bác ái để bước lên thiêng liêng vị. Trái lại là mua chác đau phiền, ngăn chặn đường tiến hóa về mọi hình thức và vô tình đi đến cảnh suy vong.”

“Thế gian loài người đều có tu cả, song có phần tử bất hảo vô tình không thừa nhận. Tu có nhiều hình thức khác nhau, tùy theo giai cấp và sự tiến hóa của mỗi cá nhân mau hay chậm...”

TU PHẢI ĐI ĐÔI VỚI HỌC

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn mà không thực phẩm; còn tu mà không học ví như người mù đi đêm. Học tu, tu học phải đi đôi.”³

Và Đức Đồng Lâm Tiên Trưởng cũng giảng dạy: “Tu để sửa, học để hành, sửa cái u tẻ xấu xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng, hành cho đúng Đạo cho trở nên con người chí thiện chí mỹ, mới có được một xã hội thánh đức thuần lương.”⁴

Một xã hội thánh đức hiền lương là một xã hội biết phát triển và nuôi dưỡng tình yêu thương rộng lớn, biết rung động trước những cơ cực lầm than của những người kém may mắn

dấy dấy trong xã hội. Chúng ta không thể ban phát tình thương khi mình không thật sự yêu thương, nhưng phải làm thế nào yêu người khác như yêu thương chính mình.

Chúng ta tu học để biết việc nào nên làm, việc nào không nên làm; biết việc nào thiện việc nào ác để tránh xa con đường lầm lỗi, để hiểu biết rằng bất cứ một động thái nào trong đời sống nhân gian đều để lại một hậu quả tốt xấu tùy theo giá trị tâm linh của hành động đó, nhất là tu học sẽ giúp chúng ta không bị lạc đường mê tín. Từ đó chúng ta không thể làm điều gì có lợi cho mình mà hại cho kẻ khác. Cho nên Đức Vạn Hạnh Thiền Sư giảng thêm: “Tu là sửa. Ấy chỉ là phần tiêu cực, mà còn phải bồi bổ mới là phần tích cực, nghĩa là sửa đổi đi những điểm xấu xa tội lỗi để không còn một bợn nhơ, một mặc cảm nào về tội lỗi, và còn phải bồi bổ thêm về những hành động hiền lành phước đức, đúng lời Phật dạy: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.”⁵

Xưa nay, phần đông những nhà tu hành bất luận là tôn giáo nào, sự tu tiến đều tự ràng buộc vào hai động thái tích cực: Trước là tu đức, tu thân, lấy đạo đức làm chiếc bè để đưa mình đến bờ giác ngộ và an lạc ngay trong nếp sống hiện tại (Tự độ). Sau đó hướng đến việc giúp đỡ tha nhân, an ủi đỡ nâng, tạo điều kiện cho người khác cùng sống đời đạo đức. Kinh Phật viết: “Muốn cứu người chết chìm thì chính mình phải là người biết bơi.”

Nhưng theo giáo lý Cao Đài, Tu phải gồm đủ hai phần: Tiểu thừa và Đại thừa, Thánh giáo dạy: “Người tu theo bậc Tiểu thừa phải chịu dẫn thân vào khuôn khổ tôn giáo. Tiểu thừa chỉ dạy về hữu hình. Con người giữ trọn theo giới luật cũng như mượn con đường hẹp ấy mà nương chơn đi lần đến con đường rộng lớn mệnh mông là Đại Thừa vậy. Người mới tu, đạo hạnh phải giữ cho hoàn toàn, trước nhân đạo cho xong rồi

3. Ngọc Chiếu Đàn, 05-01 Ất Tỵ (06-02-1965).

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-10 Đinh Tỵ (25-11-1977).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Hợi (09-5-1971).

sau bèn học đến Thiên đạo là tầm cơ siêu thoát ra khỏi thế giới vật chất mà đến cõi thế giới tinh thần. Bậc Đại Thừa dạy về vô hình nên cần tu tánh luyện mạng, muôn việc có như không...”

Sống và thực hiện theo hai trình độ tu học nêu trên gọi là nội tu và ngoại tu. Bên ngoài thì khoan dung độ lượng, khiêm tốn, thực thà, dễ thương, dễ cảm mến. Bên trong có cái tâm vô phân biệt, mọi người là mình, mình là mọi người. Cố gắng rèn luyện và thực hành tứ vô lượng tâm (Từ, bi, hỷ, xả). “Khiêm tốn, từ hòa, hợp thời đúng đạo mà không làm nhụt chí người tu.”⁶

Một người muốn được hoàn hảo phải phát triển đồng thời cả hai mặt nhân sinh và tâm linh. Sống hợp với lòng người tức là hợp với ý Trời. “Thuận nhơn tâm, ắt thuận Trời.”⁷

Muốn có cuộc sống trong sạch, cao đẹp thì phải:

*Diệt hẳn những cái tính tham,
Tham ăn, tham mặc, tham làm bất lương.
Tham màu, tham sắc, tham hương,
Tham danh lợi cả, tham đường vinh hoa.
Rửa cho sạch bợn lòng ta...*⁸

Sách Nho giáo cũng dạy: “Quân tử ưu Đạo bất ưu thực, tiểu nhân ưu thực bất ưu Đạo.”

Về phương diện đời sống nhân sinh, phải luôn luôn trau dồi học hỏi để tiến bộ. Càng trẻ, càng nhỏ, càng tu học thì càng mau đạt chí thành. Tu học không đợi tuổi tác, không hẹn thời gian.

*Mạc đãi lão lai phương niệm Phật,
Cô phần đa thị thiếu niên nhân.*

Nghĩa là:

Chờ đợi đến già mới niệm Phật,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi còn xanh.

Đời người là vô thường, là kiếp sống phù du, chúng ta nên tranh thủ cải ác tùng lương để

không uổng một kiếp làm người. Đức Khổng Phu Tử đã than rằng:

*Sanh tiền bất tri thiên đường lộ
Tử hậu nan ly địa ngục môn.*

Lúc sống mà không biết làm việc lành, thời sau khi chết khó mà thoát khỏi địa ngục. Sống một đời sống hữu ích là bỏ chỗ tối, tìm chỗ sáng. Nhưng: “Trong các con có nhiều đứa lảm tưởng hể vào đạo thì phế hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là tìm một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thấy nói cho các con biết nếu công quả chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi...”⁹

Rõ ràng Đức Chí Tôn cũng đánh đổ lối tu hành tiêu cực, độc thiện kỳ thân. Ngài dạy chúng ta về mặt nhân sinh, hãy lập công bồi đức để thăng tiến về mặt tâm linh. Hoạt động tâm linh không ngăn cách với đời sống hiện tại mà là một phần của đời sống hàng ngày, và việc tu học là để tiến bộ trong sự vô cùng của vũ trụ với đời sống là một khu rừng đầy hoa thơm và cỏ lạ.

Trong lãnh vực tâm linh, muốn tiến nhanh một cách hoàn mỹ đúng hướng, hành giả phải mượn tôn giáo chân chánh làm phương tiện, tức là nương nhờ Phật, Pháp, Tăng để phát huy làm sáng tỏ điểm “linh quang” sẵn có trong mỗi con người mà đời thường gọi là thiên lương hay lương tâm.

“Đạo là vô vi, vô hình, còn tôn giáo là cánh cửa. Mỗi người muốn thành Phật, Tiên phải chun qua cánh cửa ấy mà vô trong mới tới Đạo.”

Như vậy, tu là tạo cho mình một bộ cánh để thăng hoa đời sống nhân sinh và tâm linh mà nền tảng là lập công bồi đức, cũng đồng nghĩa với làm việc thiện và bòn mót công quả. Chớ thấy ác nhỏ mà làm, chớ thấy lành nhỏ mà chẳng làm (Vật dĩ ác, tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi – Minh Tâm Bửu Giám).

6. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

7. Kinh Nhập Hội.

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 17-8 Bính Tý (02-10-1936).

9. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển 1.

Nhưng thế nào là thiện?

Bất cứ một hành động hay tư duy nào không lấy cái Tôi làm nguyên nhân và đích đến thì đó là thiện. Đức Lê Đại Tiên cũng đã từng căn dặn: “Khi mà con người trở về với bản ngã (cái Ta) thì chiều hướng suy tư sẽ bị thu hẹp.”¹⁰

Theo Nho giáo, người quân tử, hơn ai hết cần phải có học, mà sự học của mọi người là cốt ở sự sửa mình (tu thân). Sách Đại Học viết: “Tự Thiên Tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản” (Từ vua cho đến dân, ai cũng phải lấy sự tu thân làm gốc).

MỘT CÔI ĐI TÌM

Cuộc đời không chỉ giản dị với những thú vui tầm thường như ăn uống, ngủ nghỉ, v.v. Để có một đời sống có ý nghĩa thì chúng ta phải là người tỉnh thức đi trên đường đạo gọi là sống đạo.

Trước hết, người tỉnh thức phải là người có lòng khao khát mạnh mẽ về cuộc sống tâm linh. Từ đó tìm hiểu, khám phá để phát triển nội tâm, tức là đã chọn cho mình một hướng đi đồng thời cũng loại bỏ dần những ham muốn tầm thường, thấp kém, ruộm rà. Bỏ lại những hành lý không cần thiết trên lộ trình tiến hóa với ý thức rằng chúng ta không có gì khi bước vào côi thể gian và không mang được gì khi rời khỏi nó.

Đời thường, người ta vui và hãnh diện vì có nhiều của cải vật chất trong tay, càng nhiều càng tốt, mặc dù biết rằng không thể giữ chúng mãi được. Trong cuộc đời vô thường này, quan niệm làm chủ vĩnh viễn một vật gì chỉ là giả tưởng. Thật sự chúng ta chỉ quản lý nó thì mới đúng. Một vật tự nó không hề tốt hay xấu nhưng chính sự liên hệ của chúng ta với chúng đã tạo thành một sợi dây trói buộc. Sau khi chúng ta tỉnh thức, điều chúng ta cần là cởi bỏ sợi dây trói buộc đó, vì giá trị của mỗi sự vật đều do con người đặt ra, tự chúng không có giá trị gì hết.

Ngoài ra chúng ta cũng cần phải gạt bỏ các dục vọng phù phiếm xa hoa cốt để thỏa mãn

cái bản ngã thấp hèn. Đây là những điều tương đối khó thực hiện trong một xã hội mà vật chất được tôn vinh như hiện nay.

Ngày xưa, hoàng đế Asoka cai trị vương quốc rộng lớn miền Bắc Ấn Độ. Ông là một bậc quân vương có đời sống tâm linh rất cao nhưng đồng thời cũng làm chủ nhiều kho tàng châu báu. Một hôm, có một tu sĩ mời vua đi dạo để đàm đạo về triết học. Nhà vua thay đổi y phục như thường dân cùng đạo sĩ đi dạo quanh phố mà không mang theo một hầu cận nào. Tu sĩ chỉ quấn một chiếc khố rách, tay ôm một bình bát nhỏ (bằng đồng thau) tượng trưng cho hạnh sống nghèo. Ông vừa đi vừa giảng cho vua nghe về Thượng Đế “Nếu muốn đến gần Thượng Đế thì Ngài phải biết xả bỏ tất cả, từ bỏ ngai vàng, điện ngọc, vợ con, cung nữ... thì mới đạt kết quả mong muốn.” Nhà vua gật đầu: “Tôi sẽ làm như vậy và tôi sẽ làm ngay.” Tu sĩ kinh ngạc và cả hai tiếp tục đi dạo.

Bất chợt có kẻ bắt lương ở góc đường xông ra cướp giật cái bình bát khất thực của đạo sĩ rồi chạy mất. Đạo sĩ tức giận chửi một tràng dài rất thô tục. Vua Asoka bật cười và nói lớn: “Này ông bạn, ông chỉ có cái bình bát cũ thôi, vậy mà ông còn gán bó vào nó hơn cả tôi đối với tất cả mọi sự giàu sang phú quý hay giang sơn gấm vóc này nữa.”

Câu chuyện trên cho ta hiểu tiền bạc, của cải là biểu hiện của sức mạnh. Không thể chối bỏ tiền bạc là nhu cầu của đời sống con người, nhưng không vì vậy mà trở thành nô lệ cho chúng, và chúng ta chỉ là những kẻ quản trị đồng tiền để sử dụng chúng một cách khôn ngoan và không ích kỷ mà thôi. Phương Tây có câu châm ngôn: “Tiền bạc là tên đầy tớ trung thành nhưng là một ông chủ rất tồi.”

Một tiến trình về tâm linh cũng giống như một hành trình leo núi. Càng lên cao không khí càng loãng, nên phải leo từ từ để có thể thích ứng với nhiệt độ và áp suất của không khí. Khi vào cuộc, người ta hay mang theo rất nhiều thứ đồ dùng linh tinh. Những thứ này làm cản trở, vướng bận việc leo núi cho đến khi họ hiểu rằng

10. Nam Thành Thánh thất, 14-02 Kỷ Dậu (31-3-1969).

phải bỏ hết những gì không cần thiết thì mới có thể leo cao hơn nữa được.

Trên đường tu học cũng vậy, chúng ta hãy biết đủ về vật chất cho cuộc sống đồng thời tháo gỡ những tấm màn vô minh dày đặc vẫn bao phủ lên tâm trí chúng ta như phê phán, sự ưa, sự ghét, phán đoán chủ quan cái này, cái nọ, v. v. . . Chúng ta cũng sửa đổi những tật xấu như bừa bãi, cầu thả, ích kỷ, ăn nhiều, ngủ nhiều, nói nhiều, nhất là những lời nói vô ích làm mất lòng người khác. Sau khi chúng ta đã gạt đục khơi trong thì tâm hồn chúng ta trở nên thanh thản giống như lau sạch bụi quanh bóng đèn thì đèn sẽ sáng rực lên. Hãy để cho cái trí lặng yên, đừng mong cầu, đừng hồi tưởng những gì đã qua, đừng tìm kiếm cái gì chưa đến. Hãy mở rộng cõi lòng cho tình thương của Thượng Đế đến với ta. Khi cái trí lặng yên, chúng ta hãy quán tưởng vào nội tâm, hướng nội để thực sự biết mình là ai.

“Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói được, không sờ mó được, không nghe thấy được.”¹¹

Cuộc sống có lý tưởng, có đạo lý, và tâm hồn chúng ta hoàn toàn an tĩnh thì nó trải rộng như một cánh đồng màu mỡ xanh tươi để đón nhận ánh sáng thiêng liêng ban rải cho chúng ta. Đó cũng là kết quả tuyệt vời của tham thiền nhập định trên đường tu học.

Tu là phép chữa bệnh trần

*Thiền là đoạn diệt tham sân dục tình.*¹²

Người đời có thói quen đánh giá con người qua hình thức bên ngoài, càng sang trọng, càng giàu có xa hoa thì càng được kính nể. Nhưng trên lãnh vực tâm linh, người ta không thể tự kỷ ám thị hay đánh lừa mình bằng các cử chỉ bên ngoài vì bộ áo không làm nên thầy tu. Tu học là qui vào nội tâm bằng cách tham thiền.

Tham thiền là một quá trình rèn luyện công phu và bền bỉ, cần phải có người có kinh nghiệm

hướng dẫn. Sự thực hiện để đạt đến Chân Ngã mà theo Cao Đài giáo gọi là Thượng Đế tính (Phật gọi là Phật tính) là một diễn trình hết sức vất vả khó khăn đòi hỏi lòng kiên nhẫn quyết tâm của hành giả với niềm tin tuyệt đối vào Đức Thượng Đế:

“Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình.”¹³

Tôn giáo nào cũng hướng con người đến sự hoàn hảo nhân cách để phù hợp với giá trị chân thiện mỹ hầu đạt đến cứu cánh đích thực là giải thoát tâm linh. Vào đạo tu thân trước hết là xem kinh sách đạo, học tập Thánh ngôn, Thánh giáo để thanh lọc tư tưởng, gột rửa tánh xấu hầu xa lẩn những ngôn ngữ tổn đức thất nhơn tâm, tránh không làm những điều tội lỗi, tập làm những điều nhân, việc thiện. Phải ham học để mở mang trí tuệ và hãy gần gũi bạn đạo.

Dòng nước sông mức vào trong chậu, để yên sẽ được lắng trong phần trên, thải hồi phần cặn cẩu. Người tu hành hay tu học siêng năng bền chí thanh lọc trau sửa bốn tâm bốn tánh lẫn hồi sẽ trở nên thuần lương thánh thiện. Thánh nhân ngày xưa, bước đầu cũng chỉ luyện kỹ, trau giồi tâm tánh.

Theo giáo lý Cao Đài, người tu học hành đạo là người báo hiếu ông bà, cha mẹ một cách triệt để. Có tu thân thì mới làm gương được cho gia đình, dạy bảo người trong nhà mới nghe theo tức là tể gia. Gia đình là đơn vị nhỏ mà tể được thì mới mong trị được nước. Trị được nước với chính sách đạo đức nhơn nghĩa thì mới làm cho dân chúng được thái bình thịnh trị. Muốn hành xử Tu – Tể – Trị – Bình thì trước hết phải là con người hiếu thảo. Hiếu là hạnh đứng đầu: Hiếu – Đức – Trung – Nhơn. “Hiếu giả bách hạnh chi tiên” (Hiếu là nét đứng đầu trăm nét) (Tăng Tử).

Xưa nay, không có bậc vĩ nhân hay Thánh

11. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Nhâm Tý (02-02-1973).

12. Đức Đồng Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

13. Đức Cao Triều Tiên Bối, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

nhân nào là người con không hiểu thuận, nhất là đối với truyền thống đạo lý Á Đông. Chối bỏ truyền thống này là tự đánh mất phẩm giá đạo đức của chính mình, mất đi nền tảng luân lý xã hội, làm băng hoại trật tự kỷ cương đạo lý mà tiền nhân đã dày công gây dựng.

Ngoài ra, người học đạo là người biết khiêm tốn. Khiêm tốn là hạnh đầu tiên khi bắt đầu tu học, ban đầu hơi ngỡ ngàng đối với người đã quen tánh cũ, nhưng phải bền chí thanh lọc ngày ngày tháng tháng.

Như vậy, Tu là thể hiện đạo làm người một cách sống động. Sống lành mạnh, yêu đời, yêu

người, không quá thiên về vật chất, cũng không quá nặng về phần tâm linh mà cả hai phải bổ sung một cách hài hòa.

Tu không chỉ là chiến thắng chính mình mà còn thể hiện một nghệ thuật sống, đem lại cho bản thân sẽ lợi ích vô cùng về mặt vô vi như Đức Quan Âm Bồ Tát đã xác nhận:

Tu đi một vốn mười lời

*Nhà băng Thượng giới Cha Trời dành cho.*¹⁴■

14. Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

Đức Trần Hưng Đạo... (TIẾP THEO TRANG 65)

mình theo luật tiến hóa từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ một trẻ hài nhi thơ ngây mọc tóc, trí hiểu biết đã trưởng thành dần theo cơ thể đang tiến, người già cao niên lần hồi sức khỏe giảm bớt để trở về trong quá khứ của lứa tuổi sơ sinh để nhường lại mùa Xuân đang lên của tuổi trẻ.

Luật sinh trưởng thấu tàng không chờ đón một riêng ai, lẽ vô tư của đất trời không dành riêng cho một sinh vật nào. Mỗi độ đông tàn xuân đến là con người đã mang một thể xác vi nhơn, chứa đựng những tâm tư thâm kín, một khối óc tinh khôn, sự hiểu biết phải trái, dở hay, chánh tà, cùng khôn đại. Dầu cho từ hạng cùng đinh dân thứ đến hàng chí sĩ đạo đức uyên thâm, dầu muốn dầu không, tâm sự cũng dao động với tiết Xuân về.

(...)

Đã là thành phần giác ngộ, không ai chối bỏ được nhiệm vụ của mình là một công dân trong thời non nước thăng trầm, muôn dân khốn khổ. Người tu hành không phải chỉ những trầm lặng mình dưới bóng tử bi, trầm tư mặc tưởng để điều luyện tâm hồn nơi cõi hư vô tịch mịch, mà còn phải tìm ra sự đau khổ của toàn dân, dốc lòng tìm ra phương pháp tận độ, đem đạo lý lồng vào nếp sống để cải tạo tư tưởng con người trở về với bản tánh thiên lương, hầu cùng nhau gây dựng cõi đời minh đức tân dân mới mong đem lại thái hòa an lạc cho dân tộc. Đó mới thật là hưởng được một mùa Xuân vĩnh cửu bất tận.

(...)

Chư hiền đệ hiền muội hãy kiểm điểm lại trong một năm

qua, mỗi hiền đệ muội đã tăng tiến đến bậc nào về phần tu học? Vì như trên, Bản Thánh đã nói: vạn vật đồng tiến theo tiết xuân sang, nếu không tiến lên theo thời son trẻ thì ắt rớt hoa niên để tàn tạ trở về quá khứ, nghĩa là không tiến thì thôi chớ không vật nào đứng một chỗ.

(...)

Là người tu tiến, luôn luôn hằng ngày phải kiểm điểm thân tâm, tác phong ngôn hạnh để so sánh ngày một ngày qua để biết mức độ tiến hóa thăng trầm, hoặc vui để mà tiến, hoặc buồn để mà tự hối sửa chữa để cùng tiến lên. Có như vậy mới thấy được chỗ ưu khuyết. Có như vậy mới làm chủ được thân tâm, tự cứu mình trên con đường Đại Đạo.⁵■

5. Minh Lý Thánh Hội, 03-01 Canh Tuất (08-02-1970).

tiểu sử và đạo nghiệp

ĐẠO TRƯỞNG ĐỊNH PHÁP MINH THIỆN

QUẢ VỊ BÁC NHÃ THIÊN SƯ TAM TÔNG PHÁP CHỦ – NGUYÊN QUÂN BỐ TÁT

■ KỶ NIỆM LẦN THỨ 37 NGÀY
QUI THIÊN CỦA ĐẠO TRƯỞNG
ĐỊNH PHÁP MINH THIỆN — 16
THÁNG 11 ÂM LỊCH (2009)

THÂN THỂ

Ngài MINH THIỆN¹ tên thật là TÔN VĂN KHUÊ, khai sinh để đi học là NGUYỄN VĂN MIẾT, sinh năm Đinh Dậu (tháng 8–1897) trong một gia đình đạo đức Nho giáo tại làng Lợi Bình Nhơn thuộc tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An).

Thân phụ Ngài là ông Tôn Văn Thi, cũng là Minh Lý môn sanh (MLMS), nhập môn ngày 02–9–1926, pháp danh Hiệp Nhứt. Quê nội trước kia ở trấn Củ Chi, huyện Hóc Môn, sau đến đời ông thân, Ngài mới dời về Long An.

Thân mẫu Ngài là bà Lâm Thị Chợ.

Anh chị em: Ngài còn 4 người chị em nữa là: chị cả Tôn thị Kỷ, em gái là Tôn Thị Thân – MLMS pháp danh Toàn Lạc, em gái Tôn Thị Sáu – MLMS pháp danh Toàn Kiết, và em trai Tôn Văn Lâm – MLMS pháp danh Chí Giác.

Ông thân Ngài là một Nho



ĐẠO TRƯỞNG ĐỊNH PHÁP MINH THIỆN (NGỒI GIỮA) CẠNH ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG (BÊN PHẢI).

gia, tu theo phái Minh Sư, giữ công quá cách, siêng làm các việc phước thiện. Ngôi nhà nơi gia đình cư ngụ có dành nơi để thờ phượng và cúng lễ theo phái Minh Sư. Khi song thân Ngài qua đời, các con cháu trong gia đình đều lên thành phố sanh sống tạo sự nghiệp, nên ngôi nhà bỏ không, nhờ các đạo hữu Minh Sư chăm nom săn sóc và về sau hiến luôn cho chi phái Minh Sư làm Thánh đường cúng bái. Đến nay tại Thánh đường chỉ còn có hai vị sư cô, nên đã xin gia nhập vào chùa Thiên Khánh thuộc Tỉnh hội Phật giáo Long An để hoạt động.

Khi lập gia đình, người

hôn phối của Ngài là Lâm Thị Hộ cũng nhập môn Minh Lý năm 1925 với pháp danh Diệu Nguơn. Bà mãn phần ngày 18–3–1953 với cấp bậc Thanh Tịnh Cô và được ân phong là Diệu Duyên Nương Nương.

Vì thấy ông bà không có con nên người em là bà Toàn Lạc mới đưa một cô con gái làm con nuôi cho ông bà hủ hỉ. Đó là cô Nguyễn Kim Tuyết, nhập môn với pháp danh là Tịnh Nhứt hiện nay sống ở bên Mỹ với hai cô con gái.

Học tập: Ngài Minh Thiện từ nhỏ được gia đình cho học chữ Nho, cho đến khi phong trào học chữ quốc ngữ để đi

1. Theo thứ tự MINH KHAI TƯỜNG ĐẠI ĐẠO...

dẫn đến trường xin nhập học, nhưng trường đòi phải nộp khai sanh – mà Ngài chưa có. Vì thời kỳ ấy ở các làng xóm, gia đình nhân dân chưa có ý thức phải làm khai sanh khi sanh con nên Ngài Minh Thiện chưa có khai sanh để nhập học. Ông thân Ngài liền dẫn đến ông Chánh Lục bộ để xin làm khai sanh. Ông này hỏi đặt tên gì? Ông thân Ngài không kịp suy nghĩ mà nói liền một cái tên bình dân là tên một loài trái cây ở địa phương là Mít, mà cũng không nói họ gì. Ông Chánh Lục bộ liền viết vô bộ (mà chắc ông này cũng học Việt ngữ chưa thông nên cho liền họ tên là Nguyễn Văn Miết – thay vì là Mít). Việc này, chúng tôi được Ngài Minh Thiện kể lại khi dạy giáo lý lúc còn sanh tiền.

Làm việc: Ngài theo tân học cho đến khi ra làm việc với chính phủ thời bấy giờ được gọi là công chức chánh ngạch. Có thời gian Ngài ra làm việc tại Côn Đảo mấy năm. Ngài mục kích lắm chuyện đau thương, thấy nhiều người đau khổ đến độ muốn chết đi cho rảnh, mà chết đi cũng không được. Thấy rõ cuộc đời là bể khổ, sầu đau, nên từ đó Ngài đã hướng tâm chí mình về đường đạo đức.

Qua bài thi cho biết về tiền kiếp của Ngài:

*Góp mặt trần gian đã lắm lần,
Thờ Trời, giữ Đạo, sự quân dân.
Khi cùng Vạn Hạnh dung tam tế,
Lúc với Minh Không luyện pháp thần.
Đất Việt Tam kỳ tuyên sứ mạng,
Trời Nam vạn pháp hội canh tân.
Chịu ơn Thiên lệnh khai Minh Lý,
Bác Nhã Huyền Môn tự lãnh phần.*

Các Đạo Trưởng Minh Lý Thánh Hội cho biết một tiền kiếp của Ngài là Thiền Sư Từ Đạo Hạnh² dưới triều Lý, đền thờ ở Hà Tây, nơi phát sinh mùa rồi nước (nay 2009) Hà Tây đã sát nhập vào Hà Nội).

PHẦN ĐẠO

Gặp thời Tam Kỳ Phổ Độ, đạo Minh Lý ra

đời, Ngài là một trong sáu vị khai sáng nền đạo. Sau đây là các thời kỳ hành đạo của Ngài:

Nhập môn năm Ất Sửu, tháng 5-1925, được pháp danh MINH THIỆN tịch Đạo.

THANH TỊNH SƯ ngày 04-4-1930. Theo lệnh Trên, Ngài xin nghỉ hưu về lãnh nhiệm vụ Chủ trì từ ngày 06-6-1938 cho đến ngày 21-9-1952 mãn nhiệm kỳ.

Nhập tự năm 1955.

KHIẾT TỊNH SƯ ngày 21-8-1965.

VĨNH TỊNH SƯ ngày 20-10-1965.

SIÊU TỊNH SƯ³ ngày 6-8-1967, với trách vụ ĐỊNH PHÁP TỔNG LÝ MINH LÝ THÁNH HỘI.

Từ quan về, Ngài đã là một vị công chức cao cấp ở chức Huyện và khi nghỉ hưu, chính phủ có nghĩ đến công lao phục vụ đã phong Ngài lên chức Phủ. Việc này Ngài đã kể lại cho chúng tôi và nói thêm là đã tu rồi mà sự đời vẫn đeo đuổi.

Ngài quy thiên ngày 16-11 Nhâm Tý (1972) vào giờ Tý, trùng ngày Vía Đức A Di Đà Phật. Vừa thoát xác thì Ngài được Tam Giáo Tổ Sư phong cho Thánh vị là Bác Nhã Thiền Sư Tam Tông Pháp Chủ. Khóa tịch 4 khối năm 1974 được Đức Trần Hưng Đạo, Lê Đại Tiên và Vạn Hạnh Thiền Sư cho 10 vé xưng tụng công đức là bài “Xưng Tụng Công Đức” hiện nay.

ĐẠO NGHIỆP

Đức Bác Nhã Thiền Sư: một trong các vị khai sơn phá thạch của Minh Lý Thánh Hội.

Cuộc đời Ngài là một tấm gương phong phú về nhiều mặt: tâm, hạnh, đức, tài.

Cơ đồ sự nghiệp còn đây,

Nhờ Thầy mới có nơi này ngày nay.

Tạo giáo sở: pháp, tài, lữ, địa,

Chọn lập trường chính nghĩa chơn tu,

Công trình, công quả, công phu,

Thường hành đạo sự, cần cù, chăm siêng.

(Kính Xưng Tụng Đức Bác Nhã Thiền Sư)

Phát hành lịch Tam Tông Miếu: vừa xây

2. Kiếp sau của Ngài Từ Đạo Hạnh là vua Lý Thần Tông.

3. Lúc này Đạo Trưởng Huệ Lương được phong là VĨNH TỊNH SƯ.

dựng kinh tế nhà chùa, vừa khuyến thiện qua các Thánh ngôn trích dẫn.

Xây dựng giáo sở: Tam Tông Miếu (Sài Gòn), Bắc Nhã Thiền Đường (Long Hải).

Xây dựng giáo hội: các khóa học giáo lý và đạo pháp.

Quan trọng nhất là việc biên khảo, dịch thuật, trước tác và tổng hợp pháp môn.

Đức Bắc Nhã Thiền Sư dạy: “Ngày này năm xưa, Bản Đạo còn có mặt cùng chư đạo hữu cộng ưu, cộng lạc, vui khổ có nhau, chung sống trong quyền-pháp, không ngoài mục đích chánh kỷ hóa nhơn, hoàn thành sứ mạng. Bản Đạo vì nặng mang xác phàm, dầu tiền kiếp có căn Tiên cốt Phật, cũng không sao tránh được nghiệp chướng làm trở ngại bước tu.

Bước đầu gặp không biết bao nhiêu sự khó, tấn thối lưỡng nan, nhưng cũng cố gắng lấy lòng mình vận dụng, tạo nên cơ sở pháp-quyền. Nay được cời lột phàm, nhìn lại cơ đồ Minh Lý còn quá nhỏ bé, mà Bản Đạo chỉ đặt một vài viên gạch, đắp lên một ít be hồ.

Muốn có một lâu đài, còn phải công dài của chư thiên ân nam nữ một sự cố gắng rất nhiều, ai nấy cũng nỗ lực bình sanh vì đại nghĩa, đại cuộc mà quên mình, để tương lai có nơi, có chỗ thi hành sứ mạng. Điều cần nhứt là Bản Đạo khuyến chư Thiên ân nên vì bá vạn sanh linh mà dành cho công cuộc hoằng dương chánh-pháp một phần cá hữu của mỗi người, để đóng góp vào công nghiệp vĩ đại này cho thành tựu...”

Trọn đời Đức Bắc Nhã Thiền Sư thực hiện hoài bão “mong sao ai nấy thâm tu, thâm học, giữ còn cái tâm trong trắng thuần nhiên. Sống hiển lộ con người giải thoát, hòa mình cùng đại chúng, vượt lên tất cả những gì phải trái đầy vơi; mong được thi chung với Đạo...”

Chặt chẽ siết tay cùng bạn đồng tâm Phổ Thông Giáo Lý thành hai thể âm dương hợp nhứt.”

Đức Bắc Nhã Thiền Sư rất quan tâm đến thể hệ tiếp nối, Ngài dạy:

“Bốn huynh đệ lời khuyên các em thanh thiếu niên Cơ Quan và Minh Lý. Trong thời tuổi trẻ

là thời phát huy sáng tạo, các em muốn nên một người chuyên viên trong thể chiến này, tất phải chịu mọi đeo khắc của hoàn cảnh. Có như vậy giá trị mới cao và xứng đáng là người tiếp nối trong cơ tái tạo dinh hoàn.

Bốn huynh ngợi khen sự giác ngộ sớm của các em và ban ơn hộ trì, cũng như các Đấng Thiêng Liêng đã chiếu cố đến xây dựng tinh thần tuổi trẻ thế hệ tương lai. Những huynh tỷ hiện diện hôm nay đang trông chờ các em đó. Tuy hôm nay có một vài trò thanh thiếu niên, nhưng lời Bốn huynh là nhắn gởi toàn thể, vì đạo nghiệp Minh Lý Thánh Hội cũng như Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ sẽ là dòng nước luân lưu vô tận.”⁴

Chúng ta cùng phấn đấu thực hành được lời dạy trên để làm lễ phẩm dâng lên Đức Bắc Nhã Thiền Sư vào lễ kỷ niệm năm tới.

Cầu và nguyện làm được như thế.

(Kết hợp các bài viết của Đạo Trưởng Tường Định và Đạo Huynh Tường Chơn)

ĐỨC BÁC NHÃ THIÊN SƯ GIẢNG ĐÀN LẦN ĐẦU TIÊN⁵

THI

ĐỊNH tâm BÁT NHÃ nhập chơn không,
PHÁP quán THIÊN SƯ diệt cảnh lòng,
MINH Lý TAM TÔNG Trung Nhứt Đạo,
THIỆN hành PHÁP CHỦ bố huyển công.

Bản Tăng chào mừng chư Thiên ân, đại đức, chư quan khách và gia quyến cùng nam nữ đạo hữu.

Mời hiền hữu Huệ Lương và Tuyết Vân Mặc Khách cùng quý Thiên ân, chúc sắc an tọa, chư đạo hữu bình thân.

Hôm nay, Bản Tăng được trở lại với chư đạo hữu Minh Lý Thánh Hội để đáp lại lòng mong đợi của nam nữ đạo hữu.

Một khi con người đã thọ lấy xác thân tứ đại này, không một ai qua khỏi công lệ tình sống giữa nhau, dầu bậc nguyên nhân đến thể hay các

4. Minh Lý Thánh Hội, 03-3 Giáp Dần (26-3-1974).

5. Minh Lý Thánh Hội, 07-12 Nhâm Tý (10-01-1973).

hàng đẳng nhưn sanh trải nhiều kiếp đến nay cũng không sao quên được mối dây liên hệ của nghiệp thức tạo thành.

Bần Tăng cũng được nhiều hồng ân sớm gặp đạo tu hành, nhưng cũng vì xác thân này làm trở ngại không biết bao nhiêu. Ai đã thoát xác rồi mới thấy các xác phàm ô trược quá nặng nề, phủ kín tâm linh nên mới gây nhiều bất bình trở ngại cho nhau.

THI BÀI

Vào đời như lạc nơi trần thế,
Chốn mê đồ không dễ gì ra,
Rào quanh địa võng thiên la,
Bát môn yếm trấn đẳng xà hãm vây.
Trường thi mượn nơi đây chấm điểm,
Đúng mức thì được chiếm bảng cao,
Đậu xong thiên quốc mời vào,
Rớt cam nô lệ trần lao khổ trầm.
Để thi chỉ có tâm và cảnh,
Thắng chủ rồi vào Thánh lên Tiên,
Để đuôi buông thả tâm điên,
Cảnh khi mê hoặc mất quyền tự do.
Mảng vui thích đời kho vô tận,
Ám ảnh và hấp dẫn cuốn lôi,
Đắm mê thiên chúc quên rồi,
Vướng mang trần tục luân hồi xuống lên.
Biết bao người cỡi trên xuống thế,
Nhiễm mùi trần trí tuệ mờ lu,
Chúng sanh trong cõi trần tù,
Một khi giác ngộ cỡi cù lên mây.
Muôn loài mượn nơi này tu học,
Nhờ lò đời luyện lọc ra thi,
Vượt trên tất cả những gì,
Đại hùng, đại lực, đại bi thoát trần.
Tôi may nhờ hồng ân gặp đạo,
Được thần cơ chỉ giáo tu hành,
Hiệp cùng Minh Lý môn sanh,
Chủ trì quyền pháp tài thành Tam Tông.
Trải bao năm gia công tu học,
Cũng bao lần cười, khóc, buồn vui,
Cực lòng đất nước chia đôi,
Nhơn tâm, thế đạo suy đồi đến nơi.
Đành trời mặc dòng đời được mất,

An thân nơi cửa Phật nhà Tiên,
Cùng trong Minh Lý bạn hiền,
Noi theo tiếng gọi Thiêng Liêng chỉ bày.
Phần nội bộ rủi may mấy độ,
Phải đương đầu thách đố gay go,
Cơ đồ gánh nặng ai lo,
Khách đông thuyền nhỏ sóng to ngược dòng.
May những lúc long đong vượt khỏi,
Thành một lèo tận cõi tiên bang,
Bụi ngùi nhìn lại trần gian,
Chạnh bao người chít khăn tang buồn buồn.
Thôi dần lòng, chớ tuôn lệ ngọc,
Mến yêu nhau, lo học, lo hành,
Liệu phương hoàng pháp lợi sanh,
Chung nhau chinh đồn hoàn thành mở mang.
Sứ mạng còn ngổn ngang bề bộn,
Nội bộ còn thiếu thốn tài hiền,
Thiếu vai quyền pháp trung kiên,
Lái lèo cơ đạo trấn yên trong ngoài.
Khuyên đạo hữu gái trai giới hạnh,
Thêm sức cho Hội Thánh huy hoàng,
Thêm người có chí có gan,
Có tâm giải thoát cơ quan đủ điều.
Giáo đồ phải tuân theo giáo ước,
Phải y khuôn mực thước giáo điều,
Không ân hận, không oan kiêu,
Kính trên nhường dưới, thương yêu mọi người.

Hôm nay cũng một lần đầu được quyền pháp ban cho, Ổn Trời chan chứa mà Bần Tăng được phục hồi nguyên vị. Nhưng sứ mạng chưa tròn, nên lệnh Tam Giáo Tổ Sư cho trở lại nơi này để cùng chư đạo hữu thông đồng tình cảm tâm linh cùng lo sứ mạng để Giáo Hội Minh Lý được thành hình. Sự đời tình nghĩa bao la không biết đến đâu là cùng tận, mà việc đạo rất cần, nên tạm gác để lo học, lo tu. Mình nên thiên hạ được nhờ. Mình được trọn xong thì thân quyến, bạn bè cũng đồng chung hạnh phúc.

Bần Tăng cũng muốn tâm sự giữa nhau để được cảm thông, nhưng ít thì giờ mà điển quang cũng không cho phép kéo dài.

Đây tóm lại:

Một là mừng vui cho các Thiên ân đạo hữu

may duyên gặp Đạo, ngàn năm một thuở, gắng lập công tu học, làm tròn sứ mạng để được dự phần ngày Hội Long Hoa sắp đến không lâu, và chư hiền hữu giúp cho Minh Lý Đạo được sớm thành hình và cảm ơn tất cả thân bằng quyến thuộc đã vì Bản Tăng viếng đưa cộng tác chung lo như một gia đình.

Hai, trong cốt nhục bà con quyến thuộc được an vui chờ gặp nhau một đàn khác.

Ba, Minh Lý Thánh Hội chư đạo hữu từ đây cũng nên chọn trong số Thiên ân một người kế tiếp đường hành quyền pháp để Thánh Hội có người chủ yếu chịu trách nhiệm giữa Thiên Nhơn. Trong đó tuy ai cũng không nhận mình là đủ khả năng nhưng tập làm có ngày cũng được như Bản Tăng trước kia. (...)

Việc của Bản Tăng là mục đích xây dựng Bác Nhã Tịnh Đường cốt để giữa nhau trong Minh Lý ai nấy cũng được tu, được luyện trở nên bậc chơn tu giải thoát mới đủ đảm nhiệm quyền pháp, gánh lấy sự nghiệp nhơn sanh thì nơi đó chư Thiên ân nên lưu tâm và đặt mình chăm siêng tu học.

Việc ngoại giao liên lạc cùng các đạo bạn giữ được mãi thêm chặt chẽ và lợi lạc chung. Nội bộ cần chỉnh tu sắp xếp cho hàng ngũ được uy nghi, dưới trên nhứt luật, vì Bản Tăng lúc sinh tiền nặng nhứt về đường khảo cứu, muốn đi sâu vào Đại Đạo, ngộ nhập chơn không, để đi hướng đạo cho đời khỏi đưa người vào tà kiến bàng môn, nhưng vì sứ mạng mà chưa đường nào xong cả. Vả lại, mang lấy xác phàm có nhiều lầm lỗi, cho mất thánh tâm nên có đôi điểm cần sửa lại.

Thôi, còn nhiều đàn gặp nhau. Bản Tăng xin cáo từ chư đạo hữu. Chào chung. Thăng. ■

Lòng con...

(TIẾP THEO TRANG 58)

đến trọn vẹn. Trước nhứt là hy sinh tư hữu chính mình để tọa vong thì pháp luân mới thường chuyển.”⁹ “Thiên đạo Đại thừa phải vong kỷ vị tha. Kỷ mà các con còn vong thì có còn chi mà bám víu? Còn kỷ là các con còn chấp. Còn chấp là còn tranh, thị phi, thanh trước. Nếu như vậy thì sứ mạng khó hoàn thành đó các con!”¹⁰

Trong cuộc sống đa đoan, nhiều bận rộn, chúng ta có thể bắt đầu tập hy sinh bằng:

Việc nhà đơn giản vừa xong,

*Để lo việc Đạo, việc công từ rày.*¹¹

là bước đầu “hy sinh tư hữu chính mình”, rồi mới đến “vong kỷ vị tha”, quên mình thương đời cứu khổ, thực hành bí pháp mà Đức Mẹ đã từ bi ban trao trên con đường sứ mạng Đại Đạo để chung cùng tập thể thực hiện “Thế đạo đại đồng và Thiên đạo giải thoát” với tất cả tâm thành, hết thế hệ này sang thế hệ khác. Các bậc đàn anh đã hiên ngang đi qua, chúng ta đang cố gắng, quyết tâm tiếp nối và không quên sắp đặt, chuẩn bị cho đàn em, đàn con, đàn cháu mai sau trên con đường dài sứ mạng... ■

9. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-6 Đinh Tỵ, 16-7-1977.

10. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Đinh Tỵ, 26-9-1977.

11. Trích từ “Mười Điều Khuyên cho Chư Môn sanh Minh Lý Thánh Hội” của Đức Thánh Trần Hưng Đạo.

THÁNH GIÁO

Thiên đàng, địa ngục có đâu xa,
Chỉ tại lòng mình một sát na,
Chuyên nhứt sẽ làm nên mọi việc,
Là xuân tạo được thể nhân hòa.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG LÃO TỔ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,
01-01 QUÍ HỘI (13-01-1983)

Đức hy sinh

■ VỐ ĐỨC NHÂN

Ngày xưa trong ngôi làng có cây táo rất to. Một cậu bé thường đến chơi dưới bóng râm của cây táo và hái táo ăn. Nó yêu cây táo và cây táo cũng rất yêu nó. Thời gian trôi qua, cậu bé đã lớn và không còn đến chơi với cây táo nữa.

Nhưng ngày nọ, cậu bé trở lại chỗ cây táo với vẻ mặt buồn rầu, cây táo kêu to:

- Hãy đến chơi với ta!
- Cháu đã chán chơi quanh gốc cây. Giờ cháu chỉ thích đồ chơi và cháu đang cần tiền để mua.
- Ta rất tiếc là không có tiền nhưng cậu có thể hái tất cả táo của ta và đem bán. Cậu sẽ có tiền. Cậu bé rất mừng, Nó hái tất cả táo trên cây và bỏ đi... Cây táo buồn bã vì chẳng thấy cậu bé quay lại nữa.



Một hôm cậu bé – giờ đã là một chàng trai – trở lại và cây táo kêu lên:

– Hãy đến chơi với ta!

– Cháu không có thời gian để chơi. Cháu còn phải làm việc để nuôi sống gia đình. Gia đình cháu đang cần một mái nhà. Bác có giúp gì cho cháu không?

– Ta xin lỗi, ta không có nhà. Nhưng cậu có thể chặt tất cả cành của ta để dựng nhà.

Chàng trai chặt hết cành của cây táo rồi lại bỏ đi. Cây táo cảm thấy cô đơn và buồn tủi.

Rồi vào một buổi trưa hè nóng bức, chàng trai quay lại. Cây táo vui mừng kêu lên:

– Hãy đến chơi với ta!

– Cháu đang buồn. Cháu cần một chiếc thuyền để chèo đi thư giãn.

– Ta không có thuyền, nhưng cậu có thể chặt thân cây của ta để làm thuyền.

Thế là chàng trai chặt đứt thân cây táo, đẽo làm thuyền và chèo đi.

Nhiều năm sau, chàng trai giờ đã là người có tuổi quay lại.

– Xin lỗi ta chẳng còn gì cho cậu nữa. Cái duy nhất còn lại là thân khô trụi và bộ rễ đang chết dần mòn của ta. Cây táo nói trong nước mắt.

– Cháu chỉ cần ngồi nghỉ. Cháu đã quá mệt mỏi sau những năm tháng trôi qua.

– Ôi, thế thì gốc cây già cỗi này là nơi rất tốt cho cậu dựa vào và nghỉ ngơi. Hãy đến đây với ta!

Chàng trai ngồi xuống, cây táo mừng rơi nước mắt.¹

Câu chuyện “cây táo” cũng là câu chuyện của chúng ta, của cha mẹ và con cái.

HY SINH LÀ QUYỀN THIÊN LIÊNNG CỦA CON NGƯỜI

Cha mẹ, nhất là mẹ, hết lòng thương yêu và hy sinh tất cả mọi thứ, mọi niềm vui hạnh phúc để mang lại những điều tốt đẹp nhất cho con mình. Có yêu thương nên mới có hy sinh. Hy sinh là quyền thiêng liêng của con người, là sự hiến dâng

tất cả những gì riêng tư cho người khác. Sự hy sinh không chỉ nảy nở trong huyết thống gia đình mà nó còn được nuôi dưỡng lớn mạnh vượt ra ngoài phạm vi xã hội để trở thành ý thức dân tộc với hạt giống là lòng yêu nước thương nòi. Thật vậy, có thể nói tinh thần hy sinh đã góp phần làm nên sức mạnh Việt Nam ở mọi thời đại, trước mọi kẻ thù.

Ngày xưa, người anh hùng Lê Lai đã hy sinh thân mình để cứu Chúa, Lê Lai hy sinh để giúp Lê Lợi hoàn thành 10 năm kháng chiến cứu nước hay vị Nữ Vương Trưng Trắc hy sinh tình riêng, hy sinh cả mạng sống phu quân để quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm giữ yên bờ cõi, đem lại thái bình cho nước nhà. Còn đó biết bao tấm gương cao cả “vì nước quên mình” để lại dấu son trong trang sử Việt.

Ngàn năm sau, Đức Trưng Vương Thánh Nữ còn nhắc nhở chúng ta:

Nếu không có kẻ quên mình,

Bao giờ đem lại thái bình trời Nam.²

HY SINH LÀ ĐỨC TÍNH CỦA NGƯỜI THIÊN ÂN SỬ MẠNG

Bước sang thế kỷ 20, Đức Thượng Đế khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã chọn đất nước Việt Nam để gieo mối đạo vàng, chọn dân tộc Việt Nam để ban trao sứ mạng. Phải chăng có yếu tố dân tộc Việt Nam là một dân tộc có đủ đức tin và lòng quả cảm hy sinh để làm nên đại cuộc?

Mở trang sử Cao Đài, ta thấy ở thời kỳ sơ khai đầy gian khó và hiểm nguy, các vị tiền khai cùng hàng ngũ tín đồ đã xả thân vì đạo, đã hy sinh cho lý tưởng thanh cao. Họ đã hiến dâng cả tài sản, tâm lực, tánh mạng để làm nên giá trị Cao Đài hôm nay.

Người đi trước quên mình vì đạo,

Mong ai sau hoài bão tương lai,

Xương minh giáo lý Cao Đài,

Mở cơ tận độ trong ngoài vạn bang.³

2. Nam Thành Thánh Thất, 15-8 Kỷ Dậu (26-9-1969).

3. Đức Cao Triều Phát, Nam Thành Thánh Thất, 23-8 Canh Tuất (22-9-1970).

1. Hương Giang, dịch từ Internet.

Trước niềm tin và sự kỳ vọng của những người đi trước, các thế hệ tiếp nối phải có bốn phận kế thừa xứng đáng đạo nghiệp thiêng liêng mà tiền nhân đã dày công gây dựng.

Sau 40 năm cơ Đạo bị phân hóa và mọi nỗ lực vận động nhằm hiệp nhứt, thống nhất về Hội Thánh và nhơn sự không thành, Ôn Trên đã cho chuyển qua thống nhất về giáo lý tức tinh thần vậy. Năm 1965, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được hình thành với vai trò là “một nhịp cầu nối liền tình huynh đệ, là một điện đài thân và phát những động năng thúc đẩy sự thống nhứt giáo lý” để phổ truyền chánh pháp Đại Đạo cứu độ nhân sanh. Trước sứ mạng đặc biệt và trọng đại này, Đức Chí Tôn có dạy:

*Thầy sắc ban Văn Phòng Giáo Lý,
Cho con nào có chí hy sinh,
Vì chánh đạo dám quên mình,
Đem tài phục vụ nhân sinh buổi này.⁴*

Vậy tiêu chuẩn, phẩm chất của người nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chính là đức hy sinh, nên Đức Lý Giáo Tông đã khẳng định: “Sứ mạng phổ thông giáo lý chỉ trao cho những ai có đức hy sinh đúng lời nguyện của Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt.”⁵ Chúng ta đã nguyện hứa những gì với Ôn Trên?

*Nguyện đem cả tài danh quyền chức,
Nguyện xem thường vật chất hồng mao,
Quyết tâm xây dựng phong trào,
Hóa hoằng Chánh Pháp xóa màu tang thương.
Nguyện chung sức mở đường đại chúng,
Đem Đạo mẫu công dụng mọi nơi;
Cho người thông cảm cùng người,
Dẹp tan sắc phái phục hồi tình thương.
Nguyện nung nấu can trường thiết thạch,
Nguyện giữ gìn son sắt thủy chung,
Hy thân nguyện nước non cùng,
Mở mang đạo lý vẫy vùng trần la.⁶*

4. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Ất Tỵ (02-02-1965).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Quý Sửu.

6. Bài cầu nguyện của nhân viên Cơ Quan do Đức Lê Đại Tiên ban cho.

Để thực hiện lời nguyện hứa trên, đòi hỏi chúng ta phải hy sinh nhiều thứ. Hy sinh tiền tài vật chất, thì giờ, công sức, quyền thế sự nghiệp không khó. Nhưng hy sinh về nội tâm là bản ngã cố chấp, lòng vị kỷ, tánh tham sân si, tự cao tự ái là khó khăn vô cùng và đây cũng là rào cản lớn lao trên bước đường tu thân hành đạo của mỗi người, nên Đức Mẹ Vô Cực Từ Tôn đã ân cần dạy bảo:

“Mình đã vào Đạo, đã hy sinh rượu ngon thịt béo để trai lạt, đã hy sinh giờ giấc thụ hưởng để đi đó đi đây, thức hằng đêm này qua đêm khác để hành đạo, đã hy sinh tiền bạc và sức khỏe để phụng sự đạo mà không thể hy sinh lòng tự ái tự cao, không thể hy sinh mọi chấp ngã do tai nghe mắt thấy hay sao? Nếu hy sinh những phương diện kia mà không hy sinh những phương diện này về nội tâm thì chẳng khác nào như nước đổ lá môn hoặc nước rót vào giỏ (...).”⁷

Có hy sinh thì mới có hòa hiệp, có hòa hiệp rồi thì mới có thể chung sức chung lòng xường minh giáo lý phổ độ nhơn sanh, đem tình thương giáo lý cảm hóa người đời. Sự hy sinh luôn có tác dụng giúp người độ đời.

HY SINH LÀM SÁNG TỎ LỄ CÔNG BÌNH

Vào 2010 năm trước, Chúa Giê-Su đã hy sinh xuống trần trong một đêm đông đầy giá rét, đã hy sinh chịu đựng những năm tháng gian khổ hiểm nguy trong cảnh dầu sôi lửa bỏng và cuối cùng đã hy sinh thọ tử trên thập tự giá vì tội ác của con người. Đức Chúa hy sinh để chuộc lấy tội lỗi cho loài người, và để loài người thấy được lễ công bình của Tạo hóa.

*Dù rằng Giáo chủ toàn linh,
Cũng do cái luật công bình mà thôi.⁸*

Khi sáng lập ra vũ trụ, thế gian thì Đức Thượng Đế cũng đã dựng tình thương và luật công bình để bảo tồn, trưởng dưỡng, hóa sinh muôn loài.

7. Thánh thất Tân Định, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

8. Đức Gia-Tô giáo chủ, 03-02 Ất Tỵ.

(XEM TIẾP TRANG 93)



Lược thuật và cảm nghĩ về ĐẠI HỘI TÔN GIÁO THẾ GIỚI 2009

Đại hội Tôn giáo Thế giới lần thứ 5 đã diễn ra trong 7 ngày từ ngày 3 đến ngày 09-12-2009 tại Melbourne, Úc. Trong những thập niên gần đây, khoảng năm năm một lần, Đại hội này được tổ chức nhằm tạo cơ hội cho các thành viên của mọi tổ chức tôn giáo và tâm linh toàn cầu chia sẻ về truyền thống của mình, tìm hiểu về các truyền thống tôn giáo và tâm linh khác, đối diện đàm thoại và kết nối với các thân hữu có những mối quan tâm chung về các vấn đề của nhân loại.

Chủ đề của Đại hội lần này là “Xây dựng một thế giới đổi mới: Lắng nghe lẫn nhau, chữa lành quả địa cầu”, đã phản ánh sự cần thiết cấp bách cho các

cộng đồng tôn giáo và tâm linh, cùng tất cả những người thành tâm thiện chí hành động vì những ưu tư về môi sinh, hòa bình, chống nạn nghèo đói, v.v., và nhận trách nhiệm để vun bồi ý thức về sự liên kết toàn cầu của loài người. Đại hội cũng chú ý đến việc khắc phục khó khăn và đời sống tâm linh của các dân tộc khắp nơi trên địa cầu, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc bản địa tại Úc. Khoảng năm ngàn người trên toàn thế giới đã tụ họp để cùng nhau tiếp nối công cuộc xây dựng một tương lai tốt đẹp cho chúng sanh trên hành tinh này.

Đây là sự hợp tác giữa Hội đồng Vận động Đại hội Tôn giáo Thế giới có trụ sở

tại Chicago và Đại hội Tôn giáo Thế giới của thành phố Melbourne, cả hai đều có ban giám đốc và ban cố vấn rộng rãi, tập hợp sự sáng suốt của các cộng đồng tôn giáo đa dạng trên thế giới.

Melbourne là một thành phố xinh đẹp và đầy sức sống cho sự đa dạng văn hóa và tôn giáo, cũng là một địa điểm rất thích hợp cho Đại hội này.

Chương trình Đại hội được bắt đầu bằng những tiếng tù và khai mạc xuất phát từ một nhạc cụ đặc trưng của nước Úc làm bằng một ống hơi cong dài hơn 1 mét do một vị đại diện dân tộc bản địa Úc bước ra thổi. Sau đó là các nghi lễ cầu nguyện phước lành do các tôn

giáo như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Bái Hỏa giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo, Ấn Độ giáo, Đạo Jain, Đạo Sikh, Thần Đạo Bản địa Úc, Thần Đạo Nhật Bản (Shinto), Đạo Baha'i thực hiện. Mỗi tôn giáo cử hành nghi lễ riêng của mình, nhưng đồng một vẻ trang trọng, thành tâm. Nghi lễ cầu nguyện của Phật giáo do Hòa Thượng Thích Phước Tấn ở Úc thực hiện, có kèm theo điệu vũ “Quan Âm Ngàn Tay” của đoàn Phật tử với nhạc và lời tiếng Anh.

Các chủ đề tham luận tại Đại Hội bao gồm:

- Chữa lành quả địa cầu với sự chăm sóc và âu lo.
- Các dân tộc bản địa.
- Khắc phục nghèo đói trong một thế giới không bình đẳng.
- Bảo đảm an toàn thực phẩm và nước uống cho mọi người.
- Xây dựng hòa bình trong mưu cầu công chính.
- Tạo dựng sự liên kết xã hội trong thành thị và xã ấp.
- Chia sẻ những thử nghiệm trong công phu thiền định.

Chương trình hằng ngày được diễn tiến trong 30 phòng họp khác nhau theo lịch như sau:

8:00 – 9:00: Các nghi lễ cầu nguyện của các tôn giáo và các pháp môn thiền định.

9:30 – 11:00: Hội thảo nội bộ giữa các hệ phái trong mỗi tôn giáo.

11:30 – 13:00: Đối thoại để cảm thông giữa hai hoặc nhiều tôn giáo.

14:30 – 16:00: Hội thảo để

tìm cách giải quyết những vấn đề quan yếu.

16:30 – 18:00: Các cuộc đạo đàm từng nhóm.

19:30 – 21:00: Thuyết trình, cầu nguyện, văn nghệ.

Trong suốt thời gian Đại hội, mọi người có thể nhận được những kinh sách, giáo lý, thông tin của hàng trăm tổ chức tôn giáo, văn hóa và xã hội trên toàn cầu trong một phòng lớn có vài chục gian hàng triển lãm. Các sách song ngữ Việt-Anh về đạo Cao Đài: Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Văn Hóa Mở Đạo Cao Đài, Đất Nam Kỳ – Tiền Đề Pháp Lý Mở Đạo Cao Đài, Ngô Văn Chiêu – Người Môn Đệ Cao Đài Đầu Tiên của tác giả Huệ Khải và những trang tóm lược về Minh Lý Đạo cũng được phổ biến cho những người muốn tìm hiểu.

Trong Đại hội cũng có những cuộc thảo luận giữa các thành viên của Hội nghị Thế

giới về Tôn giáo và Hòa bình cùng với Hội nghị Á châu về Tôn giáo và Hòa bình. Nhóm hội nghị này phúc trình thành quả đã qua và cũng có đề nghị thành lập một tổ chức liên hiệp các tôn giáo toàn cầu có trụ sở tại Liên Hiệp Quốc làm cố vấn về mặt tinh thần để kịp thời giải quyết những khủng hoảng, xung đột và mâu thuẫn trong mọi mặt trên thế giới.

Trong buổi lễ bế mạc, chúng tôi cảm nhận được không khí đại đồng hòa hiệp, đại đồng không phải cùng một sắc áo, cùng một nghi lễ, cùng một chủng tộc, cùng một ngôn ngữ. Sự khác nhau về những điều ấy cũng giống như hoa cỏ của một cánh rừng có nhiều màu sắc khác nhau sẽ làm thêm rực rỡ, tăng vẻ đẹp của rừng. Tinh thần đại đồng chỉ cần một lòng thương yêu hòa ái muốn hợp tác với nhau là đủ rồi. Sự cảm nhận tinh thần đại đồng hòa

CÁC ĐẠO HỮU MINH LÝ TẠI GIAN HÀNG MỘT LƯU NIỆM HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG.



hiệp càng tăng lên khi vị tân chủ tịch Hội đồng Vận động Đại hội Tôn giáo Thế giới phát biểu kêu gọi các tôn giáo hợp tác, liên lạc với nhau thường xuyên hơn, không cần phải năm năm mới hội họp một lần, mà có thể trao đổi qua địa chỉ mạng peacenext.org. Lời kêu gọi này đã được hội trường nhiệt tình hưởng ứng.

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma xuất hiện, mọi người đều đứng lên để chào mừng và tỏ lòng tôn kính một vị lãnh đạo tinh thần đã được giải thưởng Nobel về Hòa Bình. Ngài nói chuyện rất giản dị, dễ nghe, dễ hiểu với phong thái trầm tĩnh. Ngài nhắc đến lòng từ bi bác ái trong các tôn giáo, cùng sự hòa ái, hợp tác và cùng nêu nhiều điểm tương đồng giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo.

Kế tiếp, có nhiều vị đại diện lên đọc những diễn từ để đúc kết, để tạm biệt. Xen lẫn các bài phát biểu có những màn văn nghệ mang màu sắc của nhiều nền văn hóa truyền thống khác nhau.

Hiện nay, dân tộc Việt Nam đang được sống trong thanh bình, trong khi còn rất nhiều dân tộc khác kể cả các nước được gọi là văn minh tân tiến vẫn chưa đạt được điều này. Họ vẫn ao ước được cảnh thái bình an lạc. Những cuộc vận động cho hòa bình thế giới hiện nay đều nằm trong Thiên cơ như trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Đức Ngọc Hoàng Thương Đế

tá danh Cao Đài đã dạy ngày 08-6-1926 như sau:

... Giáo lý ấy đáng lẽ phải đem lại hòa bình và tương ái cho loài người, nhưng trái lại nó gây mầm chia rẽ và chiến tranh.

Bởi thế, nên nay chính Thầy phải đến để đem lại cho các con nền hòa bình đã từng hứa hẹn.

Rồi đây Chúa Cứu Thế sẽ trở xuống sau.

Sự hòa hiệp trong đa dạng theo như tinh thần của Đại hội đã được Đức Âu Minh Chánh đắc quả vị Giám Đản Chơn Quân giảng dạy ngày 08-7-1965 tại Tam Tông Miếu như sau:

Thần Tiên muốn thấy ngày tương lai của thế giới nên trông vào mầm non mới tượng còn tiềm ẩn bên trong màn xáo trộn hiện thời. Mầm non đó là sự khôi phục đạo đức ngay ở nền Minh Lý của chúng ta và các tân pháp hiện sinh ở nhiều nơi mà nhất là Việt Nam bản quốc.

Việt Nam là một sân khấu để cho các tông giáo, học thuyết trình diễn đủ các màu sắc, phát âm trong kỳ thi sắp đến. Các màu sắc tuy khác nhau nhưng cũng được chọn lấy, để cho mọi người tô vẽ thành một bức tranh xảo diệu. Nếu ai là người có óc mỹ thuật, biết pha màu điểm sắc đúng mức, phải chỗ, thì bức tranh ấy được đưa ra cống hiến cho thế giới ngày mai, để họ biết rằng những nhân vật kỳ tài kia chính đương chủ trì các lãnh vực tân truyền, vì họ

sẵn có óc dung hòa, đồng nhất nên không có bị vật gì ngăn ngại họ được.

Đại hội Tôn giáo Thế giới năm 2009 này đã được Ôn Trên hộ trì qua lời dạy của Đức Thánh Trần Hưng Đạo như sau:

... Đại hội Thế giới mang lại cho nhơn loại một bước tiến gần về thể hiện tánh đại đồng hợp tác chung của các chi phái đạo toàn cầu. Trong mặt vô vi thấu suốt cuộc lễ trọng đại này một tinh thần đại đồng xóa đi những hố sâu ngăn cách, vì con người còn mang nặng thành kiến của bản sắc dân tộc, và tạo nên một luồng hạo nhiên bao phủ rộng khắp. Thiêng Liêng chứng giám và ban ơn lành cho toàn cầu bớt phần ác khí trước nhờ do tư tưởng của con người tạo ra làm cho bầu khí quấy nhiễu trước vô cùng. Chúng ta là bậc sứ mạng phải có bốn phận góp sức thanh lọc bằng thời tịnh công phu, trước là luyện lọc cho bản thân mình, sau đó hồi hướng cho bầu trời chung.

Theo cảm nghĩ của chúng tôi, các Đại hội Tôn giáo toàn cầu như thế này là những đại hội để chuẩn bị tinh thần Đại Đồng cho một Đại Hội Long Hoa do Thiên cơ đã hé lộ từ bao ngàn năm. Đó là lúc Chúa Cứu Thế trở xuống, và trong Tam Kỳ Phổ Độ, phải chăng Ngài cũng chính là Đức Phật Di Lạc trong ngôi vị chủ trì Ngày Phán Xét Hội Long Hoa. ■



Giáp Tết, sáng 26 cùng với phái đoàn Cơ Quan đi chúc Xuân về, mình rủ Thiện Tín đi mua mai cho hội trường liên hoan Tết niên vào tối 27. Công viên 23-9 tràn ngập rừng mai... Chọn một cây vừa ý và vừa túi tiền không phải dễ. Cuối cùng cũng ngã giá được một cây trên 3 triệu. H.M. nói: “Cây mai lớn quá há!”

Chiều 27, mới 5 giờ mà mọi người đã lần lượt đến khá đông. Nhất là các em nhỏ, hôm nay sốt sắng lắm! Mình bước nhanh vào văn phòng để gửi một món quà bất ngờ cho nhóm Cửa sổ nhân văn.

6g30, trời vừa sụp tối, sân Cơ Quan đã chật ních người, ai nấy đạo phục chỉnh tề... Bên trong hội trường ca đoàn đang hát vang lòng. Ủa! đã bắt đầu buổi lễ rồi sao? – “Không phải, các em đang tập dượt đó mà!” – một người đáp.

7g00, các Đạo trưởng đã xuống hội trường, em MC mời quý huynh tỷ đệ muội vào ổn định chỗ ngồi. Chuông đổ, bắt đầu nghi lễ khai mạc. Đạo trưởng Hiệp Lý chúc Xuân cho các cấp nhân viên Cơ Quan xong, chương trình văn nghệ bắt đầu bằng bài hợp xướng “Dưới bóng cờ Đại Đạo”. Năm nay, ban tổ chức có sáng kiến mời tất cả các thành phần tiêu biểu của Cơ Quan, từ các bé lớp Vườn Ươm đến nhân viên nam nữ các Vụ, Nữ Chung Hòa, Tập đoàn Giáo Sĩ tham dự ca đoàn. Nhiều người chưa thuộc bài, nhưng hát rất nhiệt tình, gương mặt hân hoan... Kia! Ông H.Y. đứng trên hàng bục cao nhất, nhưng khó lắm mới chụp ảnh thấy ông đang nhíu mày chăm chỉ “đọc” bài hát trên tay!

Đã được nghe hát nhiều lần, nhưng lần này mình vẫn còn cảm động, có lẽ vì lời ca lẫn vì

hình thức “hợp đoàn” của tiết mục. Mình thấy quý Đạo trưởng, Đạo tỷ cũng có vẻ cảm động. Đạo trưởng Phụ Tá Bảo Pháp mỉm cười nhìn đạo muội chỉ huy dàn hợp xướng...

Các tiết mục khác được tiếp tục, ngâm thơ, hợp ca của các lớp Lễ Nghi Đạo Đức và Phổ Huấn... Nhưng mình thích nhất mục “Long phụng sum vầy” phối hợp ca và múa của các em thiếu nhi. Rồi phát thưởng...

Tối 30 cúng giao thừa, nhân viên Cơ Quan & Nữ Chung Hòa đến dự đông đủ.

9g30 về nhà đã hơi thấm mệt, nhưng phải chuẩn bị cúng giao thừa ở nhà chứ! 12 giờ kém 5 phút, điện thoại reo: “Dậy xem pháo bông đi chớ!” – “Thôi! – tôi đáp – còn phải cúng đã! Thì xem trực tiếp trên ti vi vậy.”

Sáng Mừng một, chậu mai nhỏ đã trổ hoa vàng rực. Vui vui nghĩ thầm: “Mình đi mua ké

với cây mai Cơ Quan nên hên thật!”. Đến Cơ Quan lễ Thầy, các vị trực Cơ Quan sáng nay đã ngồi khá đông trong hội trường. Lên lầu, đi ngang phòng Đ.T. TVT, thấy ông đang ngồi viết, mình nghĩ “Chắc viết bài giáo pháp cho khóa tịnh Xuân phân đó.” Vào Bửu điện, chỉ có một mình, thật thanh tịnh. Quỳ xuống, chừa cầu nguyện gì, nhìn lên Thiên bàn sao bỗng nhiên hai mắt rơm rớm...

Xuống hội trường, anh Bảy trao cho cây nhang đến lễ chư Tiên Khai Đại Đạo rồi chụp ảnh và hàn huyên với các huynh tỷ. Một đạo tỷ tâm tình: “Đứa cháu nội của mình có tâm đạo lắm! Nó rất thích ăn chay. Mình định dẫn nó đi Cơ Quan, nhưng ba mẹ nó bảo tha cho nó đi, sợ nó đi tu bỏ học!” – Tôi đáp: “Bà nội tha, nhưng để rồi xem, ông cố sẽ không tha đâu, con nhà tông thế nào cũng vào cửa Đạo thôi! Hồi nhỏ, khoảng bảy tám tuổi, má tôi may cho cái áo dài để đi chùa với tía tôi. Anh tôi liền kéo tôi lên Sài Gòn cho đi học... Đến trên 30 tuổi, cũng gặp được cơ duyên vào Cơ Quan hành đạo.” “Còn tôi, trên 70 tuổi mới học đạo thì sao?” – đạo tỷ hăm hở nói.

Chỉ trong vài mươi phút, có đến mấy phái đoàn đến chúc Xuân Cơ Quan. Mình thấy thiếu thiếu cái gì để đáp lại thành tình của đồng đạo, bèn đi lấy mấy chục quyển sách nhỏ, dặn huynh tỷ trực Tết tặng các đạo hữu đến thăm. Tết Đạo xong rồi, bây giờ phải lo kế hoạch niên trình mới...■

TRANG THƠ

CHÚC XUÂN

■ HOÀNG MAI

Xuân Tâm an lạc
Xuân Đạo huy hoàng
Xuân đời an Khang
Xuân tròn Sứ mạng.■

■ TRANG ĐÀO (TỔNG HỢP)

Việc tôn thờ bốn vị thần linh trấn giữ bốn phương kinh thành là một nét tâm linh rất độc đáo của mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn hiến.

Thăng Long là mảnh đất thiêng ngàn năm văn vật. Vùng đất của lịch sử và văn hiến này là nơi hội tụ, kết tinh những tinh hoa văn hoá của dân tộc. Việc tôn thờ bốn vị thần linh trấn giữ bốn phương kinh thành là một nét tâm linh rất riêng của Thăng Long. Thăng Long tứ trấn gồm: phía Bắc: đền Quán Thánh; phía Nam: đền Kim Liên, phía Bắc: đền Bạch Mã; phía Tây: đền Voi Phục.

ĐỀN QUÁN THÁNH

Đền Quán Thánh nằm bên góc đường Cổ Ngư xưa, nay là đường Thanh Niên. Đền ở một vị thế có phong cảnh hữu tình, thoáng đãng, ngay sát hồ Tây và hồ Trúc Bạch. Tương truyền đền có từ thế kỷ thứ IX, nằm ở phía nam sông Tô Lịch. Sau khi vua Lý Thái Tổ định đô (1010), đã rời ngôi đền về Tây Bắc thành, như vị trí hiện nay. Đền thờ thần Huyền Thiên Trấn Vũ – người có công giúp An Dương Vương xây dựng Loa thành, diệt trừ Hồ tinh ở Tây Hồ.

Đền có cổng tam quan uy nghi đường bệ được dựng trên những tấm đá lớn với gác chuông phía trên cùng. Trước cổng tam quan là bốn cây cột lớn đỡ nổi phù điêu tứ linh. Qua cổng tam quan là sân rộng, trong sân có bể cá và hòn giả sơn.



ĐỀN QUÁN THÁNH NAY.

TÌM HIỂU TÚ TRẦN *Thăng Long*

Đền rất rộng, uy nghiêm, cổ kính với những mái ngói thâm nâu, những bức tường rêu phong và hàng cây muỗm cổ thụ trong sân đền.

Phía trong nội cung có pho tượng Huyền Thiên Trấn Vũ bằng đồng đen cao 3,72m, nặng 4 tấn, tay trái bắt quyết, tay phải cầm gươm có răn quấn, chống trên lưng rùa, phong thái như một vị tiên phong đạo cốt. Pho tượng được đúc với những đường nét tinh xảo, là một kiệt tác về kỹ thuật đúc đồng của làng đúc đồng Ngũ Xã.

ĐỀN KIM LIÊN

Đền Kim Liên thuộc làng Kim Liên, phường Phương Liên, nằm phía nam thành phố. Đền xưa đã bị phá huỷ, nay chỉ còn lại ngôi miếu nhỏ và tấm bia rất lớn được khắc và dựng từ năm Hồng Thuận thứ 3 (1510). Đền thờ thần Cao Sơn – một danh tướng của Sơn Tinh. Tương truyền, thần Cao Sơn là một trong số trăm con của Lạc Long quân và Âu Cơ, thần đã giúp Sơn Tinh đánh thắng Thủy Tinh và giúp vua Lê dẹp loạn giữ yên ngai vàng.

Đền được xây dựng trên gò đất cao, từ sân bước lên phải qua chín bậc, hai bên thêm là hai

sấu đá có từ thời Lê. Trong đền vẫn còn long ngai thờ thần Cao Sơn và hai nữ thần phối hưởng: Thủy Tinh đệ Tam Tôn nữ và Huệ Minh phu nhân.

ĐỀN BẠCH MÃ

Đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm, xưa thuộc phường Hà Khẩu trên bờ sông Hồng, nằm phía đông kinh thành Thăng Long. Đền thờ thần Long Đỗ, hiệu là Quảng Lợi Bạch Mã Đại vương. Thần Long Đỗ vốn là thần núi Nùng. Trong thời Bắc thuộc, khi Cao Biền chôn đồng và sắt ở thành Đại La để yểm, thần đã gây mưa gió, sấm chớp làm nát vụn cả đồng và sắt. Cao Biền bèn lập đền thờ để mong được bình yên.

Khi vua Lý Thái Tổ xây dựng kinh thành Thăng Long, cứ xây xong lại đổ. Vua cho người đến đền Bạch Mã cầu thần thì có một con ngựa trắng từ trong đền đi ra chạy một vòng tròn khép kín ngược chiều kim đồng hồ rồi lại vào đền và biến mất. Vua cứ theo dấu chân ngựa xây thành, cho tu sửa lại đền và phong thần Quảng Lợi Bạch Mã là tối linh thượng đẳng thần, là thành hoàng Thăng Long.



ĐỀN KIM LIÊN.



ĐỀN BẠCH MÃ Ở PHỐ HÀNG BUỒM.

ĐỀN VOI PHỤC

Đền Voi Phục nay nằm trong khuôn viên của Công viên Thủ Lệ, cạnh cửa Ô Cầu Giấy phía Tây kinh thành. Đền thờ Linh Lang Đại vương.

Tương truyền Linh Lang là hoàng tử Hoàng Châu, con vua Lý Thái Tông, do Cảo Nương – cung phi của vua ra tắm ở hồ Dâm Đàm (Hồ Tây) gặp rồng mà hoài thai 14 tháng sinh ra. Hoàng tử Hoàng Châu sinh ra đã có trên mình 28 vảy rồng và 7 chấm sáng long lanh như ngọc trên ngực. Hoàng tử đã có công đánh thắng giặc Tống, vua muốn truyền ngôi, nhưng Linh Lang từ chối, về ở Trại Chợ Thủ Lệ.

Ít lâu sau hoá thành con giao long bò xuống hồ biến mất. Từ đó Linh Lang được vua phong là thượng đẳng thần và lập đền thờ trên nền khu nhà cũ.

Trong đền có hai pho tượng đồng và một hòn đá to có vết lõm, tương truyền xưa kia hòn đá được dùng làm gối đầu của thần Linh Lang. Cửa đền có đắp hai con voi quì vì vậy dân quanh vùng quen gọi là đền Voi Phục. Đường vào đền có những cây muỗm, cây si lâu đời, sau đền có những bụi nứa, di tích của một vùng hoang vu trước đây.■

THEO [HTTP://VZONE. VN/DEFAULT. ASPX?PAGE=NEWSDETAIL&NEWSID/8229](http://vzone.vn/default.aspx?page=newsdetail&newsid/8229).



ĐỀN VOI PHỤC NGÀY NAY NẰM TRONG KHUÔN VIÊN CỦA CÔNG VIÊN THỦ LỆ, CẠNH CỬA Ô CẦU GIẤY PHÍA TÂY KINH THÀNH.

BÀI CA CỔ

Xuân này Thầy sẵn dành ân huệ

■ CHÍ THẬT

THƠ

Xuân đến bao lần với các con,
Tuổi đời chồng chất có chi tròn,
Xuân này Thầy sẵn dành ân huệ,
Cho kẻ tu hành vẹn sắt son.
Đoản Khúc Lam Giang
Ngày lành Thầy ban ơn
Nung chí con tu hành sớm hôm
Lời Cha xóa tan ưu phiền
Bao tâm tư oằn vai lòng con trẻ
Dù cho nhiều đắng cay
Con gắng công kiên trì không phai
Khi xuân về sáng soi hồn thơ
Dâng lên Cha Trời bao lời thành tâm.

VỌNG CỔ

1. Thầy là Cha cả sự thương yêu bởi thương yêu mới tạo thành càn khôn vũ trụ, sanh trưởng bảo tồn các con trong tình tạo hóa... muôn... đời.

Ân huệ thiêng liêng vô bến vô bờ.

Thầy là Cha chung tất cả vạn loại, tình thương ban rải đồng đều không so thiệt tính hơn.

Chỉ tại các con tâm phàm bất định, tính toán so đo thêm nhiều tật đổ.

Thiên tai chiến họa dịch bệnh lan tràn, trên khắp hoàn cầu lâm vòng khốn khó.

2. Các con ơi! Mau mau bừng tỉnh dậy, đừng ngủ quên trong vật chất kim tiền.

Nhân quả ngày nay đến cạnh bên liền.

Thế gian là tuồng mộng ảo, thoát có đó rồi mất đó hỡi các con ơi!

Còn sanh sống thì tranh đua bay nhảy, nhắm mắt rồi phải thấy cả lợi danh.

Thầy không nỡ ngồi yên nơi Bạch Ngọc, nên đã lâm phạm mở Đạo độ con.

THƠ

Xuân cảnh thế đấu tranh hỗn loạn,
Xuân thiên nhiên soi sáng tâm điển,
Xuân tâm hòa nhịp thiên nhiên,
Xuân thiên nhiên với tâm điển không hai.

VỌNG CỔ

5. Giảng linh điển qua huyền cơ diệu bút, đem hạt giống Tiên Ông tái tạo cõi... dinh... hoàn.

Hạ trường Thu sang Xuân đến Đông tàn.

Nhật nguyệt vẫn xoay thủy triều vận tải,
phong vũ ôn hòa cỏ hoa khoe sắc thắm.

Tinh tú sơn xuyên bỏ bay máy cưa, đã được an bài trong đức hiếu sinh.

Trời che đất chở bảo bọc quần linh, không phân biệt trong cõi tạm vô thường.

LÝ CON SÁO

Xuân... xuân sang, xuân đến bao lần xuân đi,
Mùa xuân về yêu thương;

Ban hồng ân chan rưới muôn loài;

Để các con tinh tấn tu hành.

Xuân diệu hiển âm vang bốn phương,

Cho nhân sanh sống trong hiền lương;

Thương bao người còn đang ngủ quên,

Say đắm trong giấc mộng triền miên.

Thầy hằng ngự trong tâm thường thanh tịnh,
giúp cho các con phát triển mãnh tâm điển.

Xuân khai thới trần hồng thường thức,

Xuân diệu hòa với đức hiếu sinh,

Xuân này con trẻ khai minh,

Hoàn thành sứ mạng trọn gìn đạo xuân.

MỪNG XUÂN CANH DẦN 2010.■



Đường về Huyền phố

■ CHÁNH TÂM

SƯƠNG CHIỀU

Huynh tỷ đệ muội ơi!

Tiếng núi sông giục lòng người đi tới

Hoài bão tình thương của con cháu Tiên Rồng...

Hạt mầm nhân sanh gieo mãnh tâm điển

Tình thương này nở, cho thế gian bớt điều đau thương.

Người Thiên ân mang tấm lòng vị tha

Cứu khổ ban vui cho đời thêm tươi

Sống cho tương lai, hy sinh ngày nay, ngày mai tươi sáng

Sống trọn lòng mình, chân tình đổi trao

Huyền phố thênh thang rộng mở đón chờ

Người trung kiên chí cả, nhiệt huyết vươn cao

Ta đạp bằng chông gai.

VỌNG CỔ

Sông nước mệnh mông con thuyền Thầy đưa ta về bến Đạo.

Tiếp bước tiến nhân mang hạnh phúc đến muôn... người...

Hoài bão tình thương ta quyết chí lên đường.

Theo lời Thầy dặn dò năm ấy, Đạo cứu đời trên dưới đồng tâm.

Hiệp cùng đồng đạo tình thâm, nhơn hòa tại
thế đạo mẫu siêu sinh

Hai đường cao diệu huyền linh, Thế đạo đại
đồng, thiên đạo giải thoát.

Nắng sớm ban mai xuyên qua từng kẽ lá, sưởi
ấm muôn nơi cho vạn vật vui mừng

Đoàn người tiên phong vẫn tiến bước lên
đường.

Trọng trách Thầy ban đặt trên vai đoàn người
tiếp nối

Kêu gọi nhân tình trong mộng ảo phù du

Tình đời như chiếc đèn lu

Cạn dầu trước gió mịt mù trong đêm

Hương tình đạo đức bền thêm

Nhất dạ tu hành truyền đạo đến muôn nơi.

Ngâm

Xa xa bình minh vừa ló dạng

Đường ta đi gian khó chẳng nề

Tâm thành lòng trung Thầy chứng chiếu

Nguyện thể con thảo giữ lòng son.

VỌNG CỔ

5. Sải bước ung dung trên đường thênh thang
mở rộng,

Lấp biển đời non xây đời thánh đức. Đạo
nghệp hoàng dương theo tân pháp Cao... Đài...

Tung cánh trần la trên bể cả sông dài.

Đoàn hải âu vượt trùng dương mang niềm
tin tới, hòa quyện lòng người xây hạnh phúc
tương lai

Ai về huyền phố bồng lai, dụng câu cứu khổ
xây đài hườn đơn

Vạn linh hội hiệp chí linh, tình thương trải
khắp chúng sinh thoát nạn.

LƯU THỦY HÀNH VÂN

Chung sứ mạng Thầy ban ta tiến nhanh.

Dù khó khăn chẳng nề

Thương yêu chí cả bốn phương đạo mẫu
truyền ban.

Xây nấc thang lên tận bửu tòa

Hương khói quyện Trời Cha chúng tri.

Lòng thủy chung thảo hiền

Ân ban Thiên sứ giáo nhơn trên đường về
nguyên.

Mong chúng sanh trở về phố huyền.

6. Cao Đài mở hội khoa thi, Tân dân minh
đức trí tri cứu đời

Huyền phố ơi! Chân trời đang mở rộng

Linh Tiêu Đài cha mẹ hằng mong

Đức- Tài- Tâm- Hạnh lập công

Liên đài con ngự bằng sơn danh đế.■



Thầy giảng trần để chan rưới hồng ân cho tất cả
con cái của Thầy được vui vẻ tâm trung, xóa tan
bao niềm đau khổ của năm qua, hầu sáng suốt
đón nhận một mùa xuân đạo đức.

Hỡi các con! Qua mấy mươi xuân rồi, Thầy đem
sứ mạng quyền pháp Tam kỳ Phổ độ trao cho
các con, cho dân tộc con trong thời hạ nguơn
chuyển kiếp này là để các con gieo rải một ý
thức hòa hiệp, thương yêu với nhau trước cuộc
đời loạn ly điên đảo. Đã trải qua biết bao nhiêu
lớp người hy sinh hoàng Đạo, cho đến ngày
nay, nhìn vào thế giới nhân loại nói chung và
các con trong Đại đạo Tam kỳ Phổ độ nói riêng,

vẫn còn trong trạng huống chia ly trầm trọng,
đó là quyền pháp Đạo của Thầy các con chưa
thực hành trọn vẹn, nên tình thương và lẽ sống
không phát động mạnh mẽ đồng đều để kết hợp
một nền tảng hòa bình mà các con hằng nguyện
cầu mong muốn.

ĐỨC CHÍ TÔN, NAM THÀNH THÁNH THẤT, 01-01 TÂN HỢI
(27-01-1971).■

ĐÔNG mãn xuân sang ấy lẽ thường,
PHƯƠNG châm giải thoát dụng thần phương,
LÃO lai thiếu tráng điều công lệ,
TỔ đức gây nên đạo vĩnh trường.

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01-01 QUÍ HỢI (13-01-1983).■

Năm “Dần” kể chuyện “cọp” trong Đạo

■ ĐẠT TUỜNG S.T.

Đạo Cao Đài được Đức Thượng Đế khai mở vào năm Bính Dần (1926). Ở Tòa Thánh Tây Ninh, trên nóc Hiệp Thiên Đài nơi mặt tiền của Đền Thánh chúng ta thấy có đắp hình Đức Phật Di Lạc, ngôi chủ trì Đại hội Long Hoa Ngài ngồi trên lưng cọp.

Trong lịch sử mở Đạo, có những chuyện liên quan đến “Cọp” được ghi nhận sau đây:

Khi chư vị Tiền Khai chọn được làng Long Thành tỉnh Tây Ninh để làm nơi khởi phát mối Đạo, nơi đây vẫn còn là đất rừng nhiều thú dữ, phải tiến hành khai hoang để xây cất Tòa Thánh. Bà Đầu Sư Hương Hiếu đã ghi nhận cảnh rừng thiêng nước độc chúa sơn lâm còn ngự trị trong quyển Đạo Sử Xây Bàn 1 như sau:

“... vùng Thánh địa là một chốn rừng thiêng nước độc, là nơi sào huyệt của lũ ác thú. Theo con đường quốc lộ hành khách ít ai lại qua, bóng ác chưa khuất non đồi thì loài hổ báo đã thi oai gầm thét...”

Tôi nhớ lại mỗi buổi sáng tôi đi chợ Tây Ninh với chiếc xe ngựa đặng mua đồ ăn. Đường sá vắng bóng người, hai vệ đường cây che rậm rạp, heo

rừng và nai lững thững đi kiếm ăn thấy xe ngựa chạy ngang chúng tuôn vào đám rừng chồi sột sạt làm tôi cũng giật mình.

Một hôm tôi đi đến Trảng Tròn thấy thấy một con ngựa bị cọp ăn mất nửa con, còn lại nửa con nằm kể mé lộ đá làm cho tôi cũng phải rùng mình. May phước quá! Nếu con cọp đón bắt con ngựa xe của tôi thì còn đâu mà đi chợ hằng ngày để mua đồ ăn cho công quả. Bữa sau tôi nghe người ta nói lại, chiều bữa ấy có người lập kế treo lên cây rình cọp, chờ khi nó ra ăn nửa con ngựa còn lại, họ rình bắn được cọp rồi.

Nhưng đâu phải trong rừng chỉ có một con cọp mà thôi sao! Biết đâu cả bầy hổ báo làm sao mà không sợ! Nhưng vì quá lo Đạo mà bớt sợ sự hiểm nghèo, nên mỗi buổi sáng đều đi xe ngựa ra chợ Tây Ninh.”¹

“BÀ MỤ CỌP” VÀ NGÔI CAO ĐÀI TỰ

Nằm giữa trung tâm của vùng Bảy núi, cao khoảng 710m so với mực nước biển trung bình, núi Cẩm còn gọi là Thiên

Cẩm Sơn do có vị thế núi non hùng vĩ, một vùng sơn địa đặc thù hết sức độc đáo không chỉ của tỉnh An Giang mà của cả vùng đồng bằng Nam Bộ. Núi Cẩm với hệ thống sinh thái rừng đa dạng và phong phú, cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, khí hậu quanh năm dịu mát toàn cảnh tạo nên một nét hài hoà giữa lối kiến trúc tôn giáo và cảnh sắc thiên nhiên là khu du lịch hành hương nghỉ dưỡng hết sức độc đáo và hấp dẫn.

Trên núi Cẩm có một Thánh sở Cao Đài có tên gọi là Cao Đài Tự, thuộc Hội Thánh Tiên Thiên, là một trong những địa danh mà tín hữu Cao Đài cần tìm về để được cảm nhận huyền diệu thiêng liêng của cơ Đạo và đồng thời có được những giây phút hồi hộp, đôi lúc ú tim của chuyến du lịch bằng rừng trèo non của những chiếc Honda ôm vượt những dốc núi nghiêng gần 45 độ như dựng đứng, gây cảm giác mạnh!

Lịch sử hình thành ngôi Cao Đài Tự khá kỳ diệu, liên quan với một câu chuyện dân gian truyền miệng của vùng Bảy núi mà hiện còn lưu lại dấu tích...

Trên nền ngôi Cao Đài Tự

1. Đạo sử Xây Bàn 1 – Hương Hiếu – Tây Ninh

hiện nay trước kia là một cái am có tên “Nguyệt Thanh am” do một phụ nữ từng biết nghề hộ sinh mà người dân trong vùng gọi là “mụ” dựng lên để ở tu. Bà mụ tu theo đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, còn có tên là Đạo Lành, gọi tắt là đạo Hiếu Nghĩa do Đức Bốn Sư (có thể danh là Ngô Lợi) sáng lập vào năm 1867 tại Ba Chúc dạy người tín đồ trước hết phải tu thân tức hành xử việc “Hiếu” (hiếu thảo với ông bà tổ tiên) và việc “Nghĩa” (nghĩa vụ với đất nước, đồng bào và nhân loại) rồi đến học Phật.

Mặc dù ở am tu hành, nhưng nếu có ai mời đi đỡ đẻ bà mụ cũng sẵn sàng giúp đỡ. Am bà ở giữa một vùng rừng núi, xa xa mới có nhà dân, thời bấy giờ vẫn còn rất nhiều thú rừng. Một hôm nọ, trời tối, bà mở cửa đi ra ngoài thì thành linh, một con cọp xuất hiện trước mặt bà. Bà hết hồn lắm thắm khấn nguyện vái “ông Ba Mười” tha mạng. Nhưng con cọp không có vẻ gì dữ dằn hay có dáng vẻ tấn công bà, ngược lại nó ngồi xuống xây lưng lại trước mặt bà như muốn mời bà leo lên lưng nó. Bà mụ định thần trấn tĩnh, ôm lấy lưng cọp và cọp bật dậy chạy thật nhanh vào rừng...

Chạy một hồi khá xa... cuối cùng nó dừng lại trước một hang núi, bà mụ nghe tiếng cọp gầm rú ra chiều đang bị đau đớn, liền đó, bà kịp nhìn thấy, trước mặt bà, một con cọp đang oằn oại, rên la dữ dội.

Bà chợt hiểu ra là cọp cái đang chuyển bụng đẻ và cọp đực đi đón bà về đỡ đẻ cho vợ. Bà giúp cọp cái đẻ con. Xong việc, cọp đực chờ đêm tối công bà trả về nhà. Sáng hôm sau, khi bà mở cửa thì thấy một con heo rừng đã bị bẻ gãy bốn chân nằm trước sân am. Bà biết rằng cọp tạ ơn bà.

Từ đó câu chuyện “bà Mụ cọp” được lan truyền khắp vùng Thất Sơn cho đến ngày nay.

Một đêm nọ, bà Mụ nằm mơ thấy một ông râu dài bạc trắng, đáng người uy nghi đẹp đẽ đến nói với bà: “Về sau nơi này sẽ có người từ phương xa đến có mang theo bức hình vẽ con mắt, hãy hiến đất để xây chùa.”

Không lâu sau đó, một hôm có hai người lạ tìm lên núi Cẩm, ngồi nghỉ chân dưới gốc cây gần ngôi am tự của bà. Thấy có người trong am, khách xin miếng nước. Chuyện vãn hồi lâu, bà Mụ biết hai người khách lạ tên Nguyễn Tấn Tài và Trần Ngọc Tảo từ Cà Mau tuân theo lời dạy qua cơ bút của Ông Trên lặn lội đến nơi này tìm nơi cất chùa hoằng Đạo. Nhớ điểm chiêm bao, bà Mụ ngỏ lời hiến cả khu đất và am Nguyệt Thanh để cho đạo Cao Đài xây dựng Thánh tịnh.

Sau khi hiến đất và am, Bà Mụ dọn về Điện Rau Tần tiếp tục tu hành theo Đức Bốn Sư. Sau khi bà qua đời, bốn đạo ghi nhớ lời trời trăng của bà, đã đưa bà trở về chôn trên đất cũ của bà đã hiến. Do đó hiện

nay, mộ bà vẫn nằm trong khuôn viên Cao Đài Tự, cách chùa khoảng 100m bên kia con suối, và bia mộ của bà còn ghi rõ “Bà Mụ Cọp”.²

ÔNG TUẦN QUÂN

Cũng liên quan đến ngôi Cao Đài Tự, một câu chuyện khác về “ông Cọp” đã được Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa của Hội Thánh Tây Ninh ghi lại trong Hồi Ký³ của ông với nội dung “cọp” đã từng được Ông Trên phong chức Tuần Quân giữ nhiệm vụ tuần tra bảo vệ ngôi Cao Đài Tự trên núi Cẩm như sau:

“Lần đầu tiên⁴ đệ tử lên núi Cẩm ghé vào Cao Đài Tự, một Thánh thất nhỏ cây ván lợp ngói. Ông Giáo Sư Gồng, một chức sắc Tiên Thiên trụ trì.

Đệ tử thấy ông Giáo Sư Gồng sắp đặt chỗ an nghỉ cho đệ tử rất chu đáo. Ngạc nhiên, đệ tử hỏi sao ông ấy biết trước thì ông nói rằng: “Ông Tuần Quân có báo tin có người lớn lên chùa.” Ông tưởng rằng có ông Hội Đồng Hoài hay anh lớn nào trong Đạo lên chớ không dè là đệ tử.

Lúc đó, trời đã xế chiều, mặt nhựt đã khuất xuống dưới

2. Ghi theo lời kể của đạo huynh Bảy Hòa, hiện là Thủ tự ngôi Cao Đài Tự – Núi Cẩm.

3. Văn Tịch Pháp Nhơn Chi Đạo của Hồ Tấn Khoa Bảo Đạo Hữu Hình Hiệp Thiêng Liêng Chơn Vị, tháng 5-1984, trang 10. Tây Ninh.

4. Khi đó Ngài Hồ Tấn Khoa vẫn chưa nhập môn vào Cao Đài giáo.

ngọn cây, ngoài sân mát mẻ đệ tử mới hỏi: “Ông Tuấn Quân là ai mà biết có tôi lên để báo tin trước?” Ông Giáo Sư Gồng hạ giọng nói nhỏ cho tôi nghe là “Ông Cọp”.

Tánh háo kỳ, đệ tử cất giọng nói lớn: “Ông Tuấn Quân có lòng tốt báo tin tôi lên, tôi cảm ơn ông Tuấn Quân”. Vừa dứt tiếng thì trong rừng gần đó một tiếng gầm vang dội. Ông Giáo Sư nói: Ông Tuấn Quân trả lời đó.

Hỏi sao lại kêu ông cọp là ông Tuấn Quân, Ông Gồng bảo lúc cầu cơ thì các Đấng phong làm Tuấn Quân nghĩa là quân canh tuần ở vùng này. Có một lần bọn ăn cướp định lên phá, bị mấy ông Tuấn Quân rượt chạy một trận không dám trở lại!”

Có phải chẳng chính những hậu duệ của gia đình ông bà cọp năm xưa đã được “bà Mụ cọp” giúp cho chào đời mẹ tròn con vuông, sau này đã trả nghĩa

bằng cách tuần tra ngày đêm quanh am tự giúp giữ gìn an ninh cho những người tu.

Năm Canh Dần, sưu tầm nhắc lại vài sự kiện hay câu chuyện liên quan đến “Ông Ba Mười” hay ông Cọp, làm quà Xuân cho quý huynh tỷ bên tách trà cùng bánh mứt trong những phút giây thư giãn hiếm hoi qua một năm tích cực hành đạo để phục hồi sinh lực hầu chuẩn bị bước vào niên trình mới đầy phấn khởi.■

Đức hy sinh... (TIẾP THEO TRANG 81)

*Háo sanh là đức của Trời,
Công bình là luật trị người thế gian.⁹*

Nhưng vì con người quá ham mê vật chất, đam mê quyền lực, đấu tranh giành giật làm đảo lộn luân thường đạo lý gây nhiều tội ác, nghiệp quả xấu chất chồng, sự sống ngày càng bị đe dọa. Các Đấng Cứu Thế phải nhiều phen xuống trần dụng đức hy sinh để bảo vệ sự sống cho con người và làm sáng tỏ lẽ công bình cho thế gian.

Đức Gia Tô giáo chủ có dạy: “Các Đấng Cứu Thế ngày xưa đã hy sinh với lẽ công bình thì ngày nay không có khác. Ta hy sinh trong sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như các hướng đạo Việt Nam đã và sẽ hy sinh trong luật công bình của Trời tức Đấng Cao Đài cứu thế ngày nay vậy. Hy sinh để làm sáng tỏ lẽ công bình cho thế gian, cho nhân loại...”¹⁰

Xin mượn lại câu chuyện xưa để suy gẫm. Chuyện kể rằng:

Ở xứ Locride có vị hoàng đế là Zénécus cai trị nước rất nghiêm minh. Nhà vua có ban ra chỉ

dụ: ai phạm tội tà dâm phải bị móc đi hai con mắt. Dân chúng lo sợ, cố gắng giữ mình không dám phạm luật. Nhưng rồi ít lâu sau, cũng có một người phạm tội. Được tin, nhà vua bèn cho dẫn phạm nhân đến để trị tội. Nhưng nhà vua rất đổi bàng hoàng đau xót vì người phạm nhân đầu tiên ấy lại chính là người con trai của mình, vị hoàng tử mà nhà vua rất mực yêu thương. Vậy phải xử sao đây? Tha tội cho con ư? Còn gì là phép nước luật công để trị dân trị nước. Còn hạ lệnh móc đi đôi tròng mắt của con mình thì lòng cha sao đành nổi! Sau đó, mặc dù quần thần ra sức can ngăn nhưng nhà vua vẫn:

*Đành lặng lẽ tự mình móc mắt,
Mắt của mình và mắt của con,
Đôi tròng đủ trước bệ son,
Cho nghiêm phép nước, cho còn tình thương.¹¹*

Có gương hy sinh để nhắc nhở người hy sinh. Hy sinh để đem lại tình thương và công lý. Hy sinh để cảm hóa con người trở lại đường ngay nẻo thiện. Hy sinh để lập lại đời thánh đức cho mai sau.■

9. Ibid

10. Ibid

11. Ibid



HỔ TRONG NGÔN NGỮ VIỆT NAM

TRANH NGŨ HỔ

Trong quan niệm dân gian, hổ tượng trưng cho sức mạnh. Dân gian đã thần thánh hóa hổ, cho nó một sức mạnh thiêng liêng diệt trừ được ma quỷ. Có hình hổ trấn giữ ở ngưỡng cửa thì tà ma không dám thâm nhập. Bởi vậy, hình tượng con hổ trở thành phổ biến trong nghệ thuật dân gian Việt Nam, được vẽ thành tranh để thờ cúng ở các đền, điện.

Có nhiều loại tranh hổ: bạch hổ, hắc hổ, ngũ hổ... Trong đó tranh “Ngũ hổ” là nổi bật hơn cả. Tranh “Ngũ hổ” còn gọi là tranh “Ông năm dinh” tượng trưng cho năm vị thần tướng ngũ trị năm phương trời, nên các nghệ nhân khi vẽ tranh hổ, ngoài chòm râu ánh mắt dữ tợn của hổ được vẽ bằng màu vàng kim, dân gian còn vẽ năm con năm màu nhất định.

1. Hoàng hổ tướng quân màu vàng trấn nhậm trung khu (đặc khu).
2. Hắc hổ tướng quân màu đen trấn nhậm bắc khu (thủy khu).
3. Bạch hổ tướng quân màu trắng trấn nhậm tây khu (kim khu).
4. Xích hổ tướng quân màu đỏ trấn nhậm nam khu (hoả khu).
5. Thanh hổ tướng quân màu xanh trấn nhậm đông khu (mộc khu).

Trong tranh hổ, nghệ nhân dân gian đã vẽ các đám mây do các đường cong gãy khúc nối nhau, lớp trong lớp ngoài cuộn cuộn gợi cảm giác về sự xếp đầy nhưng nặng nề và đằng sau nó ẩn giấu một điều

gì thần bí thiêng liêng. Nếu so sánh với tranh hổ Trung Quốc, hổ có hình bát quái ở trán, miệng ngậm kiếm thì tranh hổ ở Việt Nam không có hình bát quái. Tranh hổ của Trung Quốc là hình năm con hổ màu xanh lá cây và màu vàng đứng thành vòng vây quanh đồng tiền. Tranh “Ngũ hổ” của Việt Nam vẽ năm con hổ năm màu tượng trưng cho trung tâm và bốn hướng đối với bố cục cân đối.

Nhìn chung, tranh dân gian vẽ hổ có sự phối hợp đường nét, hình khối, đầy sức sống mãnh liệt, miêu tả hổ với thân hình vạm vỡ, chắc, khỏe trên thế ngồi vững chắc của hai chân trước và nếu gạt bỏ cái vỏ tôn giáo đó, đây là những bức tranh có giá trị nghệ thuật cao.

Tiếng Việt có nhiều từ, nhiều câu (thuật ngữ, thành ngữ, tục ngữ...) có liên quan đến hổ. Có thể dẫn ra đây một số:

Hổ bôn: Bôn có nghĩa là chạy, cũng có nghĩa là người dũng sĩ. Hổ bôn có nghĩa là đám quân sĩ mạnh. Hổ bôn trung lang tướng là chức vị của một võ quan cầm đầu đội quân khỏe mạnh.

Hổ bộ: Bước đi hùng dũng như cọp. Chỉ vào uy vũ của viên tướng hay của đoàn quân.

Hổ cú: Con cọp ngồi. Hổ cú là chỉ đạo vào địa thế hiểm yếu.

Hổ cốt: Xương hổ. Cao hổ cốt là cao nấu bằng xương hổ.

Hổ đầu: Đầu cọp. Hổ đầu

cũng chỉ vào tướng mạnh, hùng dũng.

Hổ lang: Con cọp và con sói. Chỉ vào phường hung ác.

Hổ lĩnh: Tướng tá tả hữu gồm người khỏe mạnh.

Hổ môn: Cửa ra vào dinh của các tướng soái.

Hổ phù: Ngày xưa, khi được cử ra trận, vị tướng cầm quân được nhà vua giao cho cái phù hiệu làm tin. Phù hiệu làm bằng gỗ, bằng ngà hay bằng kim loại, khắc hình con cọp, cắt làm đôi, viên tướng được cầm một nửa, nửa kia nhà vua giữ.

Hổ quyền: Chỗ nuôi cọp. Ngày xưa, các triều vua phong kiến thường có chỗ nuôi cọp, có tổ chức cho cọp và voi đấu sức với nhau. Chỗ ấy gọi là hổ quyền.

Hổ tướng: Tướng dũng mãnh như hổ. Truyện Tam quốc nói Lưu Bị lên làm vua có năm viên tướng võ nghệ siêu quần phù tá. Năm tướng ấy gọi là Ngũ hổ tướng (Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Mã Siêu, Hoàng Trung).

Hổ trưởng: Xưa kia các vị nguyên soái cầm quân ra trận, tại nơi làm việc thường treo bức màn trướng có vẽ hình con hổ. Vào chỗ này, gọi là đến trước hổ trưởng, màn hổ. Hổ trưởng xu cơ: Việc cơ yếu bí mật trong quân.

Đào Duy Từ phục vụ cho chúa Nguyễn (Đảng trong, thế kỷ 17) có soạn bộ sách binh thư, cũng đặt tên là Hổ trưởng xu cơ.

Long thành hổ bộ: Dáng đi của những người có tài, đặc

biệt là của các ông vua. Quan sát người có tướng làm vua, thấy họ đi như rồng, bước như hổ (nghĩa là có vẻ uy nghi, đường bệ)

Tên đề bảng hổ: Ngày xưa khi đi thi tiến sĩ, ai đỗ được ghi tên lên bảng, gọi là hổ bảng, hay bảng hổ. Hổ bảng cũng có nghĩa là khoa thi tuyển chọn được nhiều người tài

“Không vào hang hùm, sao bắt được cọp con?” Có nghĩa là muốn hành động phải quả quyết, dũng cảm.

Leo lưng cọp: Thành ngữ ám chỉ trong tình thế không thể thối lui, mà chỉ một đường phải tiến.

Cáo giả oai hùm: Dựa vào thế lực, uy quyền của người khác để hống hách. Thành ngữ xuất xứ từ một câu truyện ngụ ngôn. Con cáo bảo với cọp rằng chính nó mới là chúa tể sơn lâm, tất cả các thú vật đều sợ. Nếu không tin cọp hãy để nó cõng đi khắp nơi mà xem. Quả nhiên, đi đâu các loài vật đều phải tránh. Chúng sợ cọp, nhưng cọp cứ tưởng là chúng sợ cáo.

Dưỡng hổ di họa: Nuôi cọp trong nhà, đến khi cọp lớn lại bị cọp ăn thịt. Cùng ý với nuôi ong tay áo. Ý chỉ nuôi nhằm kẻ phản bội làm hại mình, có mầm họa trong nhà mà không hay.

Điều hổ ly sơn: Đưa cọp ra khỏi núi. Núi rừng là nhà của cọp. Nếu đưa cọp về đồng bằng thì cọp bị lúng túng, dù có hung hăng dữ tợn cũng bị bỏ ngõ, dễ

dàng mắc bẫy. Đưa một người thoát ly khỏi một vùng quen thuộc để họ không có lực lượng hỗ trợ, không phát huy là cách điều hổ ly sơn.

Đuổi hùm cửa trước, rước sói cửa sau: Chống kẻ ác này, nhưng lại chia tay với kẻ ác khác, không phải là cách ứng xử thông minh. Ngày xưa, đi cầu viện nước này để cự lại nước kia, kết quả là đuổi được kẻ mạnh này thì lại bị kẻ mạnh khác thống trị, là một đường lối ngoại viện sai lầm. Đường lối ấy bị lên án là: tiền môn cự hổ, hậu môn tiến lang.

Họa hổ bất thành phản loại cầu: Vẽ hổ không thành con hổ, mà lại giống con chó. Làm việc hết sức mình nhưng không thành công. Thành ngữ thường dùng chỉ lấy 4 chữ đầu: họa hổ bất thành. Người dùng câu này, hoặc không tự khiêm tốn khi được giao việc, e không đáng đáng nổi, hoặc để khuyên răn người nên tự lượng sức mình.

Trong truyện Lục Vân Tiên, dân chúng thấy người tráng sĩ đi đánh Phong Lai, đã khuyên can, bảo Vân Tiên cân nhắc kỹ:

“E khi họa hổ bất thành

Khi không mình lại chôn mình vào hang!”

Họa hổ họa bì nan họa cốt: Đây là một trong hai câu thơ, nhắc nhở con người trong việc ứng xử. Nguyên văn:

“Họa hổ họa bì nan họa cốt

Tri nhân tri diện bất tri tâm”

Nghĩa là: Vẽ hổ, vẽ da, xương khó vẽ

Biết người, biết mặt, biết lòng sao!?

Nghĩa là có thể quan sát được bề ngoài, chứ cái bề trong của con người (hay của sự vật) thì khó mà thấu hiểu được. Do đó, không nên chỉ chú ý bề ngoài.

Hổ phụ sinh hổ tử: Hổ cha sinh hổ con. Ý nói: người con cũng có tài như người cha, gia đình giữ được truyền thống anh hùng. Như câu thành ngữ: cha nào con nấy.

Cùng ý nghĩa này, còn có thành ngữ:

Hổ phụ lân nhi: cha hổ sinh ra con cũng là con lân, một loài vật xuất sắc. Truyện Nhị độ mai có câu: “Mới hay hổ phụ lân nhi. Khen cho tính trẻ cũng y tính già”

Hổ phụ bất sinh khuyến tử: Cha là hổ thì không sinh con là chó.

Hổ sinh phong: Nguyên nhân là hổ sinh ra gió, ý muốn nói con người sinh ra tài năng, nay lại có điều kiện cho tài năng phát huy cao độ, như con hổ mọc cánh. Hổ chỉ ở dưới rừng núi, nhưng nếu có cánh thì bay lên trời được. Hùm có cánh thì toàn tài, không ai chế ngự nổi.

Hùm chết để da: Nguyên trong câu: “Hùm chết để da, người chết để tiếng” (có khi đọc là báo chết để da). Da cạp dùng làm đồ trang sức y phục. Các loài khác chết đi là hết, riêng da cạp lại thành vật quý.

Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn: Câu thơ trong truyện kiều, nay đã thành tục ngữ dân gian quen thuộc, dùng để nói về người tài bị rơi vào hoàn cảnh không thuận lợi, bị thất thế thì cũng lâm vòng thất bại.

Long bàn, hổ cứ: Cái thế đất ở những vùng hiểm yếu, hoặc có cơ thịnh vượng vì có những hình dáng như rồng phục, hổ ngồi. Thí dụ, thủ đô Thăng Long là nơi vương địa, được vua Lý Thái Tổ cho là có thế long bàn hổ cứ, nên mới dời đô ra đó.

Mãnh hổ nan địch quần hồ: Con hổ tuy mạnh, vẫn không địch nổi một bầy chồn cáo. Chồn cáo đông, cùng hòa vào thì cạp không chống đỡ nổi. Ý khuyến khích sự đoàn kết, và để phòng sự đơn độc lẻ loi.

Miệng hùm gan sứa: Cách nói bề ngoài thì hăng hái, hùng hổ, nhưng thực sự thì lại hèn nhát, sợ hãi. Người tinh ý có thể nhận ra sự tầm thường giả dối này.

Nam thực như hổ, nữ thực như miêu: Con trai ăn như hổ: ăn nhanh, ăn ngấu nghiến. Con gái ăn như mèo: ăn thông thả, nhỏ nhẹ.

Tọa sơn quan hổ đấu: Ngồi ung dung trên núi để nhìn hai con hổ đánh nhau. Trong đường lối của những lực lượng đối lập nhau, người ta có cách lựa chiều cho hai thế kia tranh chấp, còn mình đứng ngoài để quan sát. Khi cả hai phía, có phía thất bại, có phía mỗi mệt, mình mới chen vào, được lợi hơn.

(XEM TIẾP TRANG)

TƯỜNG THUẬT CHUYỂN CỨU TRỢ CỦA CÁC HỘI THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ sau hai cơn bão số 9 và số 11

■ ĐẠT TƯỜNG

Cuối tháng 10-2009, bão số 9 với đường đi kỳ lạ thoát tới thoát lui rồi đột ngột xà quần quanh địa phận các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi từ hải đảo Lý Sơn cho đến trong đất liền.

Trước những thiệt hại to lớn của đồng bào và đồng đạo thuộc các Hội Thánh Truyền Giáo và Hội Thánh Tây Ninh tại những tỉnh nêu trên – còn nhiều hơn thiệt hại cách nay ba năm do bão Shangsang gây ra năm 2006 – các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ quyết định hợp tác cùng nhau thực hiện chuyển cứu trợ chung với danh nghĩa các Hội Thánh Cao Đài.

Buổi họp đầu tiên đã diễn ra vào chiều Chủ Nhật 18-10-2009 tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý với sự chủ trì của Chánh Phối Sư Ngọc Nho Thanh cùng Ban đại diện của Hội Thánh Truyền Giáo tại Tp. HCM và đại diện của Cơ Quan. Bức tâm thư kêu gọi ủng hộ đã được gửi đi các nơi qua việc chuyển tay cũng như qua phương tiện internet.

Thời gian chuẩn bị là 2 tuần và sẽ họp lại để quyết định chính xác thời gian biểu của chuyển Cứu Trợ.

Vào cuối khoảng thời gian chuẩn bị này, đầu tháng 11-2009 thành linh bão số 11 xuất hiện gây thiệt hại trầm trọng cho hai tỉnh Bình Định và Phú Yên. Ngọc Chánh Phối Sư tức tốc ra miền Trung nắm lại tình hình để bổ sung kế hoạch cho sát với thực tế. Chính vì thế mà kế hoạch chỉ thật sự được tiến hành cụ thể chậm lại một tuần so với dự tính.

13g00 ngày thứ hai 09-11-2009, các đại diện của 7 Hội Thánh và Tổ Chức Cao Đài ở miền Nam đã tề tựu đầy đủ như Ban Chính, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Chiếu Minh Vô Vi, Truyền Giáo, Minh Lý và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Riêng hai Hội Thánh Bạch Y và Chiếu Minh Long Châu vì đạo sự nên vắng mặt nhưng có gửi tiền ủng hộ. Sau khi nắm lại tình hình đóng góp của các nơi cho đến thời điểm khởi hành, tổng giá trị đã nhận được là 280 triệu đồng bao gồm tiền mặt và hiện vật. Một chuyến xe đồ chở hàng cứu trợ của Hội Thánh Ban Chính đã lên đường ra Linh Tháp vào đêm Chủ Nhật hôm trước.

15g30 hai chiếc xe 16 chỗ xuất phát từ Cơ Quan lên đường hướng về miền Trung, chiếc

Transit Ford của Hội Thánh Tiên Thiên đóng góp và chiếc Mercedes của Hội Thánh Ban Chính góp phần.

Sau gần 4 giờ di chuyển, cả đoàn dừng lại bên đường thuộc địa phận tỉnh Long Khánh, một nơi bán nước mía với mặt bằng rộng rãi để dùng cơm tối. Một buổi cơm hộp dã chiến với rau muống xào của quán Định Ý cùng tàu hủ chiên với đậu tương xào của Ban Chính và kim chi chua chua cay cay của một đạo tử bên Tiên Thiên diễn ra thật là đầm ấm!

Gần 23g, đoàn dừng lại tại một nhà nghỉ thuộc địa bàn Phan Rang để cho tài xế nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, tất cả thức dậy lúc 5g. Sau khi nhanh chóng dùng cơm được nấu với nồi cơm điện của chị chủ xe Ford Transit, tất cả lại lên đường.

11g trưa ngày thứ ba 10-11-2009, xe dừng lại đổ xăng tại một địa điểm thuộc tỉnh Phú Yên. Thành linh bị cúp điện, người bán chưa kịp đọc số trên bảng điện tử nhưng một số người khác chợt nhớ số tiền đã nhảy quá 400 ngàn. Trong thời gian chờ có điện trở lại để xác định số tiền đã đổ dầu, mọi người dùng buổi trưa với bánh mì đã mang theo từ chiều hôm

qua. Cơm tay cầm đã xong mà điện vẫn chưa có trở lại, tài xế đưa 450 ngàn cho người bán xăng và vui vẻ lên đường.

15g chiều hôm đó, khi đi ngang qua địa bàn tỉnh Bình Định, trong khi chờ chiếc Ford còn chưa tới, xe Mercedes tạm dừng 30 phút nơi cây xăng để phái đoàn Hội Thánh Ban Chính vào thăm Thánh thất Bình Thạnh trực thuộc.

Khi mọi người trở ra thì xe Ford cũng vừa đến, toàn đoàn tiếp tục lên đường. Ra gần đến Hội Thánh Tam Quan thì trời vừa sụp tối mặt dầu chưa tới 18g, xe chạy lổ chùng một cây số mới quay đầu lại. Sau khi dùng cơm tối ở Hội Thánh, đoàn hẹn sáng thứ năm 12-11-2009 sẽ quay trở lại lần nữa.

Đến đây bắt đầu có thêm phần tham dự trực tiếp của Giáo Sư Thượng Bộ Thanh phụ trách phước thiện của Hội Thánh Tam Quan.

Xe đi không nghỉ cho kịp đến Thánh thất Linh Tháp để họp toàn đoàn. Lại một lần nữa, xe chạy lổ vài cây số mới phát hiện ra!

Sau 10 phút chào hỏi, buổi họp bắt đầu diễn ra lúc 20g30 với sự chủ tọa của Ngọc Chánh Phối Sư của Ban Chính và Giáo Sư Mai Tú phụ trách Ban Phước Thiện Hội Thánh Truyền Giáo. Thư ký Hội Thánh xin làm việc nhanh trong 30 phút.

Sau khi Giáo Sư Mai Tú báo cáo tình hình cứu trợ khẩn cấp vừa qua của từng Hội Thánh

như Tây Ninh, Truyền Giáo và Tam Quan, và tình hình phát sinh mới nhất, Hội Thánh Tam Quan góp phần 5 triệu, Minh Lý đóng góp thêm 500 USD và gởi riêng thêm cho Truyền Giáo 1200 USD, còn phần của Cơ Quan, Đạt Tường thay mặt góp thêm 10 triệu và Hội Thánh Truyền Giáo đã chuẩn bị sẵn 300 phần quà cho nạn nhân của bão số 11. Sau một hồi sôi nổi lên kế hoạch cụ thể cho ngày mai và dự kiến kế hoạch ngày tới, buổi họp chấm dứt lúc 22g. Khi đó mọi người mới lo đi tắm rửa.

5 g sáng thứ tư 11-11-2009 tiếng chuông báo giờ công phu sớm đánh thức mọi người. Gần 6g, đạo đệ “Hiếu nhỏ” xuất hiện với bộ đồng phục Hưng Đạo Đoàn thắm ướt cả ngực. “Sương mù dày quá nên ướt cả áo!” Hiếu giải thích lý do. Nhìn ra bên ngoài về phía Linh Tháp, quả thật một lớp sương mù dày đặc bao quanh làm hạn chế tầm nhìn chỉ trong vòng 20m. Thời tiết này báo hiệu hôm nay là một ngày nắng gắt đây!

6g buổi điểm tâm bắt đầu, vừa ăn vừa xem phim đoạn hình ảnh chuyển cứu trợ vừa thực hiện của anh em Hưng Đạo Đoàn đi vào rốn lũ ở Phú Yên để tiếp tế lương thực cho đồng bào. Đây là đoàn sớm nhất vượt qua được cơn lũ để vào tiếp cận với đồng bào đang bị cô lập. Do nước lũ vẫn đang hung hãn kéo về rất nguy hiểm nên lực lượng cứu hộ chỉ cho

phép 6 thanh niên Hưng Đạo biết bơi được lên canoe vượt sông vào vùng rốn lũ, còn lại tất cả phải ở lại bên ngoài và chỉ được tập kết hàng hóa cứu trợ bên dòng sông.

Hình ảnh ngộ nghĩnh xuất hiện khi các anh bộ đội cầm đạo kỳ Tam Thanh của Cao Đài giương cao dẫn đầu, tiếp theo là các thanh niên Hưng Đạo mang vác các thùng mì và lương thực!

6g30 chính thức bắt đầu tiến hành ngày thứ nhứt của việc phát quà cứu trợ. Địa điểm đầu tiên được chọn là Thánh thất Trung Hòa, sau đó là Hợp Tác Xã nông nghiệp Bồ Đề. Xe vừa đến thì thấy đồng bào đã tề tựu rất đông trước sân hợp tác xã. Khi đó mới vừa hơn 9g mà nắng sáng rực, một người dân địa phương chột nói: “Mới giờ này mà nắng gắt quá!”. Sau 30 phút, việc phát quà đã hoàn tất tại địa điểm này. Nhiều đồng bào đến với chiếc xe đạp cà tàng của miền nông thôn, bỏ đại đầu đó rồi nhập vào đám đông lắng nghe gọi tên chờ đến lượt mình được lãnh quà. Tôi chột nghĩ, với mức sống còn nhiều khó khăn của đồng bào nông thôn, chiếc xe đạp là một tài sản có giá, thế mà chẳng có chiếc xe nào có khóa. Một cuộc sống thật thanh bình! Tiếc thay, ảnh hưởng của thiên tai thì ít mà tai họa do sự chủ quan và lòng ích kỷ chỉ lấy lợi ích kinh tế làm chánh của con người nên đã gây ra bao đau

thương mất mát tai họa cho đồng bào!

Sau khi cùng tham dự qua 2 địa điểm đầu tiên, đại diện Hội Thánh Tam Quan lo trở về Bình Định để làm việc cùng Hội Thánh và địa phương chuẩn bị cho kế hoạch cứu trợ của ngày thứ hai.

Địa điểm thứ ba phải đến trong ngày là Thánh thất Vệ Long Trung, một Thánh thất khi xưa đã được lập thành từ những vị tiền bối vào nam sinh hoạt tại Thánh thất Cầu Kho rồi đem đạo về Trung. Nơi đây chỉ mới quy về Hội Thánh Truyền Giáo được mấy năm nhưng lại là nơi có phong trào Thanh niên Hưng Đạo rất mạnh của Quảng Ngãi. Trong lúc việc phát quà cho đồng bào đang diễn tiến trật tự, chúng tôi tranh thủ nắm bắt tình hình sinh hoạt của các em sau bão lũ với hai Trưởng tên Hiếu và Thụ. Qua lời của các Huynh trưởng, được biết có một số em trong đạo có gặp khó khăn cho việc trở lại trường học và việc đi sinh hoạt ngày chủ nhật. Chúng tôi trao thêm cho hai Trưởng một món tiền với lòng tin các Trưởng sẽ sâu sát giúp đỡ kịp thời cho các em. Trưởng Hiếu xin phép được chia sẻ một phần cho các em không phải là con em đạo hữu đang học ở trường quanh đây. Các Trưởng sẽ làm việc với Ban Giám Hiệu để có danh sách cụ thể. Một món quà nhỏ của Tu sĩ Phương Trúc cũng được bàn giao: một

bộ đạo phục nữ và vài bộ đồ tây còn khá tốt cùng chiếc ba lô. Các em nói: “Cái này sẽ là phần thưởng cho em gái nào đi sinh hoạt tu học tốt nhất.”

Buổi chiều còn hai địa điểm. Sau khi dùng cơm trưa xong, đoàn tranh thủ đi sớm đến Thánh thất Sông Vệ, một ngôi Thánh thất khá khang trang. Tuy có hơn một tiếng để chuẩn bị nhưng khi bắt tay vào thực tế lại xuất hiện sự mất trật tự vì các huynh trong Ban Cai Quản chưa quen với công tác này. Cuối cùng thì công việc cũng xong nhưng tổn động tình huống có 4 đồng bào có phiếu nhưng chưa được lãnh quà! Đạo huynh Giáo Sư Mai Tú quyết định liền, dùng phần quà của đạo hữu phát ngay cho đồng bào còn thiếu, phần thiếu hụt sẽ được Hội Thánh Truyền Giáo bù đắp.

Địa điểm phát quà cuối cùng hôm ấy là Thánh thất Nghĩa Trung Hưng, một Thánh thất nhỏ nghèo ở miền sâu trong nông thôn. Việc cứu trợ hoàn tất trong ngày vào lúc 16g.

Sơ kết lại, một ngày thực hiện qua 5 điểm, đồng bào và chánh quyền các địa phương nhận xét tốt cách tổ chức cứu trợ của Cao Đài giáo. Chúng ta đã thể hiện tốt công tác tổ chức qua việc thực hiện theo một khuôn mẫu trình tự nhất quán, nhờ có lực lượng hậu cần mạnh mẽ của Thanh niên Hưng Đạo thuộc Hội Thánh Truyền Giáo của mỗi địa phương nên mọi

việc diễn tiến khá trật tự, luôn kiểm soát được tình hình. Có câu chuyện: Trước đó vài hôm có một đoàn cứu trợ của một chùa Phật đi cứu trợ nóng ngay sau bão số 11. Nạn nhân đông quá, bao vây chen lấn xin phần lương thực cứu đói ngay bên bờ sông. Lực lượng hỗ trợ mỏng không đủ sức giữ trật tự, hậu quả có hai nhà sư bị đồng bào chen lấn đẩy lọt xuống sông. Một phen hú vía!

Rời Nghĩa Trung Hưng, có dịp ngồi cùng xe 4 chỗ với Giáo Sư Mai Tú. Đạo huynh nhắc lại kỷ niệm chuyến cứu trợ của 3 năm trước ở Đà Nẵng. Thành phần phái đoàn đại diện các Hội Thánh miền Nam lúc bấy giờ chỉ có 6 người nhưng nay đã tăng lên gấp 3 lần! Một con số phản ánh rõ tình hình phát triển trong mỗi giao lưu đoàn kết chung tay hành đạo giữa các Hội Thánh.

Khoảng một giờ sau, đến địa điểm đón Đạo Trưởng Trưởng Đoàn tranh thủ đi thăm ủy lạo bốn đạo của một Thánh thất thuộc Ban Chính. Cả đoàn khi ấy gồm 4 chiếc xe trực chỉ Hội Thánh Truyền Giáo ở Đà Nẵng. Trên xe, những câu chuyện bi hùng gắn liền với địa danh Nghĩa Trung Hưng và Ngải Liễu Tâm Chơn Nhơn – Hoàng Ngọc Trác được nhắc lại để ghi nhớ dấu chân người xưa đã khuất, một tấm gương trung kiên với Thầy với Đạo, một tình nghĩa trọn vẹn với anh chị em đồng môn. Ý thức

mình đang dần bước vào tử địa nhưng lệnh của Chí Tôn đã ân ban không thể chối từ, một vinh dự lớn lao được lấy thân mình ngã xuống ở tuổi chưa đến 50 để làm cầu nối đức tin cho nhơn sanh đồng đạo và làm trưởng dưỡng sự tiến hóa tâm linh cho tín hữu!

Trong khoảng thời gian di chuyển, bên xe của chúng tôi có đại diện của Ban Chính, Chiêu Minh, Tam Quan, Cơ Quan... những câu chuyện đạo hay những thắc mắc tìm hiểu về Hội Thánh bạn được nêu ra và giải đáp, thỉnh thoảng Anh Lớn Ngọc Chánh Phối Sư châm vào đôi câu đã làm cho đường dài như rút ngắn lại và tình thân mỗi lúc càng nảy nở.

19g, xe vào thành phố Đà Nẵng. Chỉ mới cách xa một năm rưỡi mà thành phố đã phát triển rất nhiều. Bác tài tay lái xe, mắt quan sát đường đi, cứ đến mỗi vòng xoay mới lại đếm và nói: “Hồi đó chỗ này là ngoại thành còn nay đường xá thành thang.” Rồi nội thành cũng xuất hiện, đường sá đông vui đèn màu rực rỡ thể hiện sinh khí của thành phố trẻ. Đoàn xe dừng lại nơi cổng Hội Thánh Truyền Giáo, Giáo Sư Thượng Văn Thanh cùng một đạo huynh khác ra tiếp đón đoàn tận ngoài cổng và đưa vào trong Hội Thánh. Chúc sức lãnh đạo nam và nữ cũng đã sẵn sàng ở vị trí bên ngoài phòng Tiếp Tân để đón phái đoàn. Tay bắt mặt mừng,

chào hỏi và ổn định chỗ ngồi, Trưởng đoàn Ngọc Chánh Phối Sư bày tỏ đôi lời thăm hỏi sức khỏe chư chức sắc và bốn đạo đồng thời cũng tỏ lời chia buồn trước những thiệt hại của Thánh thất Lý Sơn và đồng đạo tỉnh Quảng Ngãi phải hứng chịu sau bão số 9. Ngay sau đó, cả đoàn được dẫn về phòng trọ và có 20 phút để tắm rửa rồi sẽ dùng cơm tối sau hồi kêng hiệu lệnh. Dùng cơm tối xong cũng đã gần 21g.

Hội Thánh đang trong đợt tịnh thường niên 36 ngày cho nên mọi người đều ý thức hạn chế việc trò chuyện.

Sau thời công phu giờ Tý, cứ nằm trần trọc vì khí trời Đà Nẵng nóng hầm hập, đến khi ngủ được được hơn một tiếng thì đồng hồ báo thức reo vang!

2g sáng thứ năm 12-11-2009, khi chúng tôi trở lại phòng Tiếp Tân thì thấy quý đạo tỷ đã pha sẵn cà phê Vinamilk và gọi kèm theo hai thùng bánh ú và bánh bột gạo. Thật là quá chu đáo không còn gì để có thể diễn tả! Quý đạo tỷ nhờ chuyển lời thăm hỏi đến quý Đạo Trưởng Ban Thường Vụ cùng Hiệp Thiên Đài và các đạo tỷ Nữ Chung Hòa Cơ Quan. Đạo huynh Giáo Sư Trưởng Ban Phổ Tế thay mặt các vị lãnh đạo xuống đưa tiễn đoàn và chúc đạo sự thành công.

Không biết bên xe Ford Transit thế nào còn bên đây của chiếc Mercedes mọi người đều tỉnh ngủ vì mấy

cốc cà phê. Câu chuyện râm rang nổ giòn với những tiếng cười sảng khoái.

Gần 6g xe ghé vào một quán bán bánh kẹo bên đường để mọi người mua quà và uống nước trà. Chỉ còn cách Hội Thánh Tam Quan có 10km.

Vừa uống trà vừa tán gẫu. Bỗng chị Lễ Sanh Tám Đang hỏi: “Tình hình hiện nay, các Hội Thánh đều thiếu nhân lực! Vậy mình nên làm thế nào để có thể cải thiện?”. Mỗi người một ý, riêng Đạt Tường có ý kiến:

Phải theo lời dạy của Đức Chí Tôn lúc mới lập Đạo mà làm thì mới có hy vọng. Có bài Thánh ngôn Thầy dạy ông Thái Thơ Thanh sau khi sang Miên xem Đế Thiên Đế Thích trở về: “Thầy dạy con lo góp nhóp tư bản thực hiện 3 việc: mở một sở trường học, lập sở dưỡng lão ấu và lập tịnh thất.” Về sau này, Đức Lý Giáo Tông dạy thêm là làm sao để “Mỗi Thánh thất là một trường giáo Đạo.” Nghĩa là cần chú trọng vào việc đào tạo huấn luyện, nhứt là thế hệ trẻ.

Mọi người còn đang miên man suy nghĩ thì tài xế giục lên xe để kịp giờ hẹn với Hội Thánh Tam Quan.

6g30 xe vừa quẹo vào cổng Hội Thánh thì thấy chuyển xe chở hàng cứu trợ của Hội Thánh Truyền Giáo đã nằm sẵn từ bao giờ. Trong quán nhỏ bên đường, hai em Minh Hiếu và Thụ với bộ đồng phục Tam Thanh của Hưng Đạo Đoàn và

tài xế đang dùng xôi. Chúng tôi mời tất cả vào Hội Thánh.

Sau khi điểm tâm sáng, toàn đoàn họp lại với sự chủ tọa của hai Anh lớn Huệ Năng và Ngọc Nho Thanh để nghe Giáo Sư Thượng Bộ Thanh trình bày kế hoạch làm việc của ngày hôm ấy.

Một cuộc vận động nhỏ để có thêm vài triệu hẫu đáp ứng số phần quà cho sát với nhu cầu thực tế có tăng thêm.

7g30 đoàn xe theo hướng Diêu Trì thuộc tỉnh Bình Định trực chỉ. Trên đường vào xã Canh Vinh phải dừng lại mấy lần để các xe liên lạc với nhau. Vừa đi vừa hỏi đường, cuối cùng thì sau 2 tiếng đoàn cũng đến được nơi cần đến.

Đồng bào nơi đây đã đến trước cả tiếng và đang kiên nhẫn đứng chờ nhận quà. Những bao đựng quần áo vừa được trút ra thì bà con xin ngay để tạm dùng làm tấm che ánh nắng gay gắt!

Sau đó phái đoàn lộn trở ra phía quốc lộ hướng về Thánh thất Thanh Vân của Hội Thánh Tam Quan. Sau một hồi quanh co trên đường làng, bóng ngôi Thánh thất cũng hiện ra.

Lội bộ vào Thánh thất, một hình ảnh đau buồn đột ngột hiện ra trước mắt! Mới bước qua cổng, nhìn vào khu vực Hiệp Thiên Đài bất chợt mọi người thấy ngay mặt lưng của bàn thờ Hộ Pháp được chống tạm bằng hai khúc cây. Rồi nhìn chéo sang cánh trái nơi

khoảng sân cỏ, kinh sách giấy tờ ngổn ngang đang được phơi nắng. Bước đến, lật xem sơ qua vài quyển thì thấy nào là Thánh giáo sưu tập của Cơ Quan, nào là Kinh Bình Minh Đệ Nhị của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, v. v. Và bên trái ngôi chánh điện, một gian nhà mái ngói đổ sụp xuống!

Phái đoàn bước vào chánh điện để làm lễ Thầy, hình ảnh đầu tiên đập vào mắt mọi người là chiếc trống cũ mềm với hai lỗ thùng, một to như chiếc tô và một to cỡ cái chén! Và chiếc khung thờ nơi bàn Hộ Pháp sơn tróc lem nhem và chữ Khí trông như con rắn. Chụp vài tấm hình để ghi lại cảnh trạng đau thương này, lòng thật xót xa cho bạn đạo địa phương.

Sau khi đánh lễ xong, thăm hỏi đôi lời, mọi người được quý đạo tỷ địa phương dẫn đi tham quan cảnh tượng tàn phá, hư hoại của lũ lụt ngay trong Thánh thất.

Gian kề bên chánh điện là nơi tá túc của ông cụ Lễ Sanh Đầu Họ. Bà cụ chỉ và kể lại cho đoàn xem mức nước lên đến chỗ nào và diễn biến ra sao. Bà thuật lại:

“Khi nước bắt đầu dâng lên khá nhanh, lúc đó chỉ có hai vợ chồng già không biết phải làm gì, thu dọn cái gì. Chỉ mới chừng nửa tiếng mà nước đã dâng lên quá thất lưng! Thành linh có một anh khật khùng, cũng là người trong làng bước vào, anh ta vội đỡ 2 vợ chồng

tôi leo lên cây xà ngang rồi đến phiên anh ta cũng vội lo thoát thân. Trong vòng một tiếng đồng hồ mà mực nước đã lên quá cây xà và chỉ chịu dừng lại ở độ cao khoảng 2m2. Hai vợ chồng tôi ngồi trên xà ngang ngập nước, ôm lấy cây cột giữa nhà chịu trận suốt hơn một ngày nước mới bắt đầu rút xuống!”

Đã gần 12g trưa, các em Hiếu và Thụ giục đoàn ra xe để đi Phú Yên cho kịp giờ hẹn với đồng bào là 15g. Trên xe, mọi người dùng buổi trưa với thùng bánh của quý đạo tỷ Hội Thánh Truyền Giáo gửi theo.

Gần 15g xe bắt đầu đi vào khu vực rốn lũ của cơn bão số 9. Trên đường đến Ủy Ban xã, cảnh trạng đau thương tan hoang vẫn còn rõ mồn một. Những căn nhà đổ ập xuống dòng sông chỉ còn nền nhà ngổn ngang gạch đá. Nhiều gia đình đang phơi tivi, đầu máy, tủ lạnh với hy vọng vớt vát phần nào tài sản còn sót lại. Khi xe chạy ngang qua một trường học, vẫn chưa có bóng thầy trò, nhưng trong sân trường dưới ánh nắng chiều bàn ghế sách vở đang được phơi ngổn ngang. Nhiều ngôi nhà đã bị sụp đổ một phần! Dấu vết rác rưởi đọng lại nơi hàng rào cây xanh cho mọi người mừng tượng được chiều cao của đỉnh lũ, trung bình hơn 3m!

Xe gần đến vị trí phát quà đã thấy đồng bào tụ tập rất đông nơi mảnh đất rộng như

sân banh. Một đoàn cứu trợ khác đang triển khai công việc của họ. Sau 30 phút chuẩn bị để đưa quần áo, lương thực và thực phẩm xuống, đại diện của xã bắt đầu lần lượt đọc tên từng đồng bào được nhận quà. Một phút đầu không khí có vẻ mất trật tự vì một số đồng bào áp sát vào nơi nhận quà và bít lối ra nên cản trở đường ra của người đã nhận xong! Với những kinh nghiệm đã trải qua mấy lần đi cứu trợ, Đạt Tường quyết định can thiệp bằng cách dùng 3 chiếc ghế rồi mời quý huynh tỷ đứng kế bên để lập một hàng rào ngăn cách. Thế là chỉ còn đôi chút ách tắc nơi phía đầu ra, thân nhân người được lãnh quà xúm lại chờ đón người nhà rồi mừng vui với phần quà nhận được mà quên rằng mình đang cản trở lối ra. Lại mời đồng bào nhanh chóng di chuyển ra ngoài. Trật tự tương đối vẫn hồi nên việc phát quà khá thông suốt. Tại đây, nhìn thái độ ân cần thăm hỏi động viên đồng bào nạn nhân của đạo tỳ Giáo Sư thuộc Minh Chơn Đạo hay của nhị vị đạo tỳ bên Minh Lý Đạo Huyền Như Nhiếp và Đại Cơ... mới cảm nhận được cách cho quý hơn của cho.

Hơn 16g, đoàn tập trung ra ngoài sân banh trước Ủy Ban xã chụp vài tấm hình lưu niệm với các vị đại diện Chính quyền và Mặt Trận.

Một đoàn khác của Mặt Trận Tổ Quốc Thành phố Hồ

Chí Minh do ông Trần Trung Tín dẫn đoàn đang phát tiền tặng cho những hộ có nhà bị sập. Các vị lãnh đạo của phái đoàn Cao Đài bước đến chào hỏi đoàn của Mặt Trận với tay bắt mặt mừng.

16g30 thế là hoàn tất công việc của ngày cứu trợ thứ hai. Kết thúc chuyến cứu trợ, tổng kết lại, có ý kiến trao đổi cùng các em Trưởng hướng dẫn của Hưng Đạo Đoàn một nhận xét: dân chúng và bốn đạo ở những địa điểm hay Thánh thất đã đến có điểm chung là sau khi nhận quà hầu như không nói lời cảm ơn! Gần như chỉ có một trường hợp duy nhất, một em gái trẻ khoảng 17 tuổi ở một Thánh thất có thể hiện được điều này. Đây là việc cần phải quan tâm trong quá trình sinh hoạt hướng dẫn các em.

Xe xuôi về Nha Trang và dừng lại một quán nước bên đường lúc gần 19g. CƠM NƯỚC, thức ăn khô được bày ra cùng mấy nải chuối sứ cùng hủ tương xào. Mọi người xáp traten, thỉnh thoảng có tiếng ngợi khen cất lên “Món tương xào của đạo tỳ nào làm mà ngon quá!” tiếng khác nói kèm theo “Ngon thiệt nhe! Ăn chung với chuối mới đã!” “Cho xin thêm trái chuối nữa đi”. Tiếng cười nói vui vẻ thoải mái!

Xong xuôi buổi CƠM chiều, gọi chị chủ quán tính tiền nước và công phục vụ. Qua những lời trao đổi của đoàn và nhìn thấy toàn là áo dài trắng của

cả nam và nữ, chị chủ quán biết được đây là đoàn cứu trợ của Cao Đài đang trở lại miền Nam nên chỉ tính tiền mấy lon bò húc và mấy bịch cà phê mua cho 2 tài xế còn phần nước trà nóng và nước đá thì xin được ủng hộ đoàn. Tiếng cảm ơn, tiếng từ giã chị chủ quán tốt bụng rồi rít vang lên.

Lên đường chừng 1 tiếng, trao đổi ý kiến qua lại giữa hai xe qua điện thoại di động, cuối cùng bên xe Mercedes, vị trưởng đoàn Ngọc Nho Thanh đồng ý với tài xế đi luôn về Sài Gòn, nửa đêm sẽ dừng nghỉ cho tài xế ngủ một tiếng rồi tiếp tục đi để nội trong sáng hôm sau sẽ về đến Bến Tre.

Trên đường xuôi về miền Nam, những câu chuyện về kinh nghiệm hành đạo, kinh nghiệm gia sự con cái được sự hộ trì của Thiêng Liêng, hay ngược lại kinh nghiệm con cái hỗ trợ việc hành đạo cho cha mẹ được tiếp tục trao đổi.

24g, xe ngừng ở khu vực bán thanh long của tỉnh Bình Thuận. Tắm mát xong tài xế xin được ngủ 1 tiếng. Trong thời gian chờ, mọi người uống trà và dùng thanh long da xanh được chị chủ quán tiếp thị.

Rồi câu chuyện xoay quanh cuộc đời hành đạo thời thanh đồng của vị Trưởng đoàn. Đạo Trưởng kể lại thời kỳ của thập niên 50, theo chư chức sắc đi liên giao hành đạo, một hôm đến chùa ông Thần Đá nay là Thánh tịnh Bửu Quang Đàn ở

Long An. Hôm đó có đàn cơ của Bộ phận Thông công Cao Đài Thống Nhất. Bên trong chánh điện chư chức sắc chức việc hầu đàn nghe Đức Lý Giáo Tông giảng dạy về việc vận động thống nhất, bên ngoài các thanh thiếu niên đứng ngóng vào trong. Bỗng Đức Lý điểm danh một người. Đạo trưởng đọc bài thơ tứ tuyệt (nhưng rất tiếc tôi không nhớ được!). Ra khỏi đàn, bình lại đàn cơ, nhiều vị thắc mắc: “Hôm nay Đức Giáo Tông điểm danh ai vậy?” Vị chức sắc của Ban Chính mới giới thiệu cậu bé thanh đồng theo mình là người có tên đã hân hạnh được điểm danh!

Trong lúc tạm ngừng giữa các câu chuyện, một số mua thêm thanh long da xanh đã được thưởng thức. Lúc này chủ quán bàn giao việc trông coi cửa hàng lại cho chồng và nhờ pha cà phê cho tài xế. Anh chủ quán vừa pha vừa nói chuyện mời mọi người uống chút cà phê và tự giới thiệu mình là người Cao Đài ở Tây Ninh, sau thời gian đi nghĩa vụ rồi lưu lạc đến đất Bình Thuận này mưu sinh.

Lúc này, vị Giáo Sư đại diện tỉnh Long An của Ban Chính xem đồng hồ thấy thời gian nghỉ tại đây đã hơn một tiếng nên nhắc gọi tài xế thức dậy để đi cho đúng kế hoạch. Chia tay với người đồng đạo mưu sinh nơi miền nắng cát, những câu chúc lành vang lên lưu luyến giữa chủ và khách. Khi đó đã

hơn 1g sáng ngày thứ sáu 13-11-2009.

Trên xe, tuy đã nửa đêm mọi người vẫn chưa ngủ lại. Tổng kết và so sánh lại với 2 chuyến cứu trợ cách nay 3 năm cũng ở miền Trung vào năm 2006, chuyến đi này có sự tăng tiến số lượng các Hội Thánh tham gia dù trực tiếp hay gián tiếp. Nếu như kỳ trước mới chỉ được 5 Hội Thánh và Tổ Chức trực tiếp tham gia đi cứu trợ (Ban Chính, Tiên Thiên, Truyền Giáo, Minh Lý Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý) thì lần này tăng thêm được 3 Hội Thánh nữa (Chiếu Minh Vô Vi, Minh Chơn Đạo và Cầu Kho Tam Quan). Còn nếu như kỳ trước chỉ mới nhận được đóng góp vật chất của 5 đơn vị thì lần này đã tăng lên đến 10 đơn vị (có thêm Hội Thánh Bạch Y và Chiếu Minh Long Châu).

Đây là kết quả trước mắt thu hái được của chương trình giao lưu hành đạo giữa các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bao gồm Cao Đài và Minh Lý Đạo.

Chuyến đi cũng góp phần làm gia tăng sự hiểu biết về phương thức hành đạo của mỗi nơi, hiểu biết rõ hơn về con người, cảm nhận đúng mức hơn về tâm hạnh đức của một vài chức sắc của các Hội Thánh. Thí dụ như Chánh Phối Sư Ngọc Nho Thanh Trường đoàn Cứu Trợ, trong thời gian

chuẩn bị cho chuyến cứu trợ, Đạo Trưởng đã trực tiếp đi xe ra tìm hiểu thực địa và mắc kẹt ngoài đó một ngày khi cơn bão số 11 ập đến! Thấy vị Trưởng đoàn cực nhọc như thế nên quý Đạo Trưởng ở Truyền Giáo tìm cách giữ lại và cố gắng bằng mọi cách phải giải quyết phương tiện máy bay trở về Sài Gòn để có thể giữ gìn sức khỏe cho chuyến đi chánh liên tục trong 5 ngày ngay sau đó. Sự quan tâm chăm sóc cho nhau giữa những người bạn già lãnh đạo của hai Hội Thánh đã nói lên tình cảm thân thiết trong mối quan hệ đạo sự cũng như cảm tình cá nhân giữa quý vị. Vừa trở về Bến Tre trình bày nhanh những số liệu còn nóng hổi để quyết định kế hoạch cụ thể thì hôm sau lập tức lên đường ngay sau khi đã nắm được những số liệu thực tế cần phải làm cho nạn nhân của bão số 9 tập trung vào tỉnh Quảng Ngãi thì đồng thời cũng có thêm thông tin về tình hình nạn nhân của bão số 11 ở hai tỉnh Bình Định và Phú Yên để bổ sung cho kế hoạch thực hiện. Hành đạo nhiệt thành với nhiệm vụ và phong cách hòa nhã gần gũi trong sinh hoạt và ăn uống đã tạo nên mối cảm mến tốt đẹp với đàn em thuộc các Hội Thánh có duyên may được gần gũi.

Trước khi chia tay, Đạo Trưởng còn nhắc lại việc giao Thanh Phong (Tiên Thiên) làm báo cáo trước mắt, viết phóng sự giao cho Đạt Tường (Cơ

Quan PTGL) phối hợp cùng Huệ Đăng (Chiếu Minh vô vi) và Lễ Sanh Hương Đăng (Ban Chính) để có thể kịp đăng vào Tạp Chí Cao Đài số 3 sắp tới.

Xe qua cầu Xa Lộ vào đến nội thành của thành phố Hồ Chí Minh thì trời chớm hừng sáng, kết thúc một chuyến đạo sự dồn dập diễn ra như một cuộc hành quân thần tốc trong 5 ngày. Xin được chuyển lời cảm ơn nồng nhiệt đến các huynh tỷ tuy ở nhà nhưng đã lo cung cấp việc hậu cần (từ Ban Chính Đạo, Tiên Thiên, Truyền Giáo, Cầu Kho Tam Quan và Cơ Quan) từ khi xuất phát cho đến khi kết thúc thật là chu đáo. Cũng không quên ghi nhận sự nhiệt thành đóng góp của gia đình chị chủ xe Ford cùng quý vị thân hữu của nhóm Lạc Hồng.

Xuống xe lội bộ vài trăm thước về nhà, mặt trời rạng

đông cũng hừng lên chiếu những tia nắng ban mai ấm áp. Mong sao đồng bào nơi mảnh đất ruột thịt miền Trung sẽ mau chóng ổn định để cuộc sống vươn lên, tươi sáng như những tia nắng bình minh rạng rỡ.

TIN TỨC TÀI CHÁNH CÁC ĐỢT CỨU TRỢ

Theo ghi nhận số liệu của Cơ Quan Phước Thiện Hội Thánh Truyền Giáo, trong tháng 11 năm 2009, các Hội Thánh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã thực hiện nhiều chuyến cứu trợ ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Ngoài chuyến phối hợp chung tay thực hiện giữa các Hội Thánh còn có những chuyến thực hiện trực tiếp đến hải đảo, vùng sâu vùng xa của Hội Thánh Tây Ninh, Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan,

Hội Thánh Truyền Giáo và Hội Thánh Ban Chính Đạo.

Nguồn kinh phí được vận động từ bốn đạo và thân hữu trong nước cũng như sự góp sức quan trọng của bốn đạo ở nước ngoài. Đặc biệt ghi nhận đóng góp của bốn đạo Thánh thất Toronto Canada, Hội thân hữu Quảng Ngãi Ontario – Hoa Kỳ, bốn đạo Thánh thất Paris Pháp, tại Đức, v. v.

Tổng số tiền trực tiếp cứu trợ có sự tham gia của Hội Thánh Truyền Giáo đã thực hiện là Một tỷ năm trăm và sáu triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng (1. 506. 636. 000đ).

Ngoài ra, còn những phần cứu trợ riêng của một vài Hội Thánh cũng lên đến khoảng 400 triệu đồng.

Công đức biết bao cho những ai góp phần chia sẻ khó khăn của đồng bào, thực hiện tình thương của Thầy và Mẹ.■

Hổ trong ngôn ngữ...

(TIẾP THEO TRANG 96)

Thả hổ về rừng: Bắt được hổ, phải giam giữ nó không cho gây tác hại. Đàng này lại cho nó về rừng để nó được thả sức tung hoành. Trong cuộc sống, dung túng cho một ai đó, đưa hấn về một nơi để tung hoành, không bị kềm chế, cũng là thả hổ về rừng.

Râu hùm hàm én: Chỉ vào tướng mạo của người anh hùng. Kiều có câu: “Râu hùm, hàm én, mày ngài.”

Vân tòng long, phong tòng hổ: Mây theo rồng, gió theo hổ. Chỉ vào những cơ hội người anh hùng làm nên sự nghiệp. Gặp hội phong vân, là hàm ý này. Phong tòng hổ, cùng một ý như hổ sinh phong (hùm mọc cánh).

Vuốt râu hùm – Xỉa răng cọp: Chỉ ra những hành động gan góc, liều lĩnh, gặp cọp đã là nguy hiểm, mà còn dám vuốt râu, xỉa răng cọp thì không còn xem sự an toàn ra cái gì nữa.■

SUÝ TẮM [HTTP://TRANKIMLAN.DE/MODULES/NEWS/ARTICLE. PHP?STORYID/304](http://trankimlan.de/modules/news/article.php?storyid/304).



Các nhà khoa học cho biết, toàn bộ cư dân trên Trái đất sẽ không ai tránh được những ảnh hưởng xấu của cơn bão này. Một cơn bão Mặt trời mạnh chưa từng thấy với sức phá hủy ghê gớm sẽ tấn công Trái đất vào năm 2012. Đó chính là điều các nhà khoa học Mỹ lên tiếng cảnh báo trên tờ “Nhà khoa học mới” của nước Anh.

CÁI NÀY CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LỊCH CỦA NGƯỜI MAYA, MỜI VÀO XEM

Trong một bản báo cáo đặc biệt của Viện Khoa học quốc gia Mỹ (do Cơ quan Hàng không vũ trụ Mỹ tài trợ kinh phí) vào tháng 1 vừa qua, các nhà khoa học Mỹ đã khẳng định: một thiên tai với những tác động có tính chất hủy diệt hoàn toàn có khả năng xảy ra. Việc con người làm mọi cách để phát triển xã hội công nghiệp – hậu công nghiệp hiện đại với các

tiện ích cao nhất, phục vụ cho đời sống của chính mình thì cũng là lúc con người tự gieo mầm những hiểm họa hủy diệt sự tồn tại của chính bản thân mình.

Daniel Becker, chuyên gia khí hậu vũ trụ của Đại học Colorado, người khởi thảo báo cáo đặc biệt của Viện Khoa học Mỹ cho rằng: “Hiện tại, chúng ta đang ngày càng tiến đến gần hơn khả năng xảy ra các loại tai nạn này. Nếu như con người không có sự chuẩn bị đầy đủ để đối phó với những cơn bão Mặt trời có khả năng sẽ phát sinh trong tương lai, thì loại bão vũ trụ này có thể cắt đứt sự cung ứng điện, sóng điện thoại, thậm chí cả hệ thống cung cấp nước cho xã hội loài người”. Tuy nhiên, cũng có nhiều chuyên gia đưa ra những quan điểm bất đồng, cho rằng, sự ảnh hưởng của bão Mặt trời chủ yếu tập trung ở ngoài vũ

trụ. Hơn nữa, do hiệu ứng ngăn trở của khí quyển và từ trường Trái đất, bão Mặt trời không thể gây ra những tác hại thật rõ ràng đối với cuộc sống của con người trên Trái đất.

Các chuyên gia này cho rằng, khi bão Mặt trời hoạt động mạnh, điểm đen không ngừng bị đốt cháy và bị làm nổ sẽ phóng ra một lượng lớn tia tử ngoại khiến cho nồng độ tầng điện ly của địa cầu đột nhiên tăng cao, hấp thụ các năng lượng sóng ngắn, từ đó gây ra những nhiễu loạn đối với tín hiệu vô tuyến điện sóng ngắn. Nhưng con người sử dụng điện thoại di động, bao gồm một bộ phận vô tuyến điện đều không truyền phát tín hiệu qua tầng điện ly. Vì thế, những cơn bão Mặt trời thông thường không ảnh hưởng nhiều đến thông tin trên bề mặt Trái đất.

Về mặt lý luận, cường độ của các cơn bão Mặt trời thông

thường vẫn chưa thể phá vỡ được sự bảo vệ của từ trường và khí quyển Trái đất, do đó chưa trở thành nguy cơ hủy diệt đối với các giống loài hiện tồn trên Trái đất. Tuy nhiên, với cơn bão Mặt trời vào năm 2012, rất nhiều chuyên gia lo lắng rằng, đây sẽ là một ngoại lệ.

NGUY CƠ HỦY DIỆT KHỦNG KHIẾP?

Các nhà khoa học Mỹ cảnh cáo, cơn bão Mặt trời cực mạnh vào năm 2012 sẽ mang một tai họa rất lớn với sức ảnh hưởng khủng khiếp trên tất cả các phương diện, lĩnh vực của xã hội hiện đại. Trong cách nhìn của các chuyên gia, ảnh hưởng mà bão Mặt trời mang đến cho Trái đất có thể là “dạng hiệu ứng domino”.

Khi một cơn bão Mặt trời cực mạnh tấn công Trái đất, con người trên Trái đất sẽ đối mặt với hai vấn đề lớn. Thứ nhất là liên quan đến mạng lưới điện hiện đại. Mạng lưới điện hiện đại thông thường đều là dùng điện áp cao để cung cấp cho toàn bộ khu vực rộng. Vì thế mà nó rất dễ bị tấn công bởi những biến đổi khí hậu của khí quyển. Nó hoàn toàn có khả năng dẫn tới “giao thông tê liệt, tin tức đứt đoạn, tài chính sụp đổ và các cơ sở công cộng lộn xộn. Máy bơm nước ngừng hoạt động dẫn đến nước uống và sinh hoạt bị ngắt, không có các thiết bị làm lạnh, cấp đông, thực phẩm và thuốc men rất khó để giữ được hiệu quả”.

“Nếu như con người không có sự chuẩn bị đầy đủ để đối phó với những cơn bão Mặt trời có khả năng sẽ phát sinh trong tương lai, thì loại bão vũ trụ này có thể cắt đứt sự cung ứng điện, sóng điện thoại, thậm chí cả hệ thống cung cấp nước cho xã hội loài người.” Daniel Becker – chuyên gia khí hậu vũ trụ của Đại học Colorado – Mỹ.

Thứ hai là những lĩnh vực liên quan hoặc dựa vào mạng điện và các hệ thống hỗ trợ cuộc sống hiện đại cho con người cho đến các hệ thống khác. Ví như: vấn đề xử lý nước thải, vấn đề thiết bị cơ bản để duy trì hoạt động của thị trường, vấn đề khống chế các trạm điện, thị trường tài chính cho đến vấn đề của các hệ thống hoạt động dựa vào điện năng. Cố vấn báo cáo đặc biệt của Viện Khoa học Mỹ, chuyên gia phân tích công nghiệp điện lực Johns Carman cho rằng: “Tai họa này hoàn toàn khác với những tai họa chúng ta thường tưởng tượng. Thông thường, những khu vực kém phát triển thường chịu thiệt hại nặng nhưng trong tai họa này, những khu vực càng phát triển càng dễ bị tấn công và thiệt hại.”

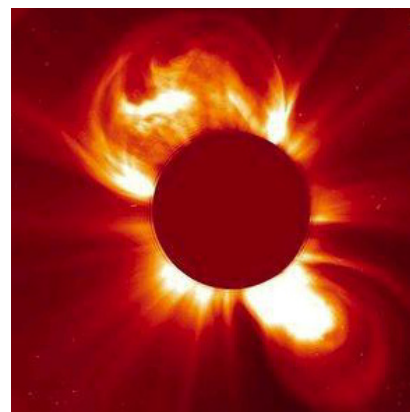
CHƯA CHUẨN BỊ TỐT ĐỂ ĐỐI PHÓ

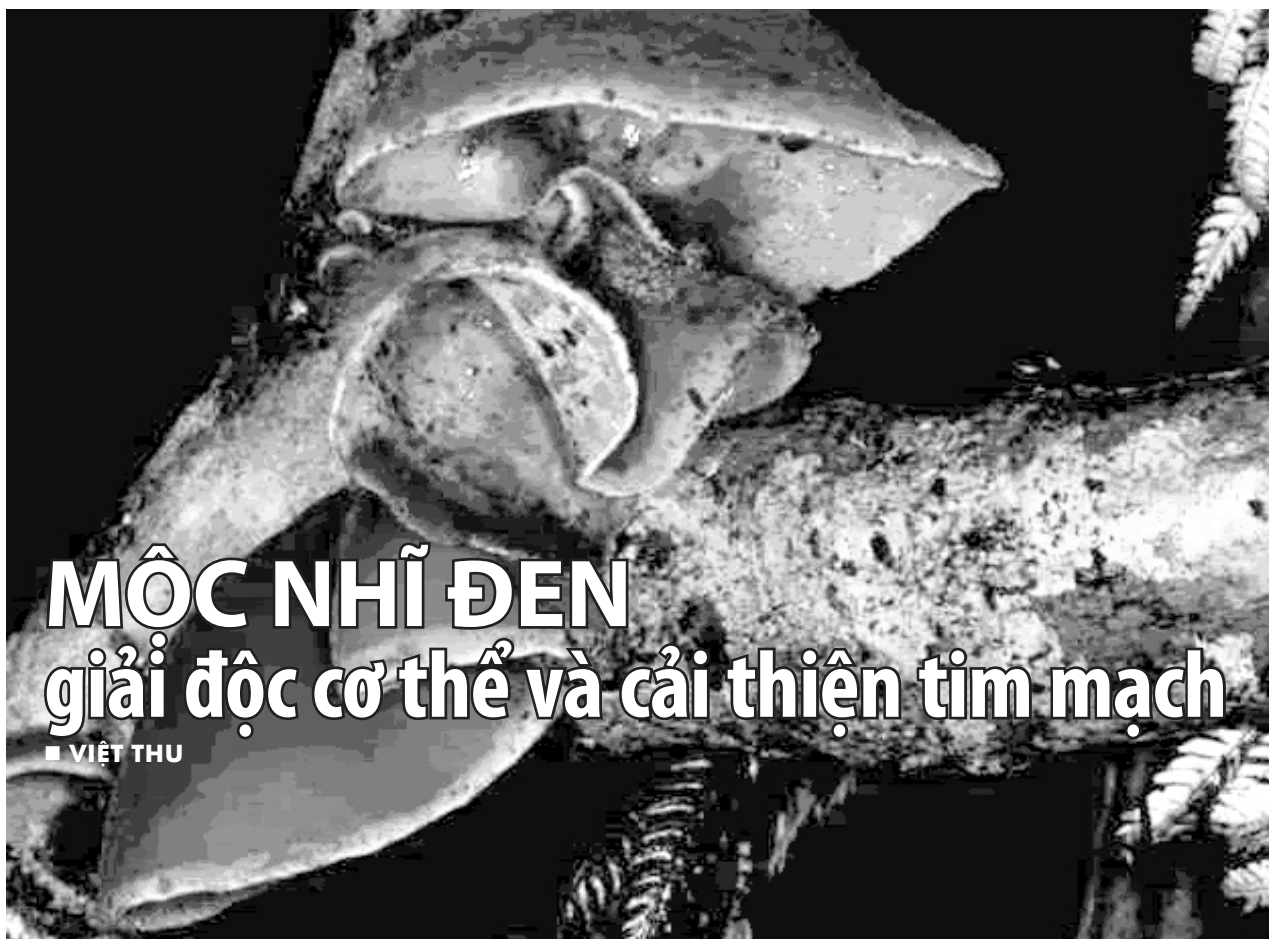
Đối diện với những tai họa cực kỳ nghiêm trọng có thể xảy ra trong một tương lai rất gần, nhưng từ nước Mỹ cho đến toàn nhân loại vẫn hoàn toàn chưa có sự chuẩn

bị đầy đủ để đối phó với cơn bão Mặt trời sắp tới.

Becker nói: “Trước mắt chúng ta vẫn chưa có cách nào dự đoán trước được thời gian đổ bộ cũng như cường độ của bão Mặt trời khi nó tấn công Trái đất. Tôi và các đồng sự chỉ có thể biết trước rằng, sẽ có một cơn bão Mặt trời cực mạnh tấn công Trái đất và chúng ta căn bản không có cách nào đối phó.”

Các nhà khoa học của Trung tâm Nghiên cứu khí quyển toàn quốc Mỹ đã căn cứ trên các hiện tượng phát sinh trên bề mặt Mặt trời cho đến các số liệu về chu kỳ hoạt động của điểm đen Mặt trời, nghiên cứu chế tạo ra mô hình động lực học mới của Mặt trời. Dựa trên mô hình mới, các nhà thiên văn học có thể cung cấp các dự báo mới liên quan đến hoạt động của điểm đen Mặt trời. Họ hy vọng dự báo sớm có thể giúp các công ty điện lực, điều khiển vệ tinh và các lĩnh vực khác có vài ngày để chuẩn bị tốt việc đối phó với hoạt động của các điểm đen Mặt trời. Được biết, sự chuẩn xác của mô hình mới này đạt đến 98%.■





MỘC NHĨ ĐEN

giải độc cơ thể và cải thiện tim mạch

■ VIỆT THU

Mộc nhĩ đen là một loại nấm ăn được có giá trị bổ dưỡng rất cao, có nhiều hoạt chất có tác dụng tăng cường hệ miễn dịch, giúp giải độc và làm chậm sự lão hoá. Đặc biệt, với tính năng lương huyết và hoạt huyết, mộc nhĩ đen là một loại thực phẩm làm thuốc rất quý có tác dụng làm giảm cholesterol và cải thiện tuần hoàn huyết. – Lương y Võ Hà.

MÔ TẢ

Mộc nhĩ đen còn gọi là nấm mèo đen hoặc là nấm tai mèo vì lúc còn tươi nấm có hình dạng trông giống tai mèo. Mặt ngoài tai nấm màu nâu nhạt, có lông mịn, mặt trong nhẵn màu nâu

sẫm. Mộc nhĩ đen có tên khoa học là *Auricularia polytricha* sacc. thuộc họ *Auriculariaceae*. Mộc nhĩ nguyên là một loại nấm mọc hoang trên những thân gỗ mục. Gần đây, mộc nhĩ được bán trên thị trường chủ yếu được trồng và chế biến theo phương pháp công nghiệp.

THÀNH PHẦN

Mộc nhĩ đen chứa nhiều chất bổ dưỡng, nhất là sinh tố và khoáng chất. Trung bình trong 100g mộc nhĩ có chứa 10,6 g protid; 0,2g lipid; 65,5g glucid; 201g calci; 185mg phospho; 185mg sắt; 10,03mg caroten; 0,15mgvit B₁; 0,55mgvit B₂; 2,7mgvit PP.

DƯỢC TINH VÀ CÔNG DỤNG

Theo y học cổ truyền, mộc nhĩ đen có vị ngọt, tính bình, không có độc, có tác dụng lương huyết chỉ huyết, hoạt huyết nhuận táo, giải độc, ích khí dưỡng âm.

Căn cứ vào các y thư cổ, Đông y đã có truyền thống dùng mộc nhĩ dưới hình thức sao khô hoặc sao đen tán bột để chữa nhiều chứng xuất huyết như băng huyết, rong kinh, trĩ lở ra máu, tiểu ra máu, lỵ ra máu, ho ra máu. Đối với tác dụng hoạt huyết mặc dù có được ghi nhận nhưng ít khi được sử dụng. Chỉ trong hơn hai thập niên gần đây khi các bệnh lý về động mạch vành gia tăng quá nhanh, các nhà khoa

học đã đặc biệt lưu ý đến giá trị rất quý của mộc nhĩ đen qua tác dụng cải thiện thành mạch, làm giảm độ mỡ trong máu, ngăn chặn việc hình thành những mảng xơ vữa và quá trình ngưng kết tiểu cầu trong các bệnh về tim mạch. Giáo sư Hồng Chiêu Quang, một chuyên gia nổi tiếng của Trung Quốc về bệnh tim mạch và sức khoẻ người cao tuổi, là một trong những người có công rất lớn trong việc quảng bá và khuyến khích sử dụng mộc nhĩ đen trong các chứng cao huyết áp, xơ vữa động mạch, thiếu năng tuần hoàn não. Ông đã kể lại câu chuyện như sau về khả năng kỳ diệu của mộc nhĩ đen trong việc làm sạch lòng mạch. Một bệnh nhân của ông là một Giám đốc xí nghiệp giàu có ở Đài Loan. Bệnh nhân này bị nghẽn động mạch vành và được đưa sang Mỹ để phẫu thuật bắc cầu. Vì bệnh viện đông người bệnh, ông phải chờ ½ tháng để đến lượt mổ. Sau nửa tháng, khi được chẩn khám lại lần cuối trước khi phẫu thuật, qua X quang người ta thấy chỗ động mạch bị nghẽn đã được thông thoáng hoàn toàn. Qua nghiên cứu về chế độ ăn uống và thuốc men trong 15 ngày qua, các Bác sĩ xác định kết quả trên là do người bệnh đã thường xuyên dùng mộc nhĩ đen trong thức ăn hàng ngày. Giáo sư Hồng Chiêu Quang cho biết với liều lượng khoảng 10g mộc nhĩ đen nấu canh ăn hàng ngày, liên tục trong 45 ngày có thể chữa được tất cả các chứng xơ vữa động mạch hoặc thiếu năng tuần hoàn não.

Mặt khác, các nhà nghiên cứu về mộc nhĩ đen cũng quan tâm đến khả năng giải độc, khả năng kết dính những chất độc hại để thải ra ngoài theo đường tiêu hoá hoặc đường tiết niệu và cả tác dụng làm tiêu dị vật hoặc bào mòn các loại sỏi kết tụ trong cơ thể. Mộc nhĩ đen không những chỉ có tác dụng nâng cao sức miễn dịch, có nhiều chất xơ và chất keo thực vật để thu hút chất độc hại mà có thể có cả một số hoạt chất chưa xác định có thể tạo ra những phản ứng hoá học làm bào mòn những dị vật hoặc những viên sỏi kết tụ trong cơ thể. Do những khả năng này, người ta khuyến khích những người mắc bệnh

sỏi thận, sỏi mật hoặc sỏi bàng quang nên dùng nhiều mộc nhĩ đen. Cũng vậy, các Bác sĩ chuyên về vệ sinh môi trường cũng khuyên những công nhân làm việc trong môi trường độc hại, nhiều khói bụi như công trường xây dựng, mỏ than, nhà máy xi măng... nên có mộc nhĩ đen trong khẩu phần ăn hàng ngày.

Ngoài ra, những nhà nghiên cứu Hoa Kỳ và Nhật Bản còn cho biết trong một số loại nấm, bao gồm nấm mèo đen có một số hoạt chất chống lão hoá, nâng cao sức đề kháng của cơ thể, tăng cường khả năng giải độc phóng xạ và ức chế sự phát triển của tế bào ung thư.

Nói chung, mộc nhĩ đen là một nguyên liệu thông dụng trong truyền thống ẩm thực của người Á Đông. Một người nội trợ khéo sẽ có nhiều cách chế biến khác nhau để có những món ăn vừa ngon miệng vừa bổ dưỡng lại có giá trị chữa bệnh. Sau đây là gợi ý về việc sử dụng mộc nhĩ đen cho một số trường hợp bệnh lý.

CANH MỘC NHĨ ĐEN

Bồi dưỡng cơ thể, giảm mỡ máu, cải thiện chức năng tuần hoàn huyết.

Mộc nhĩ đen 10g.

Đại táo 5 quả.

Gừng sống 3 lát.

Đổ vào 6 chén nước, nấu còn 2 chén; thêm gia vị vừa đủ dùng.

CHÁO MỘC NHĨ ĐEN

Bổ âm, nhuận phế, kiện tỳ, dưỡng vị.

Mộc nhĩ đen 10g.

Gạo tẻ 100g (sao vàng).

Đổ vào 6 chén nước, nấu cháo, thêm gia vị vừa đủ dùng.

CANH MỘC NHĨ, KHỔ QUA

Phòng và trị cao huyết áp, tiểu đường.

Mộc nhĩ 10g.

Khổ qua (mướp đắng) 50g.

Đậu phụ 200g.

Thêm gia vị vừa đủ, nấu canh ăn hàng ngày.

CHỮA BỆNH LÝ MÃN TÍNH

Mộc nhĩ đen 30g (sao khô).

Lộc giác sương 8g.

Tán bột, trộn đều, uống mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 5g với nước ấm.

CHỮA PHỤ NỮ BỊ RONG KINH, BĂNG HUYẾT

Mộc nhĩ đen sao đen, tán bột. Uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 3g với rượu ấm.

CHỮA BỆNH TRĨ LỞ LOÉT, CHẢY MÁU

Mộc nhĩ đen sao khô, tán bột. Uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần 3g với nước ấm.

Chú ý: Những người thể tạng hư hàn, hay đầy bụng hoặc hay đi tiêu lỏng khi dùng mộc nhĩ đen nên dùng kèm 1 hoặc vài lát gừng tươi nướng sơ qua trên lửa.■



Một lòng

■ BẠCH CÚC

Bước trần dầu dãi mấy mùa Xuân
Thế sự đảo điên cuộc chuyển vần
Vẫn vẹn chí hùng vì đạo cả
Cho tròn ước nguyện kiếp vi nhân.■

Dấn bước

■ LAM HÀ MINH

Ta gặp nhau, mùa Khai Minh Đại đạo,
Giữa cuộc đời phiến nhiễu chốn vô thường,
Lòng hài hòa trong tha thiết yêu thương,

Chung tâm nguyện

Vượt dặm trường thiên lý.

Đã biết nhau từ nguồn xưa vạn kỷ;
Chia tay nhau tung chí bốn phương trời,
Dấn thân vào cuộc thế, cảnh đầy vơi
Chịu tôi luyện trong lò đời cao độ.

■
Quyết kiên trì trên quảng dài sinh lộ,
Tận chân trời hiển lộ ánh bình minh;
Cho non sông rạng rỡ nét quang vinh,
Cho muôn người phỉ tỉnh trong lý đạo.

■
Dù cay đắng, dù gian truân điền đảo,
Bao nhiêu lòng hoài bảo vị nhân sanh
Và bao nhiêu tâm đạo, chí nhiệt thành
Xin tận hiến với vô danh vô kỷ

■
Gió mùa Đông thổi lửa luồng sinh khí
Ấp nuôi mầm thiện mỹ đợi Xuân sang
Vạn vạn ngàn sức sống đã ẩn tàng,
Lớp lớp vươn lên, hàng hàng tiếp nối.
Đời và Đạo vẫn chung thân chung cội,
Kết thành dòng sử nhân loại oai hùng
Nhập cuộc vào Đời, lặn xả gánh gồng,
Đem Đời vào Đạo, quốc hồn khêu sáng.

■
Đời không Đạo, càng mê cuồng ly loạn,
Ta càng không xao lãng chốn điều linh,
Đem tình thương nén bao nỗi bất bình,
Giúp tha chúng, quên mình vì Đạo nghiệp
Một tiềm lực vững vàng đưa bước tiếp
Ta hiền ngang hòa nhịp kết tình nhau,
Trong thuận chơn hoàng đạo, vượt gian lao
Nhận Sứ mạng ban trao lòng phấn khởi.■

Hòa hiệp

■ BẠCH CÚC

Ôn Từ Bi Vô lượng
Thấy mở Đạo Kỳ Ba
Quy đàn con ngàn hướng
Vào chung hiệp một nhà.■

THEO•DÒNG



27-9 KS (13-11-2009) Lễ kỷ niệm lần thứ 35 tái thiết Thánh tịnh Chiếu Minh Ấn Giáo đồng thời khánh thành cổng chánh môn, Giáo sĩ Huệ Ý được mời thuyết giảng đề tài giáo lý “Bảy bước hành đạo và giữ đạo” (hình 1).

9-10 KS (25-11-2009) Lễ kỷ niệm lần thứ 79 ngày thành lập Thánh tịnh Bồng Lai (Lái Thiêu) 9-10 Canh Ngọ đến 9-10 Kỷ Sửu, đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Vụ Phó Ngoại giao Đạt Tường được mời phát biểu cảm tưởng (hình 2).

10-10 KS (26-11-2009) Lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đón tiếp phái đoàn Ban Tôn giáo Chính phủ do ông Nguyễn Đức Tuấn dẫn đầu đến chúc mừng lễ Khai Minh Đại Đạo Rằm tháng 10 lần thứ 85 Kỷ Sửu.



13-10 KS (29-11-2009) Lễ kỷ niệm tri ân Tiền Khai Đại Đạo được tổ chức long trọng tại Thánh thất Long Thành, Cần Thơ.

Cùng ngày, Thánh thất Từ Vân, số 100 Thích Quảng Đức, TP. Hồ Chí Minh cử hành trọng thể lễ khánh thành với sự tham dự của đại diện 65 Thánh sở các nơi (hình 3).

14-10 KS (30-11-2009) Thánh Thất Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức) tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm Lễ Khai Minh Đạo Đạo lần thứ 85 với sự có mặt của đông đảo đại diện các chi phái tham dự.

Cùng ngày, Thánh thất Trung Minh (Bình Thới) thiết lễ kỷ niệm ngày thoát xác của Đạo trưởng Đầu Sư Ngọc Quế Thanh, nguyên: Chủ trưởng Hội Thánh Truyền Giáo, Vĩnh Tịnh Sư





5

Minh Lý Thánh Hội, Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đặc vị Quảng Đức Chơn Tiên (hình 4).

Cùng ngày, lúc 19 giờ, tại trụ sở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo Đại lễ Khai Minh Đại Đạo và kỷ niệm ngày qui Tiên của Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương đã được cử hành sự hiện diện của các phái đoàn Minh Lý Thánh Hội và Hội Thánh Truyền Giáo tại Thành phố Hồ Chí Minh (hình 5).

Nhân dịp này, Đạo Huynh Huệ Nhẫn, Văn Hóa Vụ Phó I thuyết trình đề tài “Diễn tiến và ý nghĩa Đại lễ Khai Minh Đại Đạo” Rằm tháng 10 Bính Dần (1926). Phần tham luận có Tu sĩ Đinh Thị Hạnh và Văn Hóa Vụ Phó II Thiện Quang.



6

Đạo huynh Tường Chơn Vụ Trưởng Vụ Giáo Lý Minh Lý Thánh Hội và Giáo Hữu Thượng Công Thanh Trưởng Ban Đại diện Hội Thánh Truyền Giáo được mời phát biểu.

RẼM-10 KS (01-12-2009) Thánh tịnh Tam Thanh Bửu Điện (Long An) dâng lễ cầu nguyện và khởi công xây dựng chánh điện.

25-10 KS (11-12-2009) Tại Hội trường 171B Cống Quỳnh, Quận I, môn sanh Minh Lý Thánh Hội và nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo phối hợp thảo luận Kinh Dịch với đề tài Quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân trước mùa tu Đông Chí (hình 6).

04-11 KS (19-12-2009) Nhân dịp Giáo Hội Công Giáo mừng Chúa Giáng Sinh 2009 và năm mới



7



8



9



10

dương lịch 2010”, Tòa Tổng Giám mục địa phận Sài Gòn đã tổ chức mời một số đơn vị tôn giáo bạn đến dự bữa cơm thân mật nhằm thắt chặt tình liên đới.

Đón tiếp khách, ngoài Đức Hồng Y còn có Đức Cha Phụ Tá Phêrô Nguyễn Văn Khảm, Linh Mục Phanxicô Xaviê Bảo Lộc và Linh Mục Phêrô Giuse Hà Thiên Trúc. Về phía khách mời có đại diện sáu tôn giáo bạn tại thành phố Hồ Chí Minh: hai vị Mục Sư đại diện Hiệp Hội Thông Công Tin Lành và một Mục Sư đại diện Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm; ba vị Hòa Thượng và một vị Thượng Tọa thuộc Ban Trị Sự Thành Hội Phật Giáo; một vị thuộc Ban Đại Diện cộng đồng Hồi Giáo; hai vị đại diện cộng đồng tôn giáo Baha’i; hai vị trong Ban Đại Diện Phật Giáo Hòa Hảo. Về phía Cao Đài có Đạo Trưởng Thiên Vương Tinh và Đạo Huynh Thiện Chí đại diện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (quận 1), Giáo hữu Thái Thọ Thanh, Thánh thất Sài Gòn (thuộc Hội Thánh Tây

Ninh), Thánh thất Bàu Sen có đạo huynh Quyền Chánh Hội Trưởng Đạt Tịnh cùng hai đạo hữu Huệ Khải và Đạt Truyền trong Ban Ấn tống Kinh Sách Cao Đài.

09-11 KS (24-12-2009) Lễ kỷ niệm Thiên Chúa giáng sinh tại Thánh Thất Bàu Sen diễn ra trong bầu không khí thiêng liêng thân yêu hòa hiệp với sự tham gia của 31 đơn vị Thánh sở Cao Đài, dòng tu Francico, đại diện Phật Giáo. Giáo sĩ Thanh Bình được mời thuyết trình đề tài: “Thiên Chúa đến làm người để con người trở thành Thiên Chúa, Đạo huynh Thiện Chí, Tổng Thơ Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được mời phát biểu cảm tưởng (hình 7).

25-11 KS (09-01-2010) Thánh tịnh Huyền Trung Điện, xã Vĩnh Tuy, Huyện Gò Quau, tỉnh Kiên Giang tổ chức lễ khánh thành Bát Quái Đài và An vị Thánh tượng.

26-11 KS (10-01-2010) Cơ Quan Phổ Thông



11



12

Giáo Lý Đại Đạo dự lễ kỷ niệm 87 năm Minh Lý Đạo Khai được cử hành trong không khí trang nghiêm vào lúc 16 giờ tại chùa Tam Tông Miếu.

02-12 KS (16-01-2010) Lễ kỷ niệm đệ cửu chu niên, ngày thành lập ngôi Tam Đài Thánh tịnh Đại Thanh dưới sự chứng dự của các chức sắc Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên đã cử hành trang trọng (hình 8).

3-12 KS (17-01-2010) Ban cai quản Vĩnh Nguyên Tự (Cần Giuộc, Long An) long trọng thiết lễ kỷ niệm Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn.

8-12 KS (22-01-2010) Thánh tịnh Thanh Liên Đàn (Tiền Giang) thiết lễ kỷ niệm thành lập Thánh Tịnh lần thứ 75 và 39 năm tái thiết Ngôi Tam Đài (hình 9).

AI TÍN

28-10 KS (14-12-2009) Đạo trưởng Thiện Khải Tinh Trần Văn Hòa, Phó Hội trưởng đặc trách Ngoại Giao Thánh tịnh Tân Minh Quang, Quận 12 qui vị, thọ 77 tuổi (hình 10).

03-11 KS (18-12-2009) Lễ tang Giáo Sư Ngọc Minh Thanh (Đạo trưởng Huệ Minh) được tổ chức tại Thánh thất Từ Vân (hình 11).

06-11 KS (21-12-2009) Đạo huynh Phan Văn Long, nhân viên ngoại giao vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo qui vị, thọ 71 tuổi (hình 12).

26-11 KS (10-01-2010) Giáo sư Hương Kim, Thánh danh Huỳnh Thanh, qui vị (hình 13).

27-11 KS (11-01-2010) Giáo sư Ngọc Thái Thanh



Trần Văn Thái nguyên Đầu Hộ Đạo, kiêm Trưởng ban cai quản Thánh Thất Tân Định thuộc Hội Thánh Tam Quan (Bình Định) qui vị.

NỮ CHUNG HÒA GIAO LƯU HỌC THÁNH GIÁO CÁC NƠI

01-10 KS (17-11-09) Tại Thánh thất Liên Hoa Cửu Cung (Thủ Đức), Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 4, Lòng Từ Mẫu.

15-01 KS (01-12-09) Tại Thánh thất Bồng Lai (Lái Thiêu), Q. Văn Hóa Vụ Trưởng Hồng Phúc bình giảng bài 6, Thánh giáo Ất Tỵ 1965.

03-11 KS (16-12-09) Tại Thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp), Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 3, Lòng Từ Mẫu.■

CHÚ THÍCH

Hình 1: Thánh tịnh Chiếu Minh Ẩn Giáo Cần Thơ.

Hình 2: Đạo tâm quan khách đến Thánh tịnh Bồng Lai dự lễ 09-10 Kỷ Sửu.

Hình 3: Trước thềm Thánh thất Từ Vân ngày lễ khánh thành.

Hình 4: Tại Hội trường Thánh thất Trung Minh.

Hình 5: Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí đọc diễn văn khai mạc buổi lễ.

Hình 6: Buổi học tập Kinh Dịch 11-11-2009.

Hình 7: Giáo sĩ Thanh Bình trên diễn đàn.

Hình 8: Tại Thiên Phong Đường Thánh tịnh Đại Thanh.

Hình 9: Ban Cai Quản báo cáo đạo sự tại Hội trường Thánh tịnh Thanh Liên Đàn.

Hình 10: Lễ tang Đạo Trưởng Thiện Khải Tinh Trần Văn Hòa.

Hình 11: Phái Đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo viếng giác linh Giáo Sư Ngọc Minh Thanh.

Hình 12: Lễ tang Đạo Huynh Phan Văn Long.

Hình 13: Lễ tang Giáo Sư Hương Kim, Ủy viên Ban Thường Trực Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, Trưởng Ban đại diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên tại TP.HCM.■